KB Securities

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG KB BUDDY WTS

MỤC LỤC

A. Màn hình trang chủ 4
I. Màn hình đăng nhập 4
1. Đăng nhập hệ thống 4
2. Quên mật khẩu 4
II. Header 6
1. Lưu phương thức xác thực (OTP) 6
2. Tìm kiếm 7
3. Thông tin tài khoản 8
4. Cài đặt 8
4.1. Đổi mật khẩu 9
4.2. Quản lý thông báo SMS/Email 9
III. Footer 10
1. Chọn tiểu khoản 11
2. Đặt lệnh 11
2.1. Đặt lệnh cơ sở 13
2.2. Phái sinh 18
3. Tài sản rút gọn 19
3.1. Cơ sở 19
3.2. Phái sinh 20
4. Danh mục rút gọn 21
4.1. Cơ sở 21
4.2. Phái sinh 23
5. Sổ lệnh rút gọn 23
5.1. Cơ sở 23
5.2. Phái sinh 24
B. Bảng giá 25
C. Cơ sở 30
I. Giao dịch chứng khoán 30
1. Lệnh giao dịch 30
1.1. Lệnh thường 31
1.2. Lệnh điều kiền 33
1.3. Lệnh mua định kỳ 34
2. Sổ lệnh 36
2.1. Số lệnh thường 37
2.2. Quản lý mua định kỳ 45
3. Đăng ký quyền mua 51
3.1. Đăng ký quyền mua 51
3.2. Lịch sử 53
4. Xác nhận lệnh 54

5. Trái phiếu chuyển đổi 55
5.1. Trái phiếu chuyển đổi 56
5.2. Lịch sử 57
6. Chuyển khoản chứng khoán 58
6.1. Chuyển khoản chứng khoán 59
6.2. Lịch sử 60
II. Giao dịch tiền 61
1. Nộp tiền 61
1.1. Nộp tiền qua Tk liên kết 61
1.2. Lịch sử nộp tiền 66
2. Chuyển tiền 67
2.2. Chuyển tiền ngân hàng 69
2.3. Đăng ký người thụ hưởng 71
3. Ứng trước tiền bán 74
3.1. Ứng trước tiền bán 75
3.2. Lịch sử ứng trước tiền bán 76
4. Quét mã QR 76
5. Hướng dẫn nộp tiền 77
III. Quản lý tài khoản 80
1. Danh mục 80
1.1. Danh mục 81
1.2. Phân bổ danh mục 84
2. Báo cáo tài sản 85
3. Tổng tài sản 86
IV. Tiện ích 87
1. Đăng ký sản phẩm 87
1.1. Đăng ký sản phẩm 88
1.2. Lịch sử đăng ký sản phẩm 89
2. Dịch vụ tài chính 89
2.1. Tra cứu món vay 89
2.2. Thông tin trả nợ 90
3. Giao dịch khác 91
3.1. Đổi KB Coin 92
3.2. Sao kê KB Coin 93
4. Tra cứu 93
4.1. Lịch sử lệnh 94
4.2. Lịch sử thực hiện quyền 95
4.3. Sao kê tiền 97
4.4. Sao kê chứng khoán 98
4.5. Lãi lỗ đã thực hiện 99

4.6. Lịch sử thưởng voucher 99
D. Phái sinh 101
I. Giao dịch 101
1. Đặt lệnh 101
2. Lệnh thường 102
3. Lệnh điều kiện 103
4. Sổ lệnh 106
II. Giao dịch tiền 109
1. Nộp tiền 109
1.1. Nộp tiền vào TKGD 109
1.2. Nộp tiền vào TKKQ (CCP) 113
2. Rút tiền 116
2.1. Rút tiền từ TKKQ (CCP) 116
2.2. Rút tiền TKKD 118
III. Quản lý tài khoản 121
1. Tài sản phái sinh 121
1.1. Tổng quan 122
1.2. Thông tin tài sản 123
1.3. Vị thế mở 124
1.4. Vị thế đóng 126
1.5. Chứng khoán ký quỹ 126
1.6. Danh sách CK được ký quỹ 127
2. Tổng tài sản 127
IV. Tiện ích 128
1. Đăng ký sản phẩm 128
1.1. Đăng ký sản phẩm 128
1.2. Lịch sử đăng ký sản phẩm 130
2. Tất toán nợ thấu chi 131
2.1. Tất toán nợ thấu chi 132
3. Tra cứu 133
3.2. Sao kê tiền 135
3.3. Sao kê vị thế 137
3.4. Bảng kê phí vị thế 137
3.5. Bảng kê phí, Thuế GD 138
3.6. Sao kê giải ngân, thu nợ 139
3.7. Lãi lỗ hàng ngày 139

A. Màn hình trang chủ

I. Màn hình đăng nhập

1. Đăng nhập hệ thống

- Truy cập vào đường link: *https://kbbuddywts.kbsec.com.vn/*
- Truy nhập vào màn hình đăng nhập hệ thống:

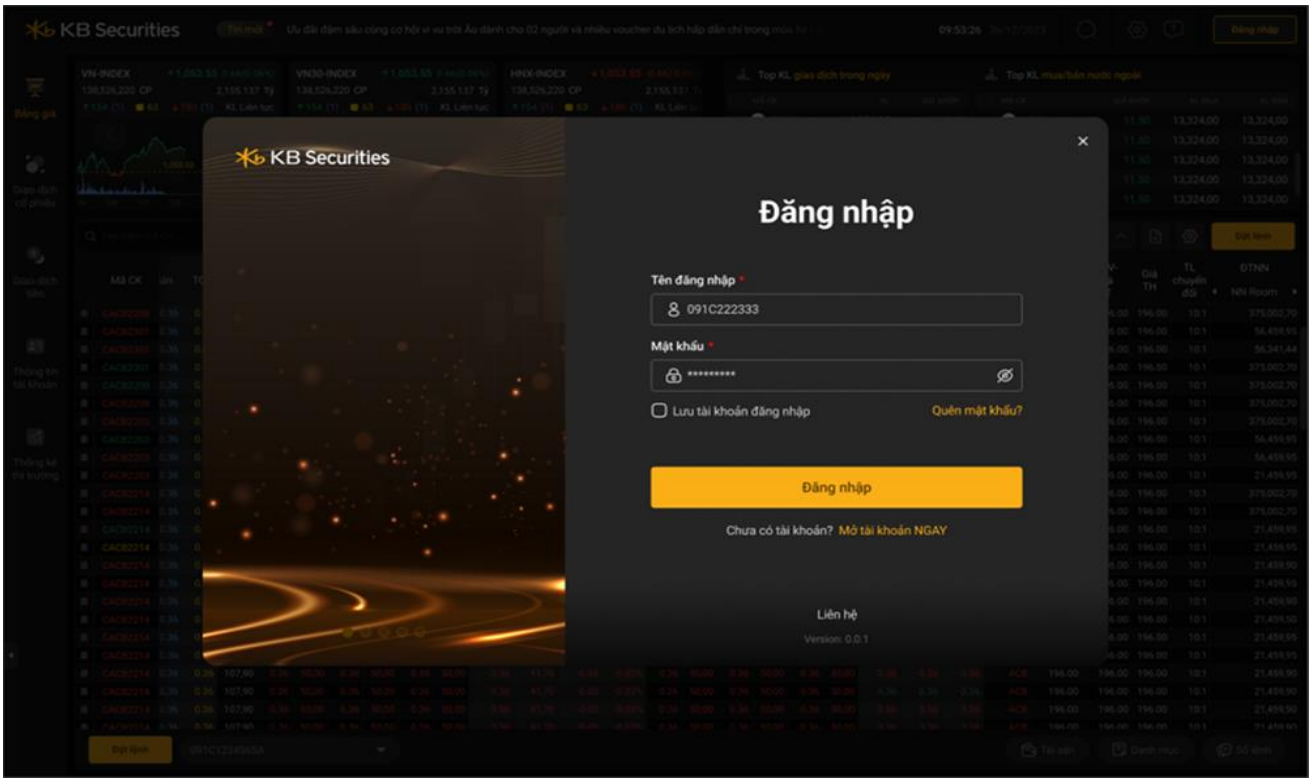

Nhập thông tin:

- ✓ Tài khoản: tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng tại KBSV
- ✓ Mật khẩu: mật khẩu đăng nhập tài khoản của Khách hàng
- ✓ Lưu tài khoản đăng nhập: để ghi nhớ tên tài khoản cho lần đăng nhập tiếp theo
- ✓ Nhấn nút "Đăng nhập"

2. Quên mật khẩu

Khách hàng quên mật khẩu đăng nhập có thể reset lại mật khẩu trên webtrade:

- ➢ Bước 1: Click vào "Quên mật khẩu" tại màn hình đăng nhập của hệ thống

Quay về mục lục

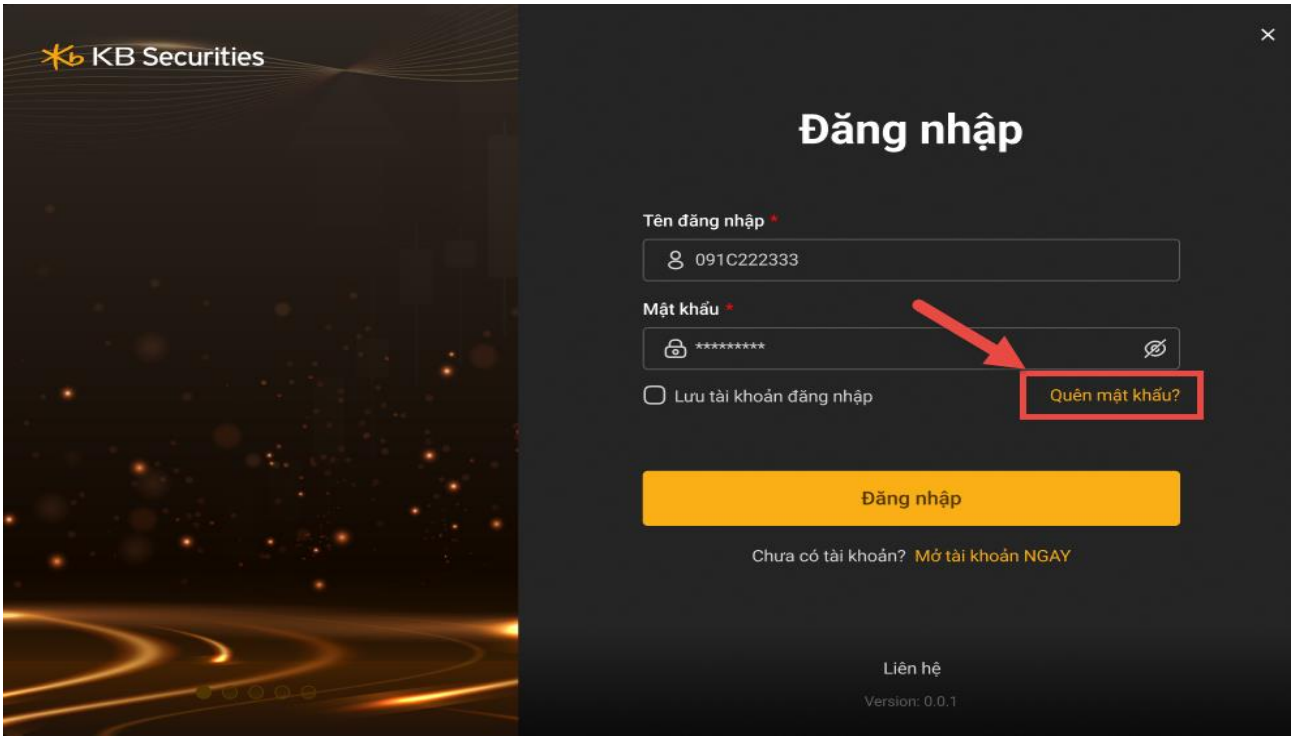

- Bước 2: Nhập thông tin:
  - ✓ Tên đăng nhập: Số tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng.
  - ✓ Số CMND/CCCD: Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu của khách hàng
  - ✓ Số điện thoại: Số điện thoại di động đăng ký nhận thông báo
- Bước 3: Nhấn nút "Tiếp tục", hệ thống sẽ hiện ra thông báo và gửi mật khẩu đăng nhập mới qua email và SMS cho khách hàng.

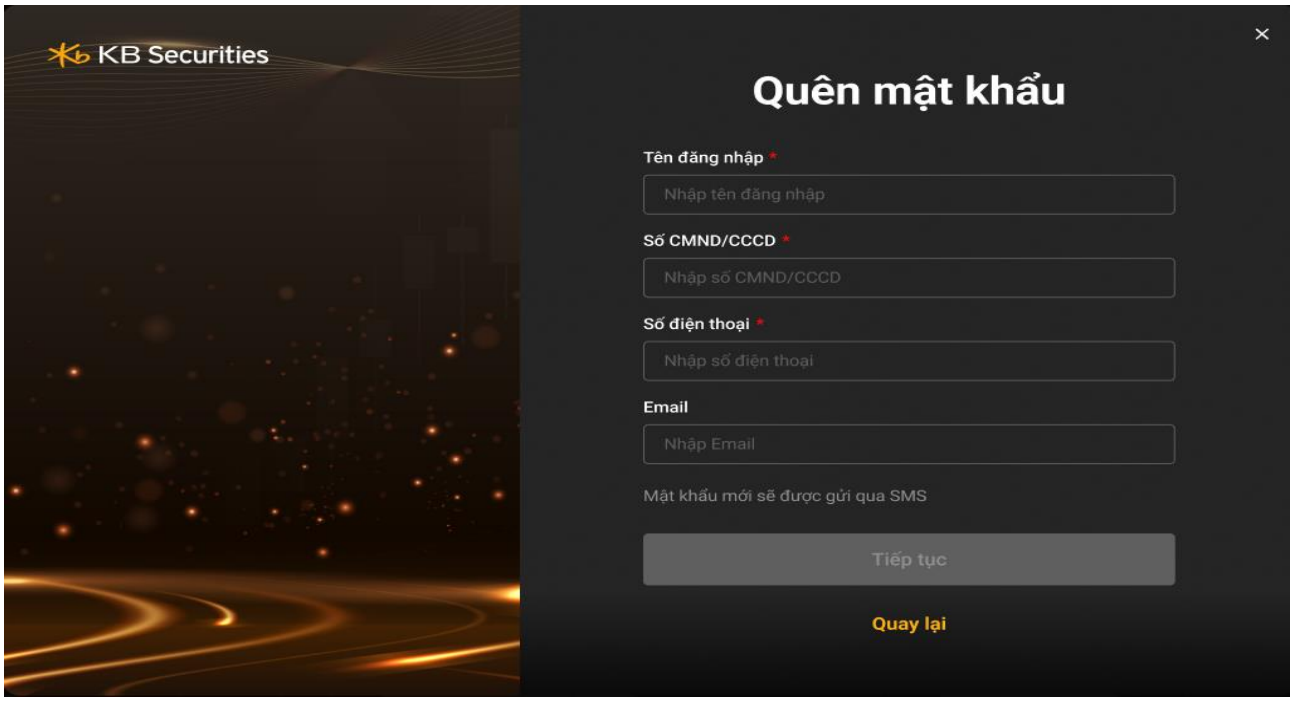

- Bước 4: Quay lại màn hình đăng nhập và đăng nhập lại bằng mật khẩu đăng nhập mới, màn hình xuất hiện thông báo: "Mật khẩu quý khách đã hết hạn và cần được thiết lập lại".

Quay về mục lục

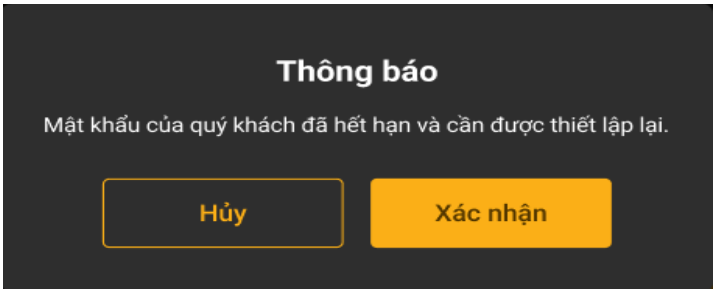

➢ Bước 5: Nhấn nút "Xác nhận" chuyển qua màn hình đổi mật khẩu.

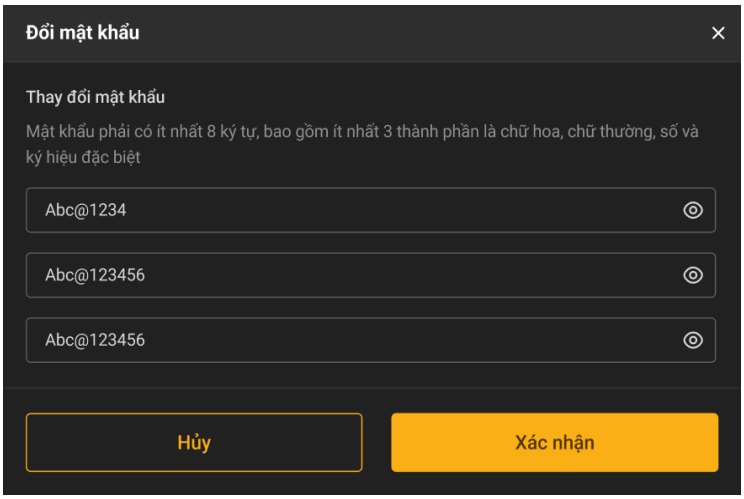

➢ Bước 6: Đổi mật khẩu thành công hệ thống trả về thông báo:

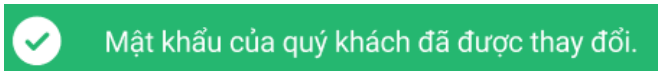

II. Header

Header là thanh công cụ của webtrade, trên header bao gồm các mục: tin tức; ngày & giờ; Tìm kiếm; Lưu phương thức xác thực; thông báo; cài đặt; thông tin tài khoản

1. Lưu phương thức xác thực (OTP)

Hiện tại KBSV có các phương thức xác thực:

- Xác thực KB OTP: OTP lấy trên mục KB OTP trên các app giao dịch của KBSV (KB Buddy Pro; M-Able; KB Mobile)
- Xác thực email; SMS: OTP xác thực được gửi vào email của khách hàng đã đăng ký hoặc SMS được gửi vào số điện thoại khách hàng đã đăng ký giao dịch.

Sau khi đăng nhập thành công, màn hình chính sẽ xuất hiện thông báo về việc lấy phương thức xác thực để đặt lệnh.

Quay về mục lục

- Nhấn "Hủy" nếu khách hàng không muốn lấy phương thức xác thực ngay
- Nhấn "Xác nhận" chuyển qua màn hình nhập phương thức xác thực

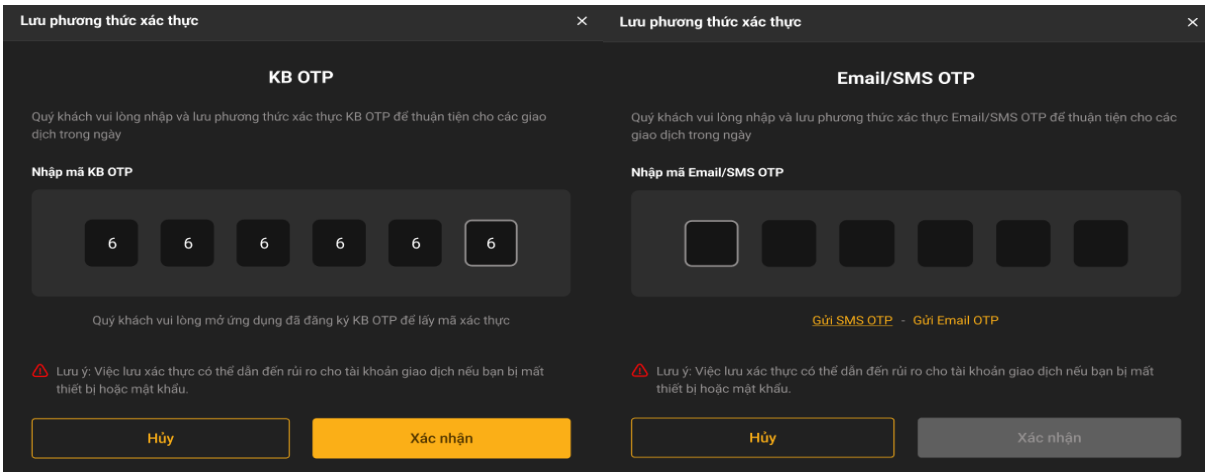

- Lưu phương thức xác thực thành công hệ thống trả ra thông báo

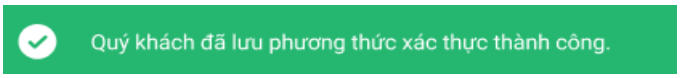

2. Tìm kiếm

Trên thanh công cụ Header nhấn vào biểu tượng "Tìm kiếm" xuất hiện màn hình công cụ tìm kiếm:

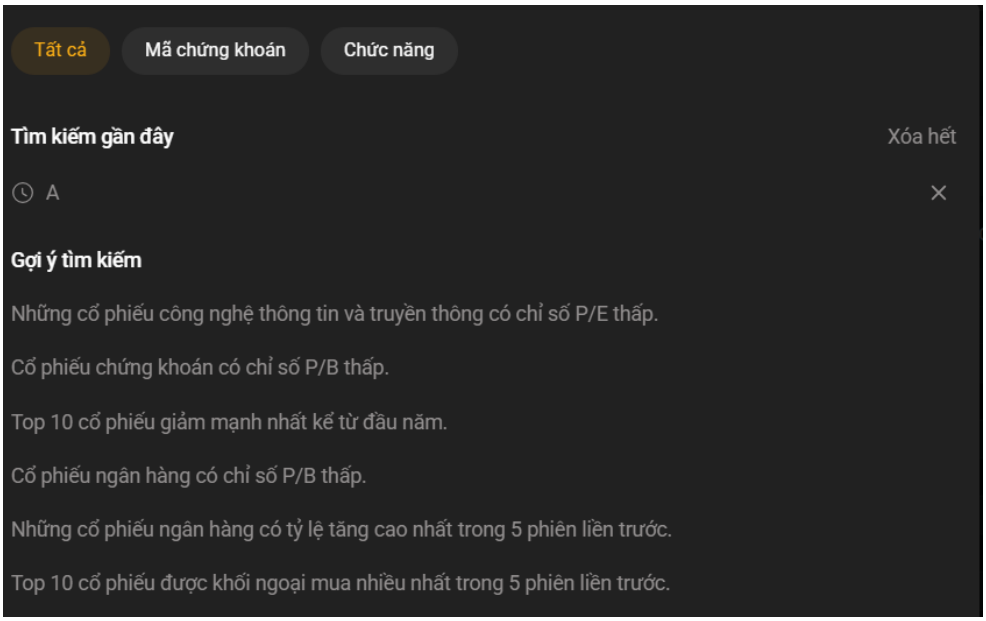

Quay về mục lục

Khách hàng có thể tìm kiếm thông tin về mã chứng khoán, và các chức năng nhanh hơn bằng cách nhập thông tin muốn tìm vào mục tìm kiếm:

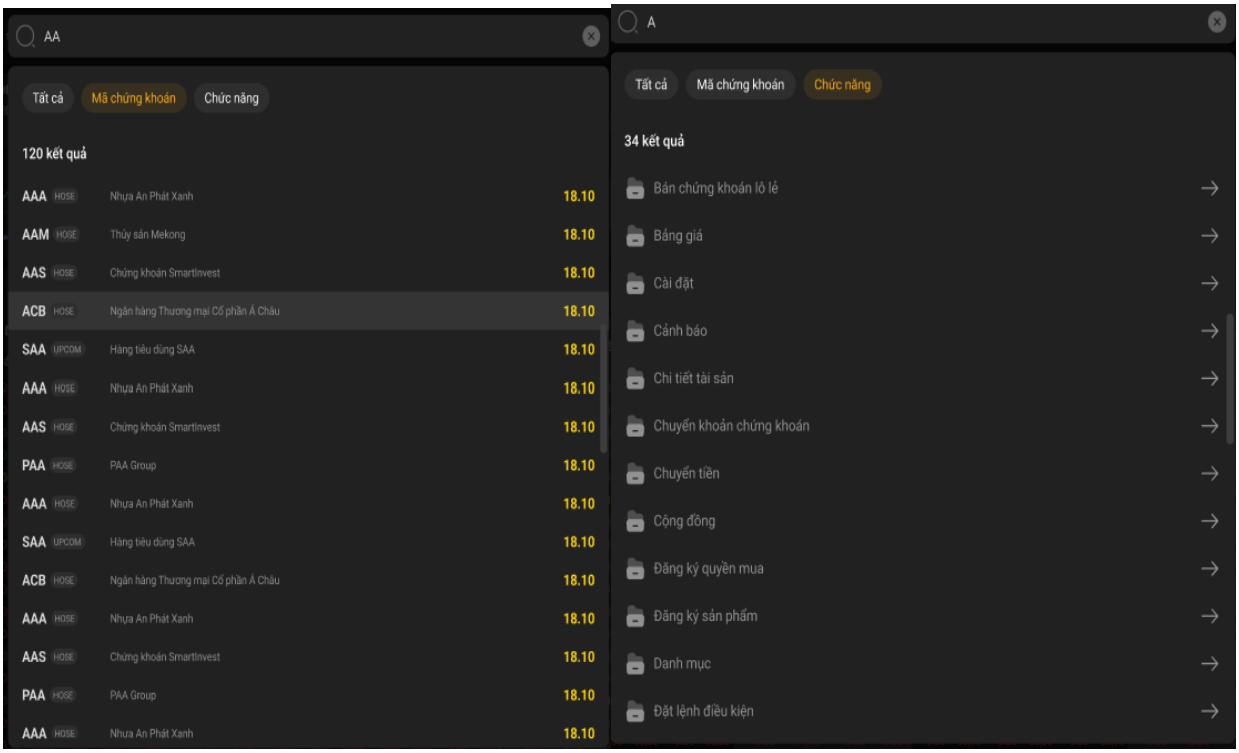

3. Thông tin tài khoản

Trên thanh Header chọn biểu tượng "Thông tin tài khoản". Thông tin tài khoản bao gồm 2 mục: Thông tin cá nhân và Đăng xuất

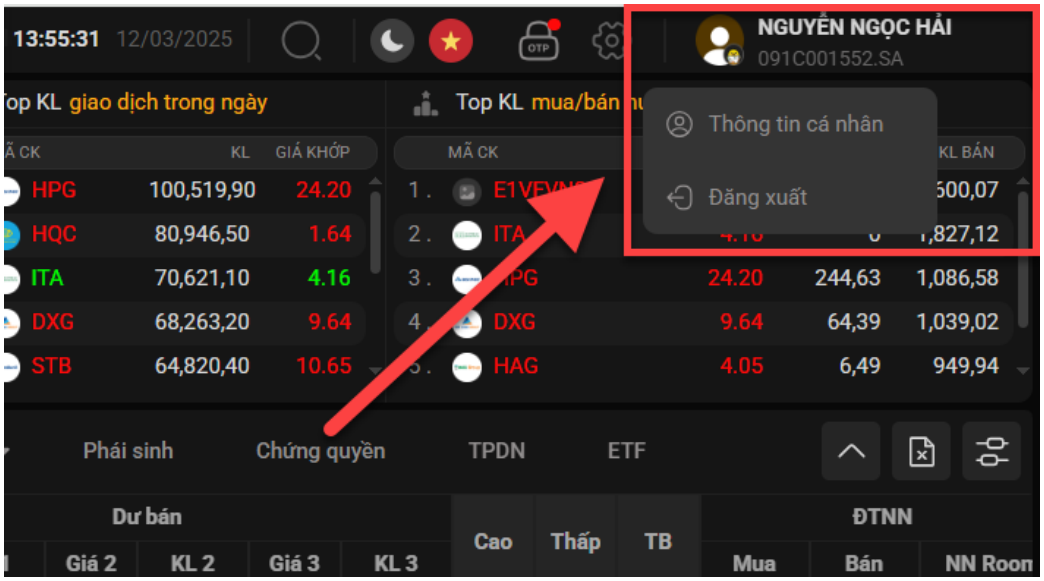

4. Cài đặt

Trên thanh Header chọn biểu tượng cài đặt xuất hiện màn hình cài đặt gồm: Đổi mật khẩu; Quản lý thông báo SMS/Email; Quản lý phương thức xác thực

Quay về mục lục

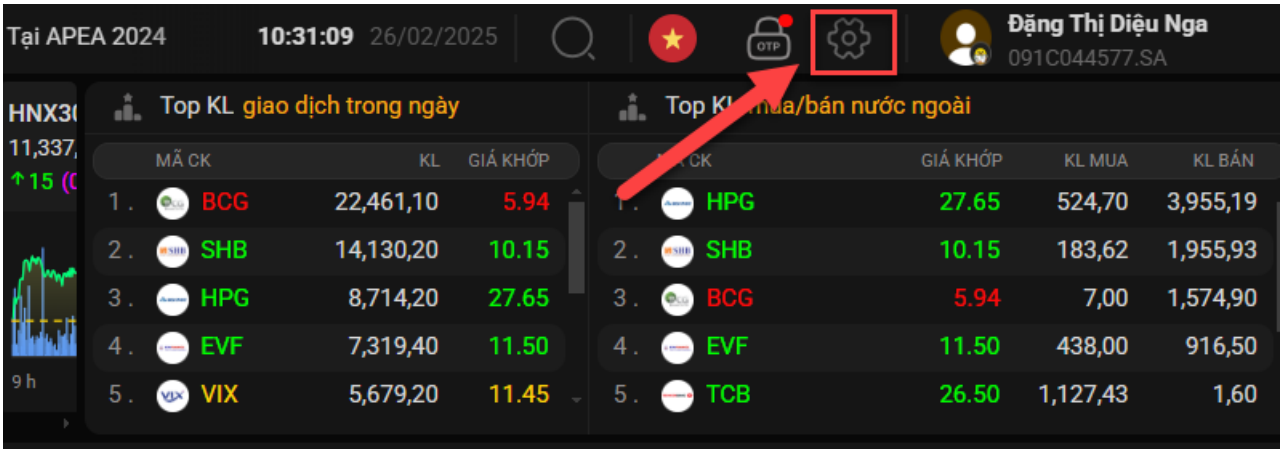

4.1. Đổi mật khẩu

Mục "Đổi mật khẩu": khi khách hàng muốn đổi mật khẩu đăng nhập.

Tại mục Cài đặt chọn "Đổi mật khẩu" màn hình đổi mật khẩu:

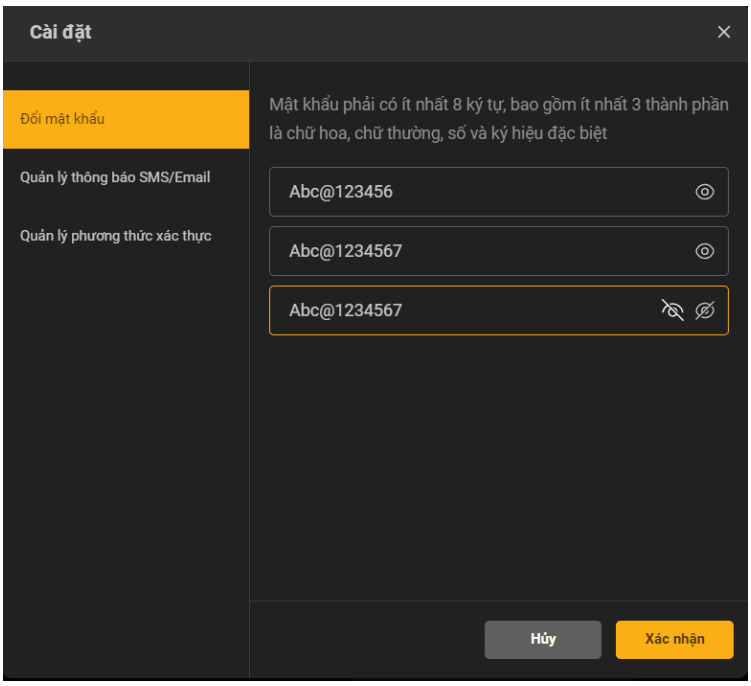

Sau khi điền đầy đủ thông tin trên màn hình "Đổi mật khẩu" và nhấn nút "Xác nhận" sẽ có thông báo đổi mật khẩu thành công:

4.2. Quản lý thông báo SMS/Email

Màn hình quản lý thông báo SMS/Email:

Quay về mục lục

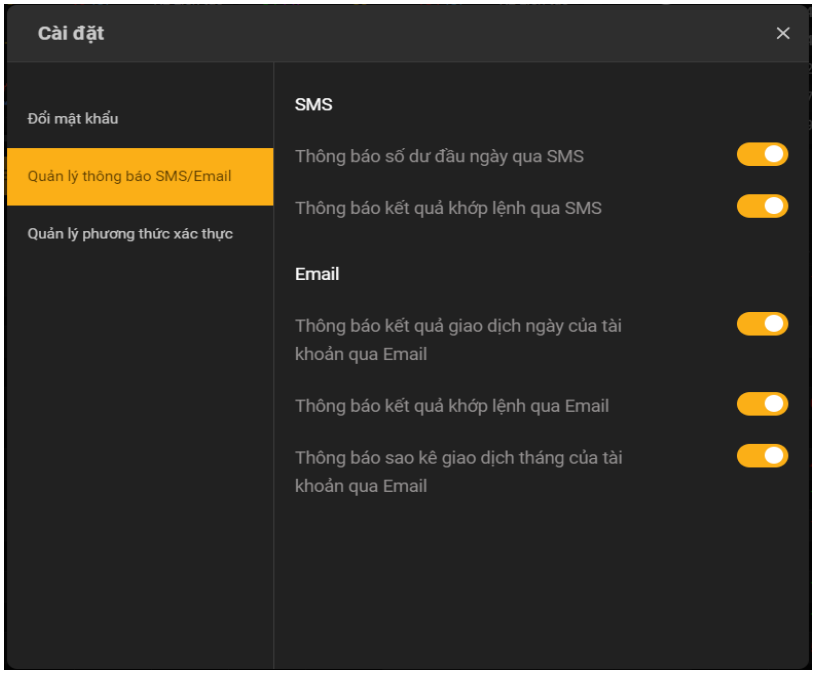

Khách hàng cài đặt thông báo biến động. giao dịch trên tài khoản của khách hàng thông qua SMS và Email bằng nút tác vụ bật tắt tại mỗi chức năng thông báo:

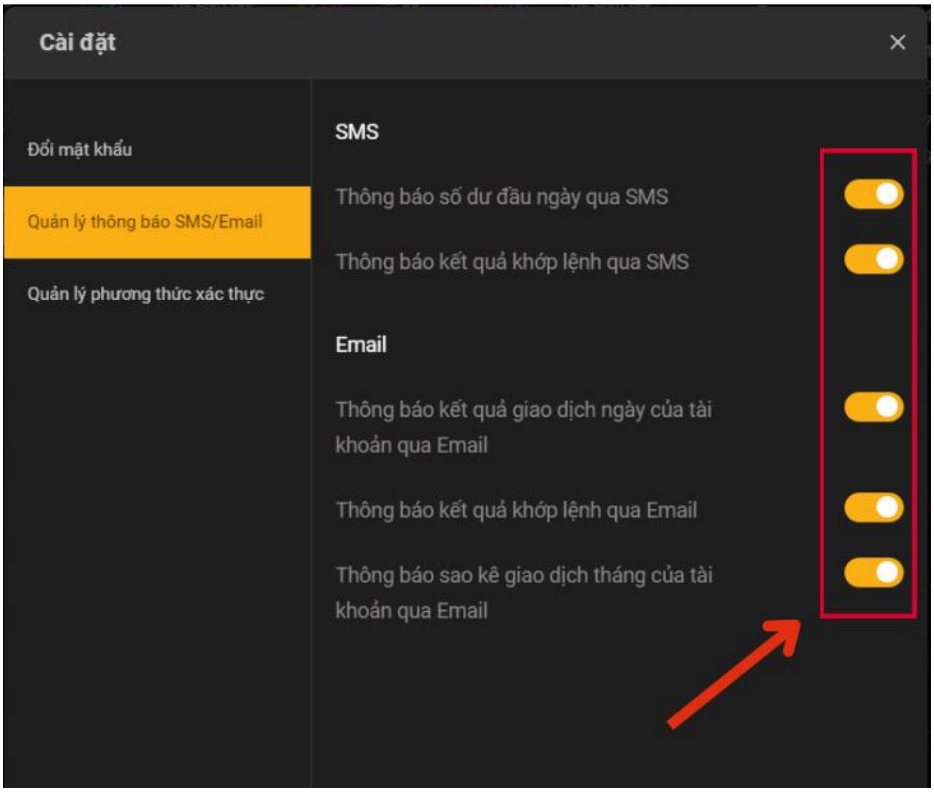

III. Footer

Thanh cố định phía dưới màn hình gồm các nút chức năng nhanh: Đặt lệnh, Tài sản, Danh mục, Sổ lệnh.

Quay về mục lục

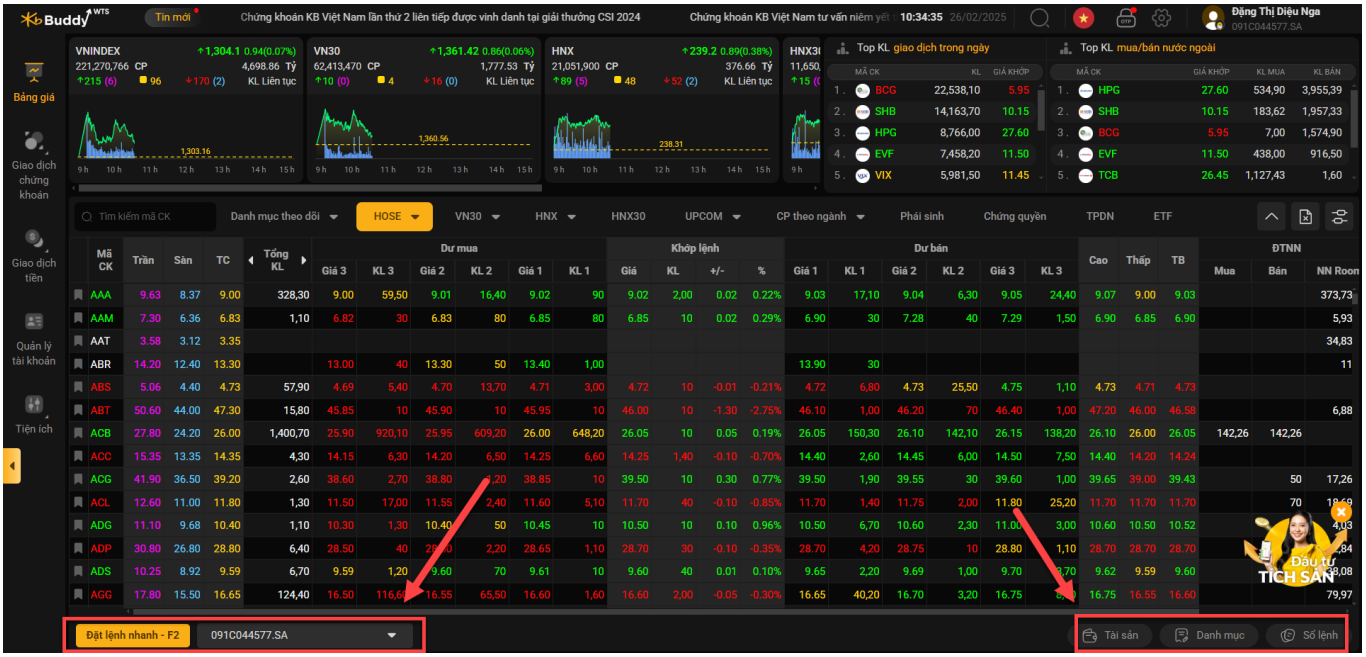

1. Chọn tiểu khoản

Khách hàng chọn hoặc đổi tiểu khoản ngay dưới thanh tác vụ:

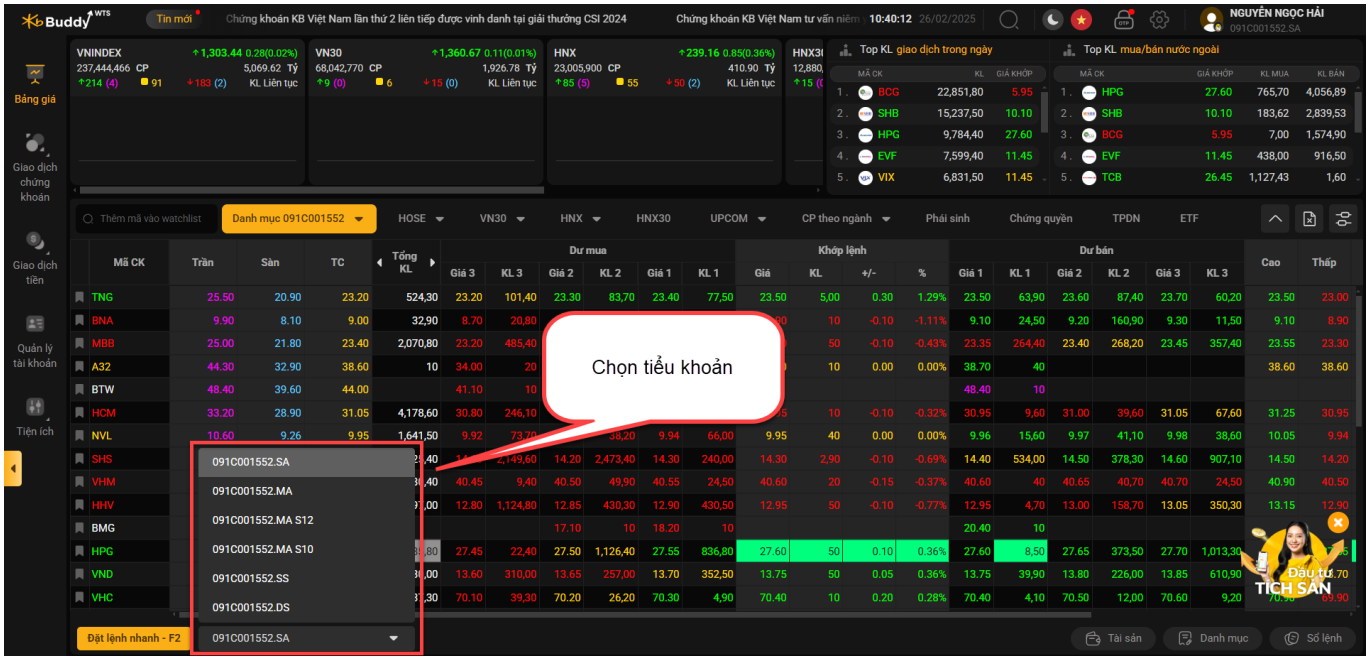

2. Đặt lệnh

- Nhấn nút "Đặt lệnh" khung đặt lệnh sẽ được bật lên:

Quay về mục lục

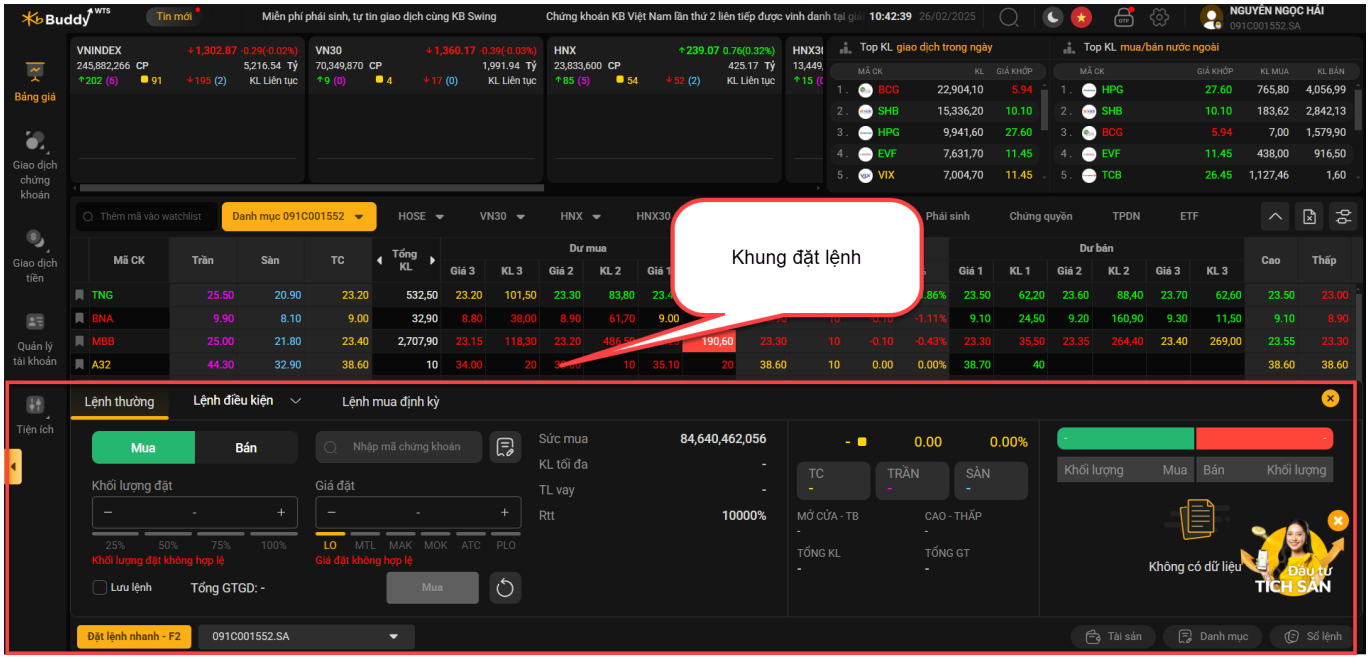

- Đặt lệnh cơ sở chọn tiểu khoản chứng khoán cơ sở (SA, MA, ..). Đặt lệnh phái sinh chọn tiểu khoản DS
- Thông tin tại khung đặt lệnh gồm:
  - ➢ Khung thông tin giá của mã cổ phiếu: Giá khớp hiện tại, giá trần, sàn, tham chiếu,…

  - ➢ Khung thông tin đặt lệnh:

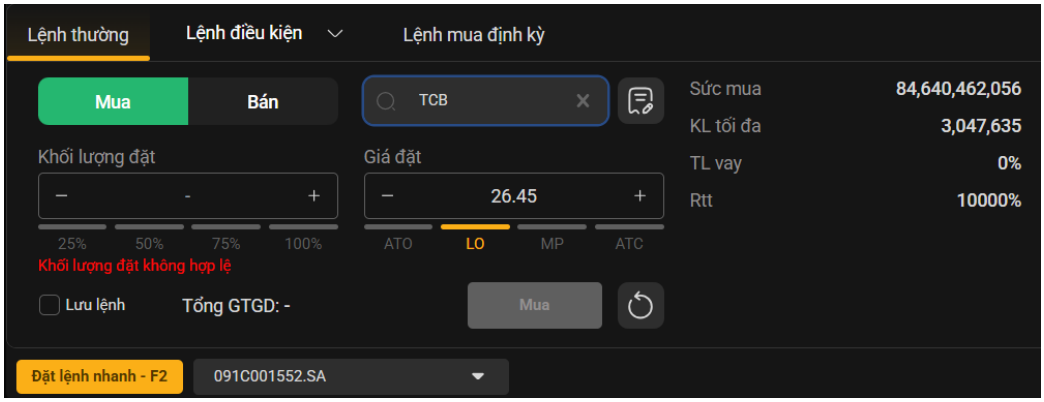

  - ➢ Khung thông tin 3 mức giá mua/ bán tốt nhất và khối lượng

Quay về mục lục

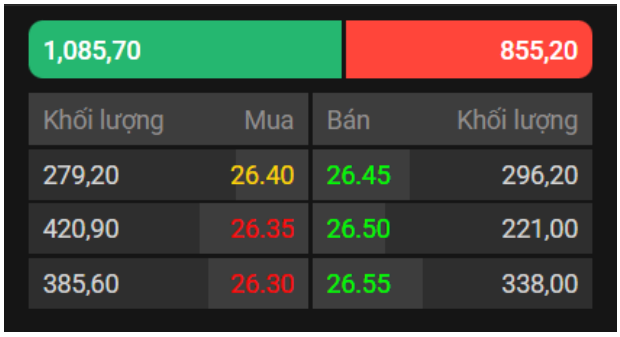

2.1. Đặt lệnh cơ sở

Đặt lệnh cơ sở gồm: Lệnh thường; Lệnh điều kiện; Lệnh mua định kỳ

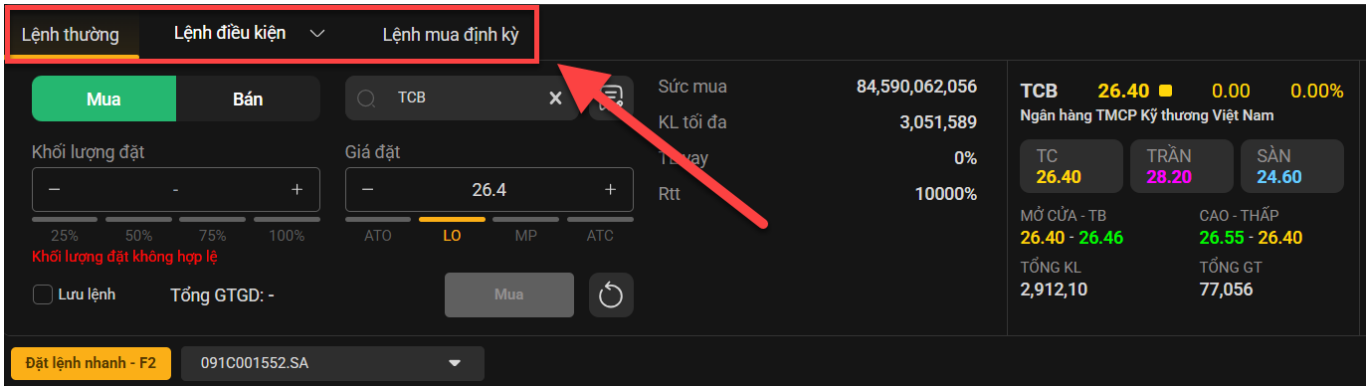

❖ Lệnh thường

- Chọn tab "Lệnh thường" khung lệnh thường:

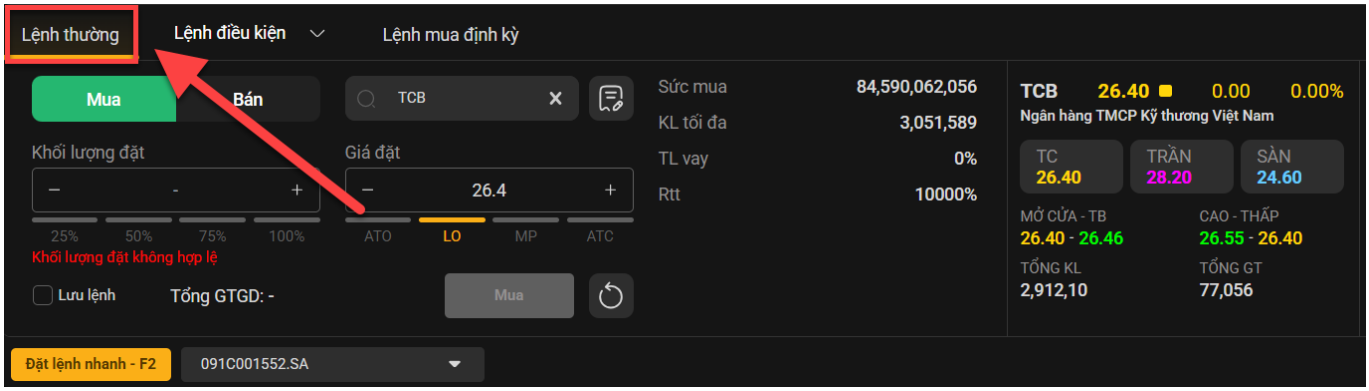

- Hướng dẫn đặt lệnh thường:
  - ➢ Bước 1: Chọn tiểu khoản đặt lệnh
  - ➢ Bước 2: chọn mã chứng khoán đặt lệnh
  - ➢ Bước 3: chọn loại lệnh đặt Mua/Bán: thông tin khối lượng tiểu khoản có thể Mua/ Bán mã chứng khoán hiện trong khung đặt lệnh.
  - ➢ Bước 4: chọn lệnh đặt (LO, MTL, …) nhập giá và khối lượng
  - ➢ Bước 5: nhấn nút Mua/Bán để thực hiện lệnh, chuyển sang màn hình nhập xác thực

Quay về mục lục

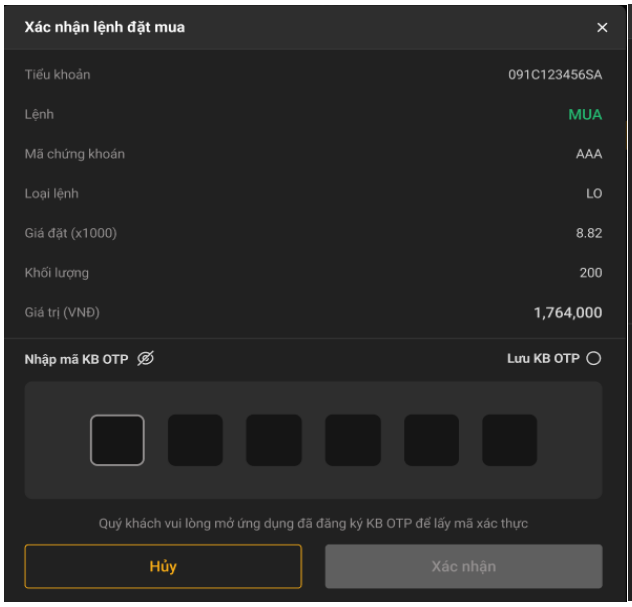

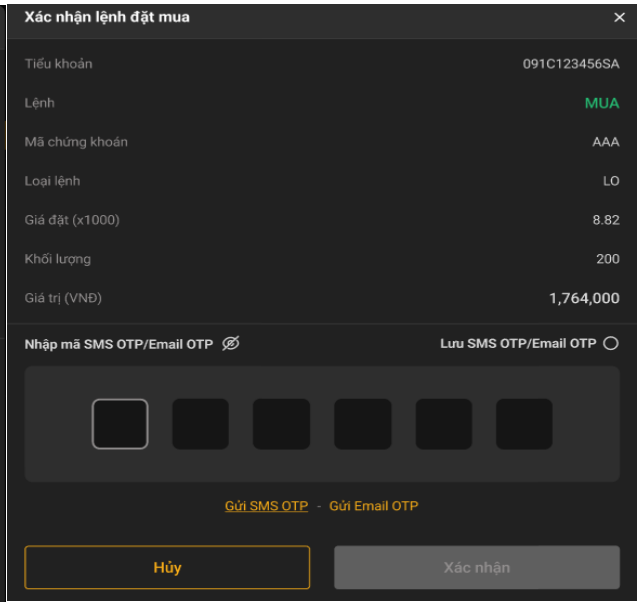

➢ Bước 6: Nhập OTP và nhận nút "Xác nhận" chuyển sang màn hình xác nhận lệnh

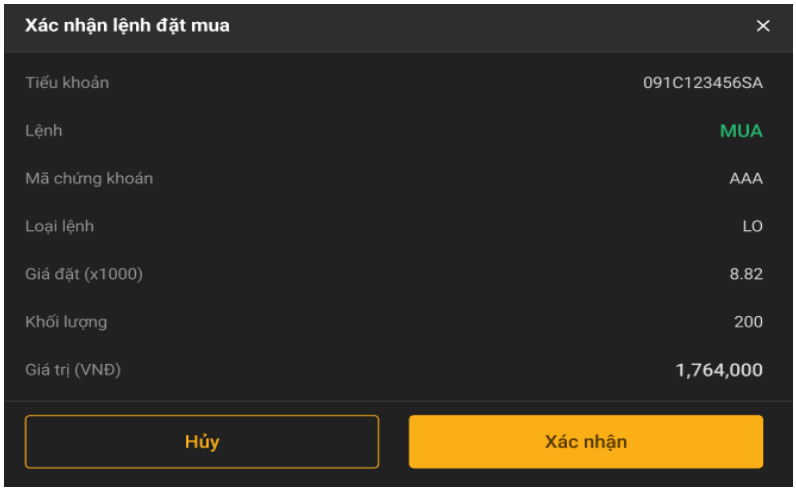

➢ Bước 7: Nhấn nút "Xác nhận", lệnh đặt thành công hệ thống trả ra thông báo:

❖ Lệnh điều kiện:

- Chọn tab " Lệnh điều kiện" và chọn lệnh (SO, SEO, STO), khung đặt lệnh:

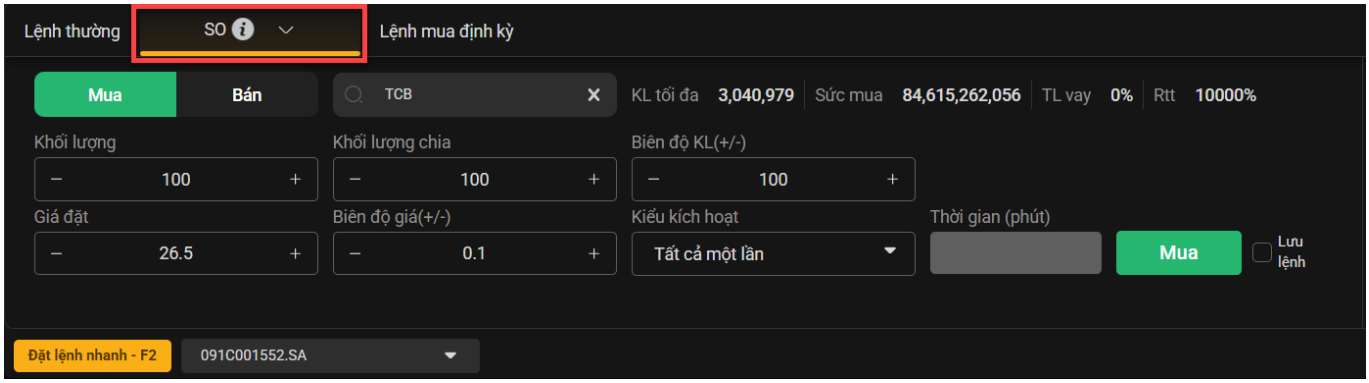

Quay về mục lục

- Hướng dẫn đặt lệnh điều kiện:
  - Bước 1: chọn tiểu khoản đặt lệnh, chọn loại lệnh điều kiện
  - Bước 2: chọn mã chứng khoán đặt lệnh
  - Bước 3: nhập giá, khối lượng, khối lượng chia, biên độ, biên độ giá
  - Bước 4: chọn kiểu kích hoạt: Tất cả một lần, Sau một khoảng thời gian, Sau khi lệnh trước khớp hết

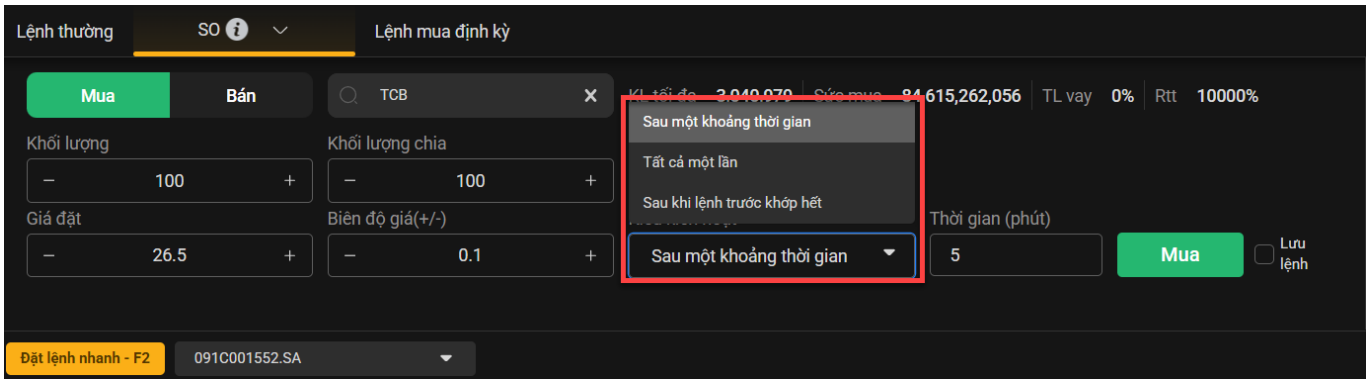

  - Bước 5: nhấn nút Mua để thực hiện đặt lệnh điều kiện, chuyển sang màn hình nhập xác thực

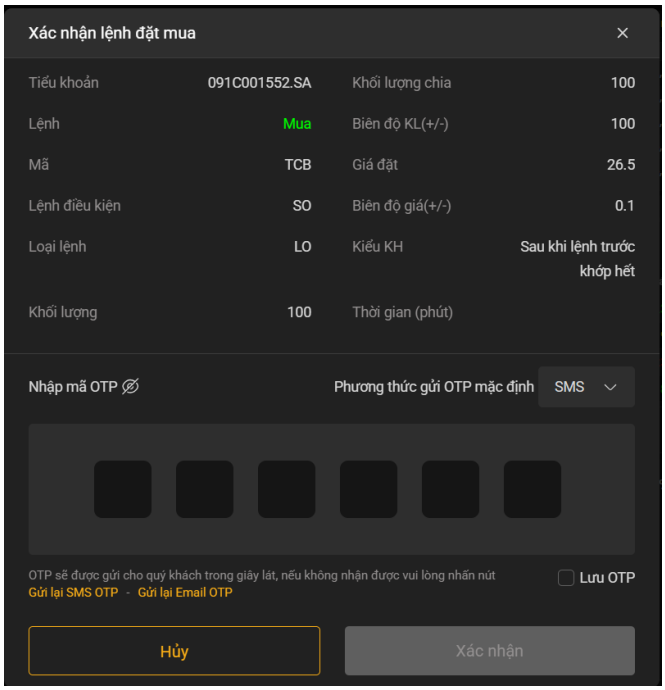

  - Bước 6: Nhập OTP và nhận nút "Xác nhận" chuyển sang màn hình xác nhận lệnh
  - Bước 7: Nhấn nút "Xác nhận", hệ thống trả ra thông báo:

❖ Lệnh mua định kỳ

- Chọn tab "Lệnh mua định kỳ", khung đặt lệnh mua định kỳ:

Quay về mục lục

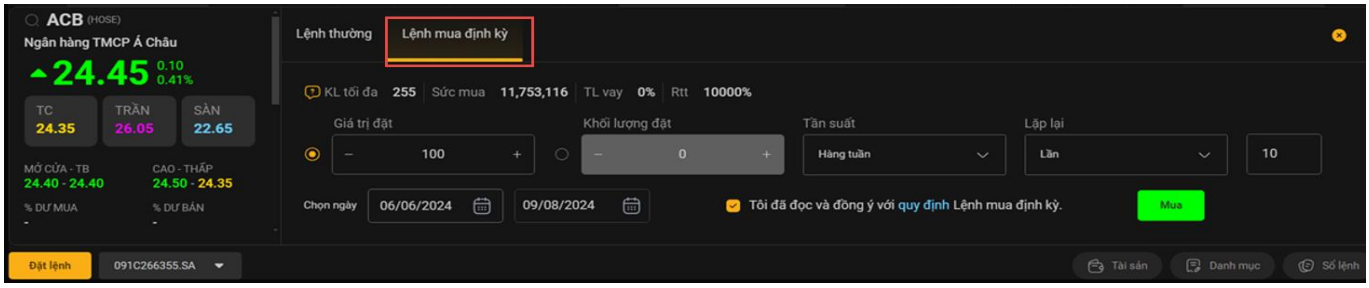

- Hướng dẫn đặt lệnh mua định kỳ:
  - Bước 1: chọn tiểu khoản đặt lệnh
  - Bước 2: chọn mã chứng khoán đặt lệnh
  - Bước 3: chọn đặt theo: Đặt theo giá trị, Đặt theo khối lượng

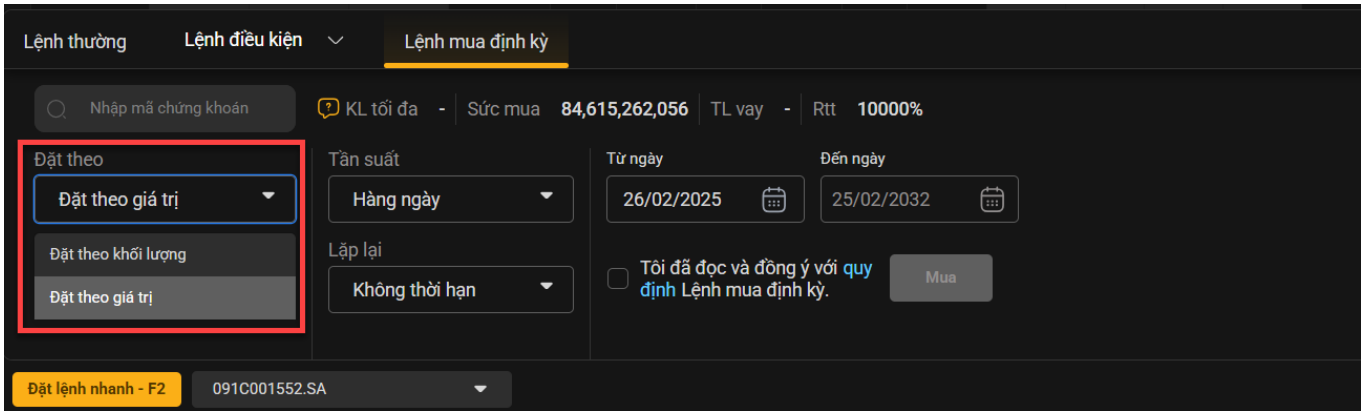

  - Bước 4: nhập giá và khối lượng
  - Bước 5: chọn tần suất: Hàng ngày, hàng tuần

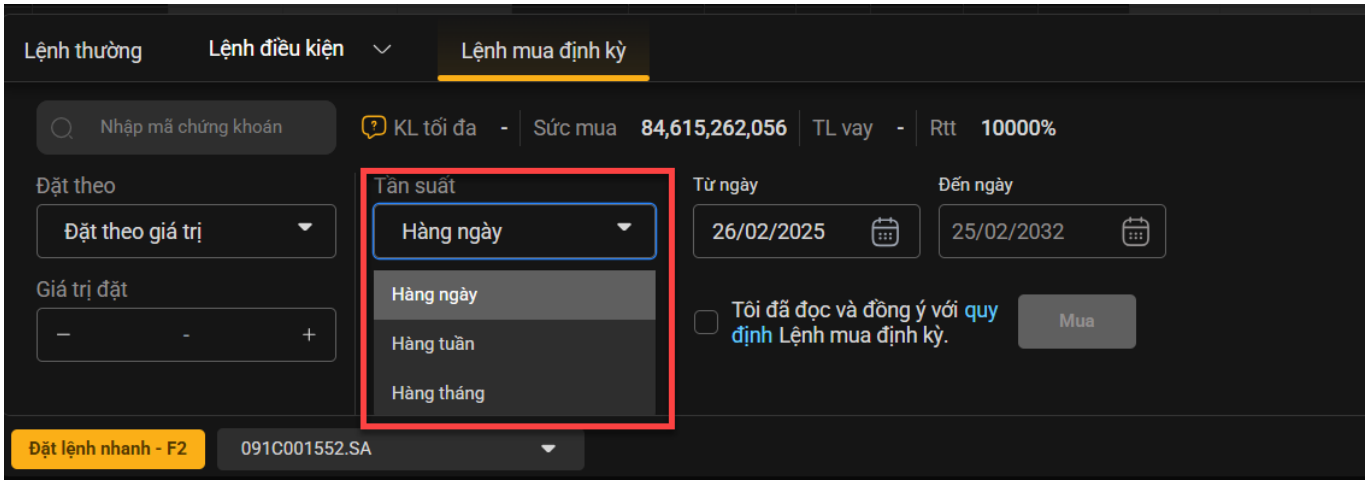

  - Bước 6: chọn lặp lại: lần, không giới hạn. Chọn "Lần" khách hàng nhập số lần lặp lại lệnh; chọn "Không thời hạn" thì không nhập số lần lặp lại lệnh

Quay về mục lục

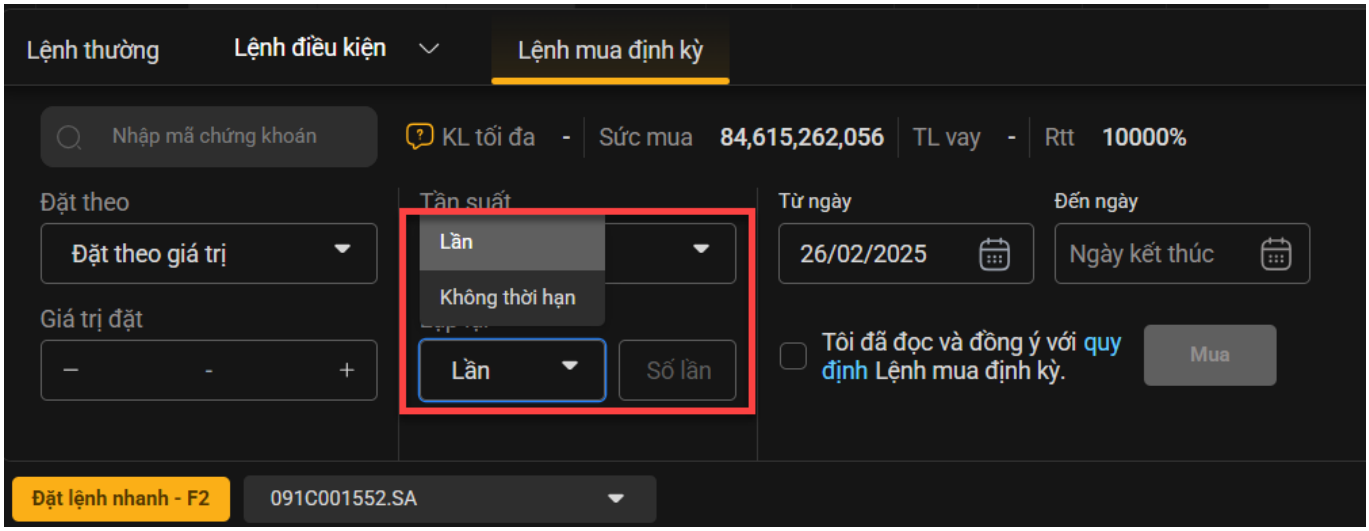

➢ Bước 6: chọn khoảng thời gian đặt lệnh (từ ngày, đến ngày)

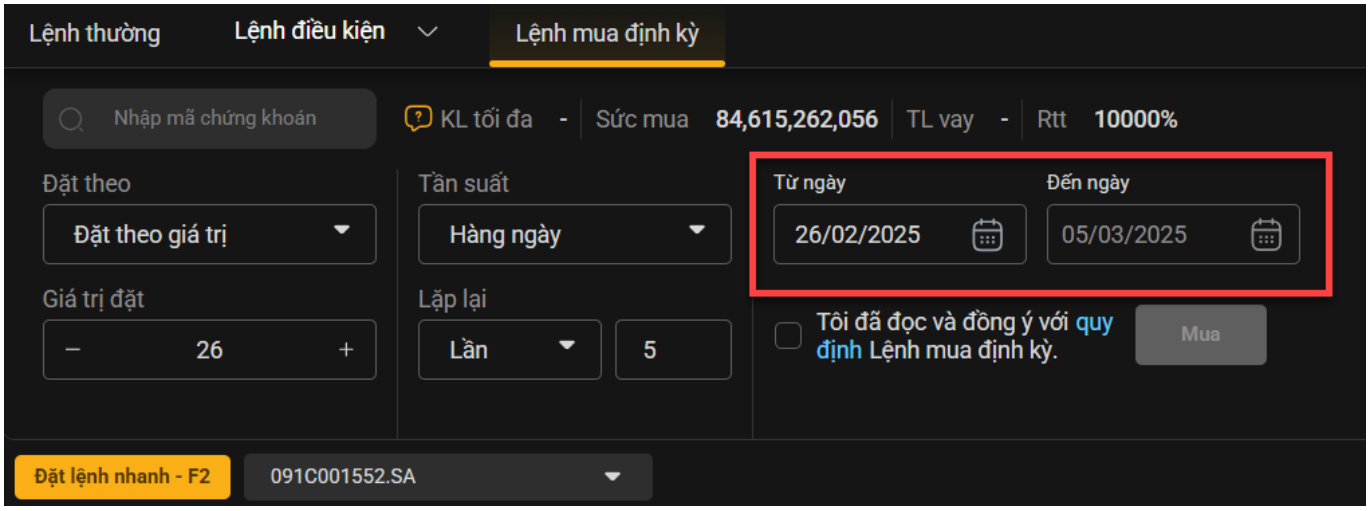

➢ Bước 7: tick chọn "Tôi đã đọc và đồng ý với quy định lệnh mua định kỳ"

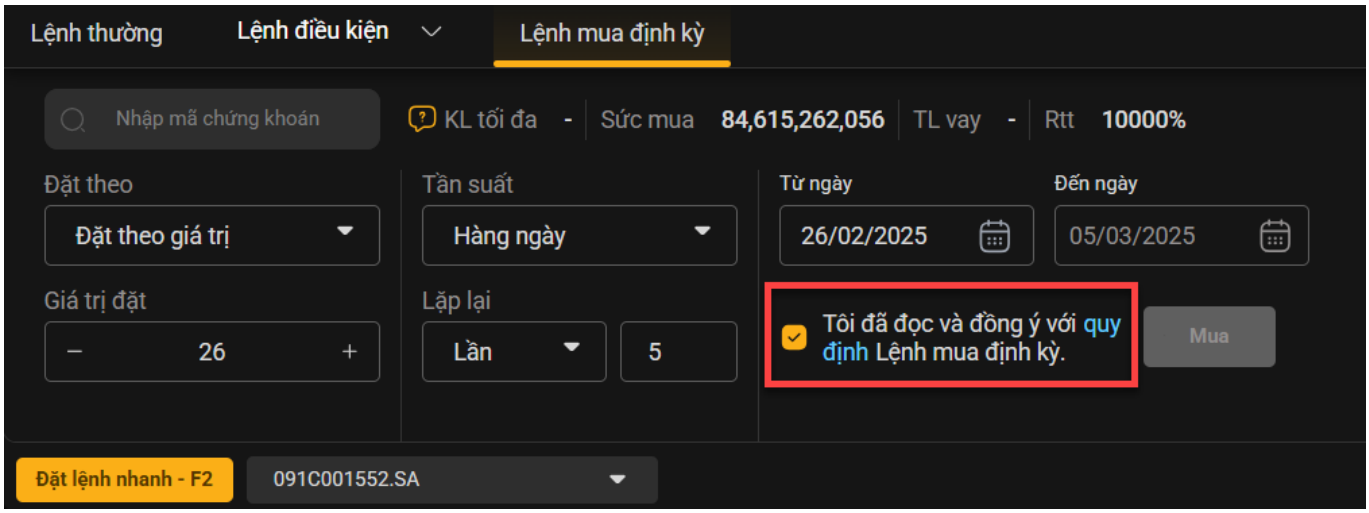

➢ Bước 8: nhấn nút Mua để thực hiện đặt lệnh mua định kỳ, chuyển sang màn hình nhập xác thực

Quay về mục lục

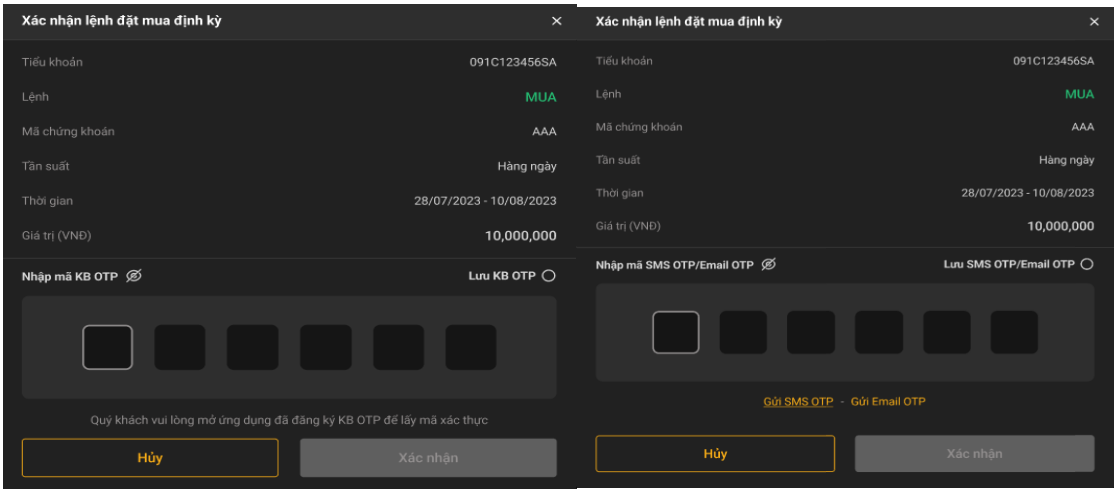

- Bước 9: Nhập OTP và nhận nút "Xác nhận" chuyển sang màn hình xác nhận lệnh
- Bước 10: Nhấn nút "Xác nhận", hệ thống trả ra thông báo:

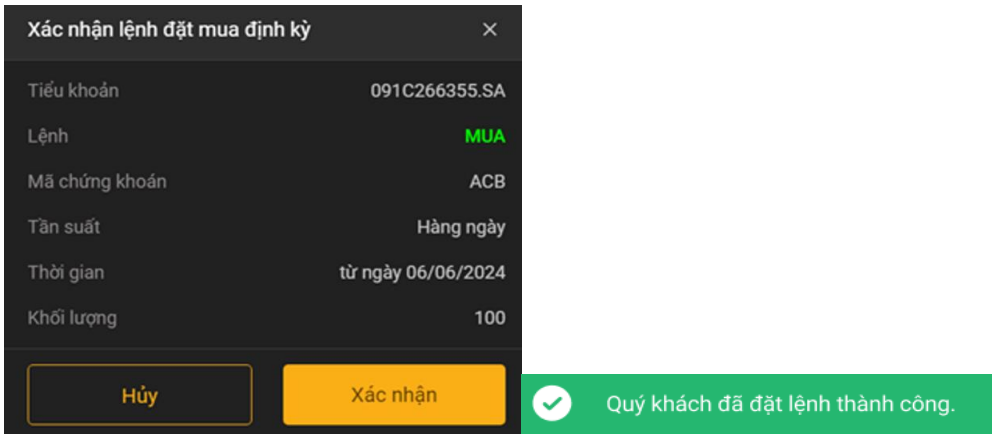

2.2. Phái sinh

Màn hình đặt lệnh phái sinh gồm:

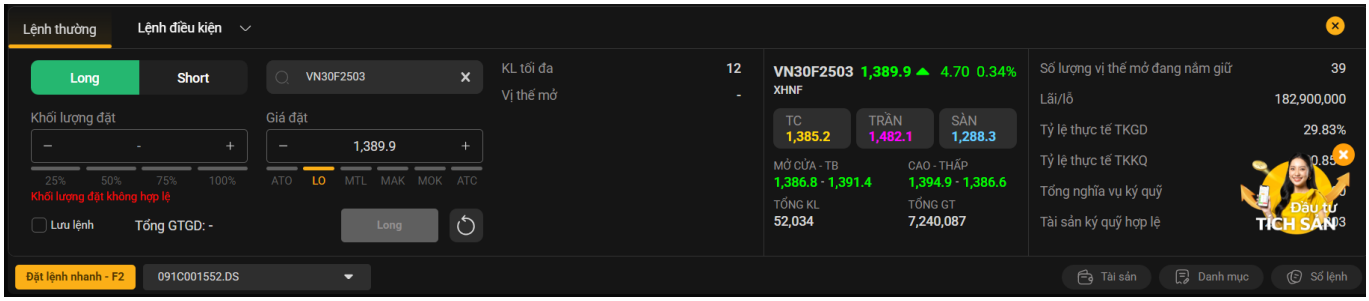

- Khung thông tin mã chứng khoán phái sinh:

Quay về mục lục

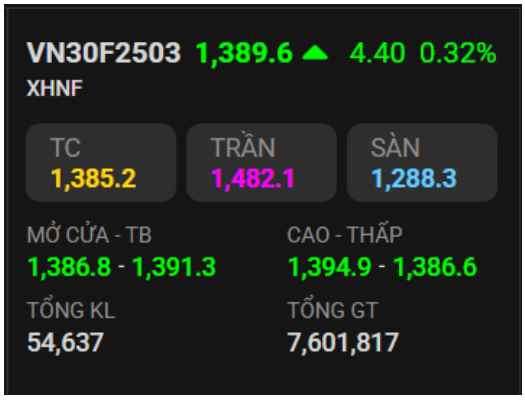

- Khung đặt lệnh phái sinh:

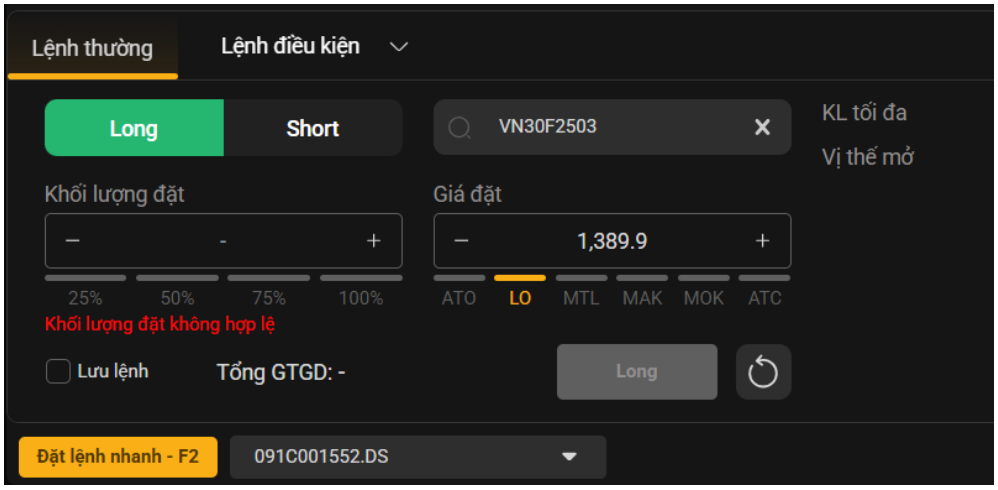

- Khung thông tin tài khoản:

3. Tài sản rút gọn

- Trên thanh taskbar phía dưới nhấn nut "Tài sản" màn hình nhỏ của tài sản rút gọn được bật lên.
- Bảng tài sản rút gọn được lấy theo từng tiểu khoản

3.1. Cơ sở

Màn hình bật bảng tài sản rút gọn:

Quay về mục lục

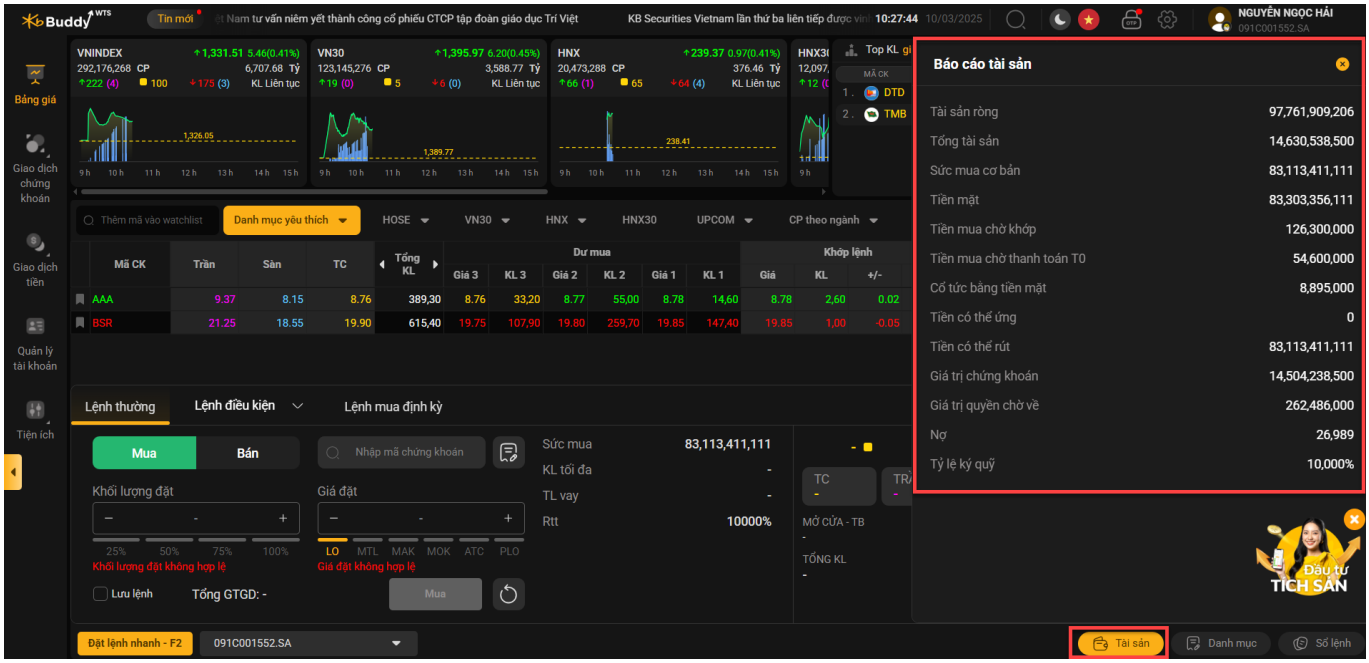

Thông tin tài sản rút gọn:

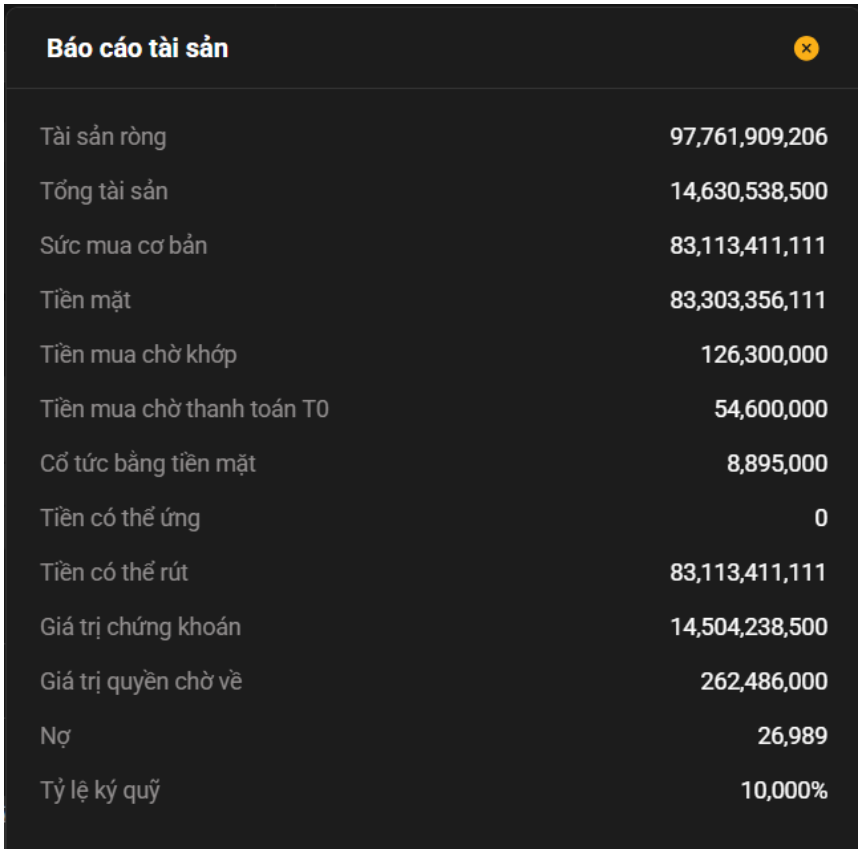

3.2. Phái sinh

Màn hình bật tài sản rút gọn tiểu khoản phái sinh:

Quay về mục lục

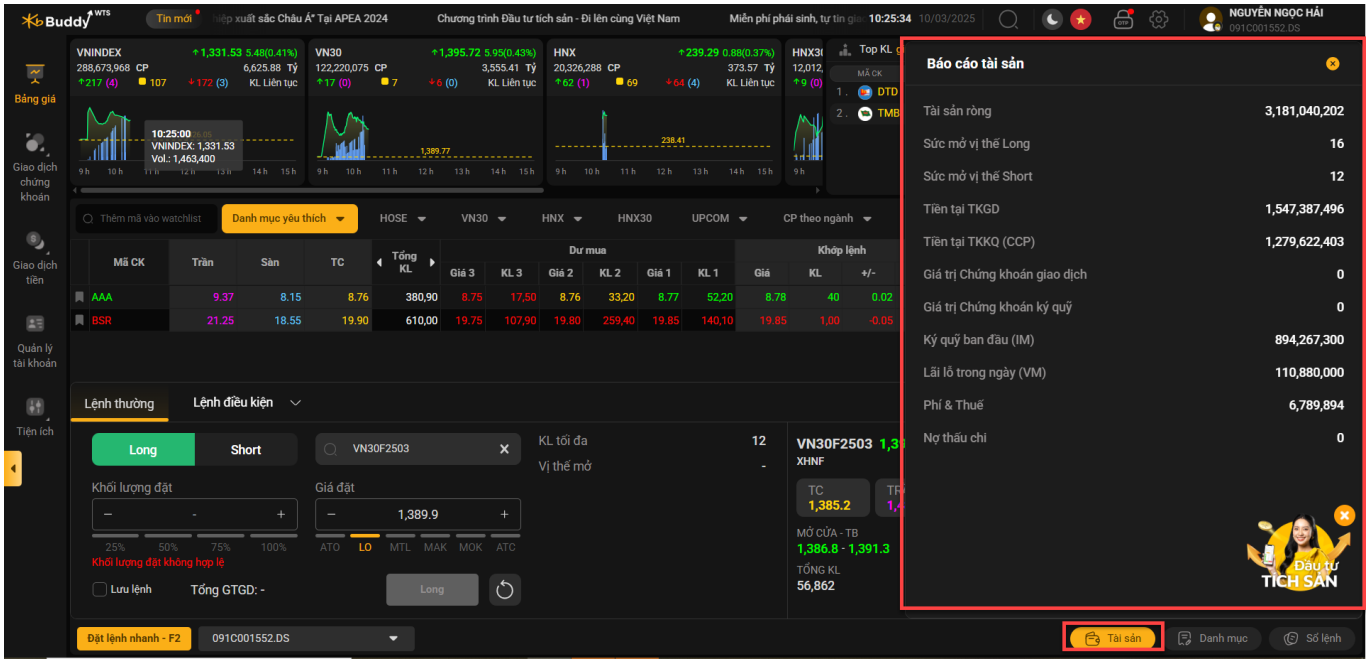

Thông tin bảng tài sản rút gọn phái sinh:

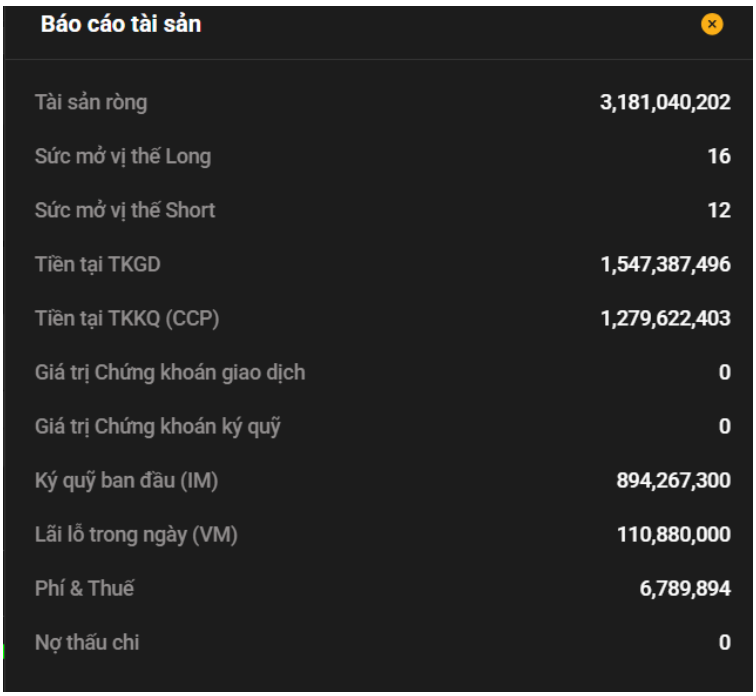

4. Danh mục rút gọn

4.1. Cơ sở

Màn hình bật danh mục rút gọn tiểu khoản cơ sở:

Quay về mục lục

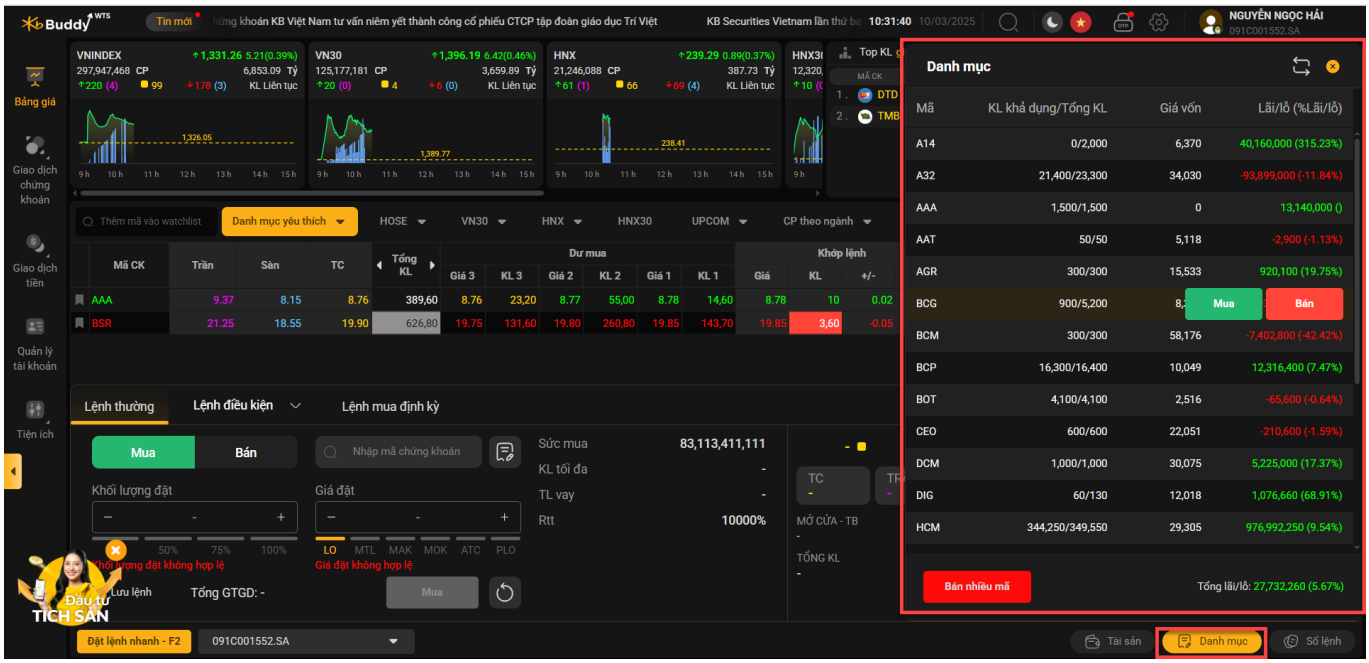

Thông tin tài sản rút gọn cơ sở: mã chứng khoán, khối lượng khả dụng, tổng khối lượng, giá gốm, lãi lỗ….

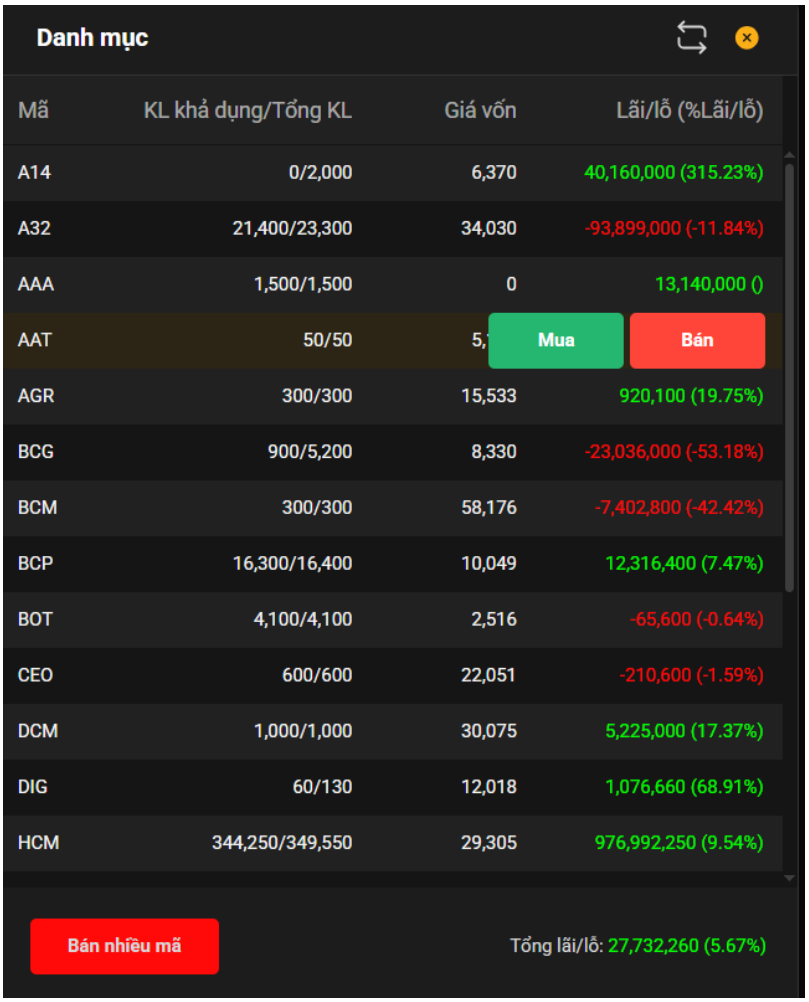

Quay về mục lục

4.2. Phái sinh

Màn hình bật danh mục vị thế mở rút gọn:

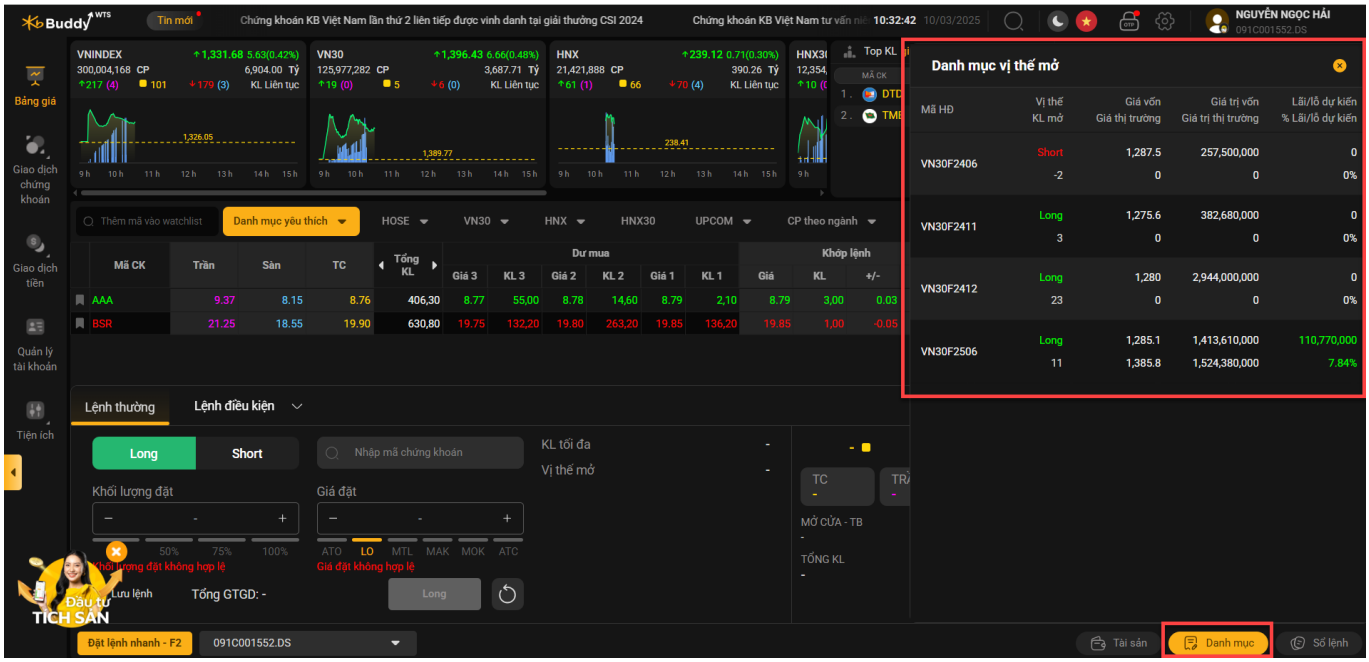

Thông tin danh mục vị thế mở rút gọn: mã hợp đồng, vụ thế, khối lượng mở, giá vốn, giá thị trường, giá trị vốn, giá trị thị trường, lãi lỗ:

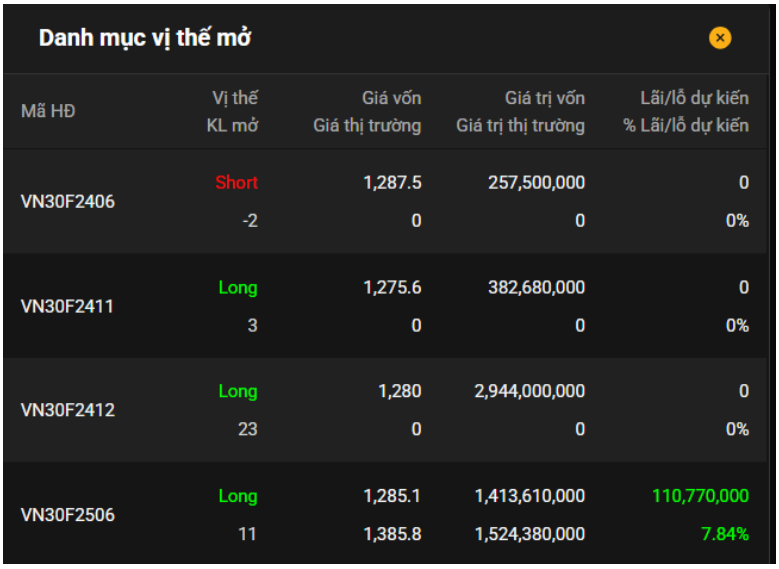

5. Sổ lệnh rút gọn

5.1. Cơ sở

Màn hình bật sổ lệnh cơ sở rút gọn:

Quay về mục lục

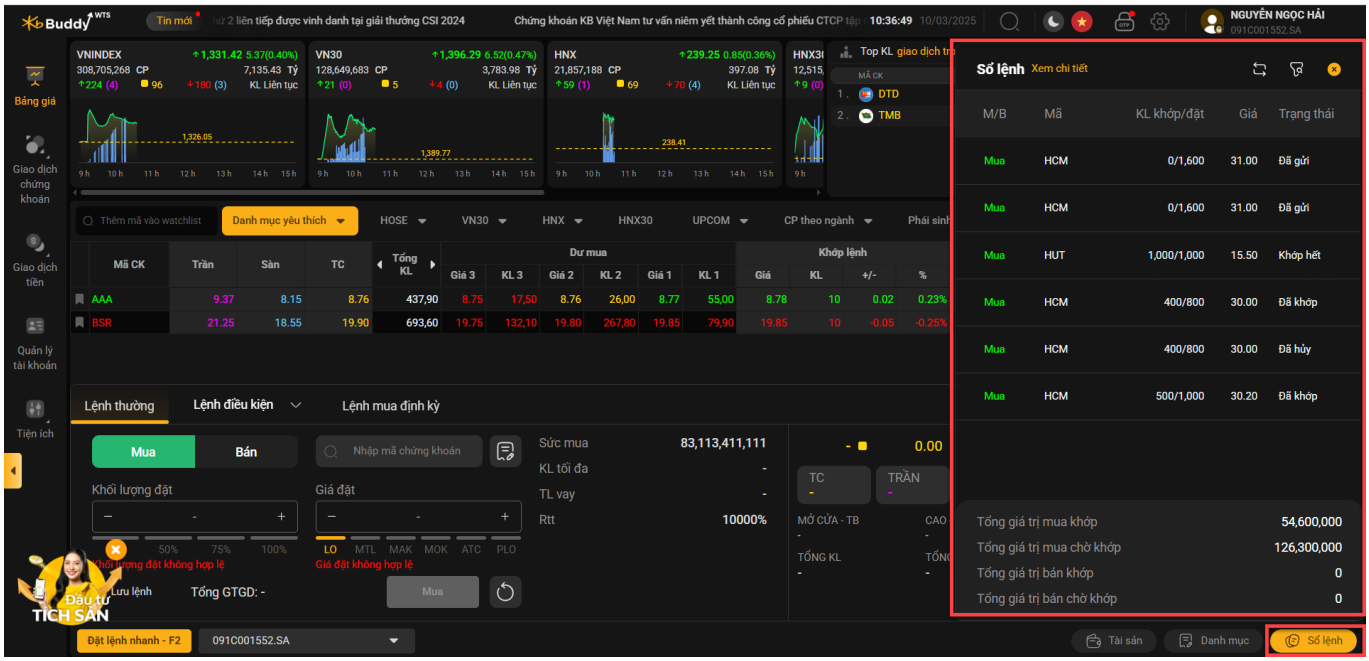

Thông tin sổ lệnh cơ sở rút gọn: Mua/Bán; mã; Khối lượng khớp/đặt; giá; trạng thái

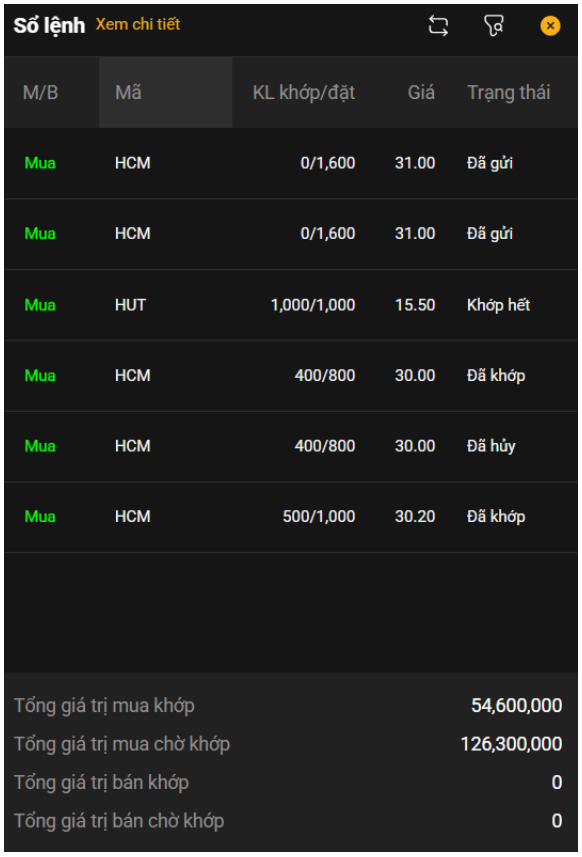

5.2. Phái sinh

Màn hình bật sổ lệnh phái sinh rút gọn:

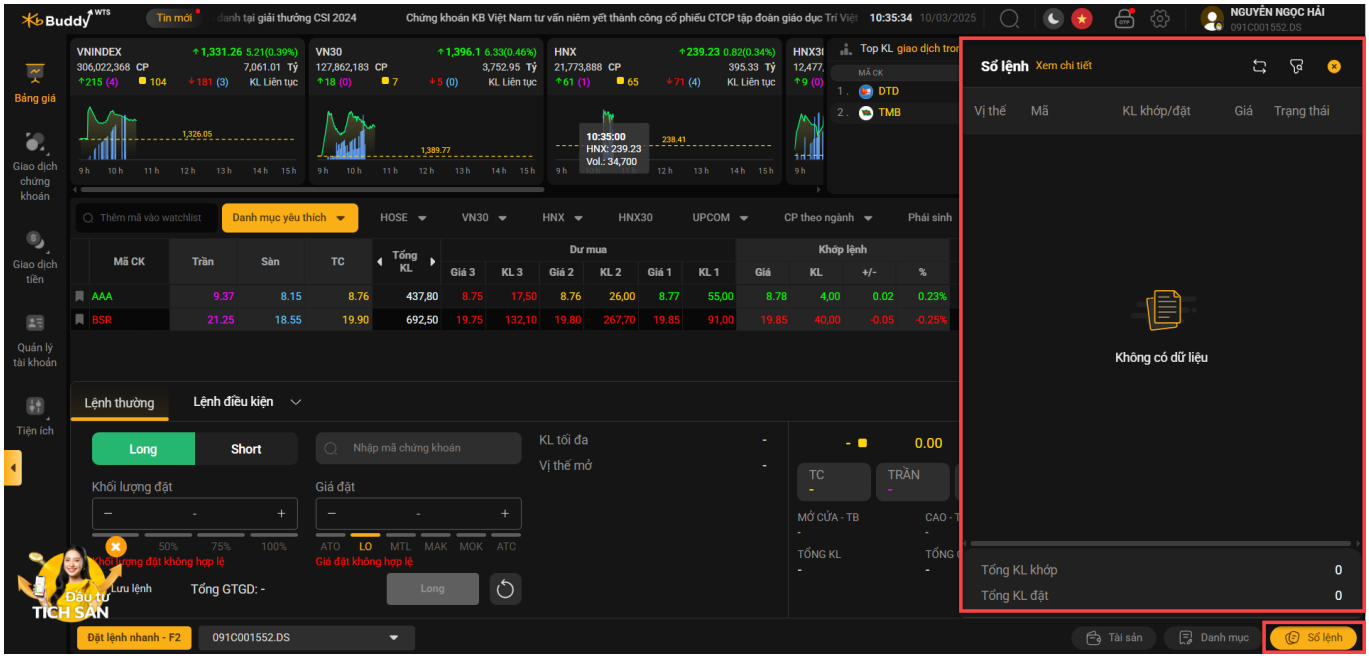

Thông tin sổ lệnh phái sinh rút gọn: vị thế; mã; khối lượng khớp/đặt; giá; trạng thái:

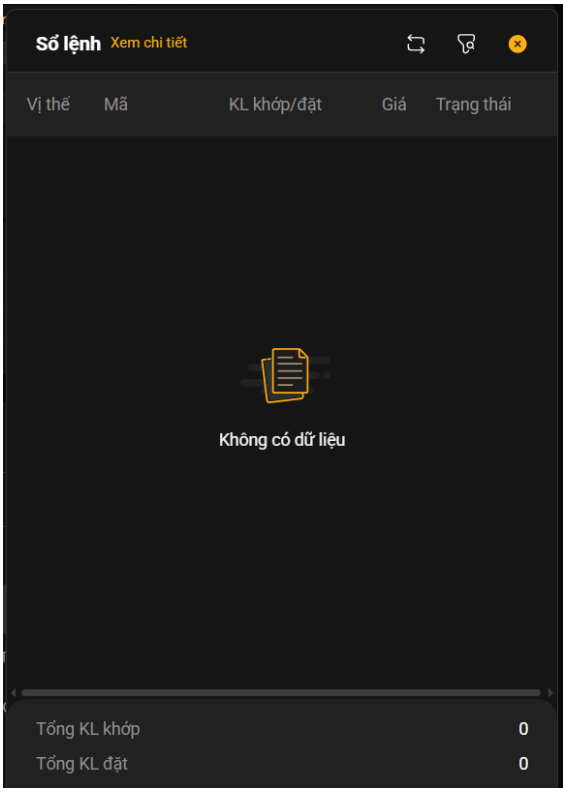

B. Bảng giá

Màn hình trang chủ của webtrade là màn hình "Bảng giá". Hoặc tại cây thư mục của webtrade khách hàng chọn mục "Bảng giá".

Quay về mục lục

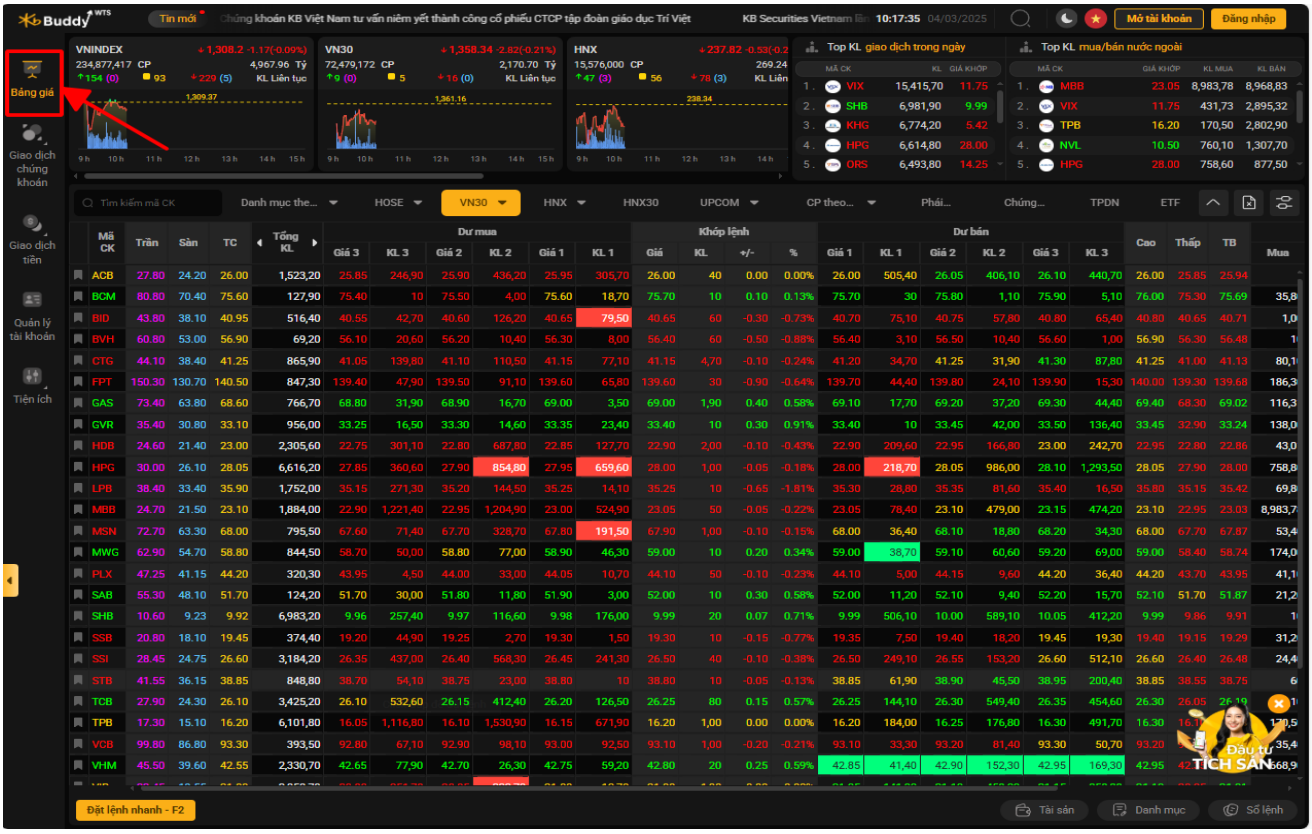

Tab "Bảng giá" bao gồm tất cả các bảng giá giao dịch: Danh mục yêu thích; HOSE. HNX, TPND. HNX30. CW, VN30. Ngành, Upcom.

- Bảng giá HOSE

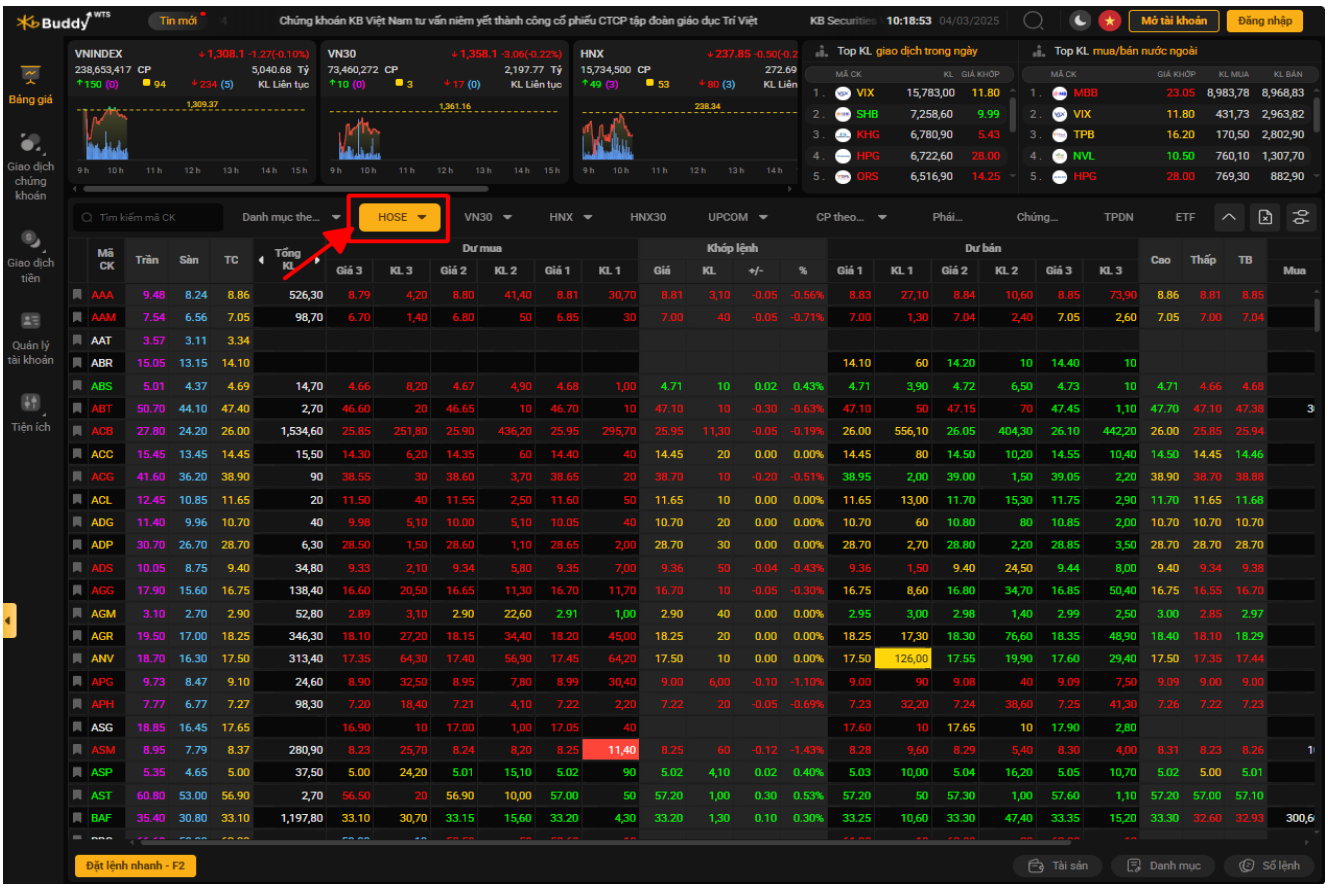

Quay về mục lục

- Bảng giá HNX:

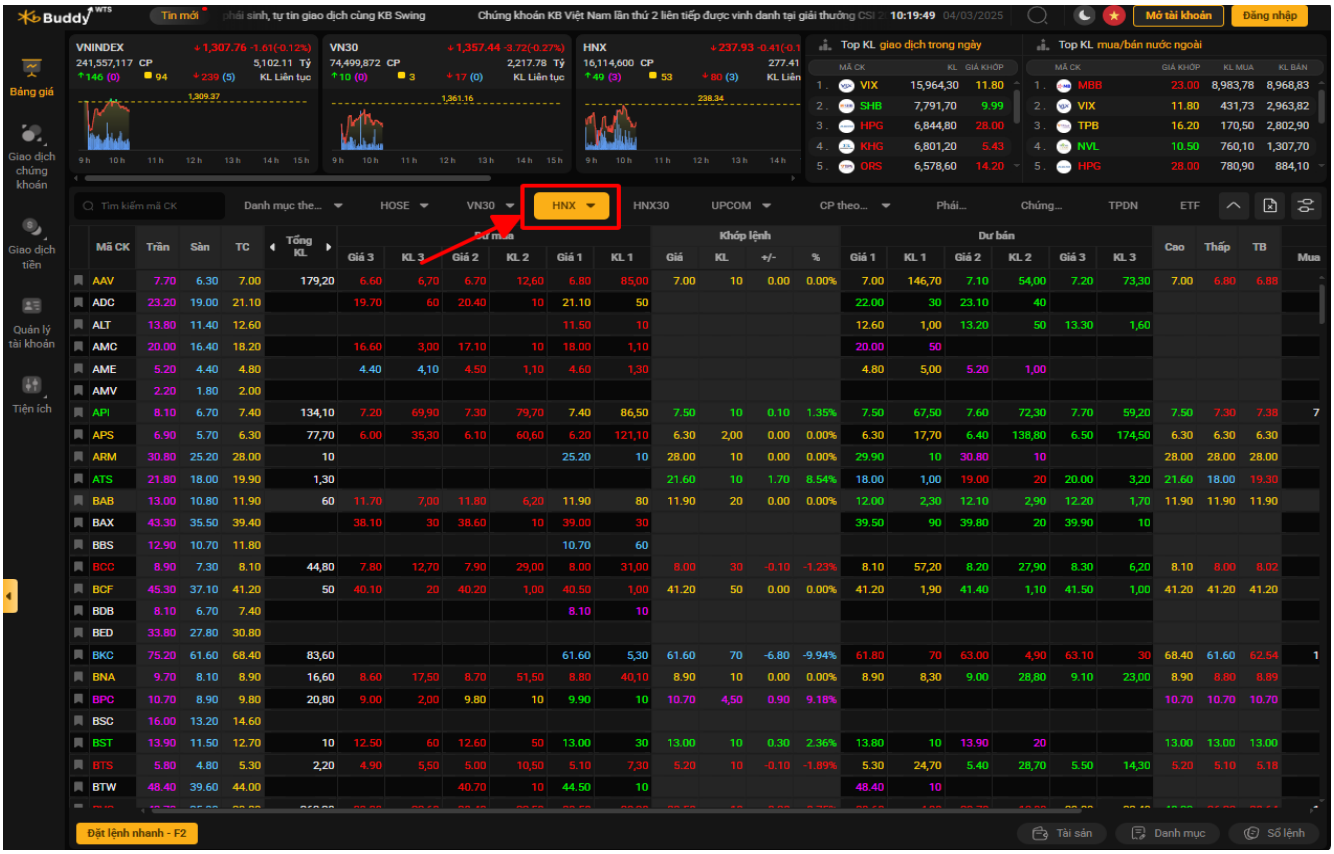

- Bảng giá VN30:

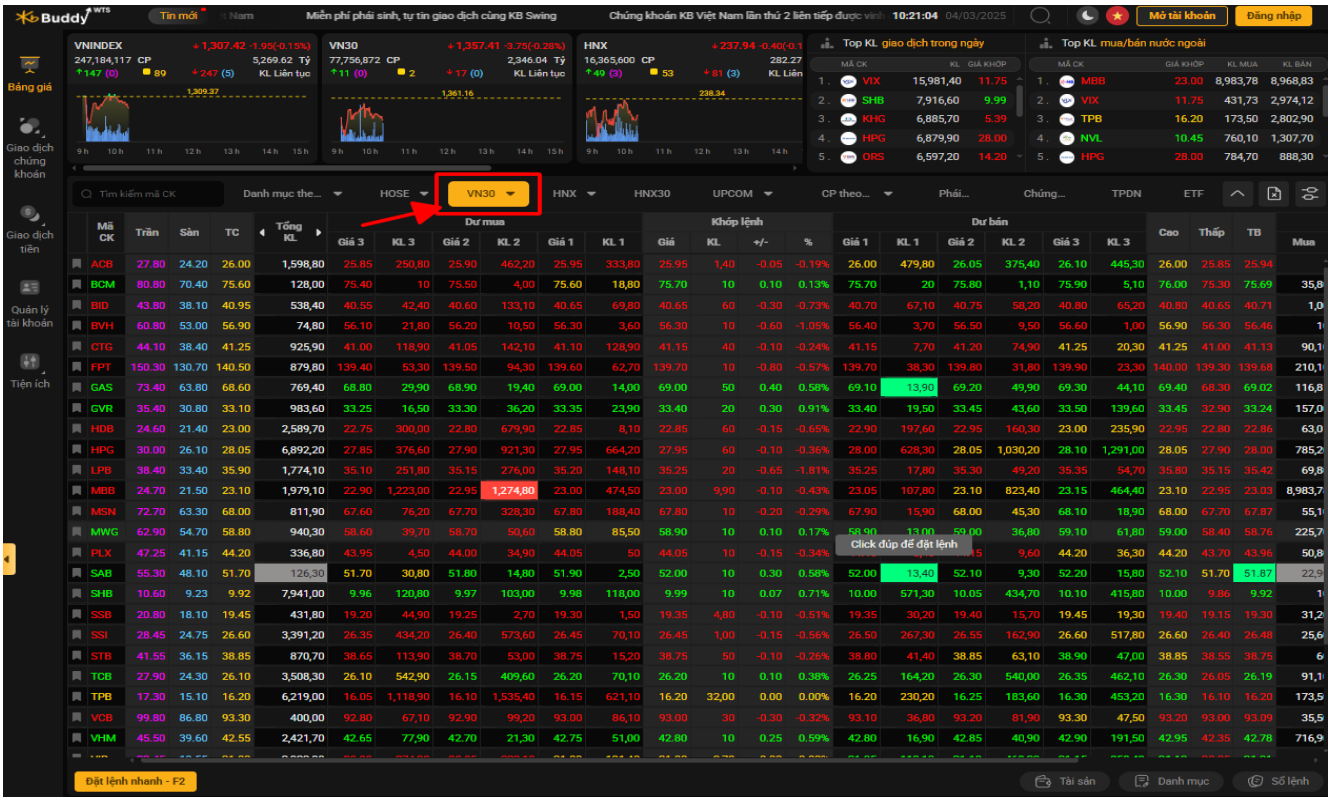

- Bảng giá HNX30:

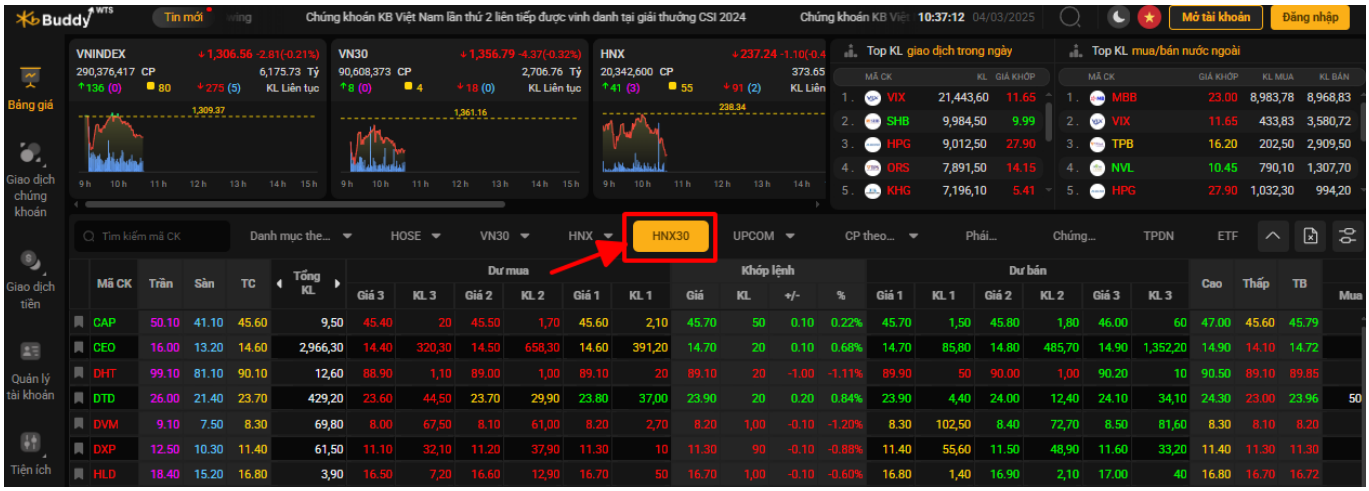

- Bảng giá phái sinh:

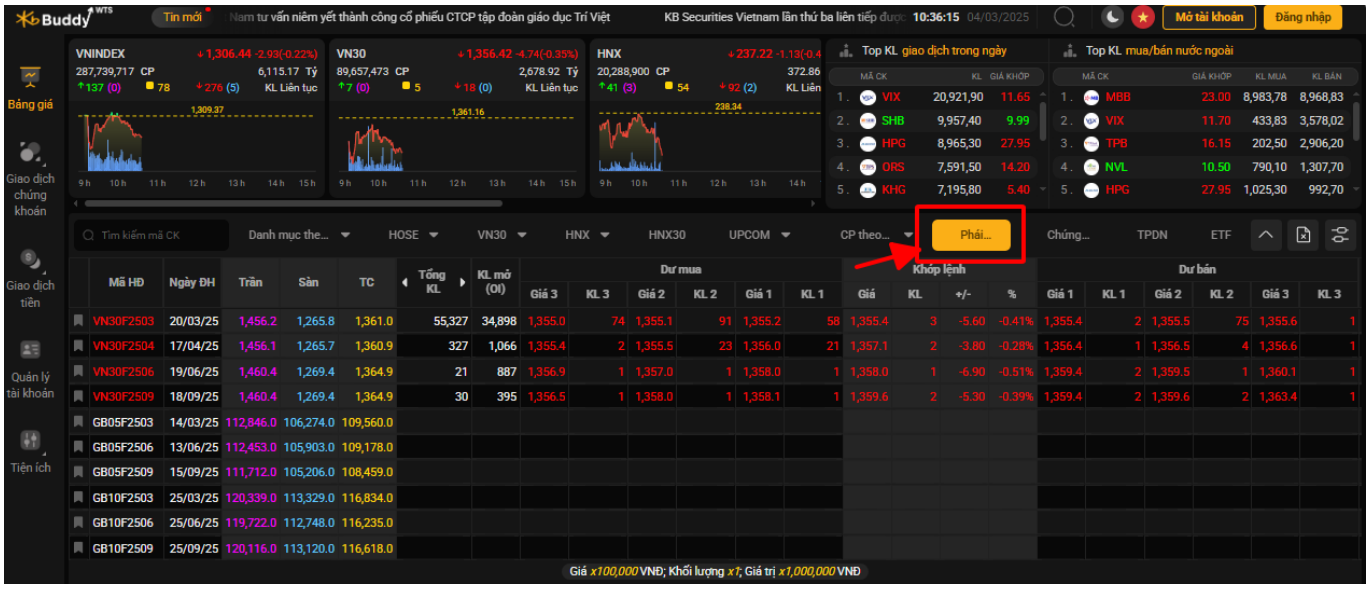

- Bảng giá Upcom:

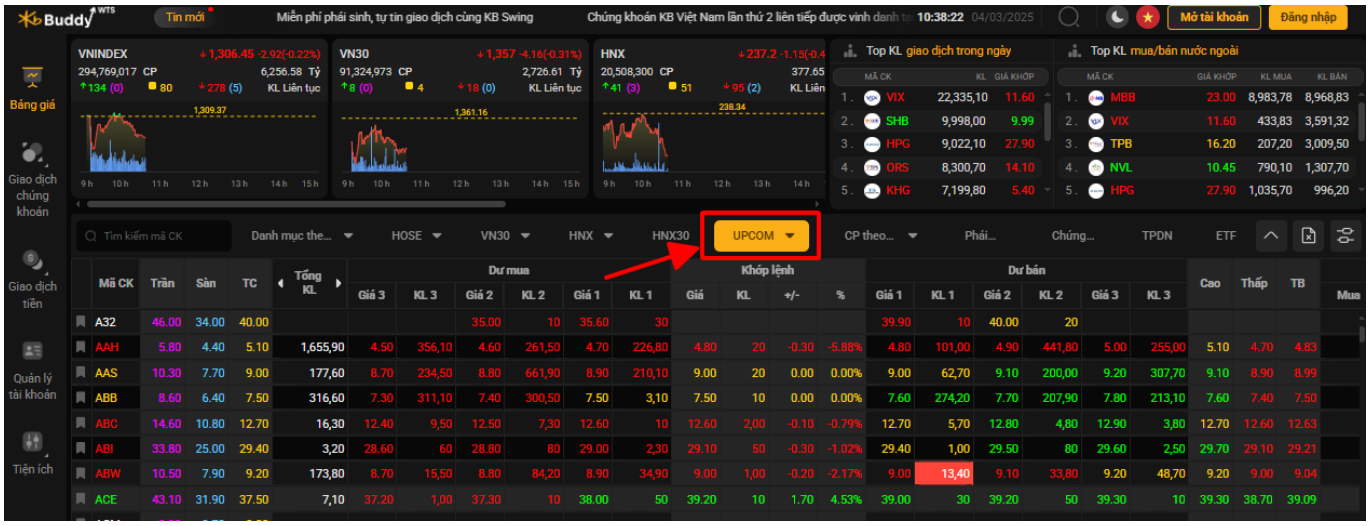

Quay về mục lục

- Bảng giá Trái phiếu doanh nghiệp:

- Bảng giá ngành:

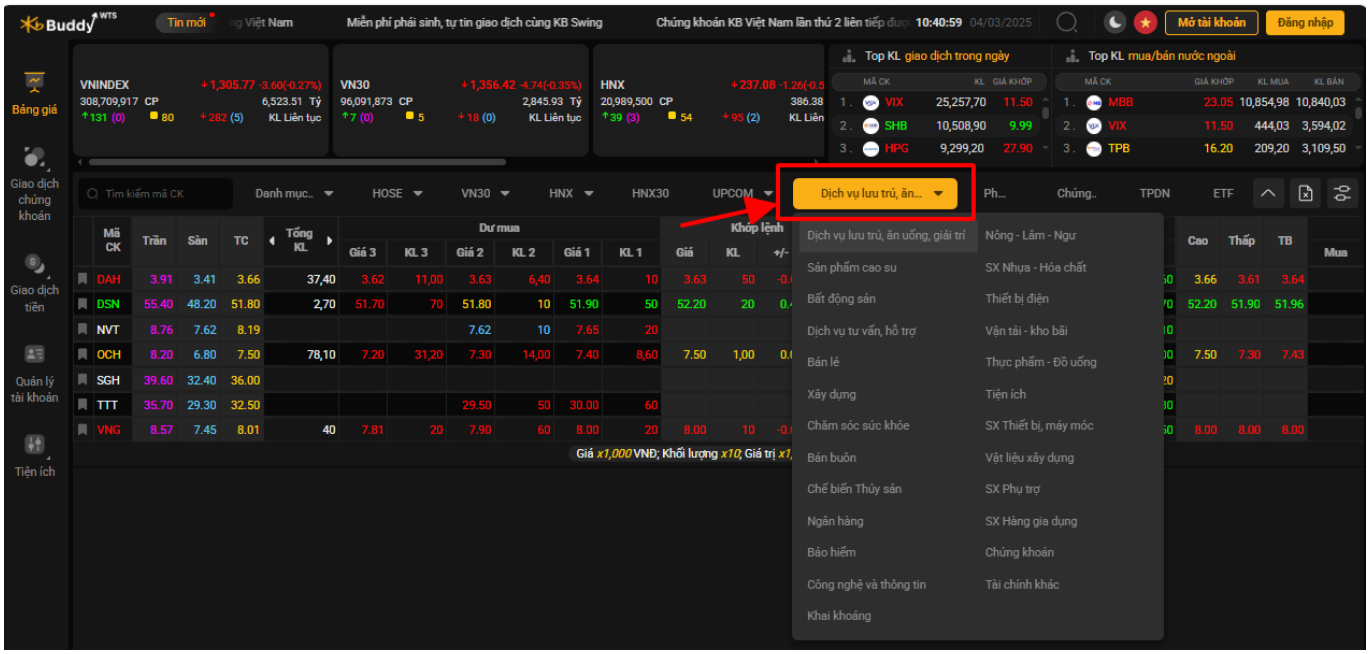

Quay về mục lục

- Bảng giá chứng quyền có bảo đảm:

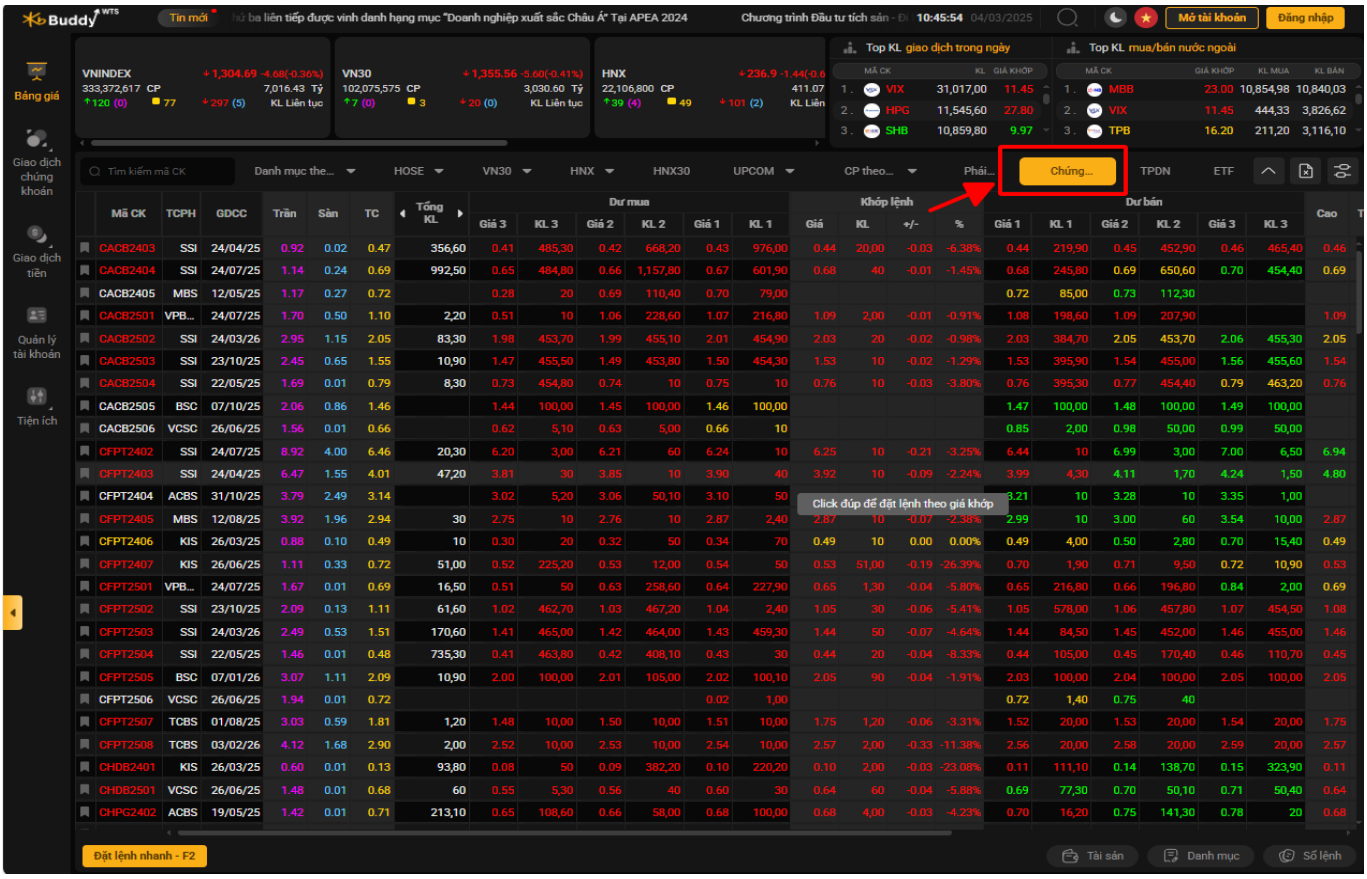

C. Cơ sở

I. Giao dịch chứng khoán

1. Lệnh giao dịch

Tại cây thư mục của webtrade chọn mục "Giao dịch chứng khoán". Mục "Giao dịch chứng khoán" gồm các mục: Đặt lệnh; Sổ lệnh; Xác nhận lệnh; Đăng ký quyền mua; Trái phiếu chuyển đổi; Chuyển khoản chứng khoán:

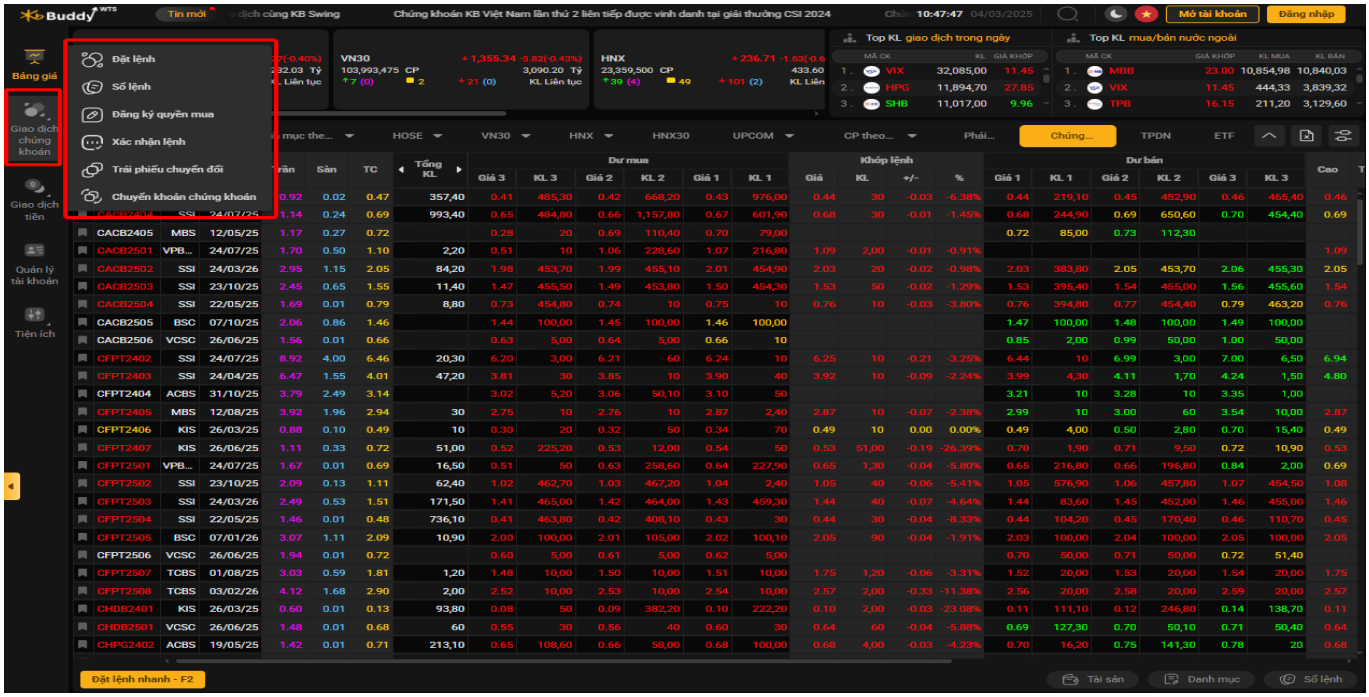

Quay về mục lục

Tại mục "Giao dịch chứng khoán" chọn "Đặt lệnh"

Màn hình đặt lệnh gồm: khung thông tin mã chứng khoán; khung đặt lệnh; khung thông tin 3 mức giá/ khối lượng mua/bán tốt nhất:

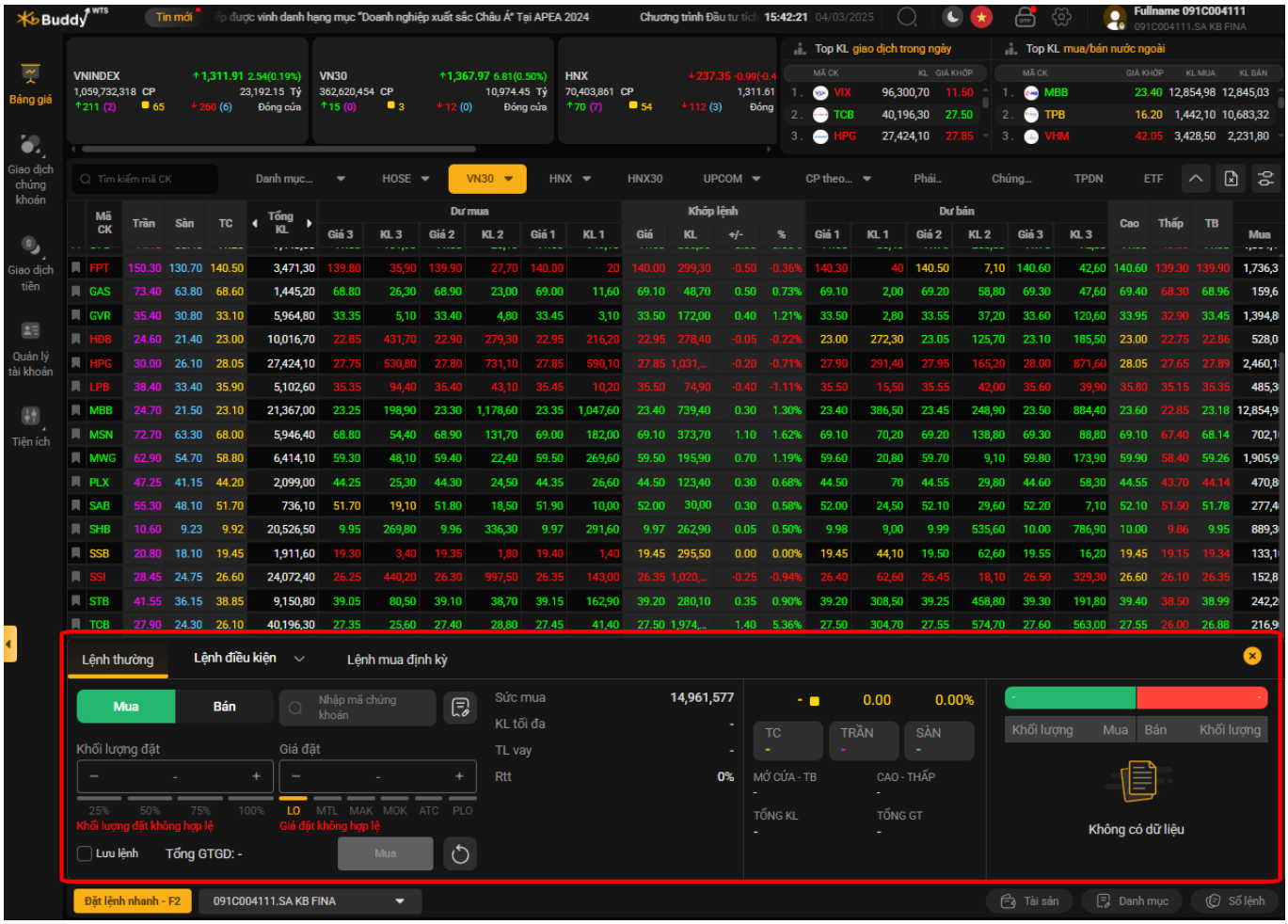

Khung đặt lệnh gồm: tab Lệnh thường, tab Lệnh điều kiện và tab Lệnh mua định kỳ

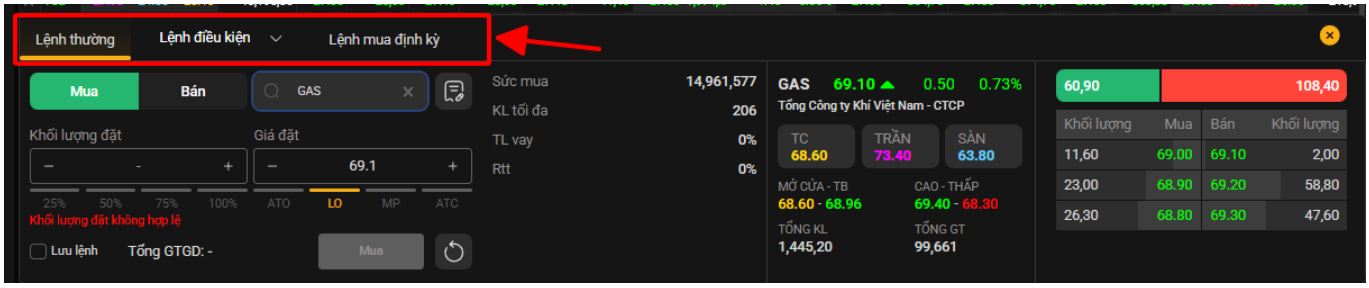

1.1. Lệnh thường

- Chọn tab "Lệnh thường" khung lệnh thường:

Quay về mục lục

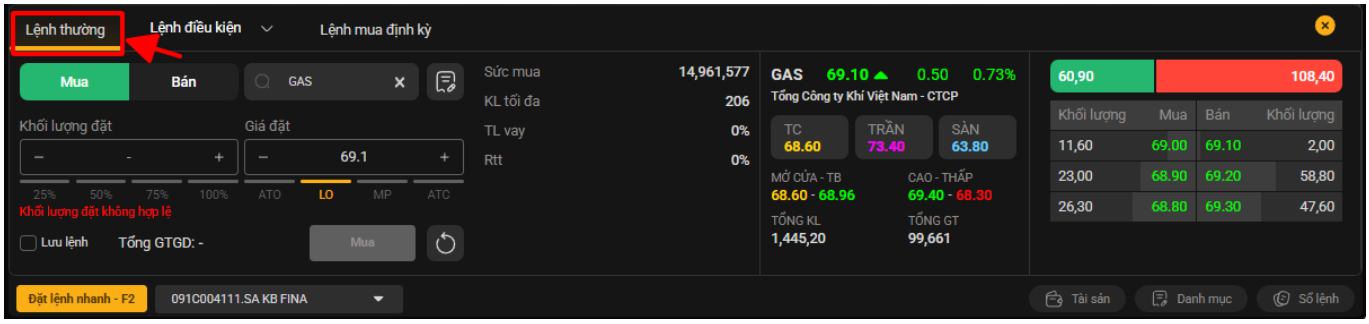

- Hướng dẫn đặt lệnh thường:
  - Bước 1: Chọn tiểu khoản đặt lệnh
  - Bước 2: Chọn mã chứng khoán đặt lệnh
  - Bước 3: Chọn loại lệnh đặt Mua/Bán: thông tin khối lượng tiểu khoản có thể Mua/ Bán mã chứng khoán hiện trong khung đặt lệnh.
  - Bước 4: Chọn lệnh đặt (LO, MTL, …) nhập giá và khối lượng
  - Bước 5: Nhấn nút Mua/Bán để thực hiện lệnh, chuyển sang màn hình nhập xác thực

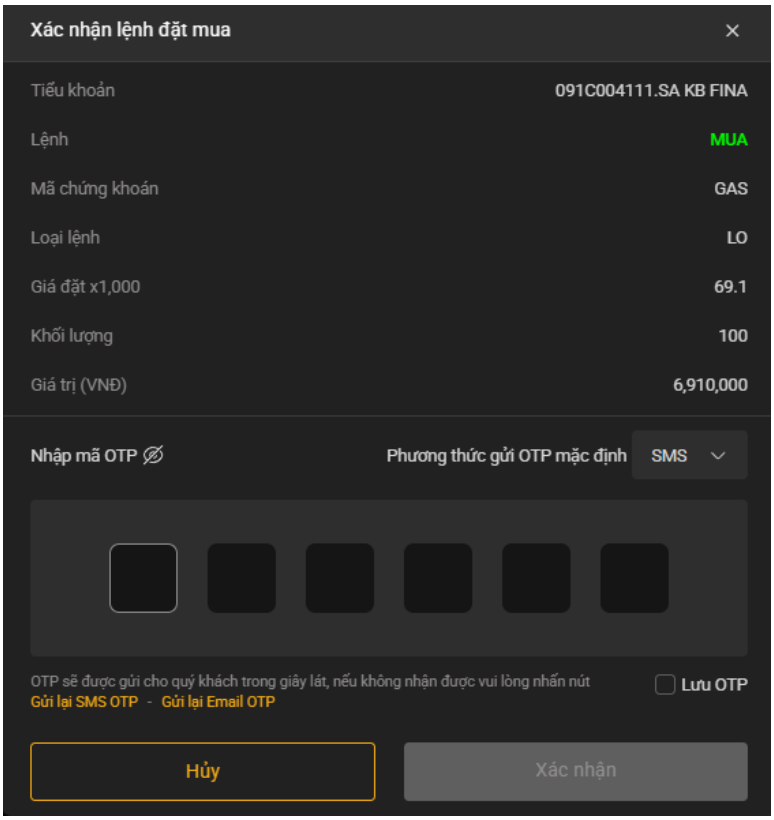

  - Bước 6: Nhập OTP và nhận nút "Xác nhận" chuyển sang màn hình xác nhận lệnh

Quay về mục lục

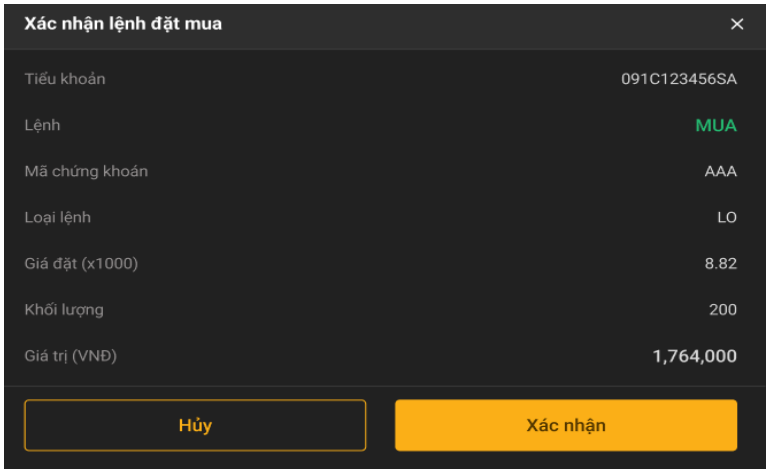

➢ Bước 7: Nhấn nút "Xác nhận", lệnh đặt thành công hệ thống trả ra thông báo:

1.2. Lệnh điều kiện

- Chọn tab "Lệnh điều kiện" khung lệnh điều kiện. Sau đó, lựa chọn các lệnh điều kiện: SO, SEO, STO

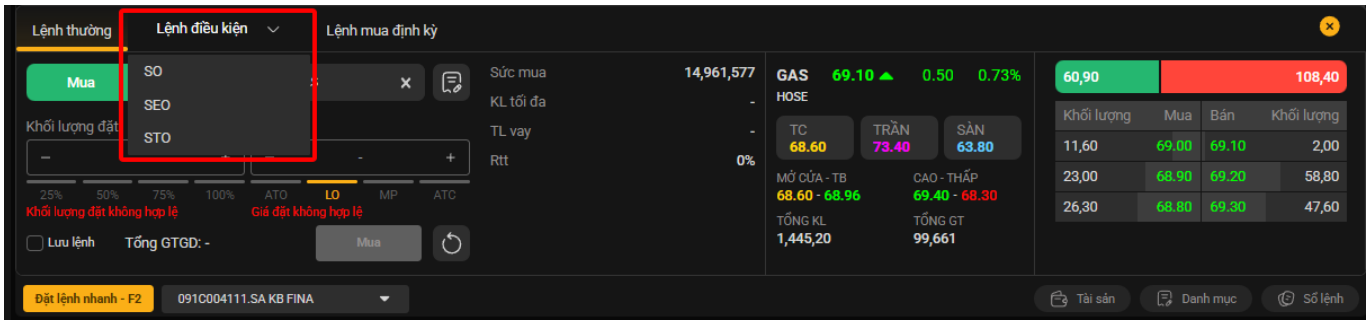

➢ Lệnh điều kiện SO

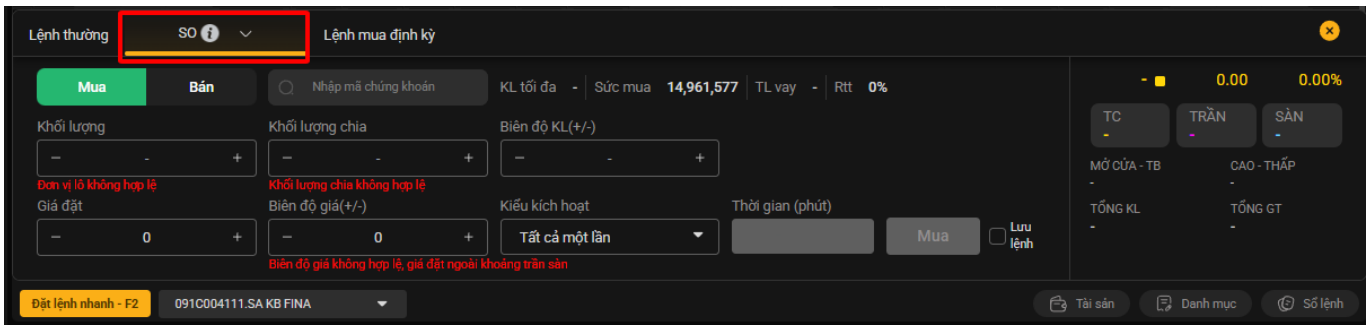

Khách hàng nhấn icon để tham khảo hướng dẫn đặt lệnh điều kiện SO

➢ Lệnh điều kiện SEO

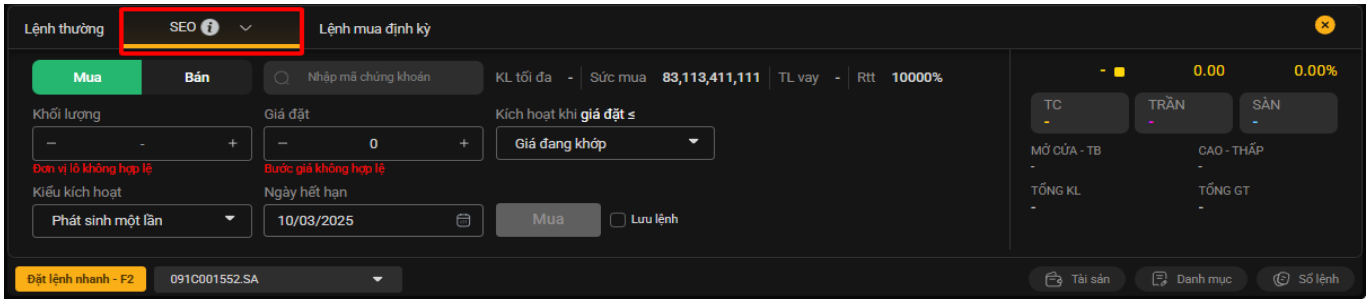

Quay về mục lục

Khách hàng nhấn icon để tham khảo hướng dẫn đặt lệnh điều kiện SEO

- Lệnh điều kiện STO

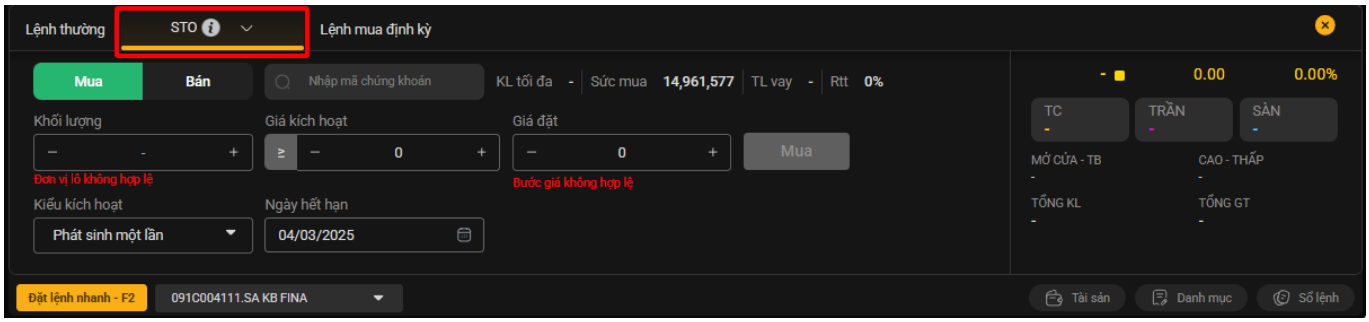

Khách hàng nhấn icon để tham khảo hướng dẫn đặt lệnh điều kiện STO

1.3. Lệnh mua định kỳ

- Chọn tab "Lệnh mua định kỳ", khung đặt lệnh mua định kỳ:

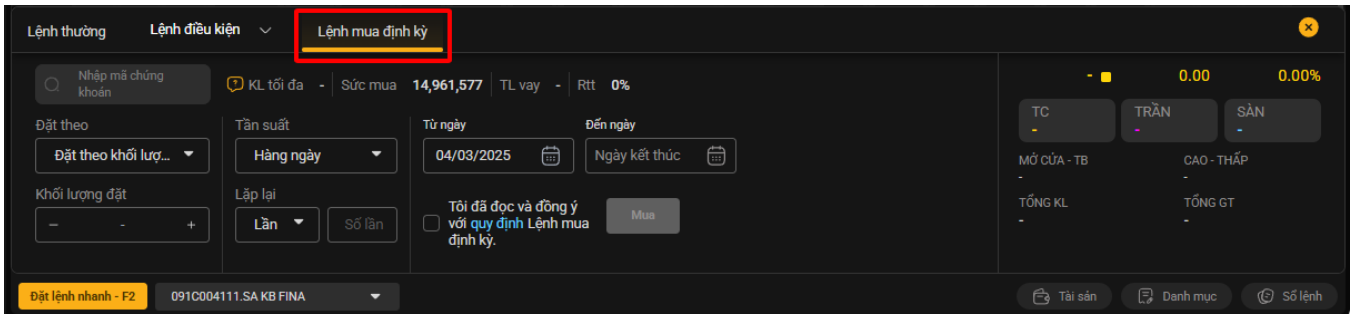

- Hướng dẫn đặt lệnh mua định kỳ:
  - Bước 1: Chọn tiểu khoản đặt lệnh
  - Bước 2: Chọn mã chứng khoán đặt lệnh
  - Bước 3: Lựa chọn đặt theo Khối lượng hoặc đặt theo giá trị

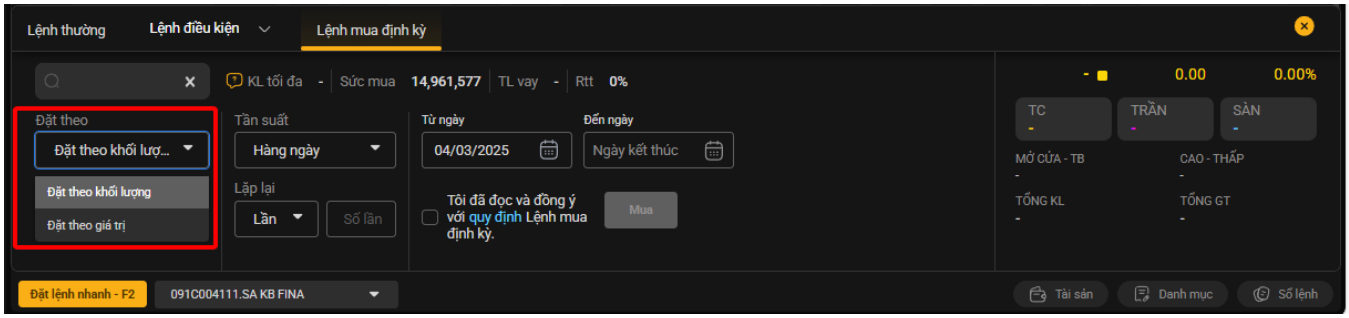

+ Trường hợp chọn Đặt theo khối lượng: Khách hàng thiết lập khối lượng đặt

+ Trường hợp chọn Đặt theo giá trị: Khách hàng thiết lập Giá trị đặt

- Bước 4: Chọn tần suất: Hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng

Quay về mục lục

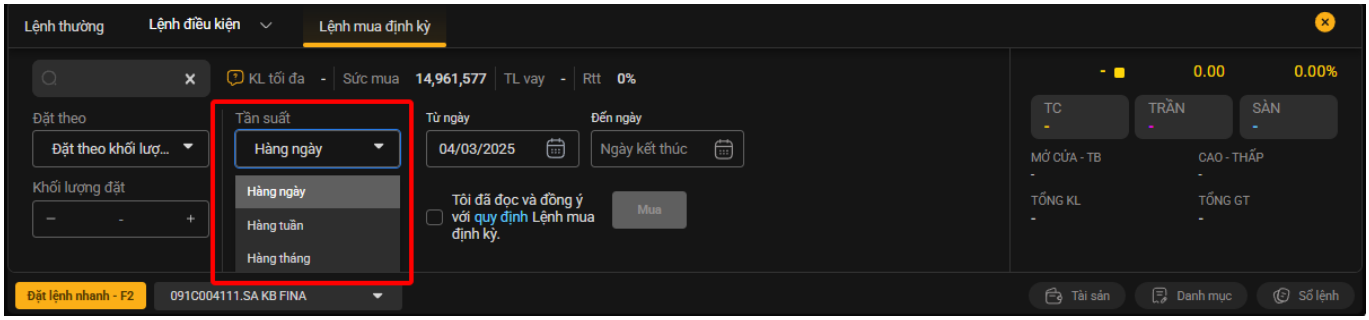

- Bước 5: Chọn lặp lại: lần hoặc không giới hạn. Chọn "Lần" khách hàng nhập số lần lặp lại lệnh; chọn "Không thời hạn" thì không nhập số lần lặp lại lệnh

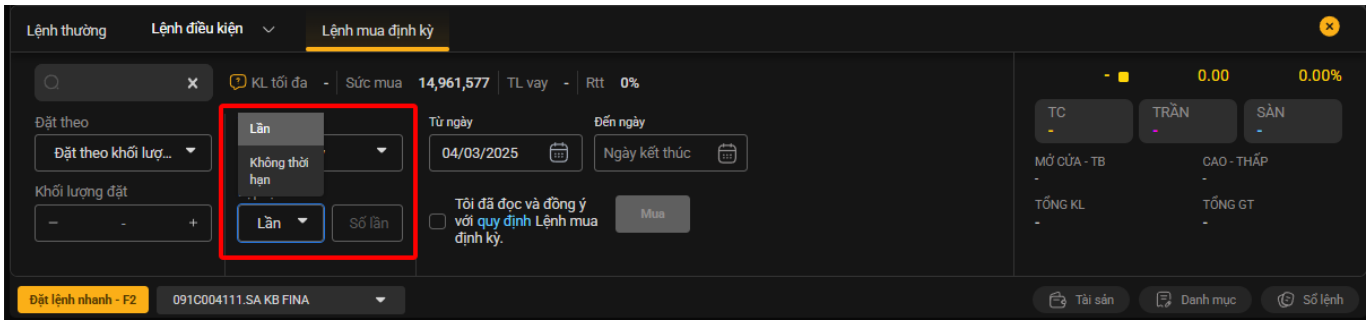

- Bước 6: chọn khoảng thời gian đặt lệnh (từ ngày, đến ngày)

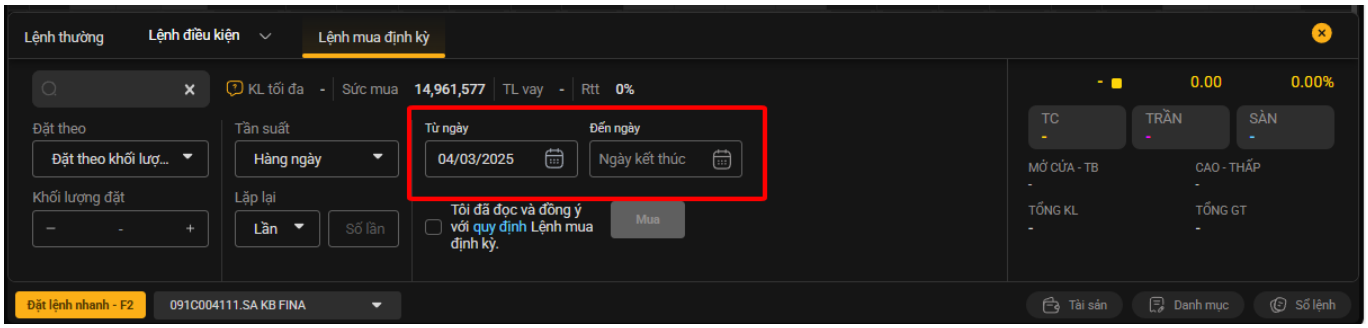

- Bước 7: Tick chọn "Tôi đã đọc và đồng ý với quy định lệnh mua định kỳ"

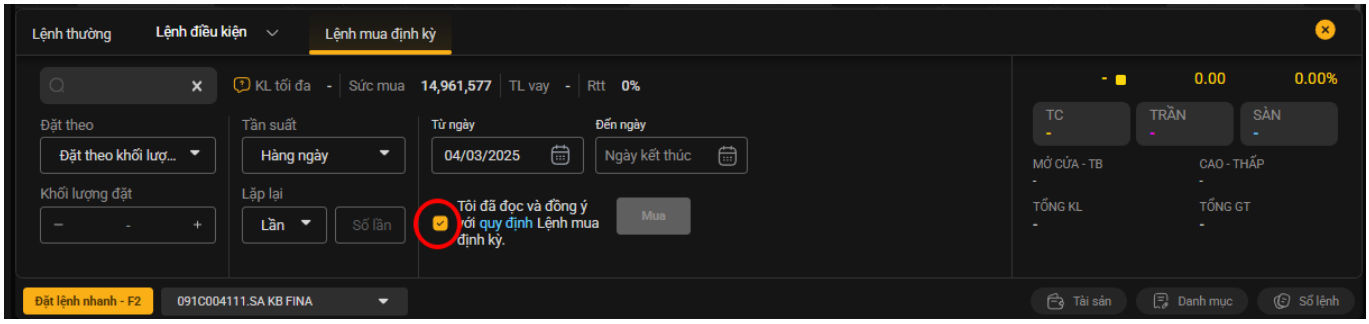

- Bước 8: Nhấn nút Mua để thực hiện đặt lệnh mua định kỳ, chuyển sang màn hình nhập xác thực
- Bước 9: Nhập OTP và nhận nút "Xác nhận" chuyển sang màn hình xác nhận lệnh
- Bước 10: Nhấn nút "Xác nhận", hệ thống trả ra thông báo:

Quay về mục lục

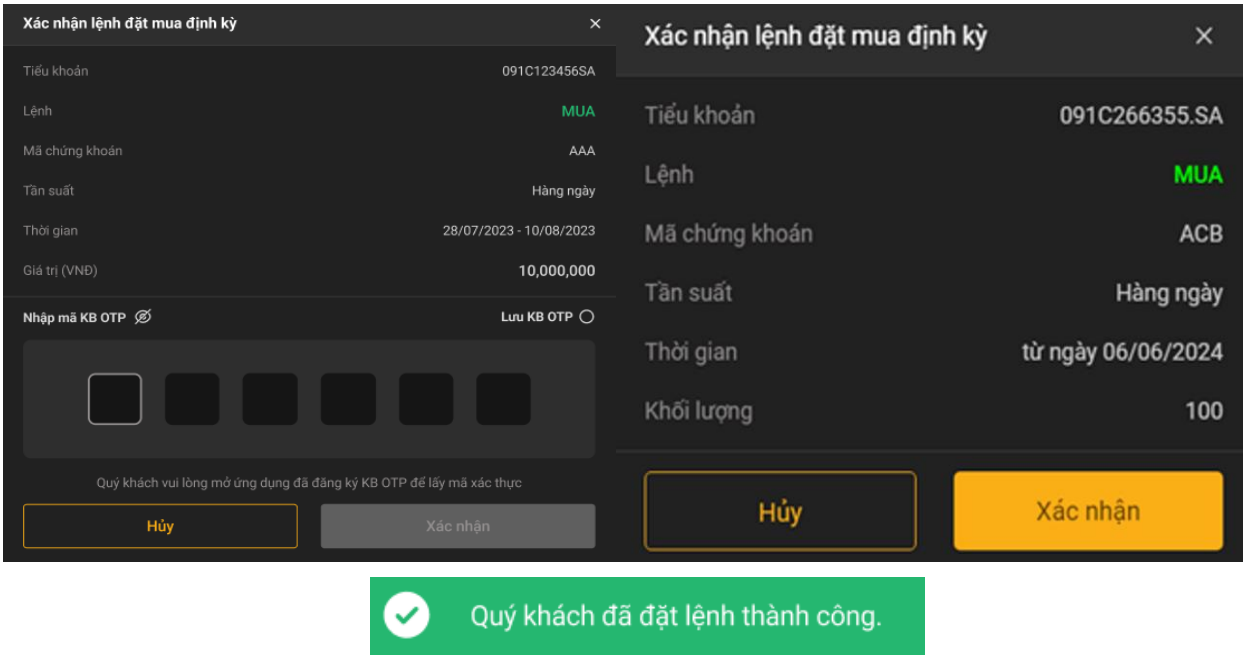

2. Sổ lệnh

Tại mục "Giao dịch chứng khoán" chọn "Sổ lệnh"

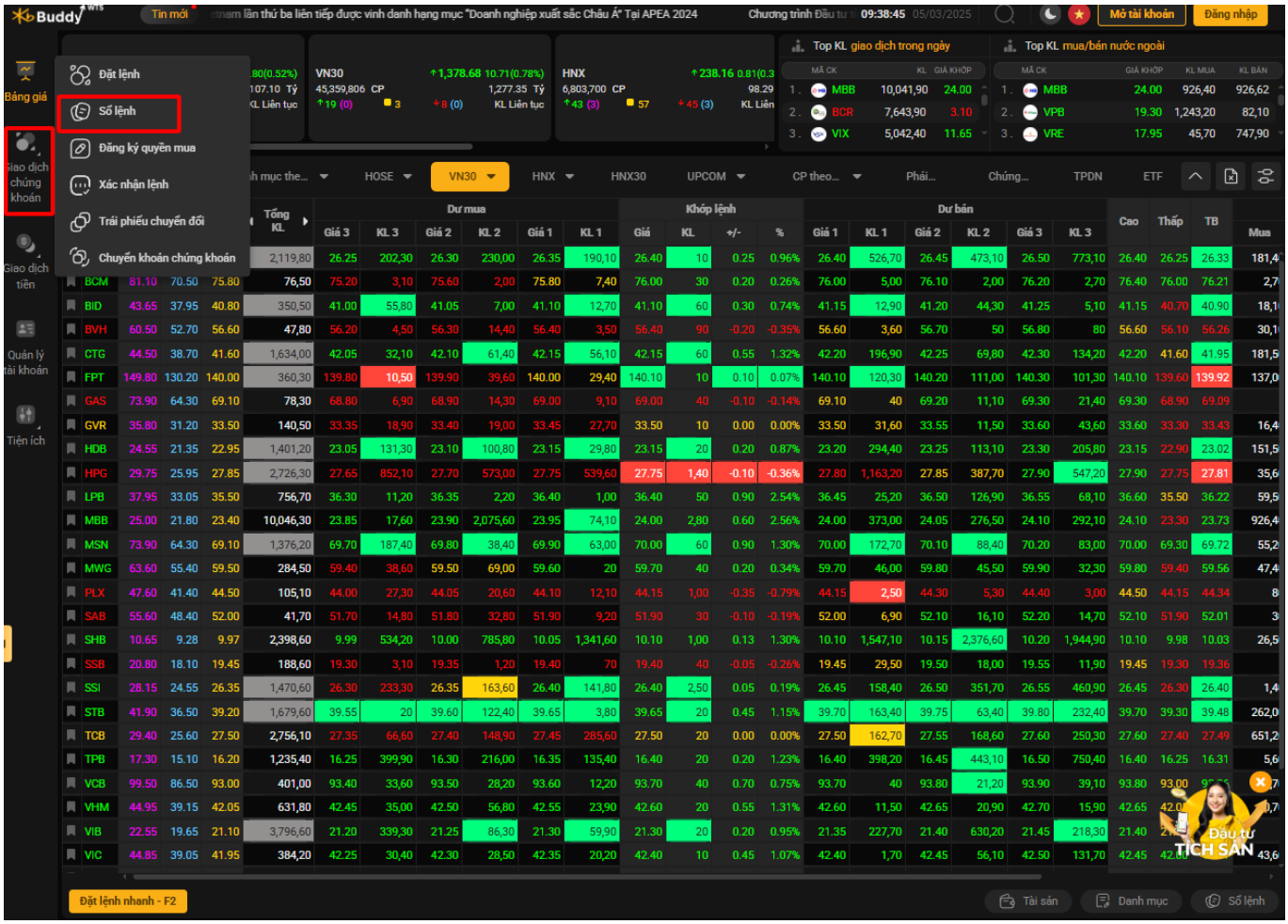

Màn hình sổ lệnh gồm: Sổ lệnh thường; Quản lý mua định kỳ, Quản lý lệnh điều kiện

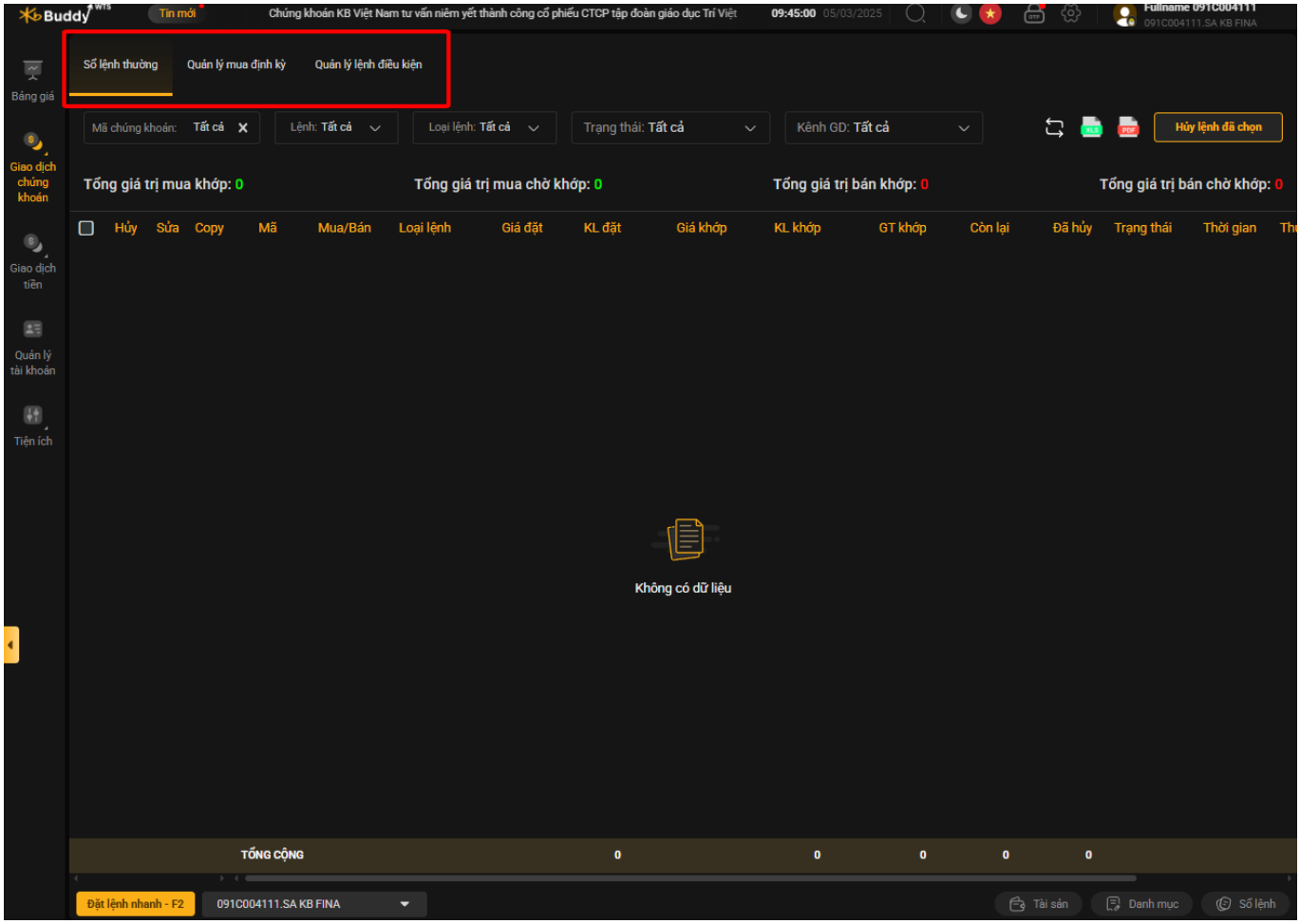

2.1. Sổ lệnh thường

Trên mục "Giao dịch chứng khoán" chọn **Sổ lệnh** sau đó nhấn chọn **Sổ lệnh thường**:

Sổ lệnh thường: hiển thị thông tin tất cả các lệnh thường đã đặt trong ngày, bao gồm cả lệnh con được kích hoạt (lệnh điều kiện, lệnh định kỳ)

Quay về mục lục

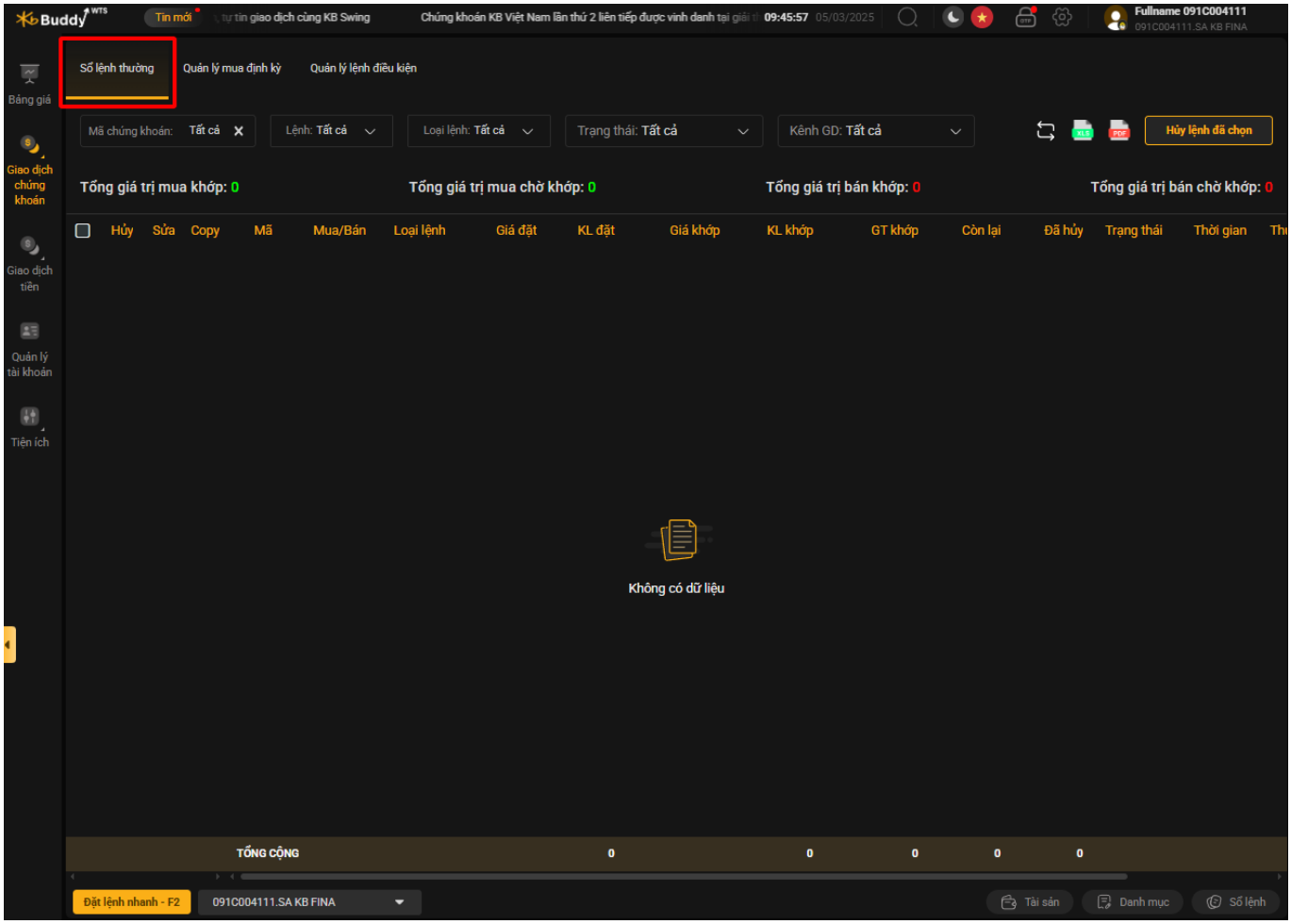

Trên màn hình "Sổ lệnh" khách hàng có thể lọc thông tin hiển thị theo nhu cầu. Bộ lọc gồm có:

- Lệnh: Mua/Bán
- Loại lệnh: LO;MP; ATO,…
- Trạng thái (Trạng thái lệnh): chọn trong combobox
- Kênh giao dịch: chọn trong combobox

Quay về mục lục

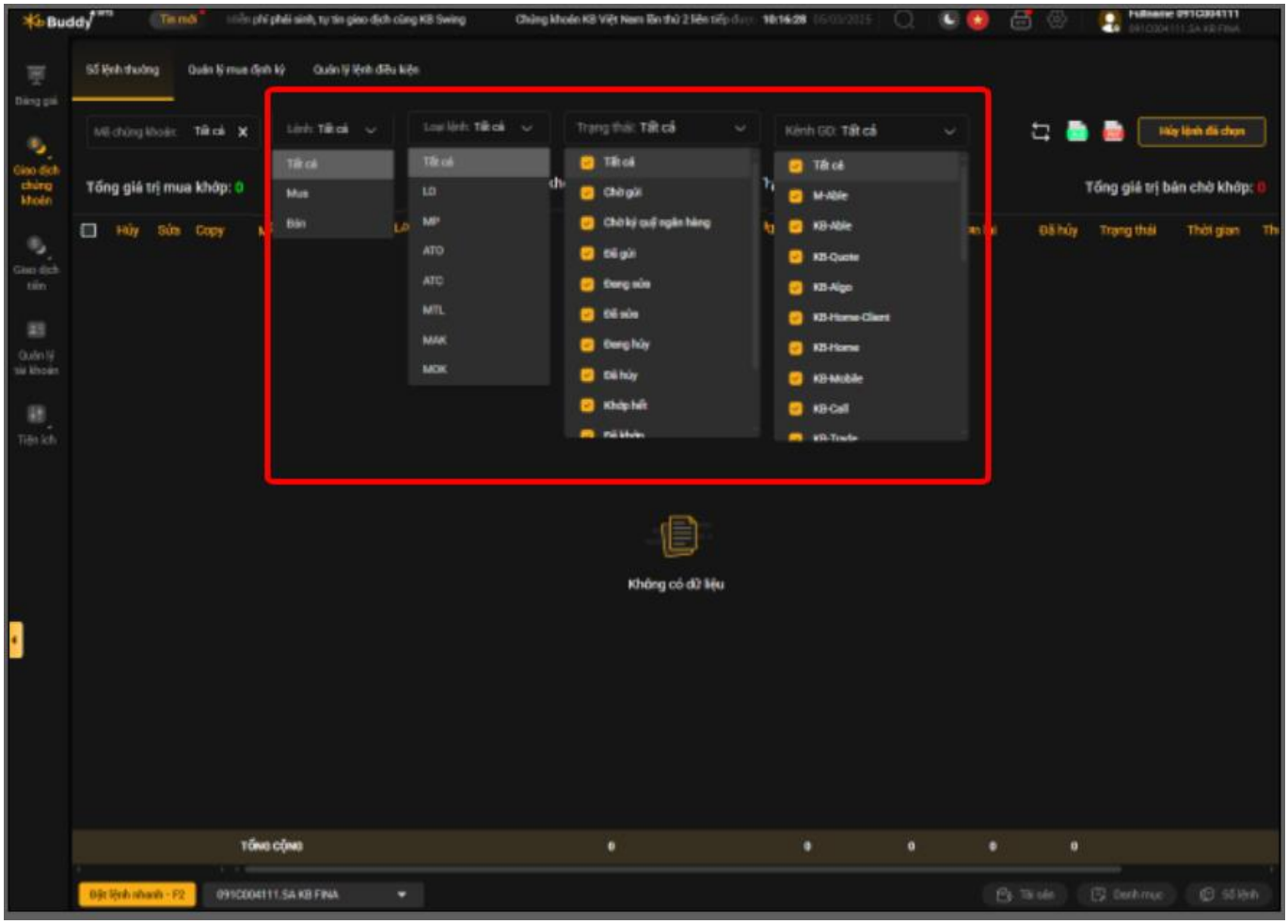

- Lọc theo mã chứng khoán: nhập mã chứng khoán vào ô "Mã chứng khoán

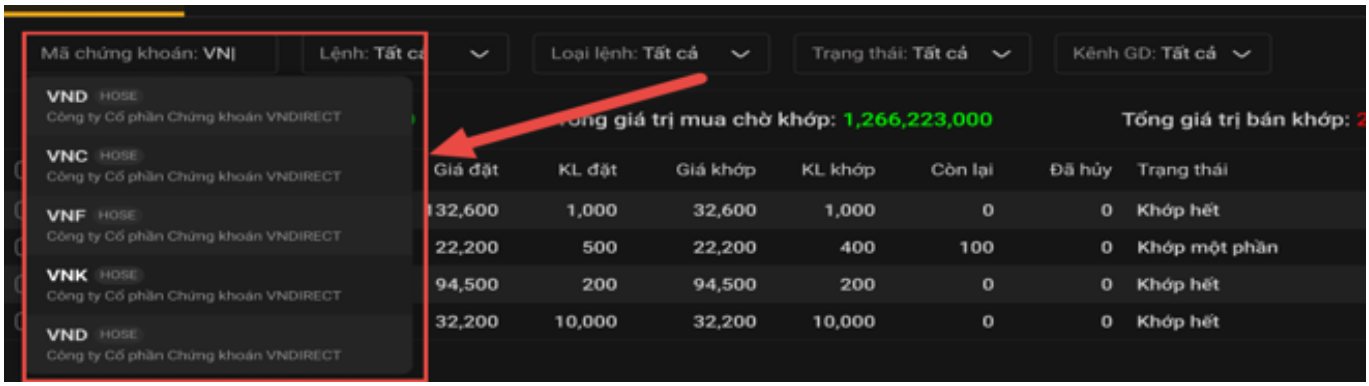

❖ **Sửa lệnh thường:**

Để sửa lệnh thường khách hàng có thể vào tab "Sổ lệnh thường" tại mục "Giao dịch chứng khoán" hoặc vào màn hình "Sổ lệnh rút gọn"

Quay về mục lục

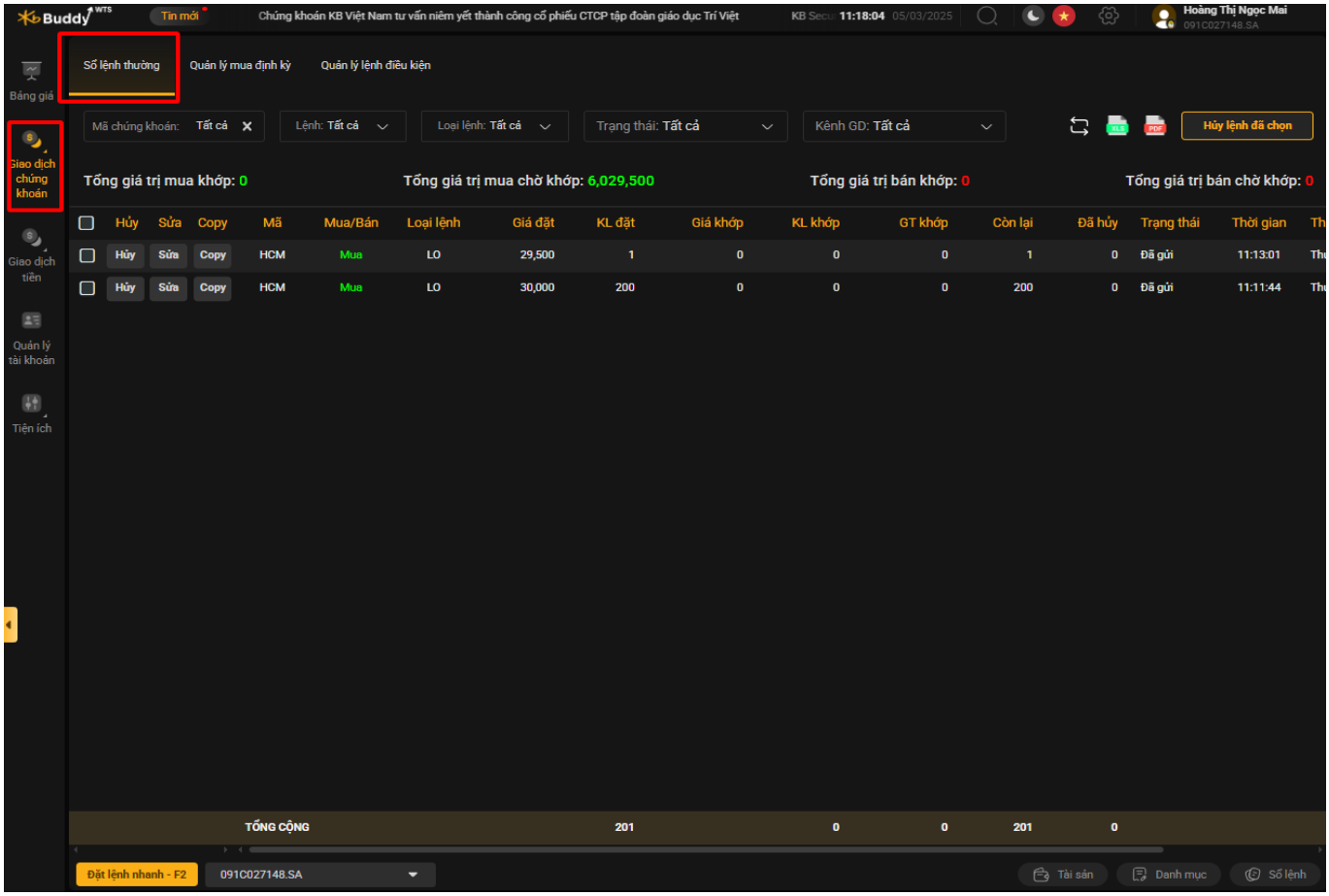

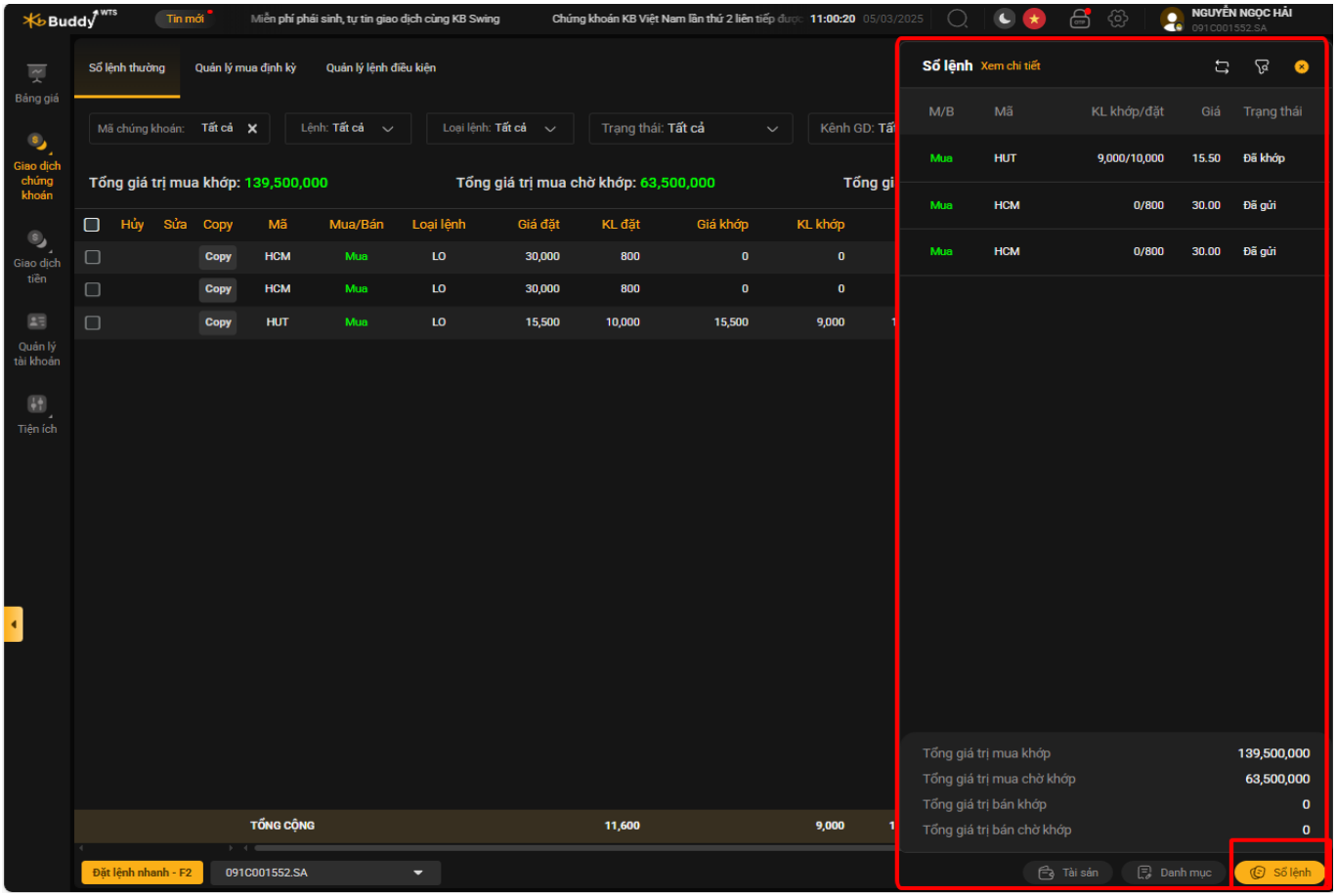

Quay về mục lục

Các bước sửa lệnh thường:

- Bước 1: Tại màn hình "Sổ lệnh thường" hoặc Sổ lệnh rút gọn (nút sổ lệnh tại taskbar) khách hàng chọn lệnh muốn sửa trong khung sổ lệnh, kéo sang phía bên trái, nút Sửa/ Hủy xuất hiện:

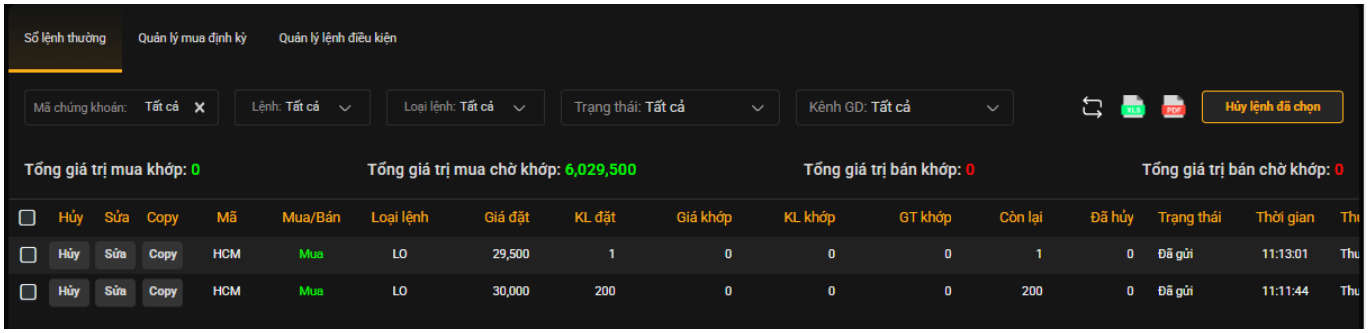

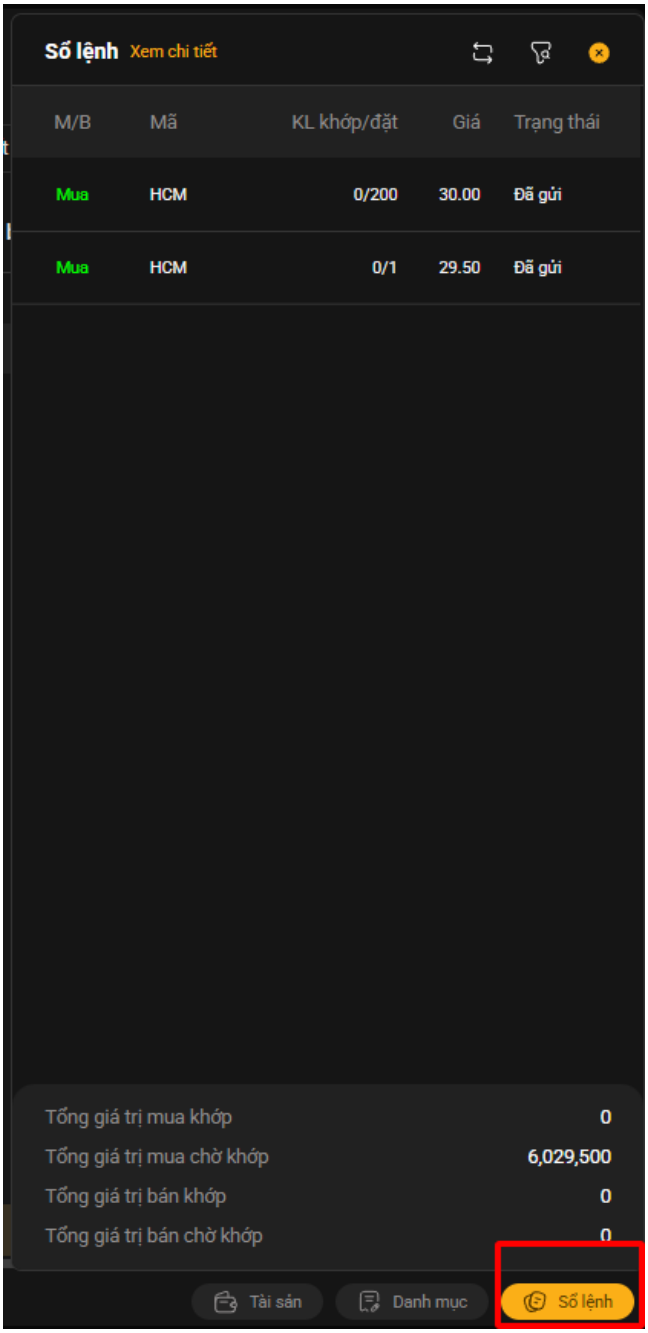

Quay về mục lục

Màn hình "Sổ lệnh thường" biểu tượng nút sửa lệnh:

hoặc biểu tượng trên màn hình sổ lệnh rút gọn

- Bước 2: Nhấn nút "Sửa lệnh" chuyển sang màn hình sửa lệnh:

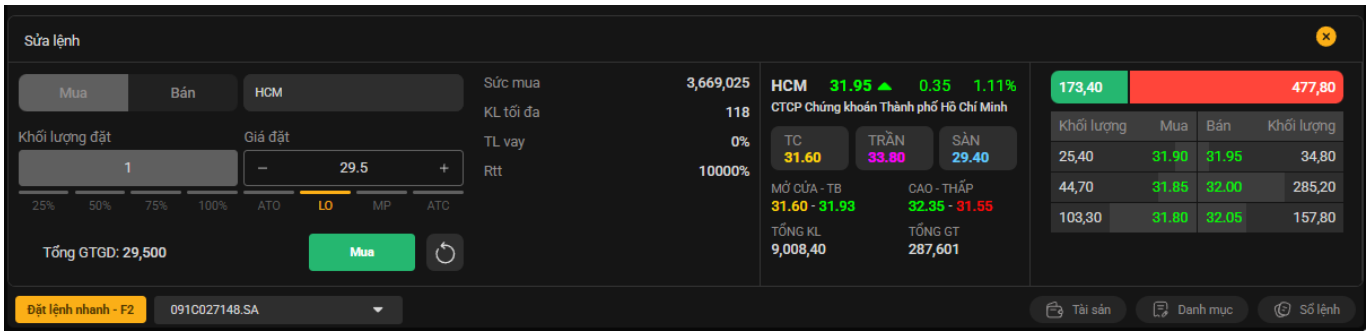

- Bước 3: Nhập thông tin giá muốn sửa và nhấn nút "Mua/Bán" chuyển sang màn hình xác thực (nếu khách hàng đã lưu OTP thì sẽ chuyển sang bước 4):
- Bước 4: Nhập OTP và nhấn nút "Xác nhận" để xác nhận sửa lệnh:

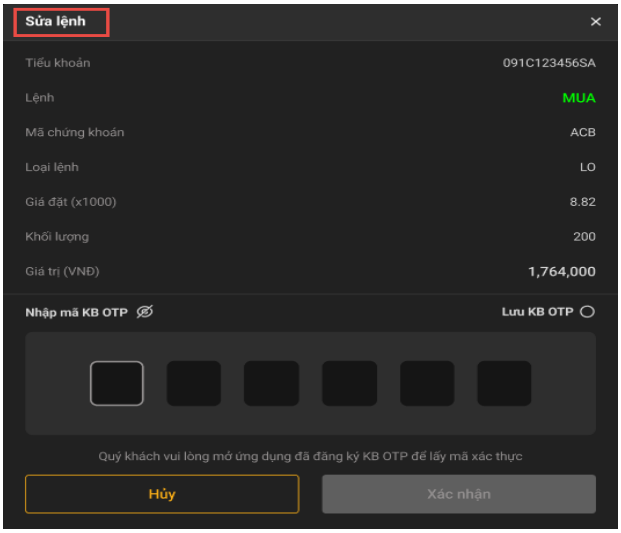

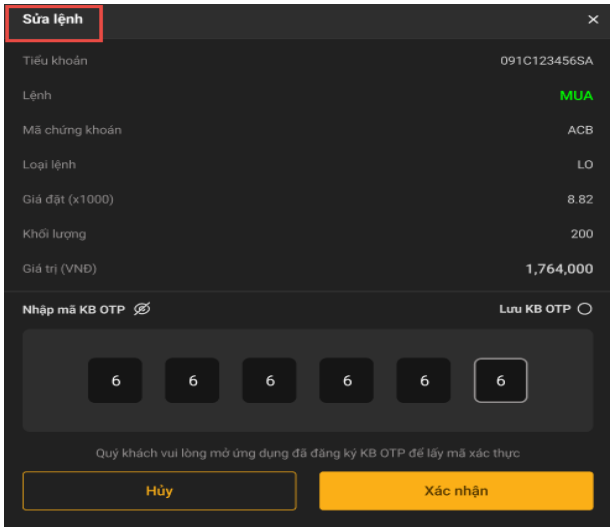

- Bước 5: Sửa lệnh thành công hệ thống trả ra thông báo:

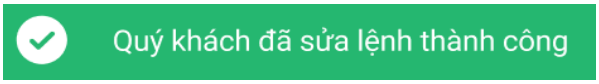

❖ **Hủy lệnh thường:**

Để hủy lệnh thường khách hàng có thể vào tab "Sổ lệnh thường" tại mục "Giao dịch chứng khoán" hoặc vào màn hình "Sổ lệnh"

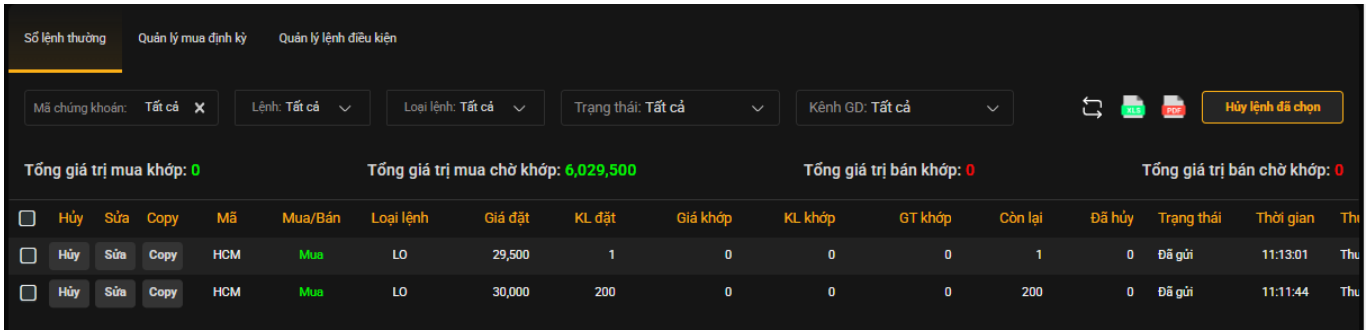

Quay về mục lục

Các bước hủy lệnh thường:

- Bước 1: Tại màn hình "Sổ lệnh thường" hoặc Sổ lệnh rút gọn (nút sổ lệnh tại taskbar) khách hàng chọn lệnh muốn hủy kéo sang phía bên trái, nút Sửa/ Hủy xuất hiện:

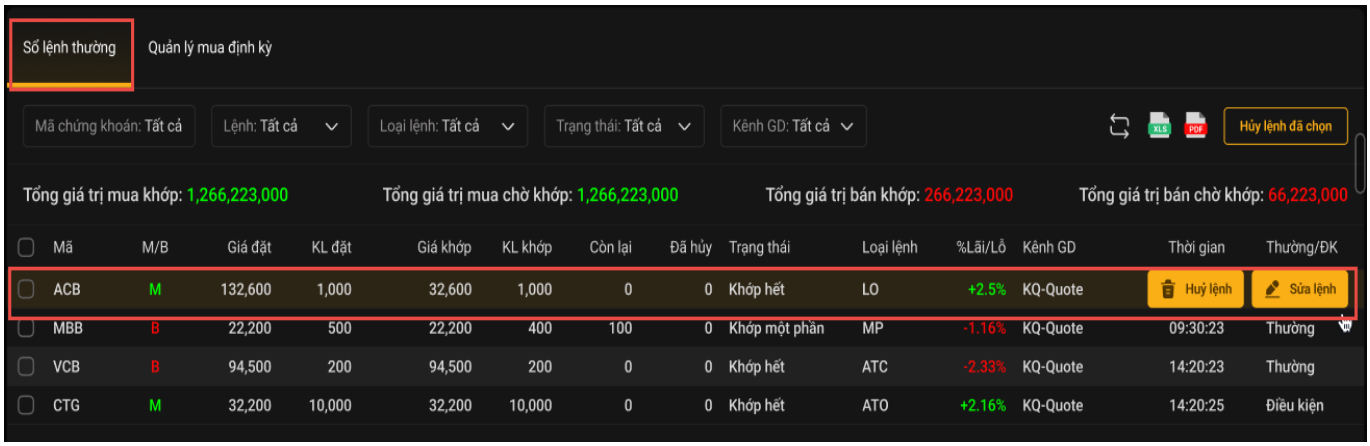

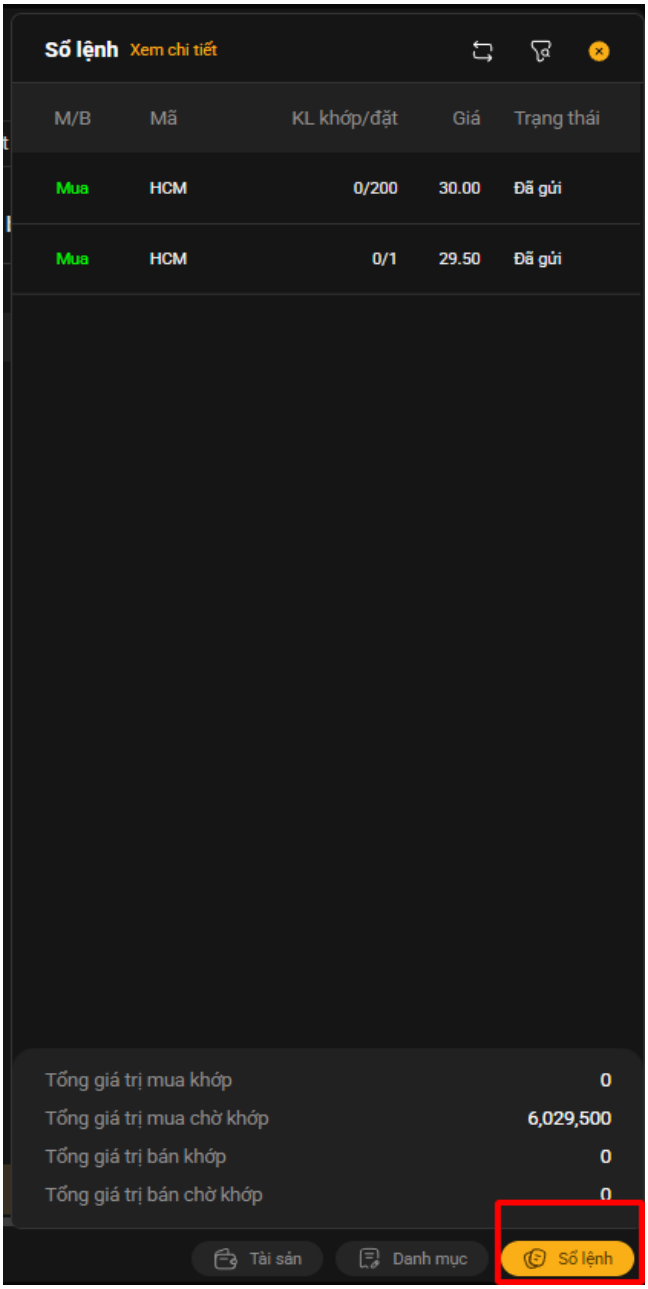

Quay về mục lục

Màn hình "Sổ lệnh" biểu tượng nút hủy lệnh hoặc biểu tượng

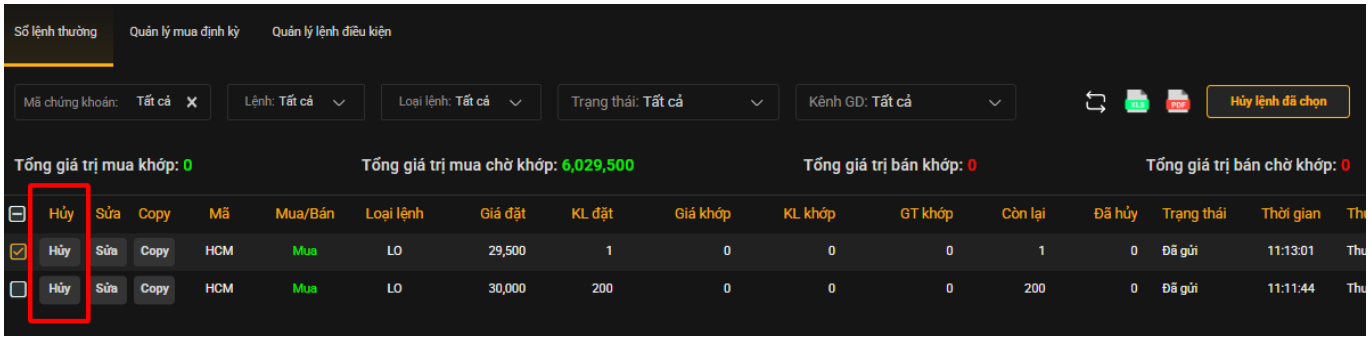

- Bước 2: Nhấn nút "Hủy lệnh" chuyển sang màn hình xác nhận hủy lệnh:
- Bước 3: Nhập thông tin xác thực và nhấn nút xác nhận để hoàn thành hủy lệnh.

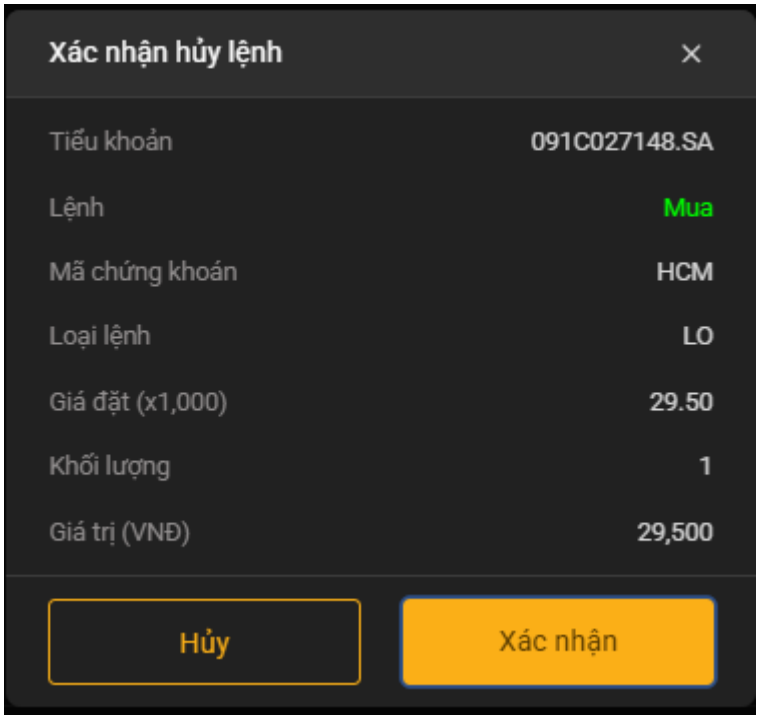

- Bước 4: Hủy lệnh thành công hệ thống trả ra thông báo:

Quay về mục lục

2.2. Quản lý mua định kỳ

- Khách hàng có thể xem các lệnh mua định kỳ đã đặt và đang có hiệu lực tại mục **Giao dịch chứng khoán/Sổ lệnh**, tab **Quản lý mua định kỳ**

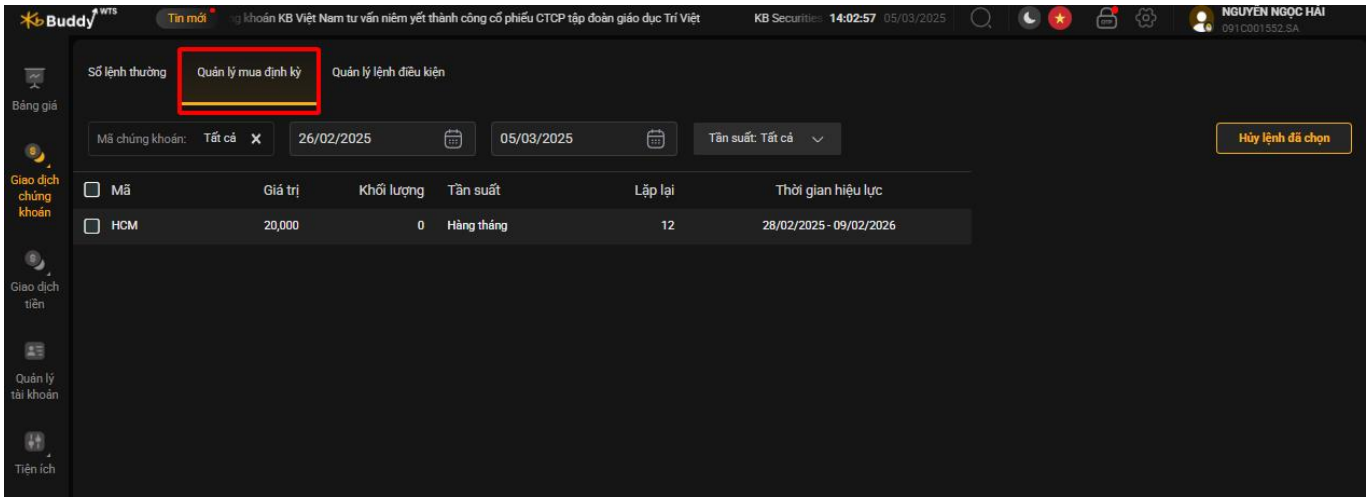

- Chọn tiểu khoản và lựa chọn các tiêu chí trong **Bộ lọc** để xem các lệnh đáp ứng điều kiện mong muốn:

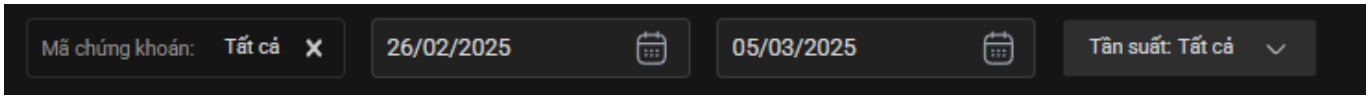

- Khách hàng có thể hủy lệnh đặt mua định kỳ tại tab **Quản lý lệnh mua định kỳ**

Các bước **Hủy lệnh mua định kỳ**:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản
- Bước 2: Tại mục **Giao dịch chứng khoán/Sổ Lệnh**, chọn Tab **Quản lý mua định kỳ**
- Bước 3: Khách hàng có thể Hủy lệnh theo cách sau:
  - Cách 1: Tại từng dòng lệnh, nhấn vào dòng lệnh chọn hiển thị thông tin chi tiết của lệnh, nhấn nút **Hủy lệnh**.

Quay về mục lục

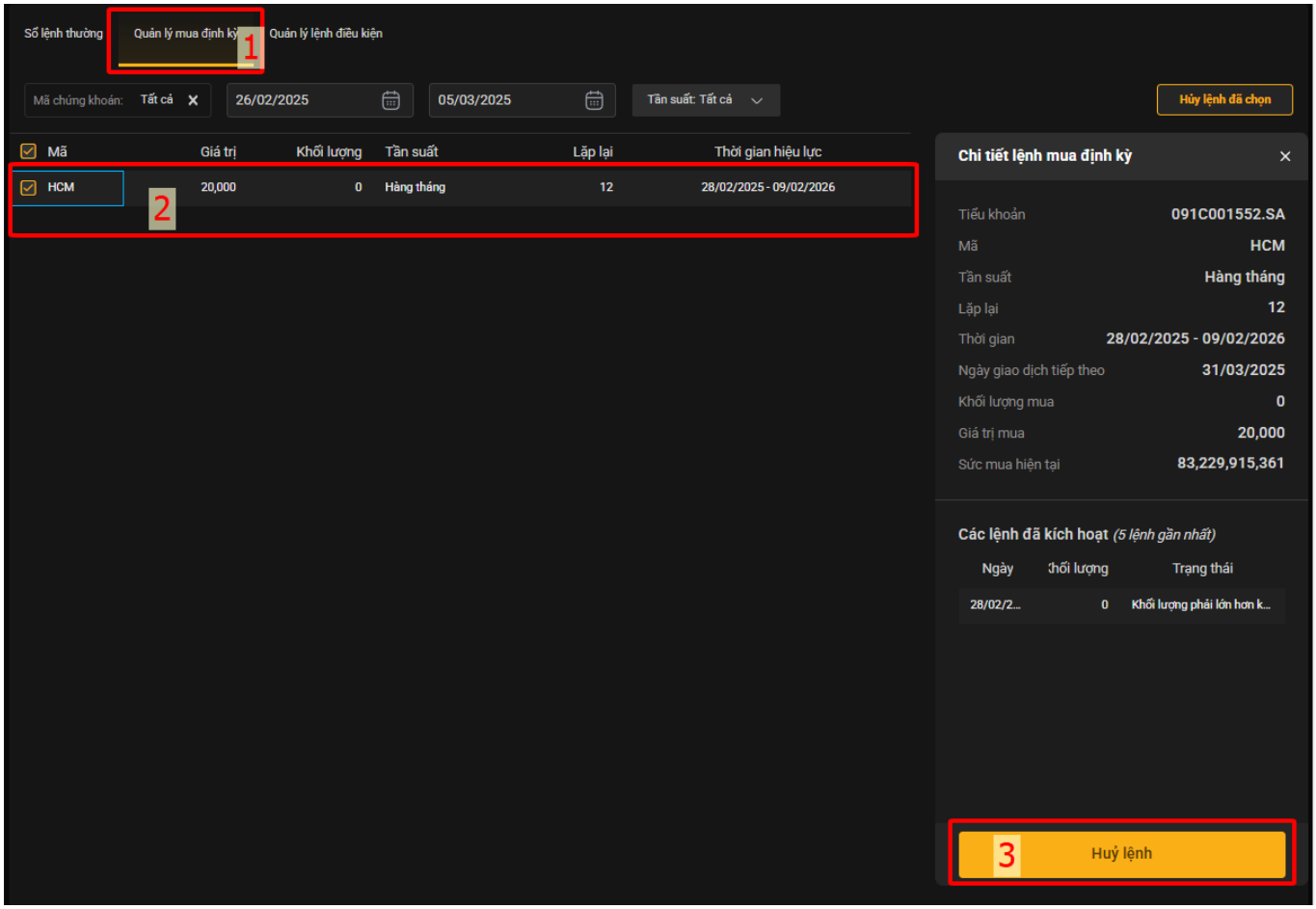

Quay về mục lục

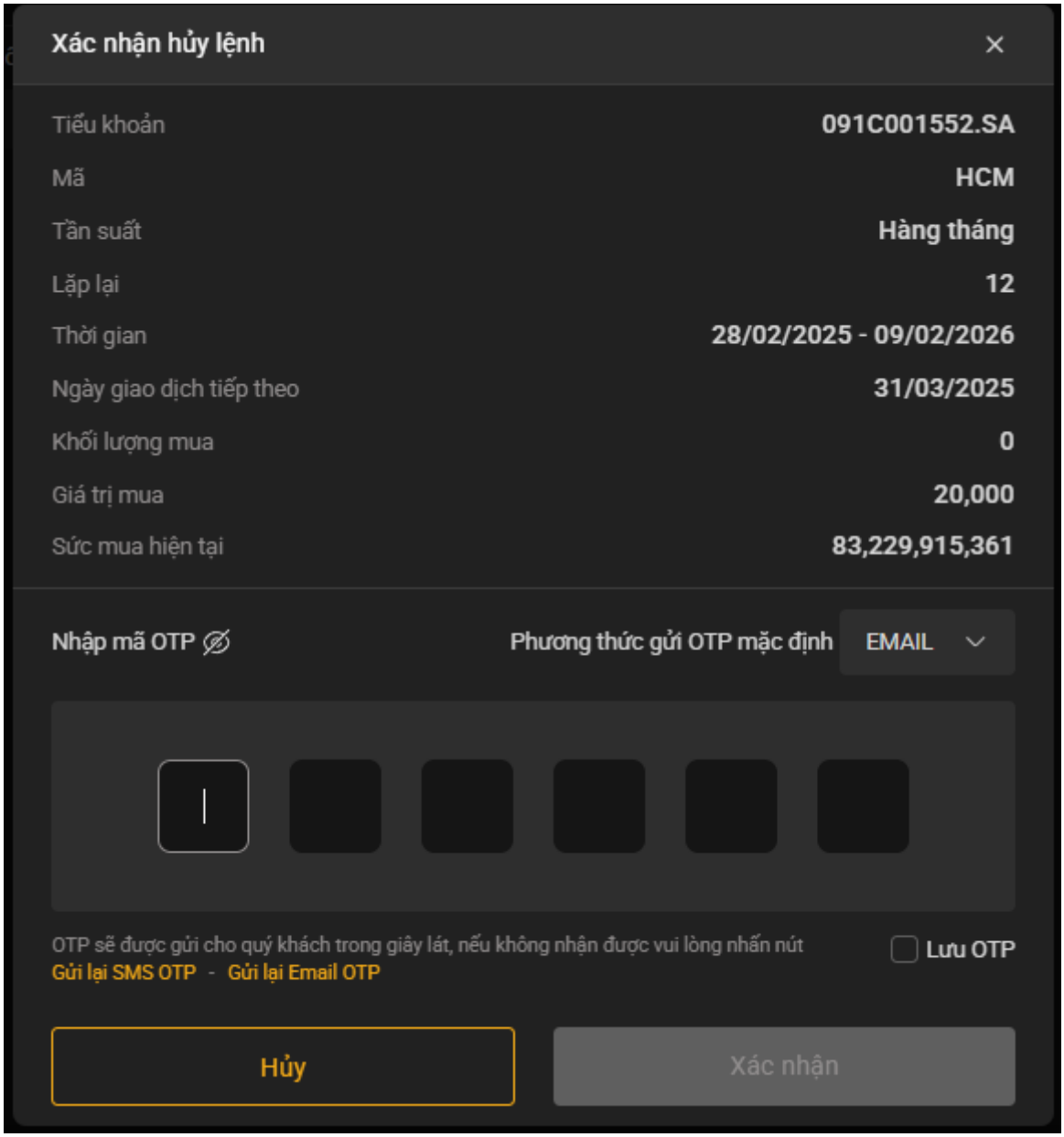

Quay về mục lục

- Cách 2: Tích chọn lệnh muốn hủy trên màn hình **Quản lý mua định kỳ** và nhấn nút **Hủy lệnh đã chọn** để hủy lệnh định kỳ đã chọn. Với cách này khách hàng có thể hủy cùng lúc nhiều lệnh định kỳ đang trong thời gian hiệu lực.

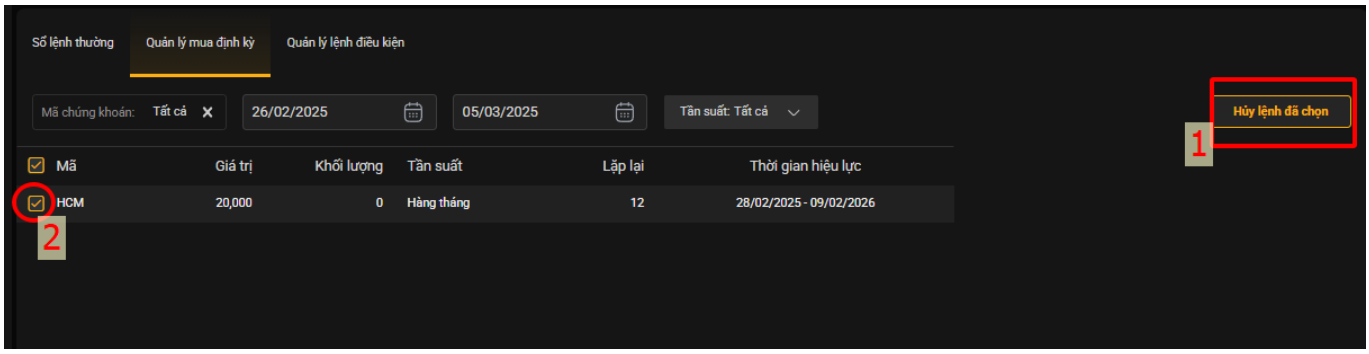

➢ Bước 3: Sau khi chọn Hủy lệnh, xuất hiện màn hình **Xác nhận hủy lệnh**.

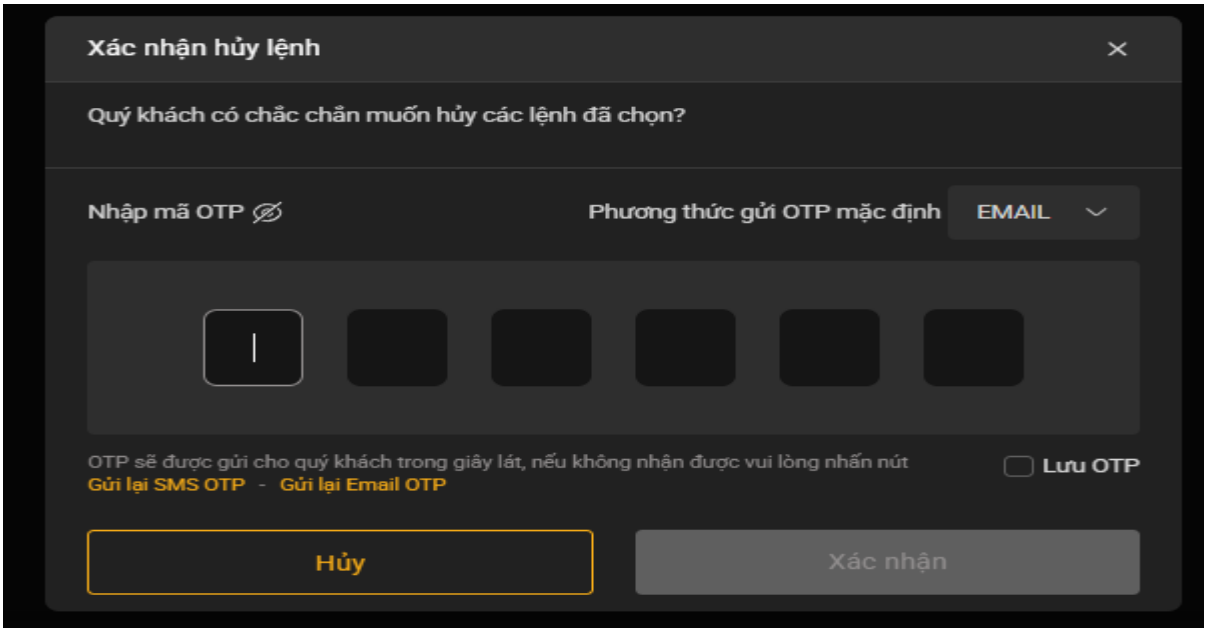

➢ Bước 4: Nhập OTP xác thực hủy lệnh và nhấn nút **Xác nhận.** Hủy lệnh thành công hệ thống trả ra thông báo:

2.3. Quản lý lệnh điều kiện

- Khách hàng có thể xem các lệnh mua định kỳ đã đặt và đang có hiệu lực tại mục **Giao dịch chứng khoán/Sổ lệnh**, tab **Quản lý lệnh điều kiện**

Quay về mục lục

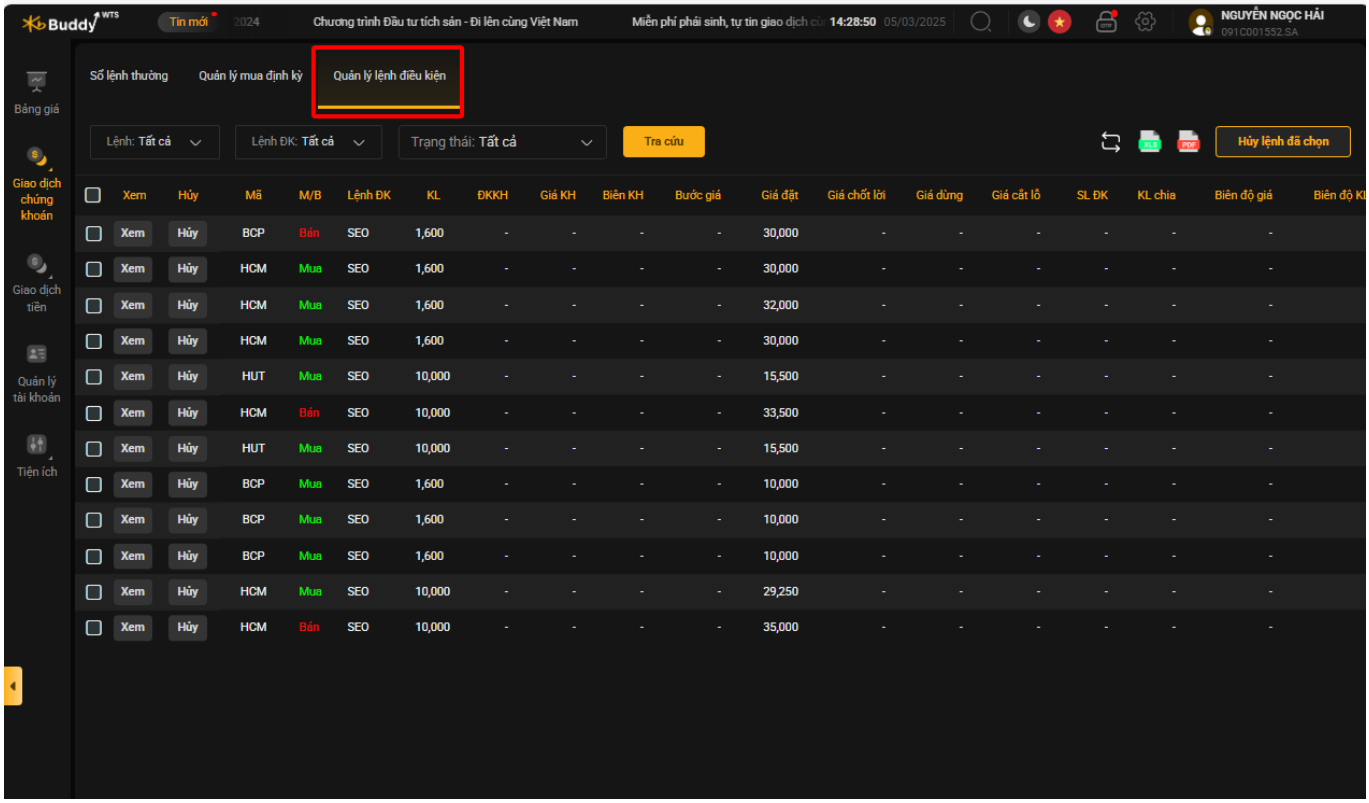

Khách hàng có thể tra cứu Quản lý lệnh điều kiện theo các trường:

- Lệnh: Mua /Bán
- Lệnh điều kiện: SO, SEO, Stop Order, MCO,…
- Trạng thái: Chờ kích hoạt, Đã gửi,…

Lưu ý: Lệnh điều kiện không thể thực hiện Sửa lệnh.

Các bước **Hủy lệnh mua điều kiện**:

Cách 1:

- Bước 1: Tại màn hình Quản lý lệnh điều kiện. Nhấn chọn chức năng Hủy lệnh

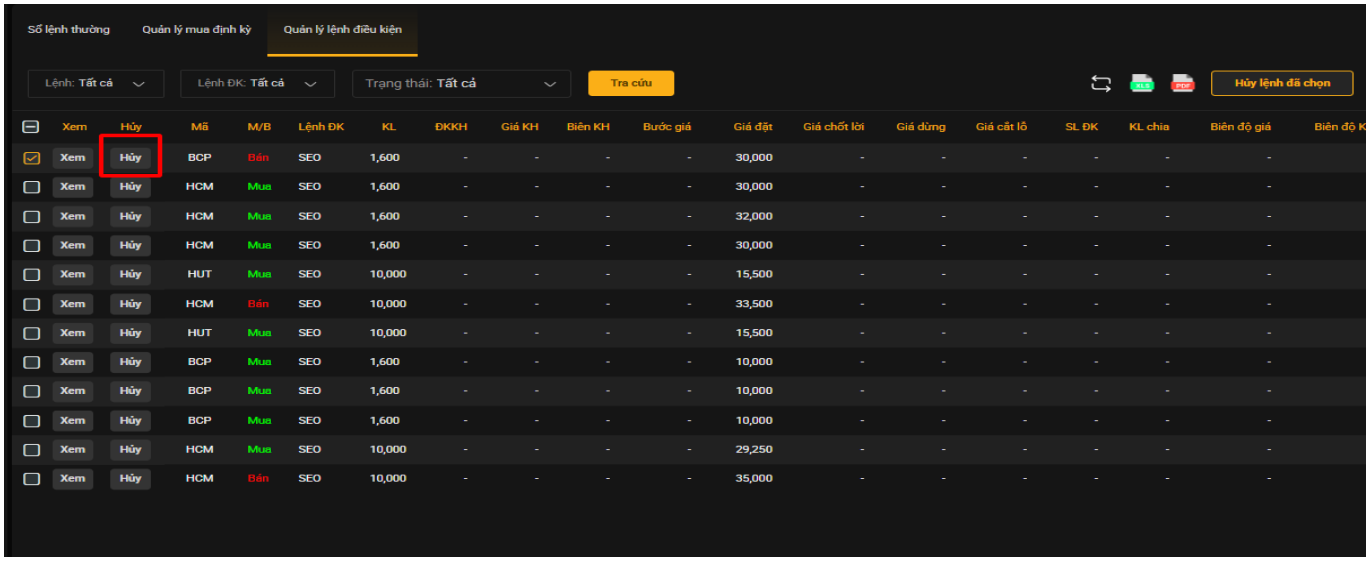

Quay về mục lục

- Bước 2: Khi xuất hiện màn hình xác nhận hủy lệnh gốc. Khách hành nhập mã OTP để thực hiện hủy lệnh và nhấn Xác nhận.

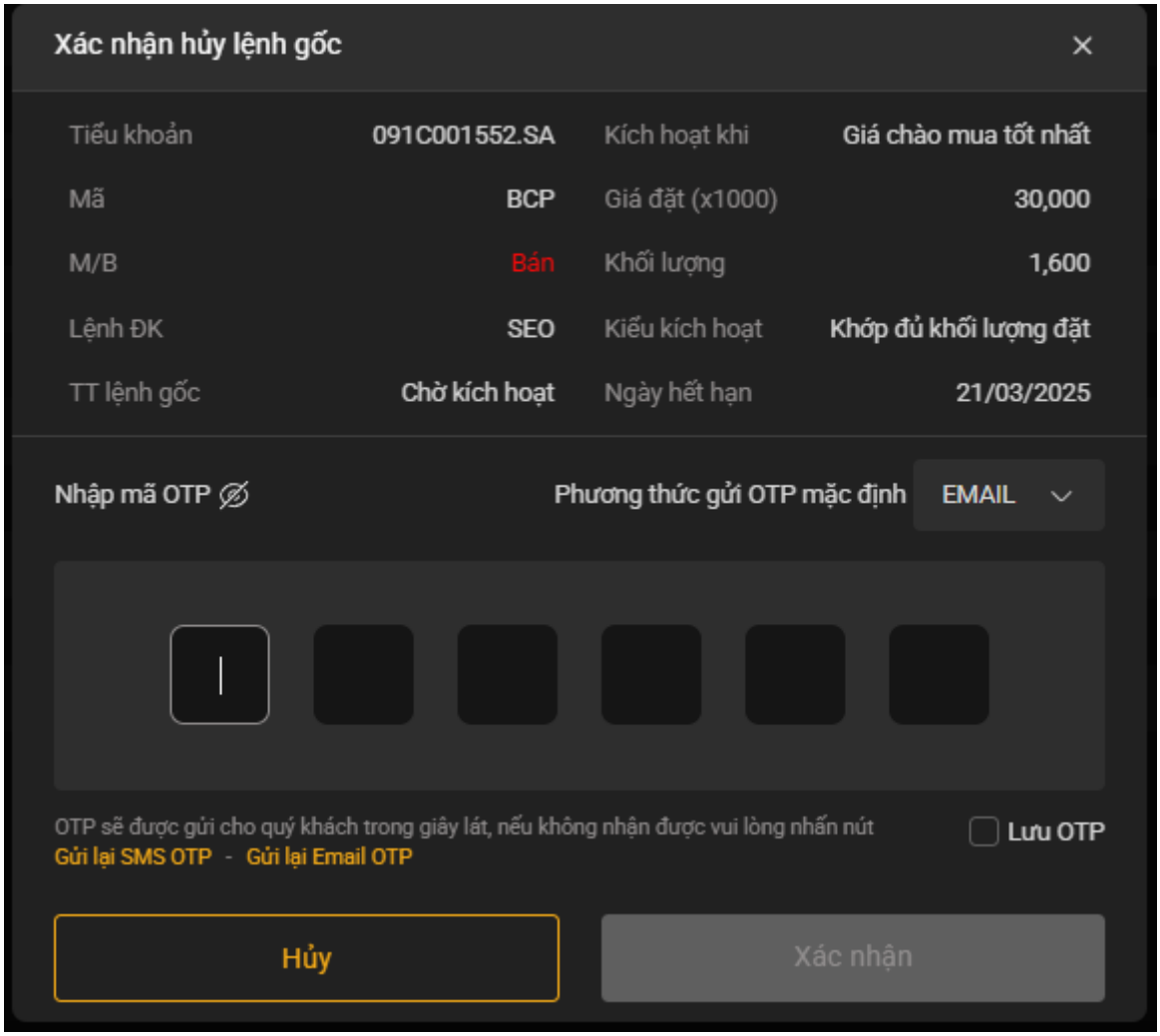

Cách 2:

- Bước 1: Tại màn hình Quản lý lệnh điều kiện. Nhấn chọn "Hủy lệnh đã chọn"

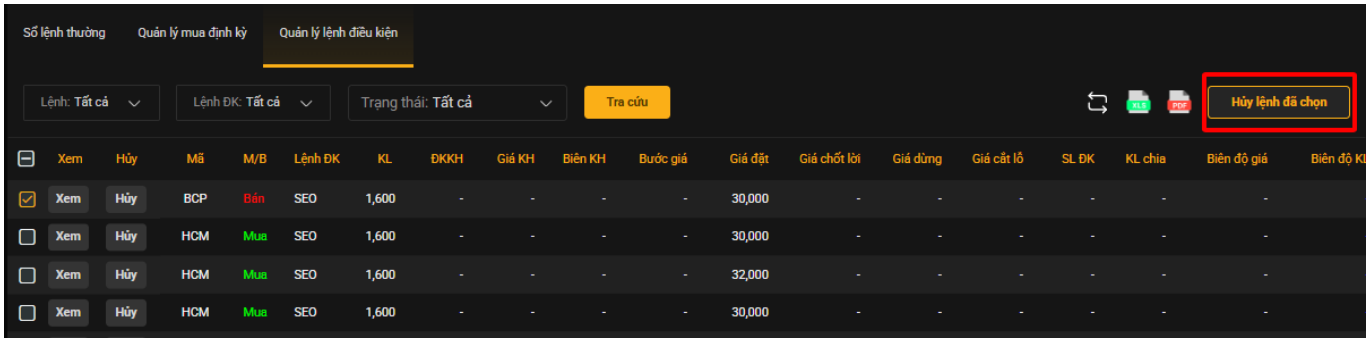

- Bước 2: Khi xuất hiện màn hình xác nhận hủy lệnh. Khách hành nhập mã OTP để thực hiện hủy lệnh và nhấn Xác nhận.

Quay về mục lục

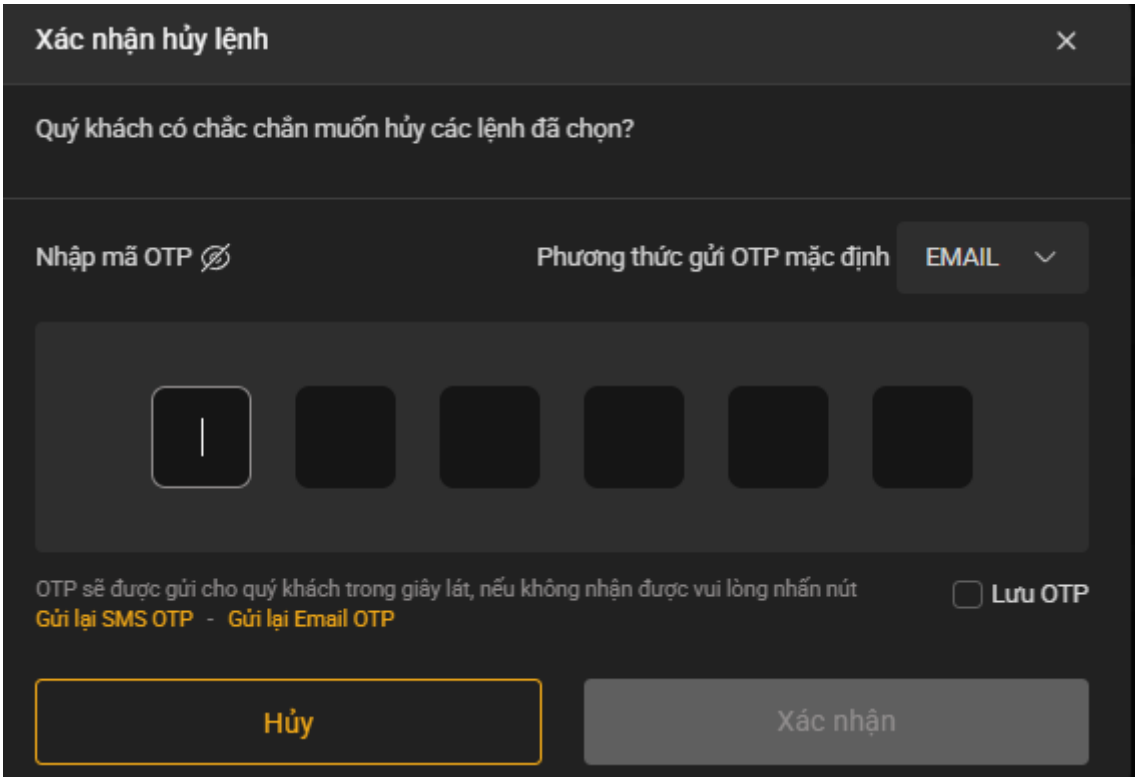

3. Đăng ký quyền mua

Mục **Đăng ký quyền mua** bao gồm: **Đăng ký quyền mua** và **Lịch sử** đăng ký quyền mua

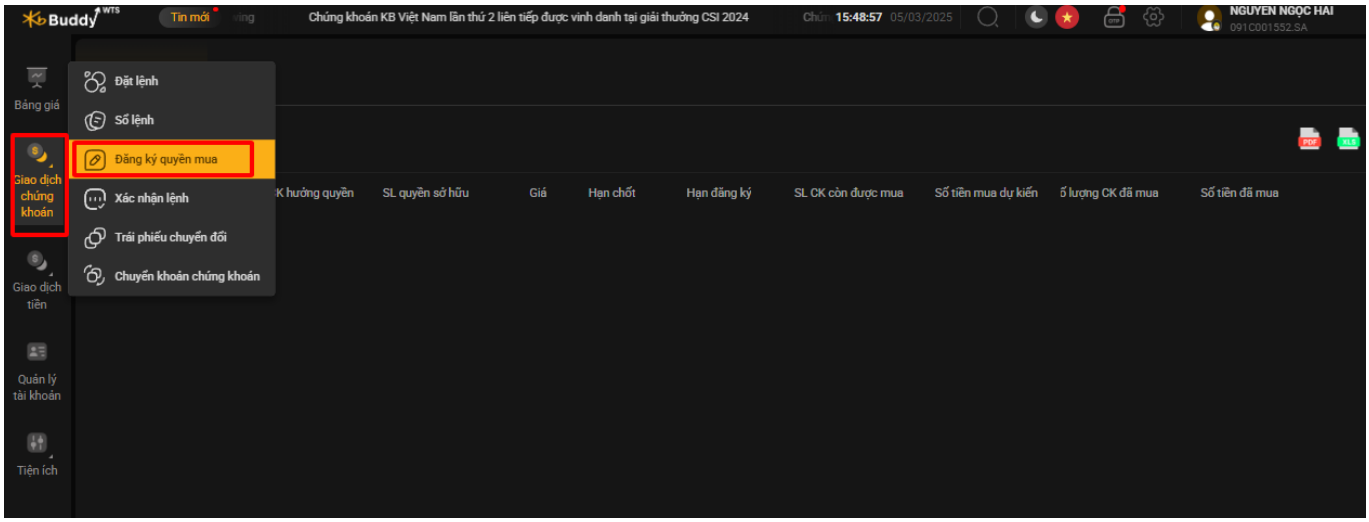

3.1. Đăng ký quyền mua

Để đăng ký quyền mua chứng khoán, Khách hàng vào **Giao dịch chứng khoán,** tại mục **Đăng ký quyền mua** chọn tab **Đăng ký quyền mua,** màn hình Đăng ký quyền mua hiện thông tin quyền mua của khách hàng trên từng tiểu khoản:

Quay về mục lục

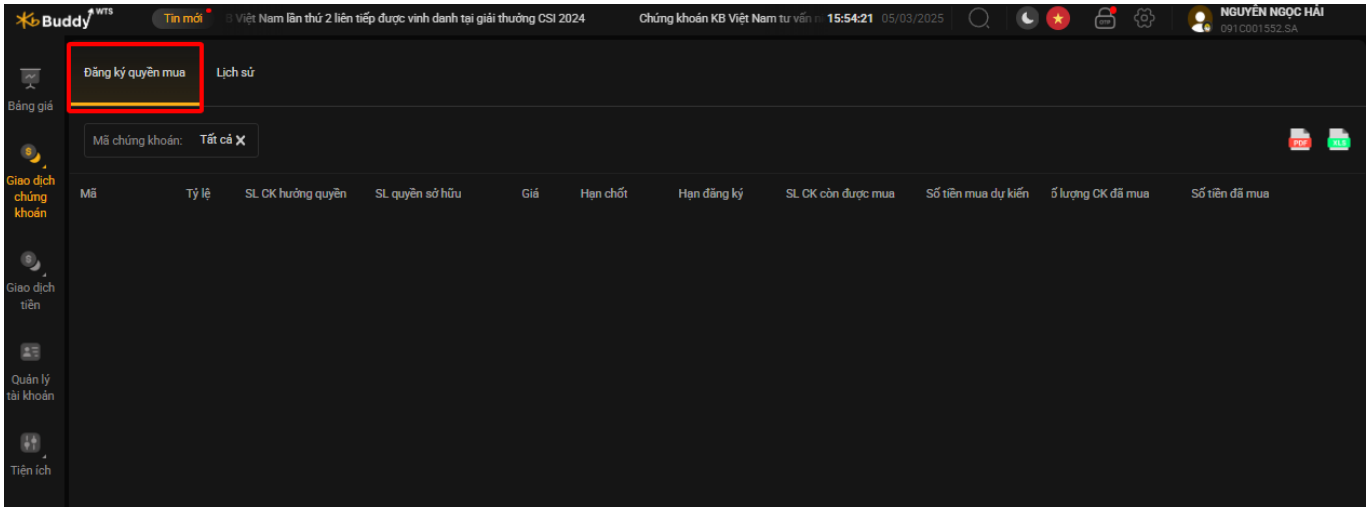

Để Đăng ký quyền mua Khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản có quyền mua, màn hình xuất hiện thông tin quyền mua các mã chứng khoán.

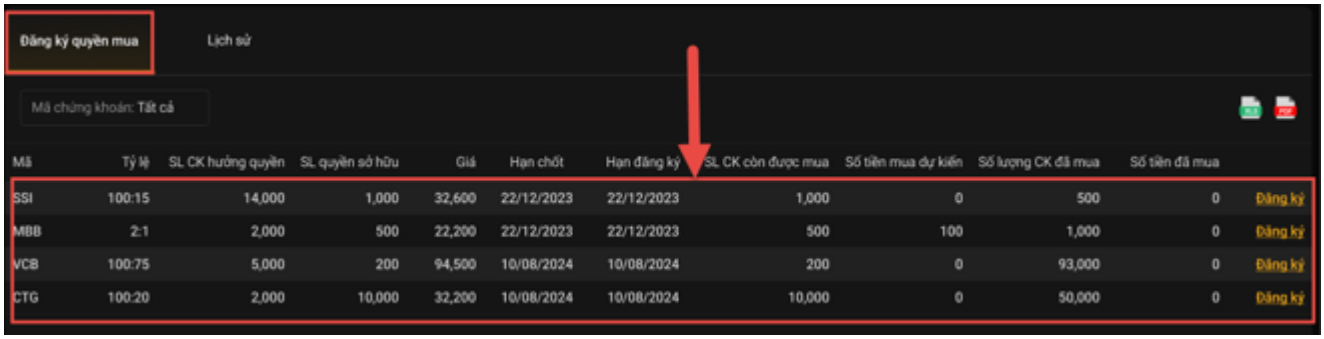

- Bước 2: Chọn quyền mua muốn đăng ký, nhấn vào nút **Đăng ký** trên dòng quyền mua đó xuất hiện màn hình **Đăng ký quyền mua**.

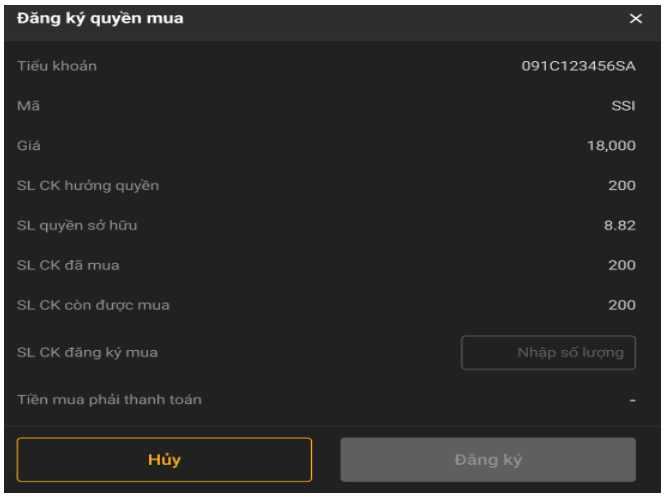

- Bước 3: Nhập số lượng chứng khoán đăng ký mua (số lượng đăng ký mua phải nhỏ hơn hoặc bằng số lượng chứng khoán được mua).

Quay về mục lục

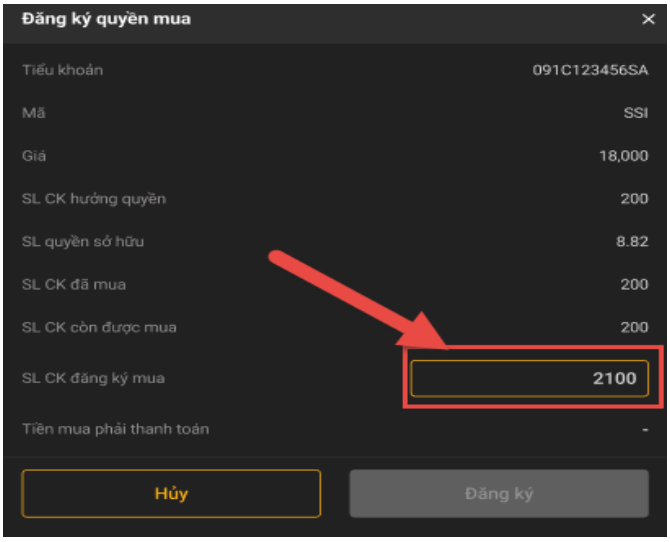

- Bước 4: Nhấn **Đăng ký**.
- Bước 5: Nhập OTP và nhấn nút xác nhận để hoàn thanh giao dịch

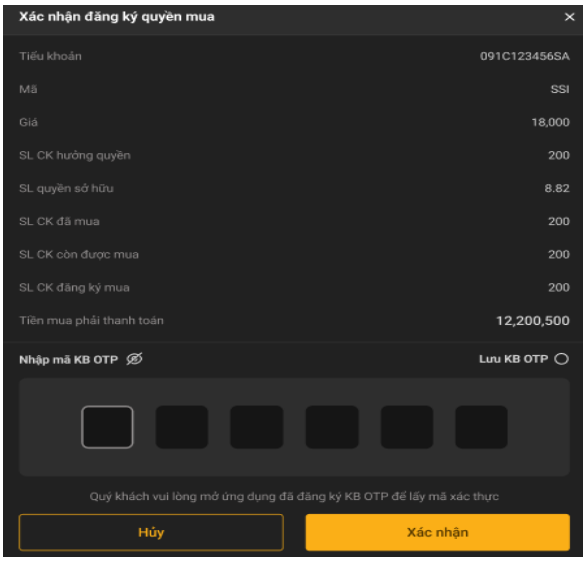

- Bước 6: Đăng ký quyền mua thành công hệ thống trả ra thông báo

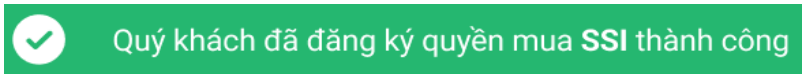

3.2. Lịch sử

Để xem Lịch sử đăng ký quyền mua, tại mục **Giao dịch/ Đăng ký quyền mua** chọn tab **Lịch sử**. Màn hình Lịch sử đăng ký quyền mua:

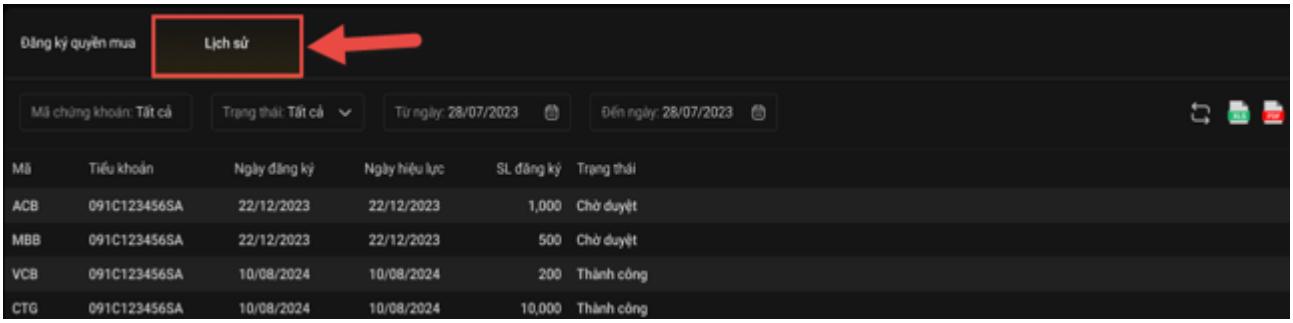

Quay về mục lục

Khách hàng có thể lựa chọn xem lịch sử đăng ký quyền mua theo tiêu chí mong muốn tại **Bộ lọc:**

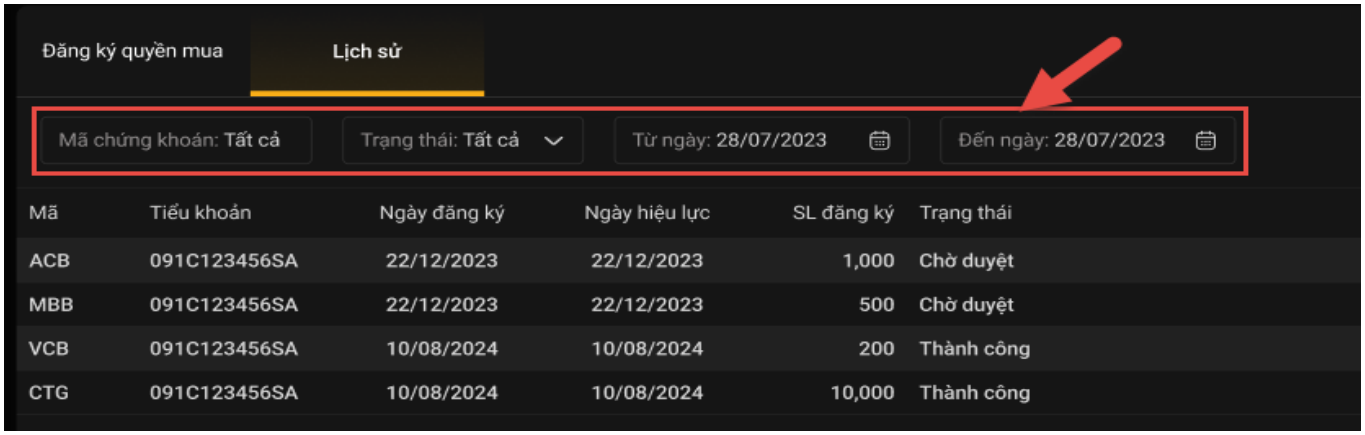

4. Xác nhận lệnh

Để xác nhận lệnh, Khách hàng vào **Giao dịch chứng khoán,** chọn **Xác nhận lệnh**

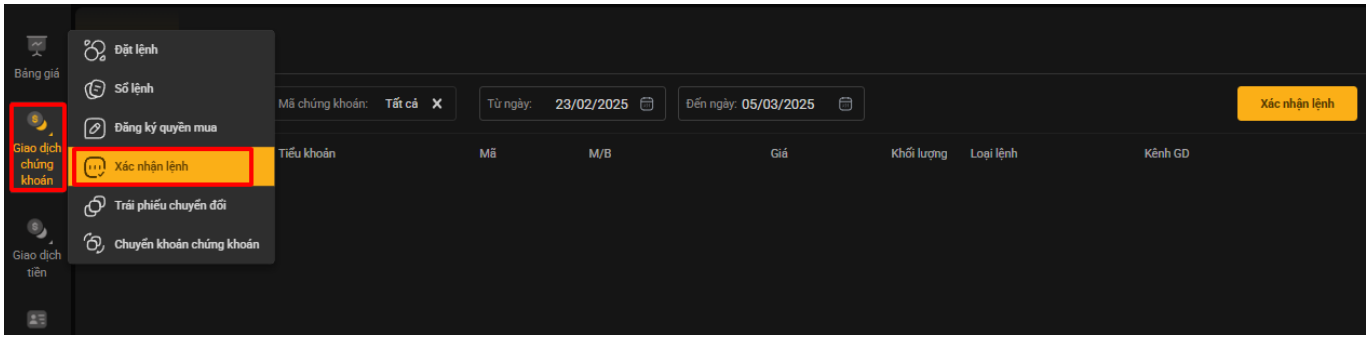

Màn hình **Xác nhận lệnh:**

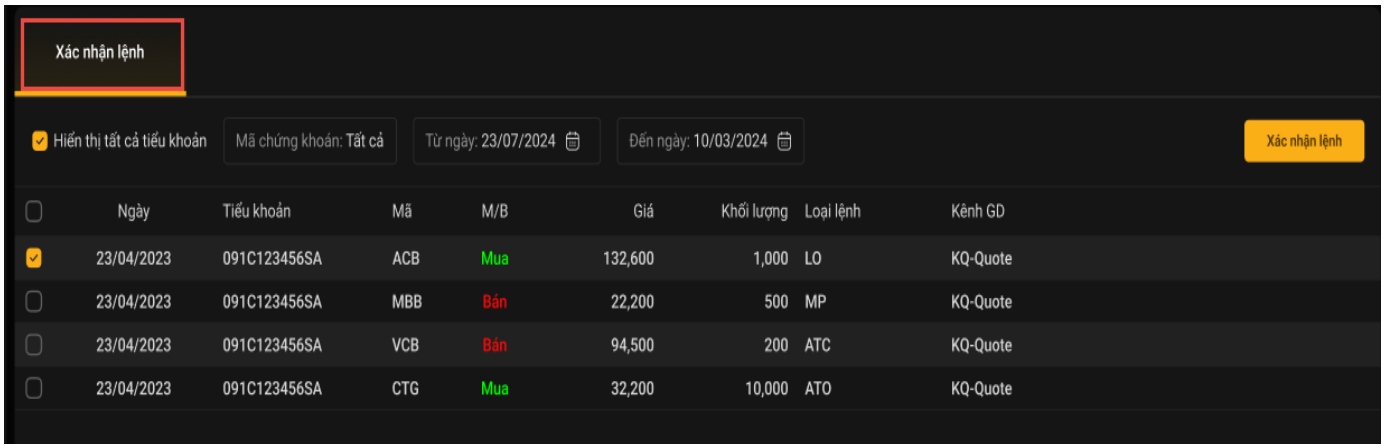

Các bước xác nhận lệnh:

- Bước 1: Tại màn hình **Xác nhận lệnh** chọn tiểu khoản hiển thị lệnh để xác nhận
- Bước 2: Chọn lệnh muốn xác nhận: Khách hàng có thể chọn 1 lệnh hoặc nhiều lệnh hoặc chọn tất cả các lệnh cần xác nhận bằng cách tick vào nút ngay tại các lệnh để chọn từng lệnh hoặc nút tick trên thanh tiêu đề để chọn tất cả các lệnh.

Quay về mục lục

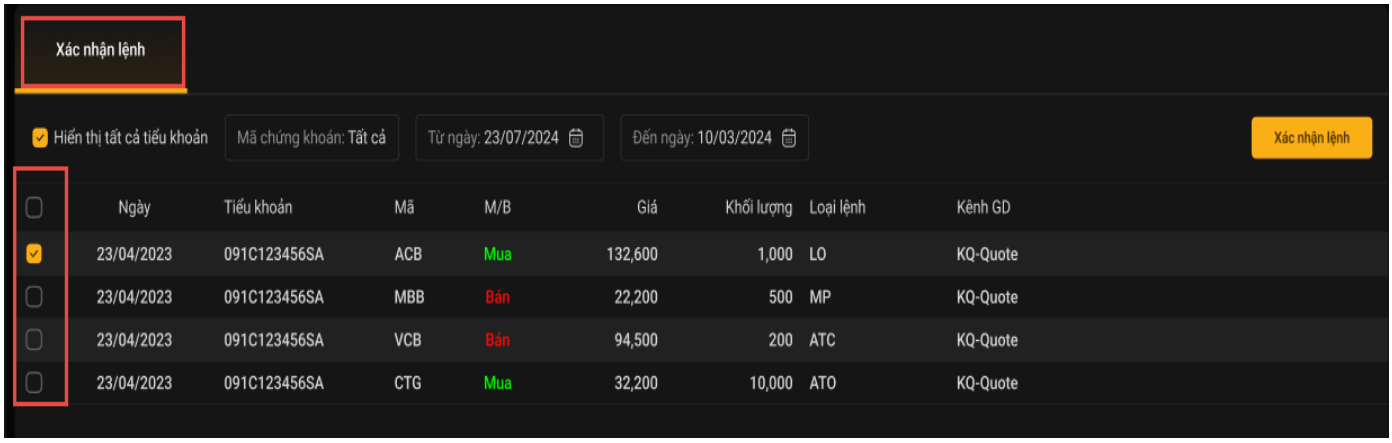

- Bước 3: Nhấn nút **Xác nhận lệnh** để qua màn hình nhập mã xác nhận
- Bước 4: Nhập mã xác nhận
- Bước 5: Xác nhận lệnh thành công màn hình popup thông báo chúc mừng giao dịch thành công

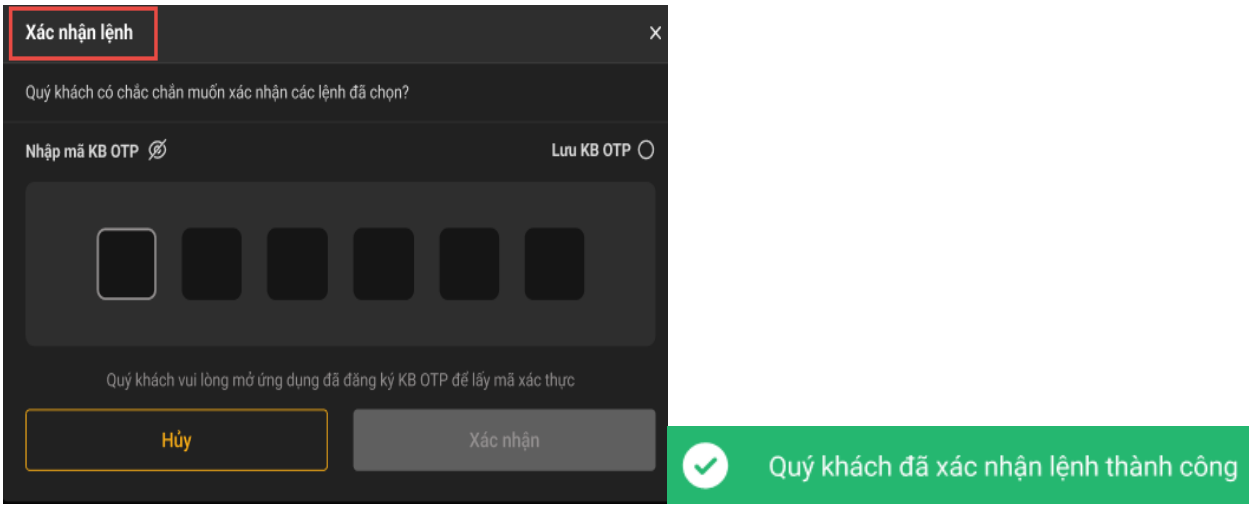

5. Trái phiếu chuyển đổi

Để đăng ký chuyển đổi trái phiếu, Khách hàng vào **Giao dịch chứng khoán** chọn **Trái phiếu chuyển đổi,**

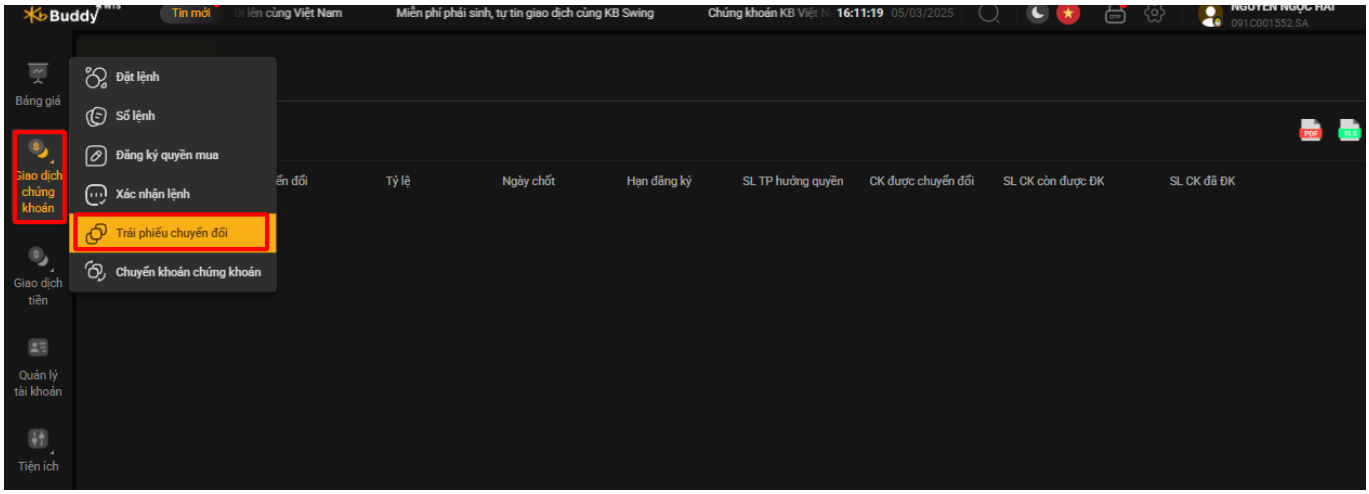

Màn hình **Trái phiếu chuyển đổi** gồm **Trái phiếu chuyển đổi** và **Lịch sử** chuyển đổi trái phiếu:

Quay về mục lục

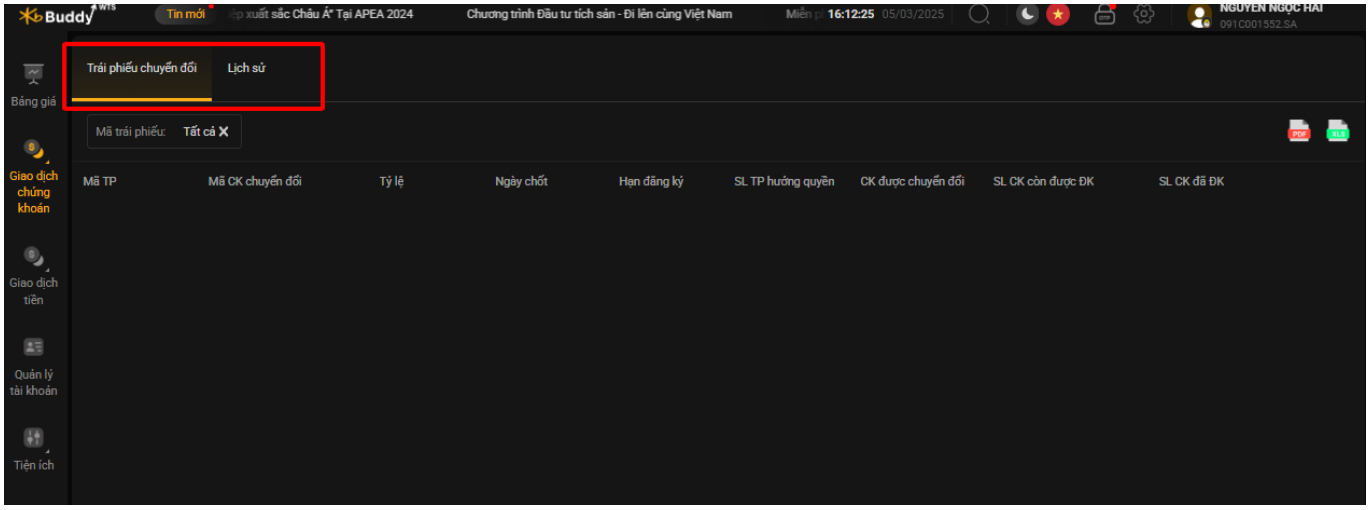

5.1. Trái phiếu chuyển đổi

Khách hàng có thể đăng ký chuyển đổi trái phiếu trên webtrade tại mục **Trái phiếu chuyển đổi**

Để Đăng ký chuyển đổi trái phiếu, Khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản có trái phiếu chuyển đổi, màn hình xuất hiện thông tin trái phiếu

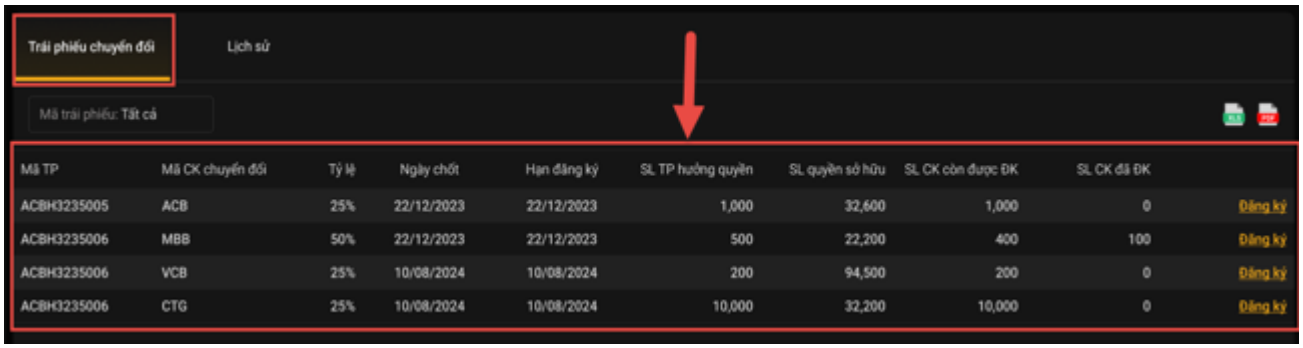

- Bước 2: Chọn trái phiếu muốn đăng ký chuyển đổi nhấn nút **Đăng ký** popup màn hình Chuyển đổi trái phiếu:
- Bước 3: Nhập số lượng trái phiếu đăng ký chuyển đổi (số lượng chuyển đổi phải nhỏ hơn hoặc bằng số lượng còn được đăng ký).

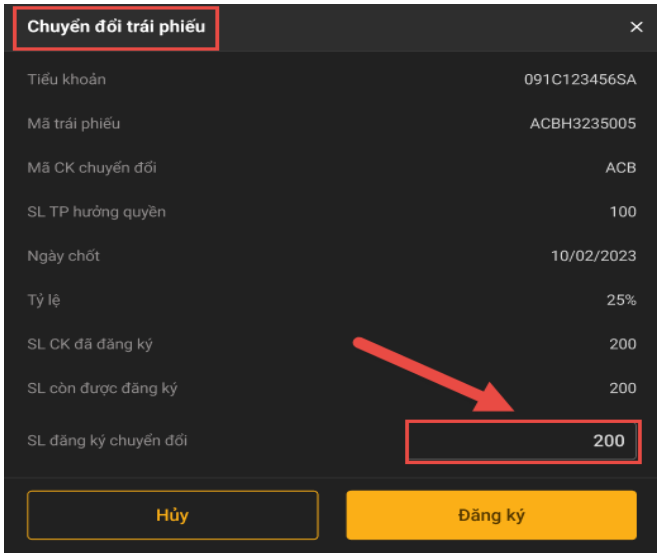

Quay về mục lục

- Bước 4: Nhấn Đăng ký.
- Bước 5: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận** để hoàn thành giao dịch

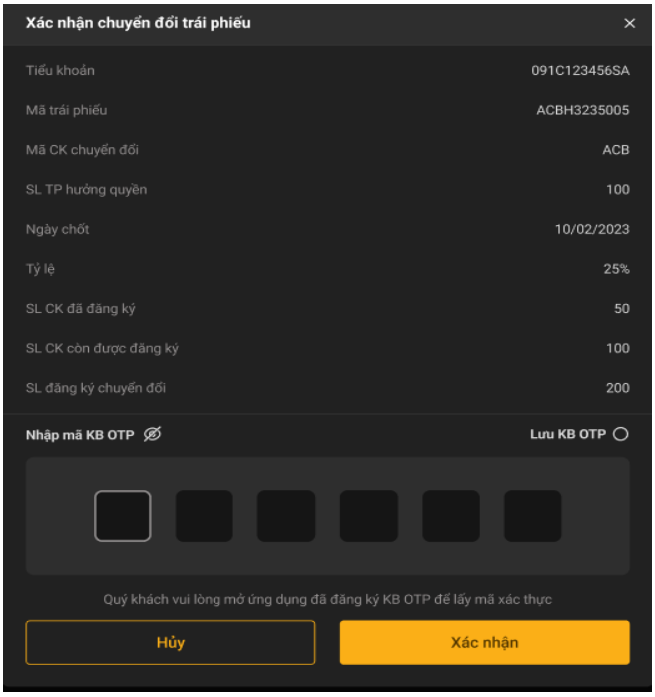

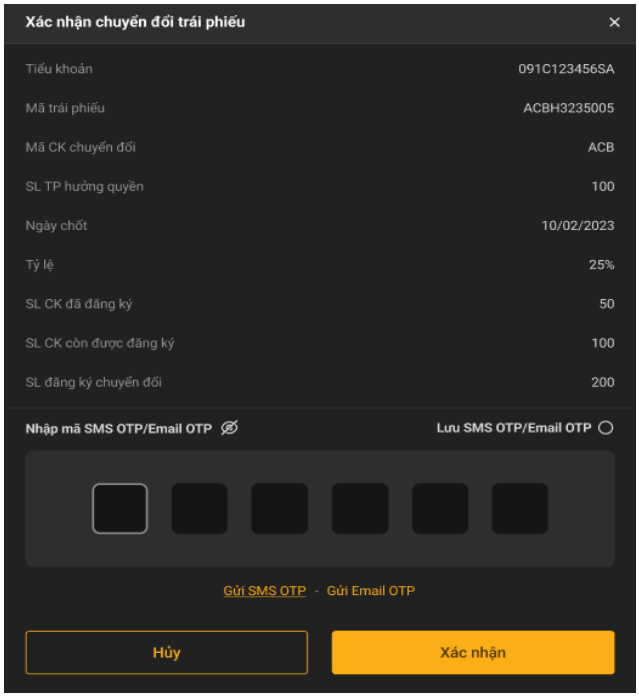

- Bước 6: Chuyển đổi trái phiếu thành công hệ thống trả ra thông báo:

5.2. Lịch sử

Để xem Lịch sử đăng ký chuyển đổi trái phiếu, tại mục **Giao dịch/ Trái phiếu chuyển đổi** chọn tab **Lịch sử.**

Màn hình lịch sử chuyển đổi trái phiếu:

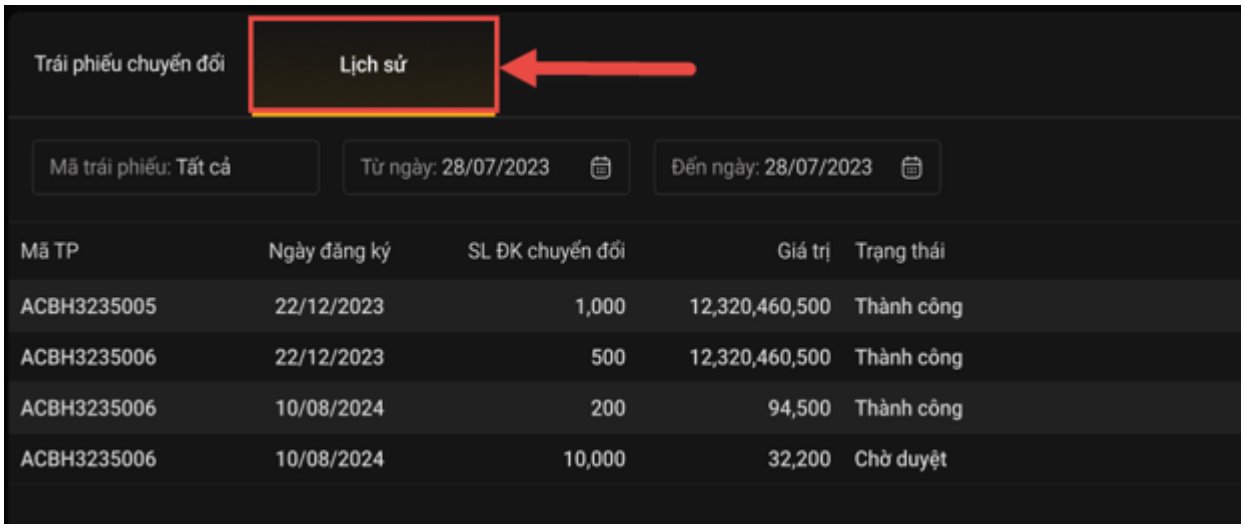

Khách hàng có thể lựa chọn xem lịch sử đăng ký quyền mua theo tiêu chí mong muốn tại **Bộ lọc**

Quay về mục lục

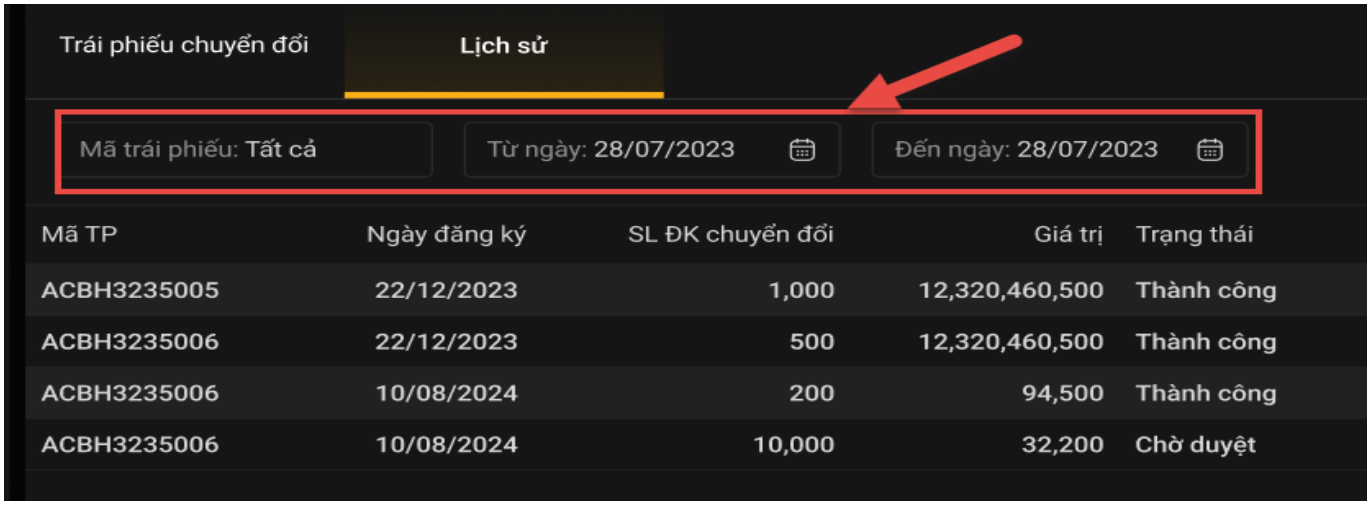

6. Chuyển khoản chứng khoán

Tại cây thư mục webtrade Khách hàng vào **Giao dịch chứng khoán/ Chuyển khoản chứng khoán:**

Màn hình **Chuyển khoản chứng khoán** gồm: **Chuyển khoản chứng khoán; Lịch sử chuyển khoản chứng khoán:**

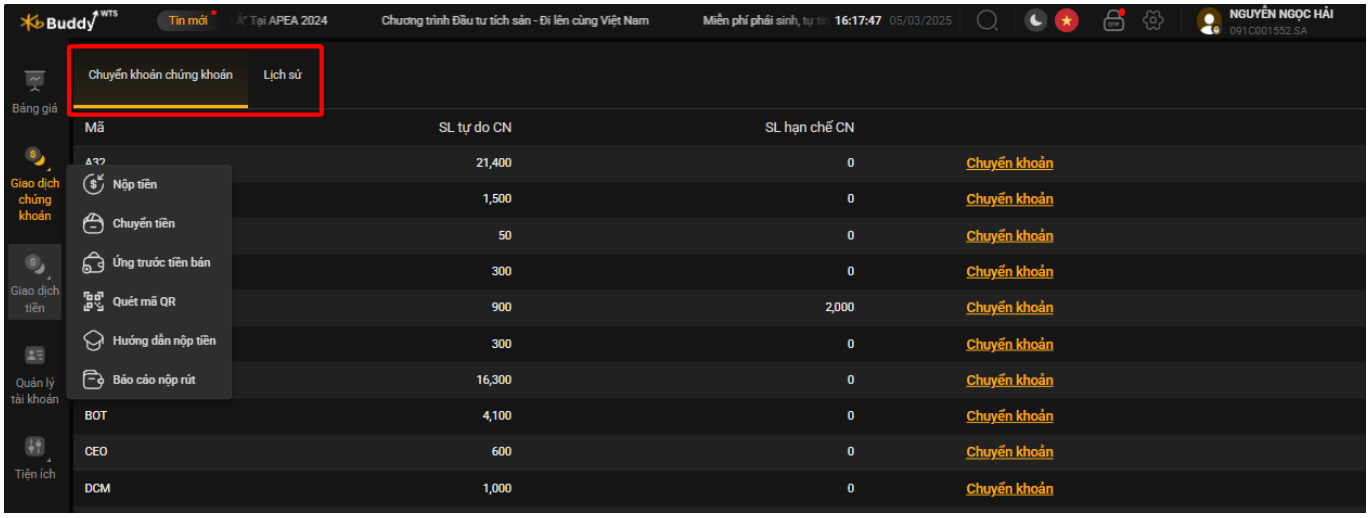

Quay về mục lục

6.1. Chuyển khoản chứng khoán

Để **Chuyển khoản chứng khoán**, tại cây thư mục webtrade chọn **Giao dịch chứng khoán/ Chuyển khoản chứng khoán,** tại màn hình **Chuyển khoản chứng khoán** chọn tab **Chuyển khoản chứng khoán,** Khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản muốn chuyển chứng khoán đi, màn hình xuất hiện thông tin những mã chứng khoán có thể chuyển khoản.
- Bước 2: Chọn mã chứng khoán muốn chuyển, nhấn nút **Chuyển khoản** tại dòng chứng khoán muốn chuyển khoản chứng khoán, xuất hiện màn hình chuyển khoản chứng khoán.

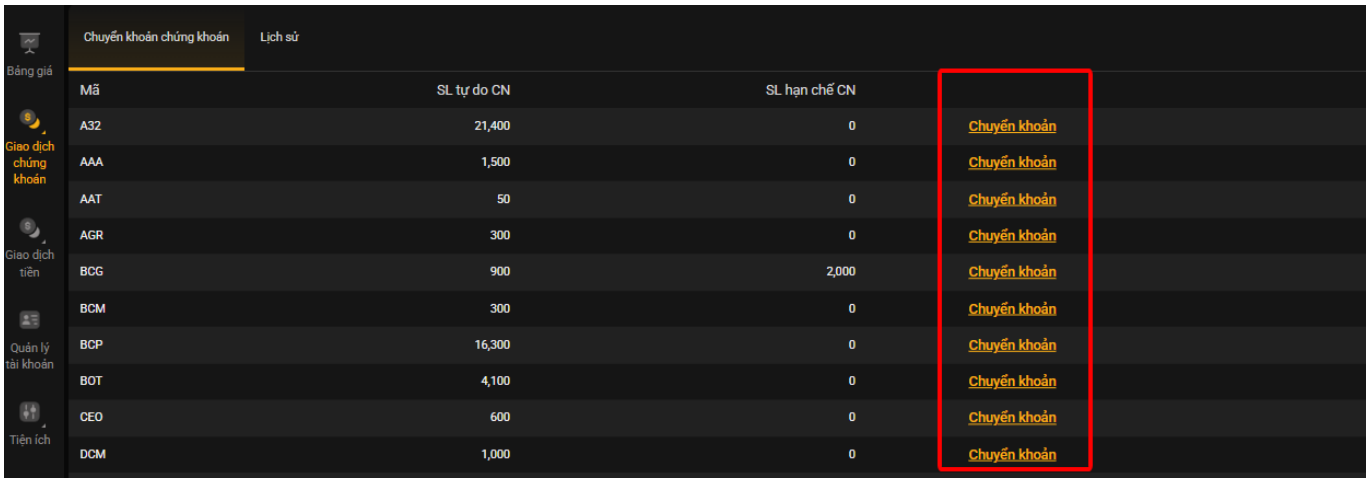

- Bước 3: Nhập số thông tin tiểu khoản nhận; SL chứng khoán muốn chuyển

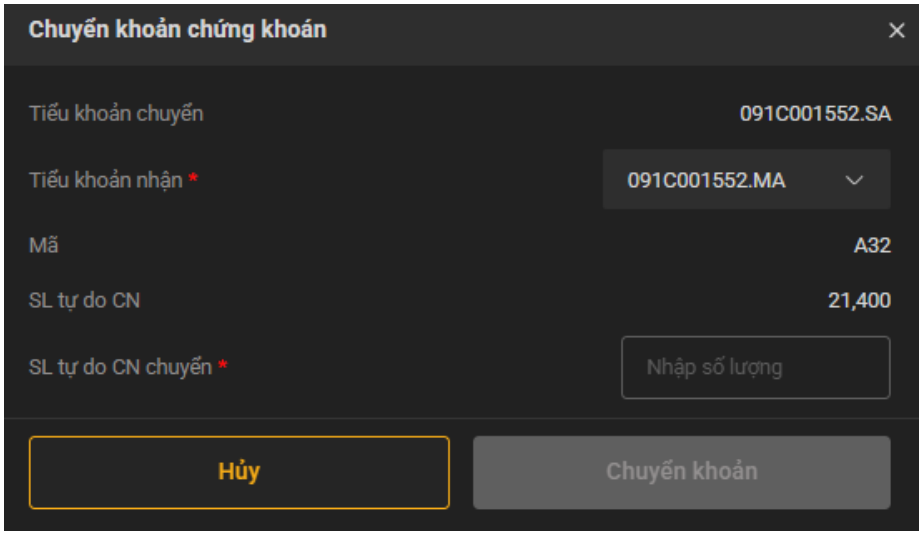

- Bước 4: nhấn nút **Chuyển khoản,** chuyển qua màn hình nhập thông tin xác thực

Quay về mục lục

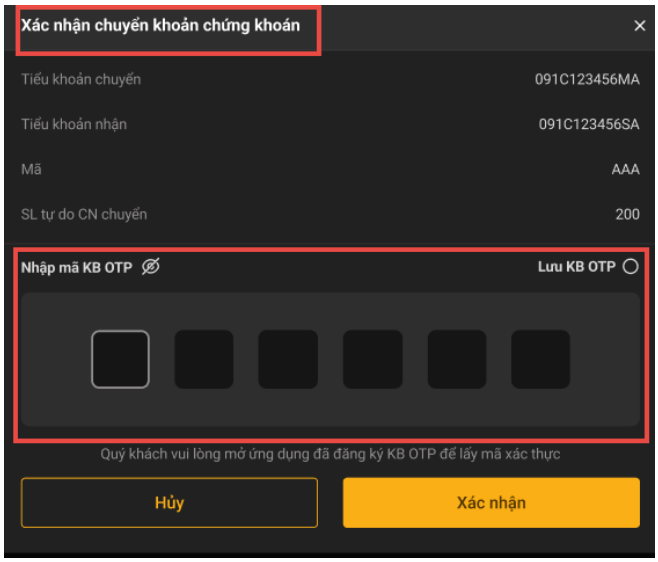

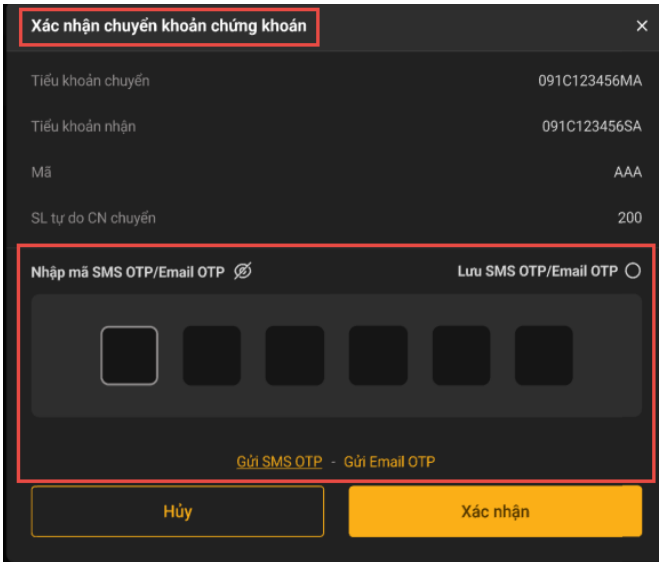

- Bước 5: Nhập OTP và nhấn **Xác nhận**
- Bước 6: Chuyển khoản chứng khoán thành công trả ra thông báo

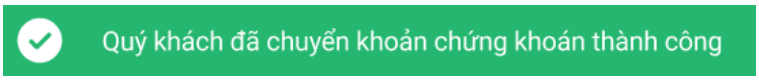

6.2. Lịch sử

Để xem **Lịch sử** chuyển khoản chứng khoán, tại cây thư mục webtrade Khách hàng chọn **Giao dịch chứng khoán/ Chuyển khoản chứng khoán/ Lịch sử** màn hình lịch sử chuyển khoản chứng khoán:

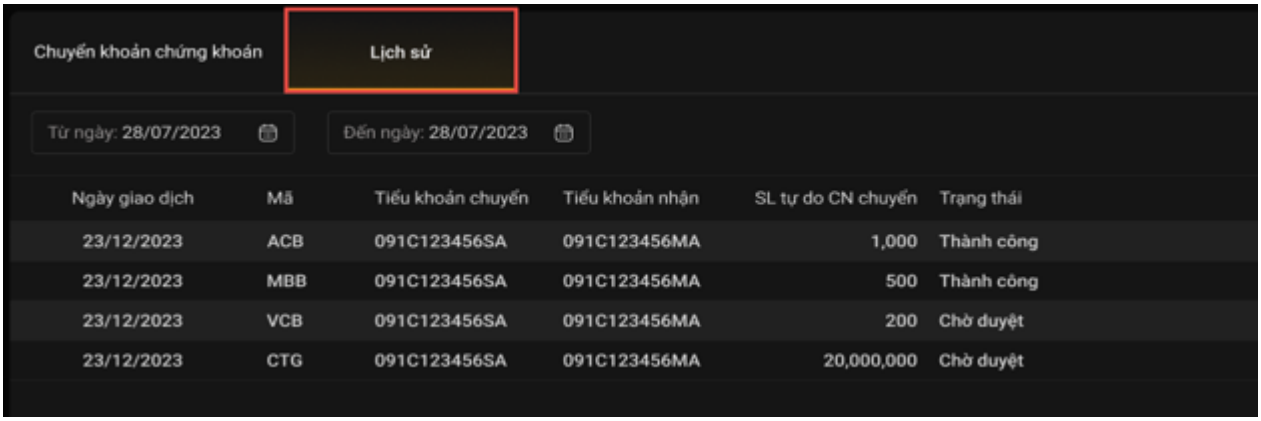

Tại màn hình lịch sử chuyển khoản chứng khoán khách hàng có thể chọn xem theo thời gian:

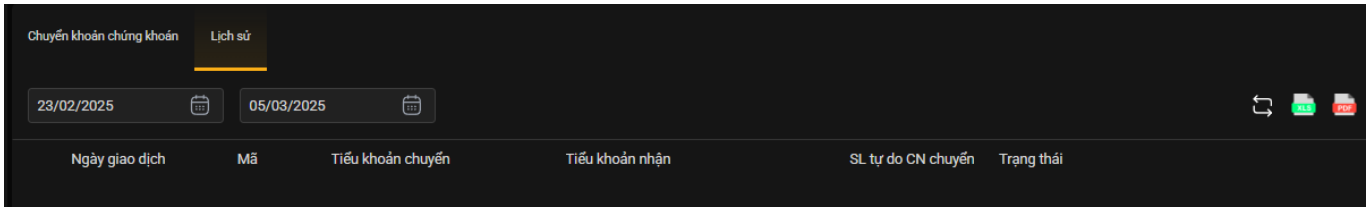

Quay về mục lục

II. Giao dịch tiền

Tại khung menu của webtrade chọn mục **Giao dịch tiền**, mục giao dịch tiền gồm các mục: **Nộp tiền; Chuyển tiền; Ứng trước tiền bán; Quét mã QR; Hướng dẫn nộp tiền; Báo cáo nộp rút**

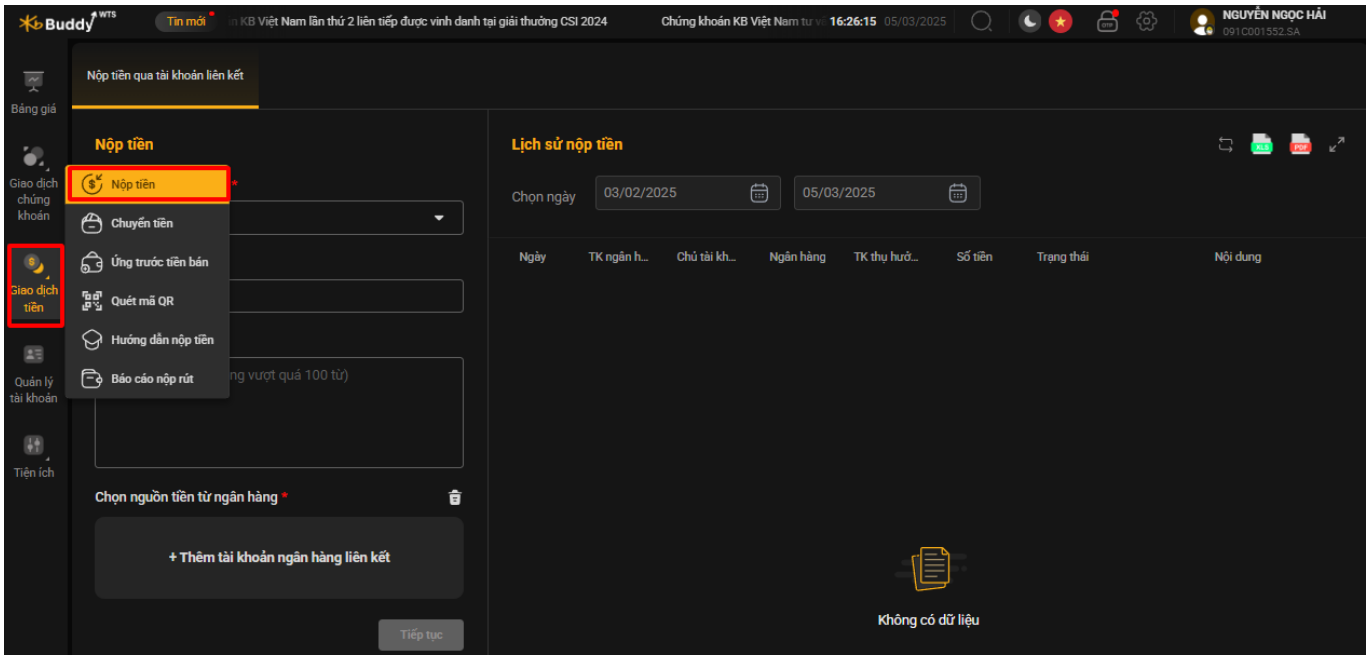

1. Nộp tiền

Tại mục **Giao dịch tiền** nhấn chọn **Nộp tiền.** Sẽ xuất hiện màn hình **Nộp tiền qua tài khoản liên kết** gồm có 02 tab: **Nộp tiền qua tài khoản liên kết; Lịch sử nộp tiền:**

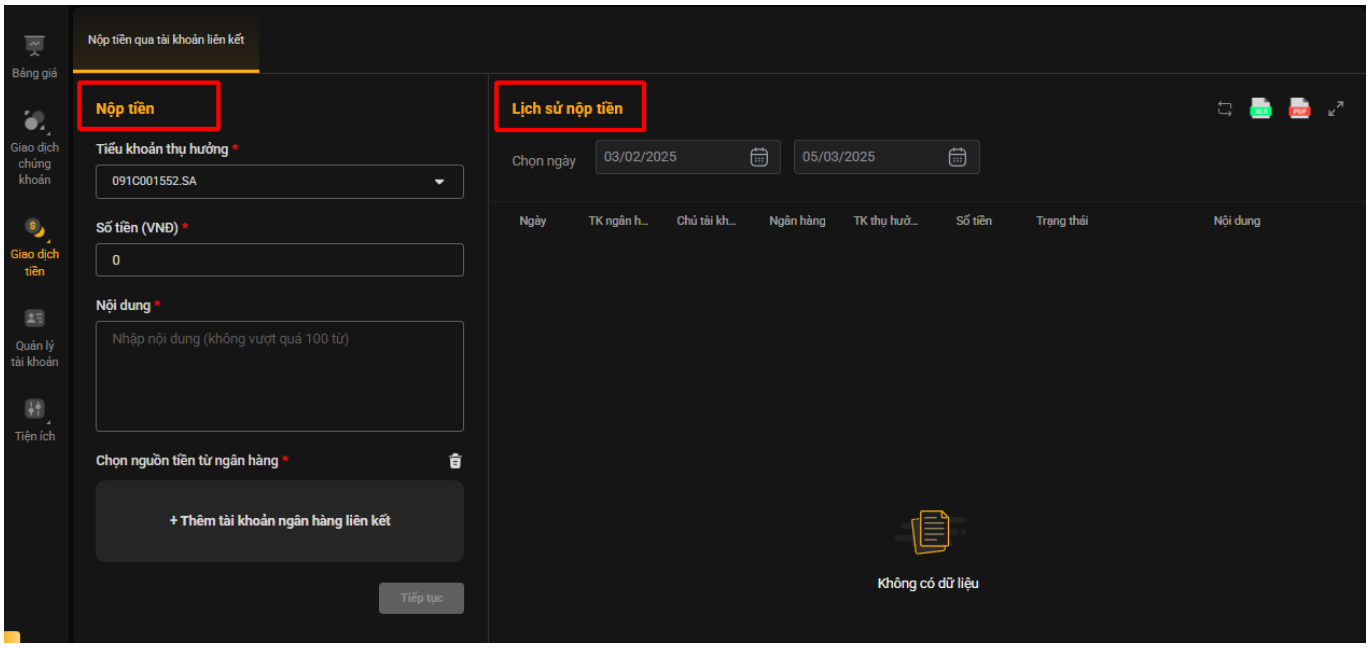

1.1. Nộp tiền qua Tk liên kết

Tại mục **Giao dịch tiền/ Nộp tiền qua tài khoản liên kết** khách hàng chọn **Nộp tiền:**

Quay về mục lục

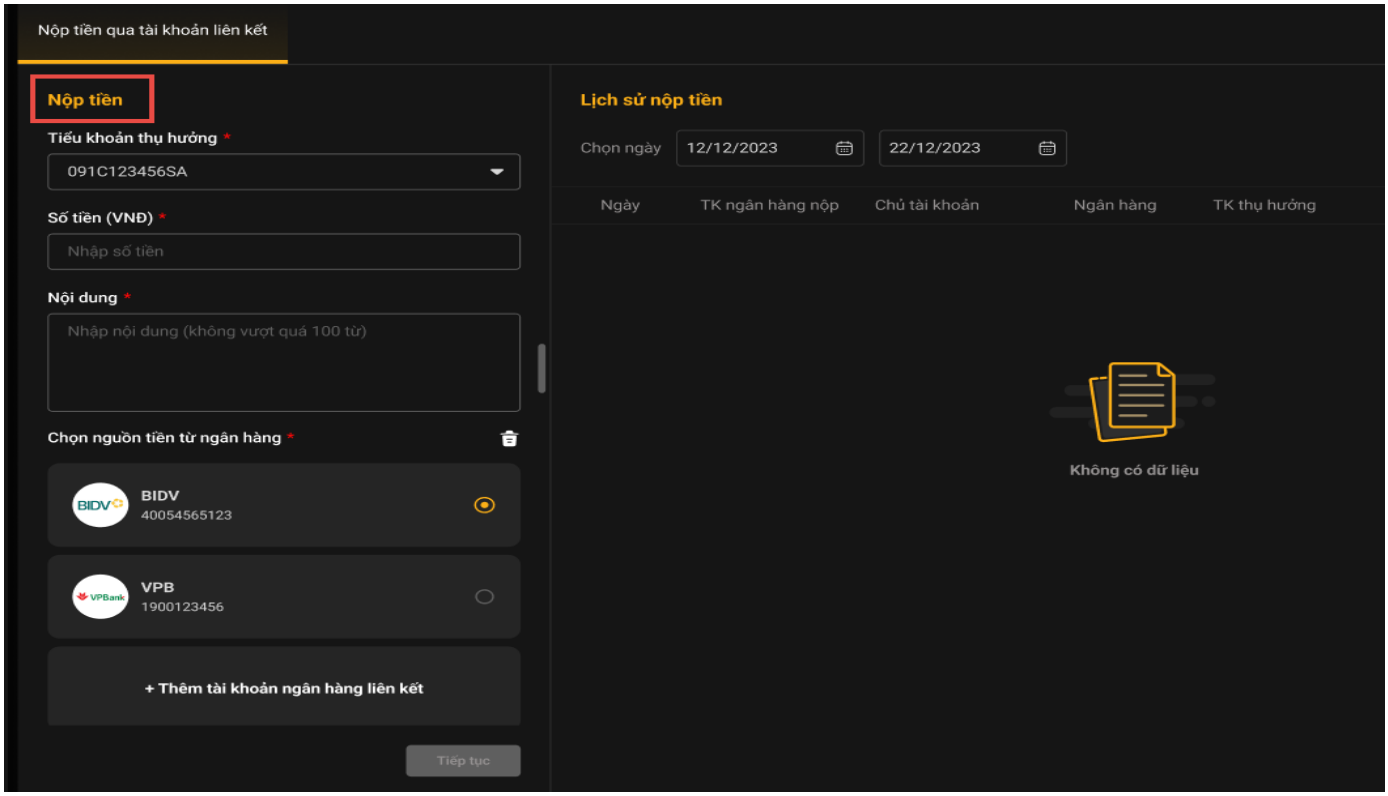

❖ **Liên kết tài khoản ngân hàng**:

Tại màn hình **Nộp tiền qua TK liên kết** Khách hàng có thể đăng ký mới hoặc đăng ký thêm tài khoản ngân hàng liên kết theo các bước:

➢ Bước 1: Tại màn hình **Nộp tiền qua TK liên kết** chọn mục **Thêm tài khoản ngân hàng liên kết** chuyển sang màn hình **Liên kết tài khoản ngân hàng**

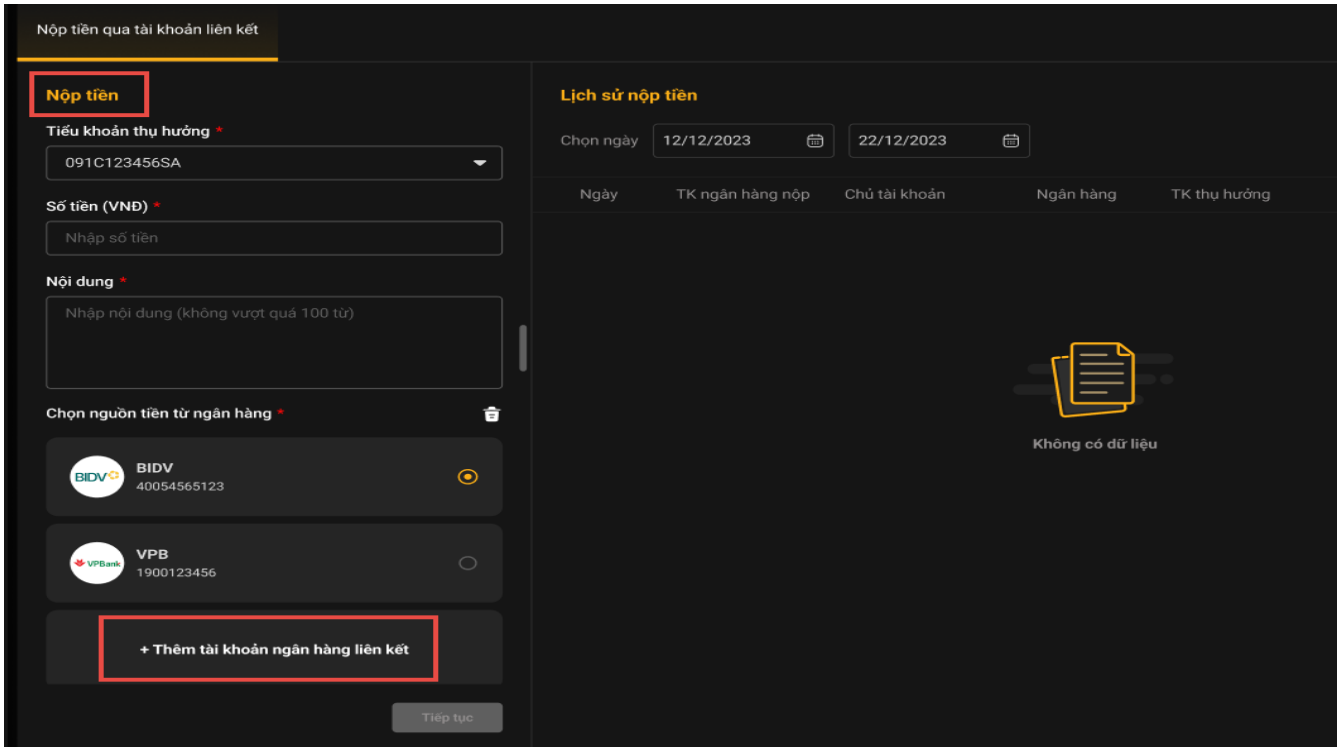

Quay về mục lục

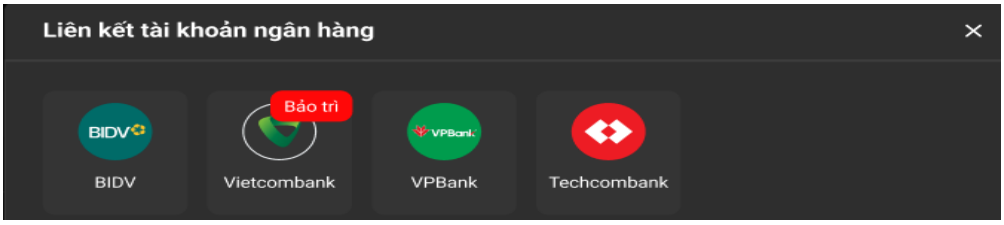

- Bước 2: Lựa chọn Ngân hàng để đăng ký liên kết chuyển sang màn hình **Xác nhận thông tin khách hàng**
- Bước 3: Tại màn hình **Xác nhận thông tin khách hàng** tick chọn vào dòng "Tôi đã đọc và đồng ý với các điều khoản và điều kiện dịch vụ liên kết tài khoản giữa KBSV và Ngân Hàng"

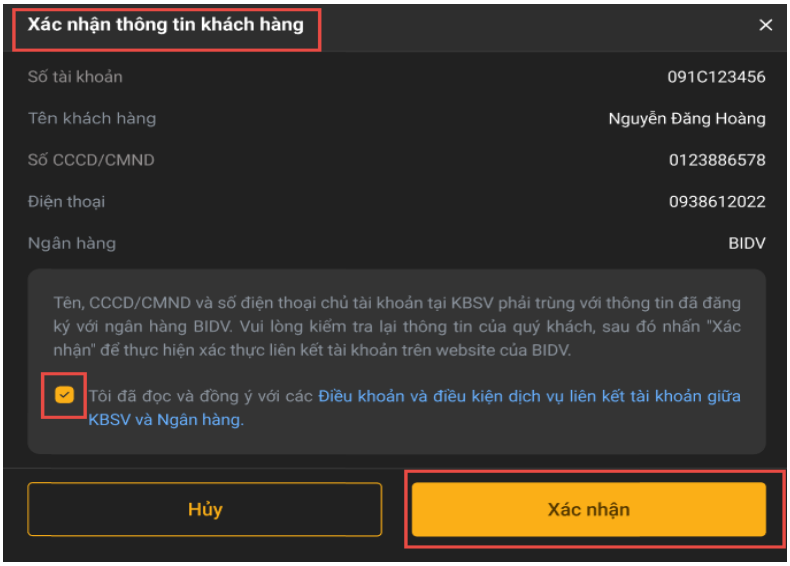

- Bước 4: Nhấn nút **Xác nhận**

❖ **Nộp tiền qua ngân hàng liên kết:**

Để nộp tiền qua TK liên kết, KH thực hiện các bước như sau:

- Bước 1: Lựa chọn "Tiểu khoản thụ hưởng" chọn tiểu khoản nộp tiền vào
- Bước 2: Điền thông tin "Số tiền nộp"
- Bước 3: Điền nội dung (Không bắt buộc)
- Bước 4: Chọn nguồn tiền từ ngân hàng

Quay về mục lục

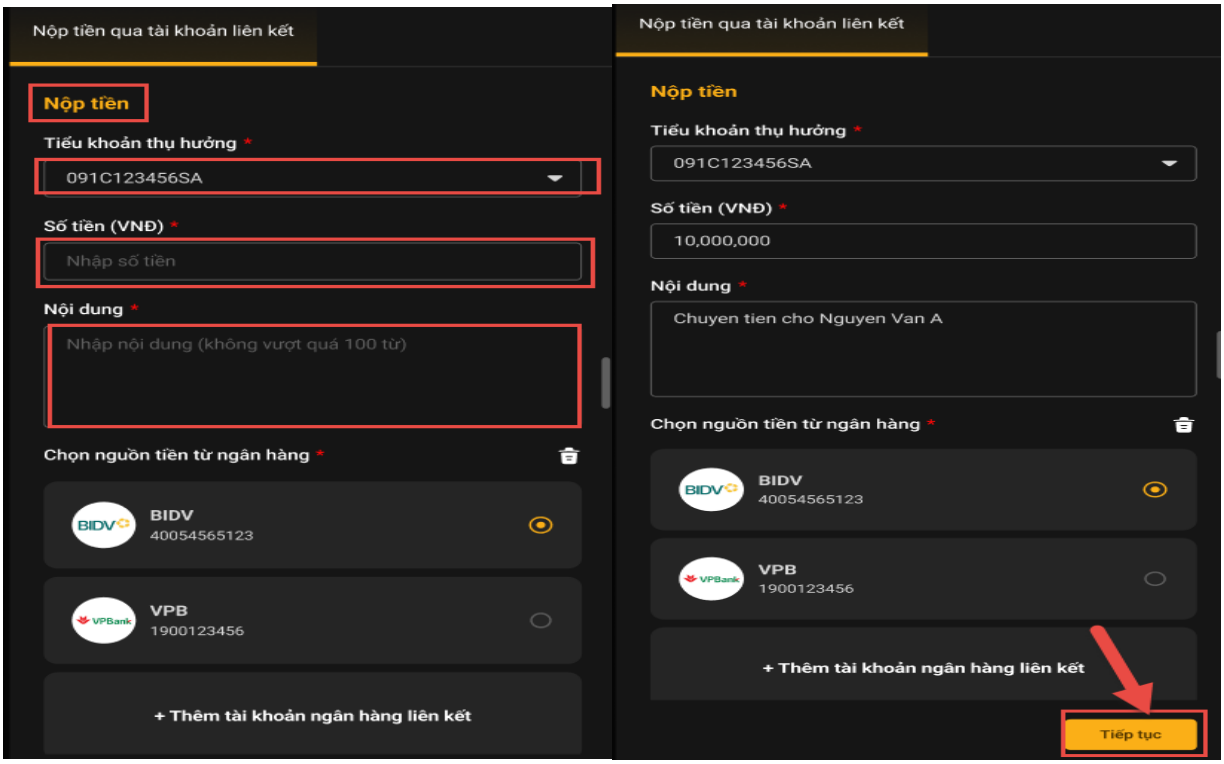

➢ Bước 5: Nhấn nút **Tiếp tục** chuyển sang màn hình **Xác nhận thông tin nộp tiền**.

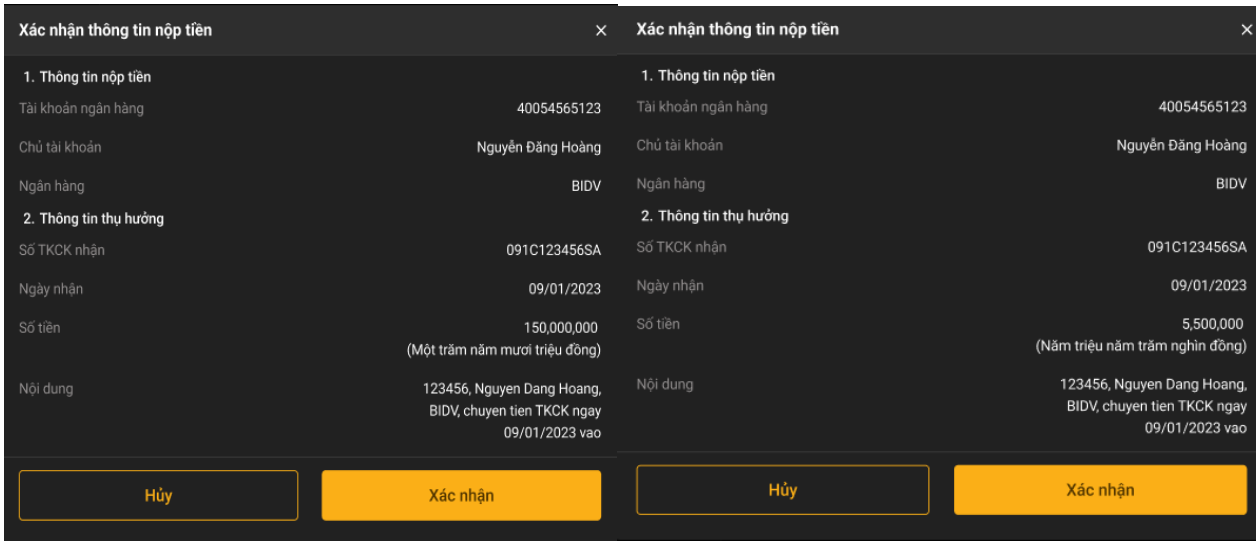

➢ Bước 6: tại màn hình **Xác nhận thông tin nộp tiền** nhấn nút **Xác nhận** để chuyển sang màn hình xác thực thông tin yêu cầu nộp tiền từ từ tài khoản liên kết

Quay về mục lục

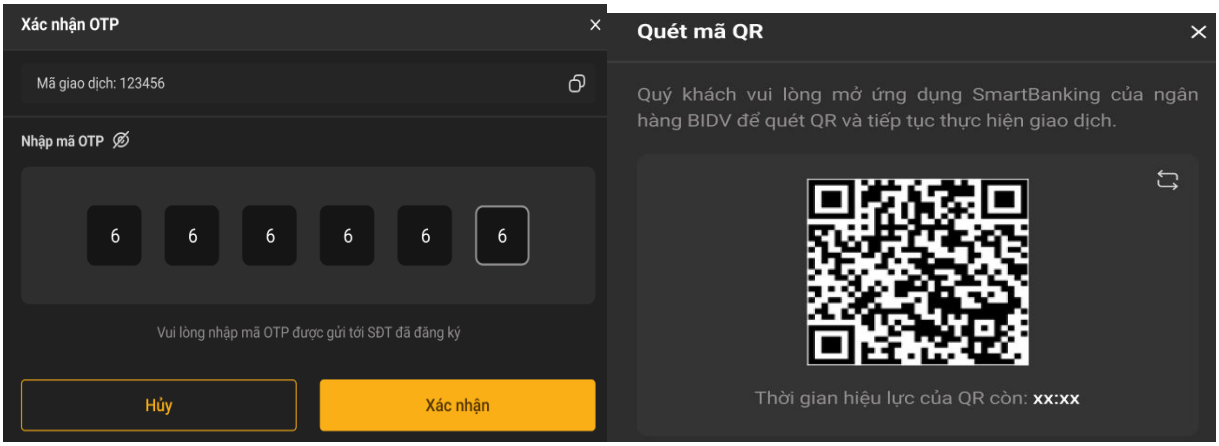

- Bước 7: Giao dịch thành công hệ thống trả ra thông báo:

❖ **Hủy tài khoản ngân hàng liên kết**

Tại màn hình **Nộp tiền qua TK liên kết** Khách hàng có thể hủy đăng ký tài khoản ngân hàng liên kết theo các bước:

- Bước 1: Tại màn hình **Nộp tiền qua TK liên kết** chọn mục biểu tượng xóa tại dòng **Chọn nguồn tiền từ ngân hàng** xuất hiện biểu tượng **Hủy liên kết**

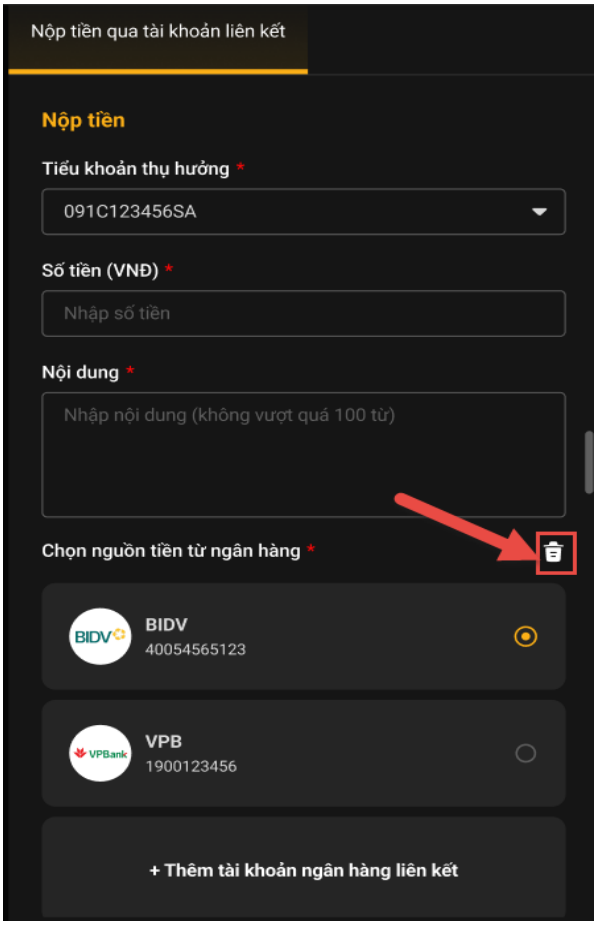

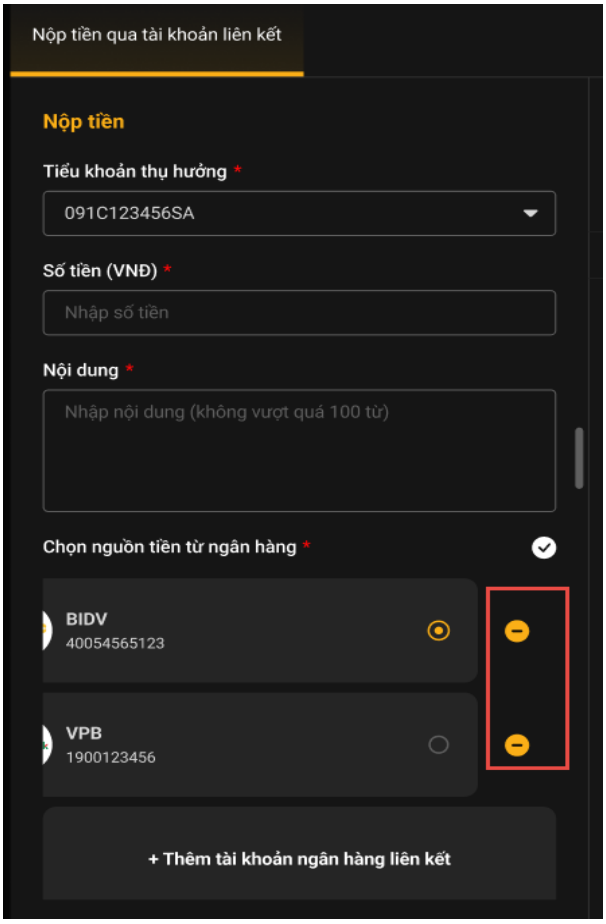

- Bước 2: Nhấn chọn biểu tượng **Hủy liên kết** chuyển sang màn hình xác nhận **Hủy liên kết**
- Bước 3: Tại màn hình **Hủy liên kết ngân hàng** nhấn nút **Xác nhận**

➢ *Quay về mục lục*

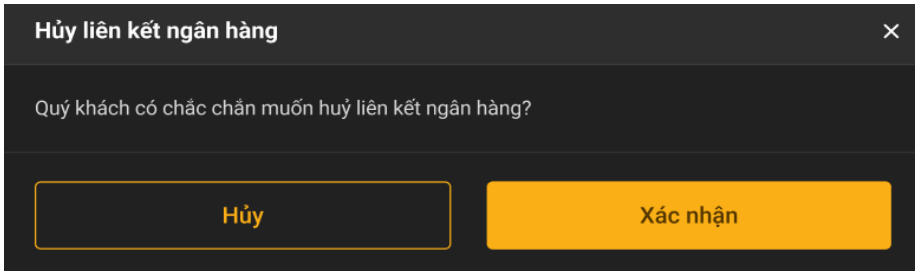

➢ Bước 4: Hủy liên kết thành công hệ thống trả ra thông báo:

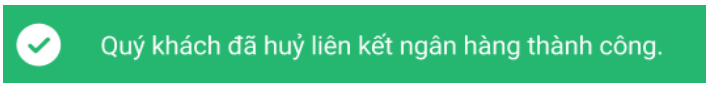

1.2. Lịch sử nộp tiền

Tại màn hình **Nộp tiền qua tài khoản liên kết** chọn tab **Lịch sử**

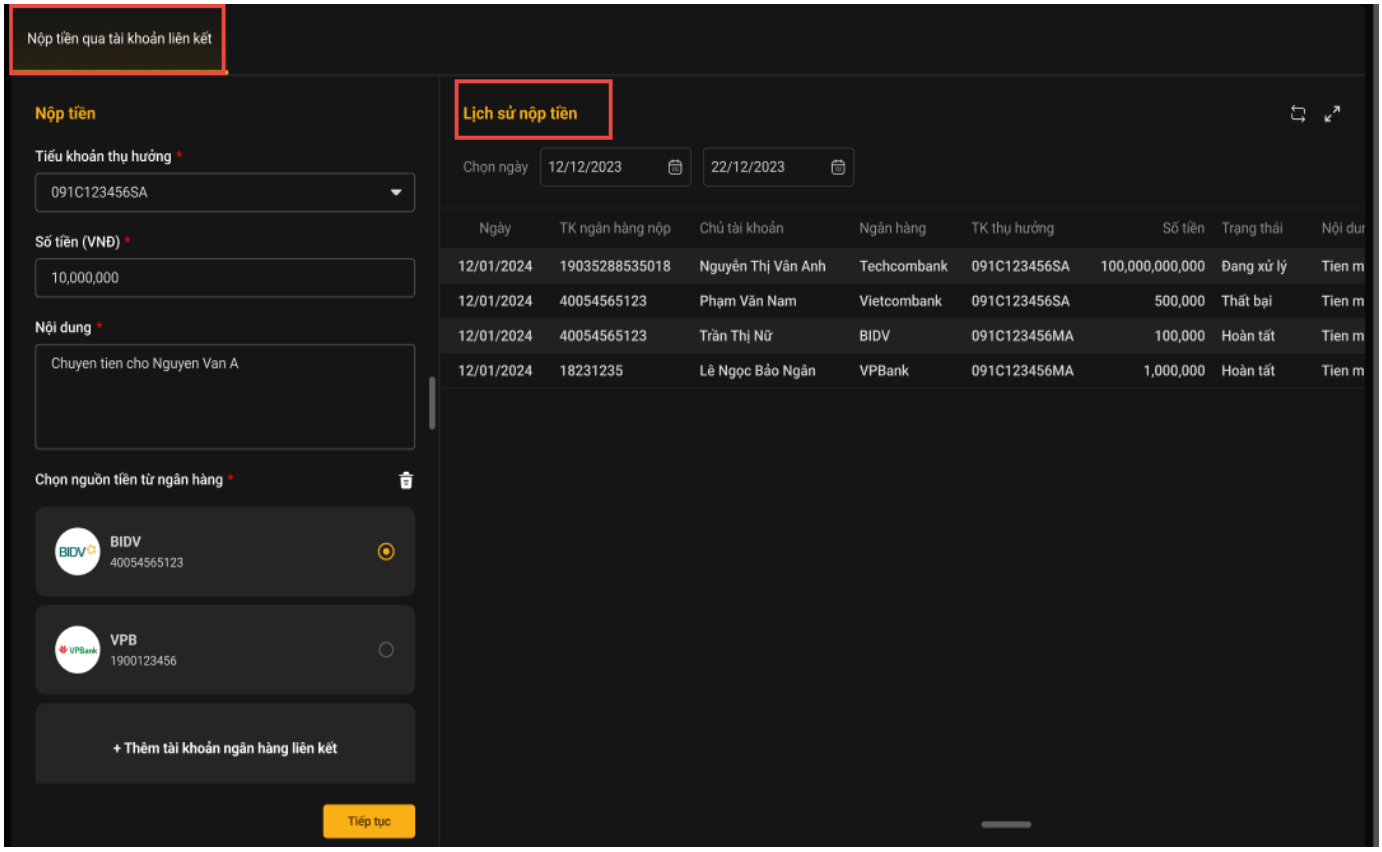

Tại màn hình **Lịch sử nộp tiền** khách hàng lựa chọn khoảng thời gian tra cứu lịch sử lệnh nộp tiền vào tài khoản. Màn hình hiện thông tin chi tiết lịch sử lệnh tiền nộp vào tài khoản theo khoảng thời gian tra cứu:

Quay về mục lục

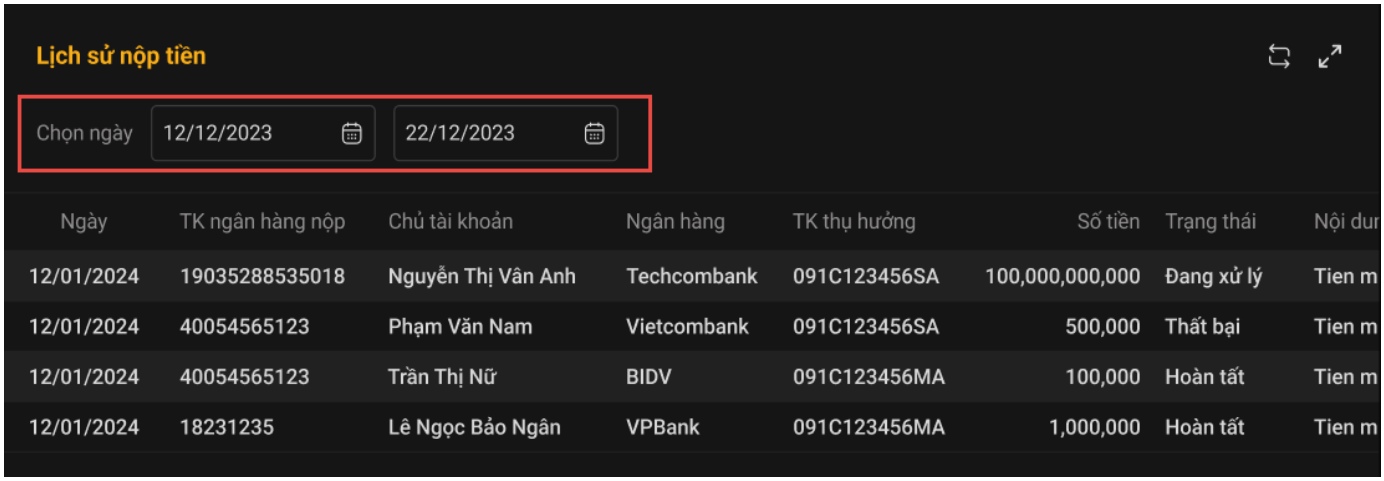

2. Chuyển tiền

Tại mục **Giao dịch tiền** chọn mục **Chuyển tiền** chuyển sang màn hình bao gồm các mục chuyển tiền: **Chuyển tiền** và **Đăng ký người thụ hưởng:**

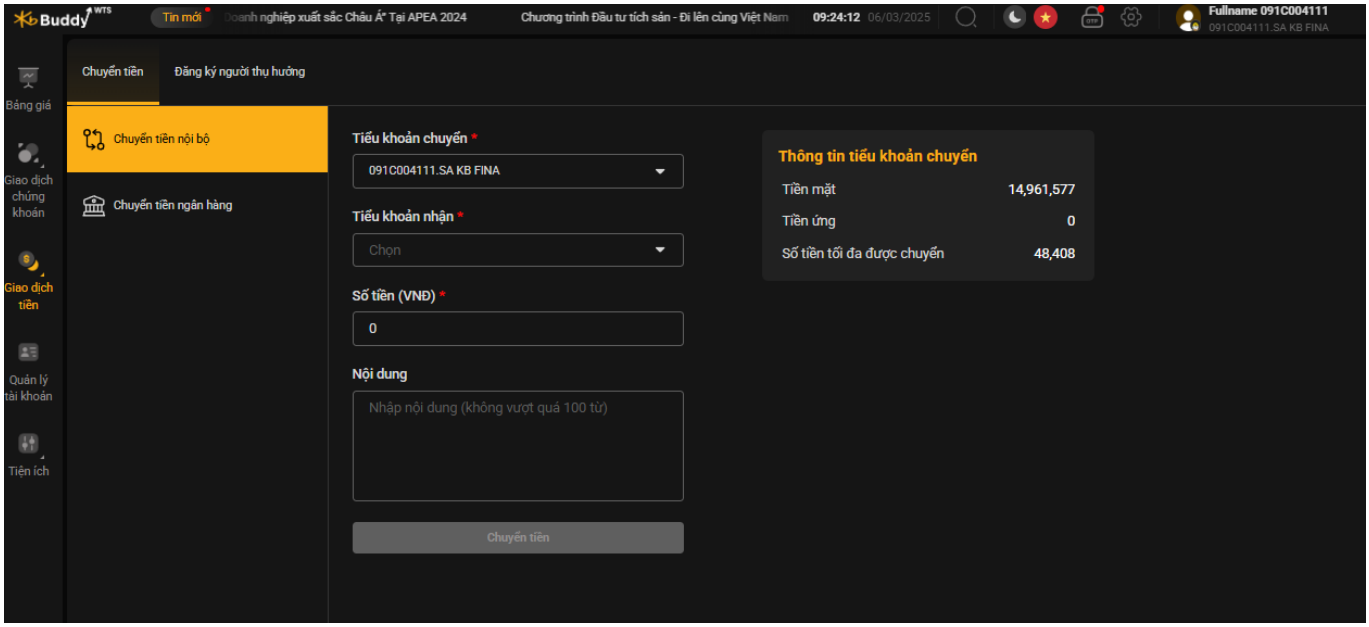

2.1. Chuyển tiền

- Tại màn hình **chuyển tiền** sẽ bao gồm: Chuyển tiền nội bộ và Chuyển tiền ngân hàng.

❖ Chuyển tiền nội bộ

Chuyển tiền nội bộ là giao dịch mà Khách hàng có thể chuyển tiền giữa các tiểu khoản của tài khoản. Màn hình chuyển tiền nộ bộ bao gồm: **Chuyển tiền nội bộ** và **Thông tin tiểu khoản chuyển**

Quay về mục lục

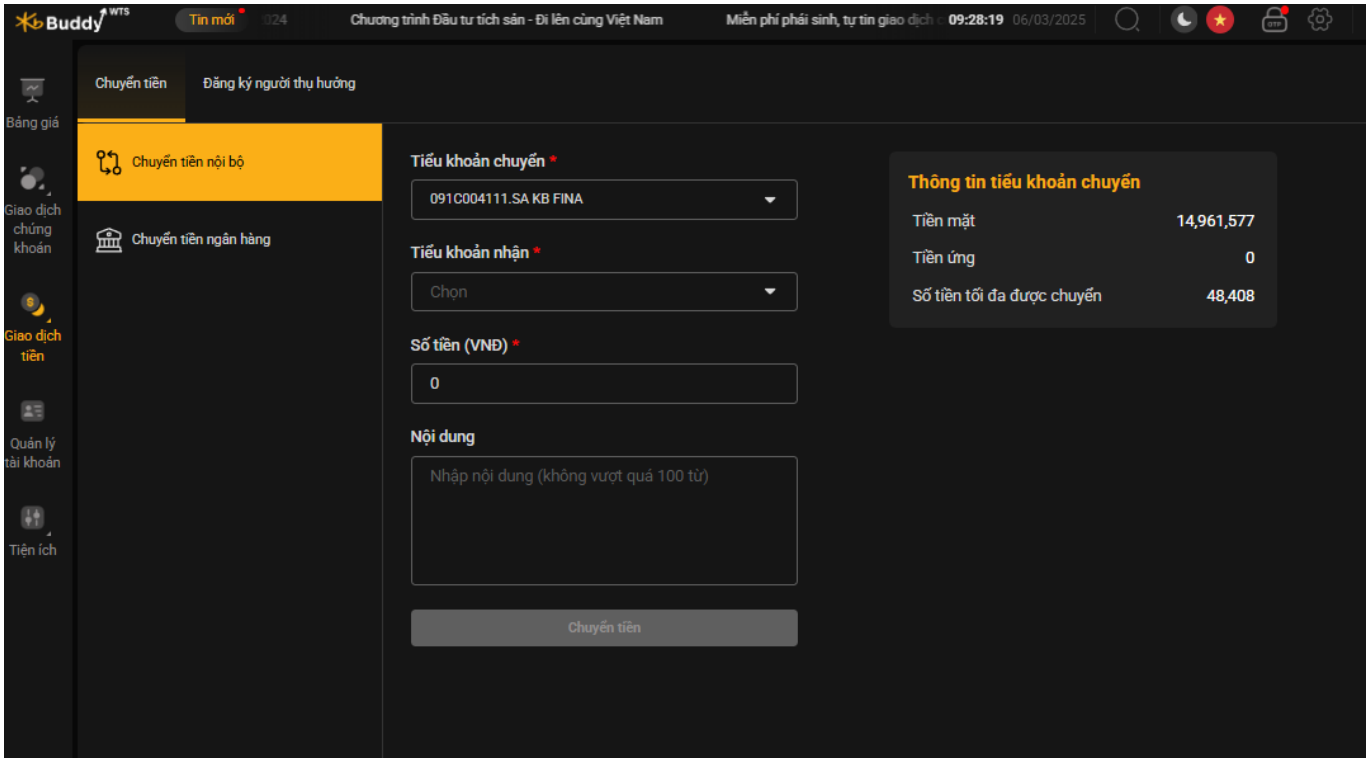

Để thực hiện giao dịch **Chuyển Tiền Nội Bộ**, tại màn hình **Giao dịch tiền** chọn **Chuyển Tiền Nội Bộ:**

Để chuyển tiền nội bộ Khách hàng thực hiện theo các bước

- Bước 1: Chọn tiểu khoản chuyển tiền
- Bước 2: Chọn tiểu khoản nhận tiền.
- Bước 3: Nhập số tiền
- Bước 4: Nhập nội dung chuyển tiền (không bắt buộc)

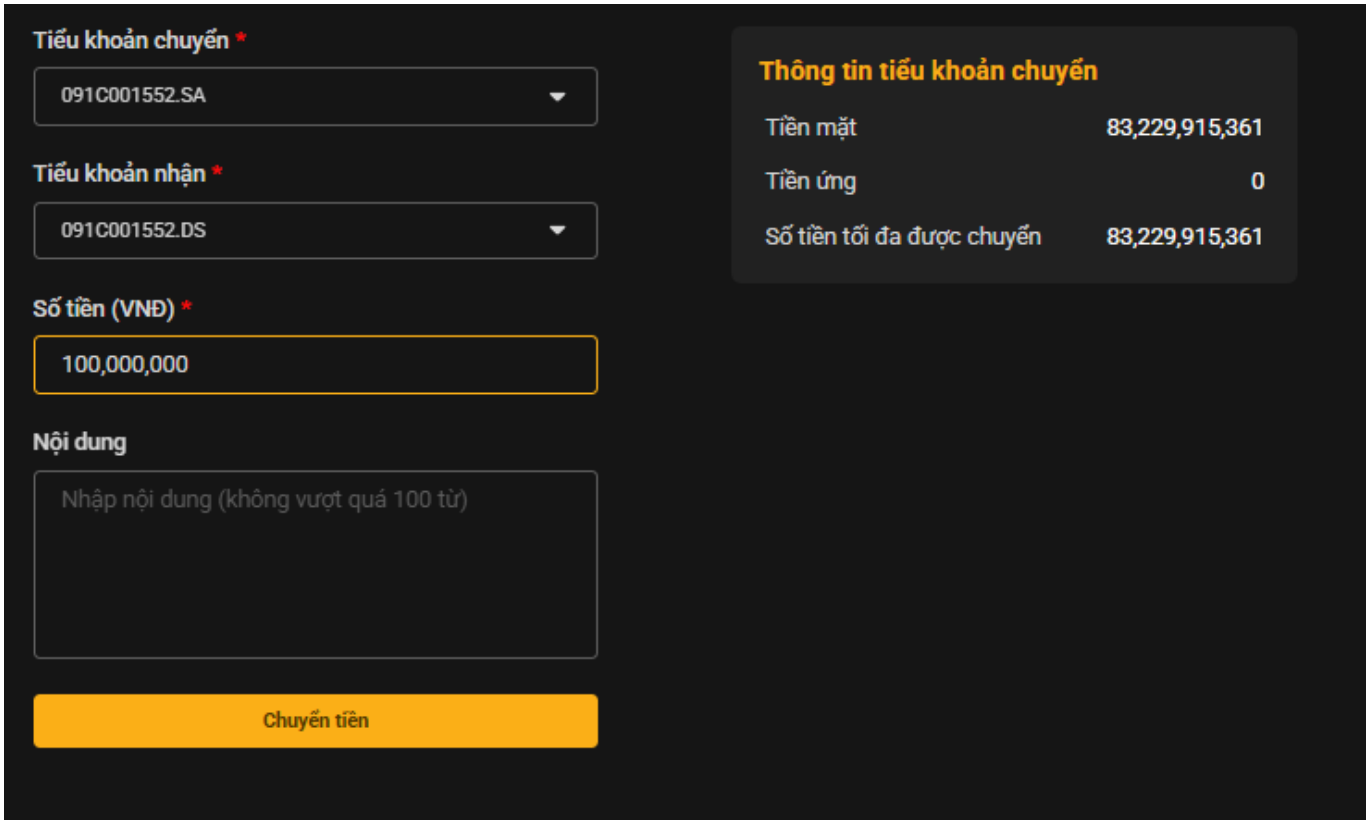

- Bước 5: Nhấn **Chuyển khoản** sẽ chuyển sang màn hình xác nhận giao dịch chuyển tiền

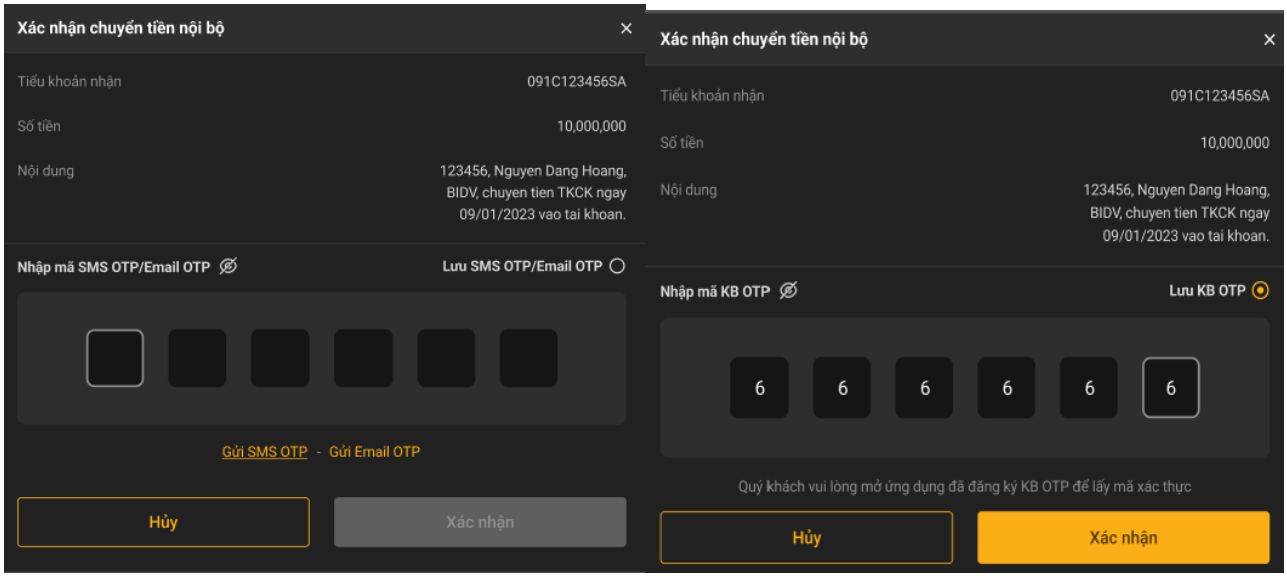

- Bước 6: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận,**
- Bước 7: Chuyển tiền thành công trả ra thông báo:

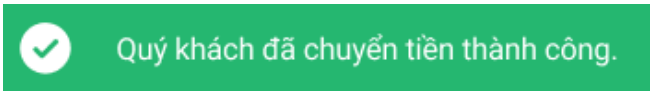

2.2. Chuyển tiền ngân hàng

Màn hình chuyển tiền ra Ngân hàng bao gồm: Chuyển tiền ra Ngân Hàng; Thông tin tiểu khoản chuyển; Thông tin tài khoản thụ hưởng

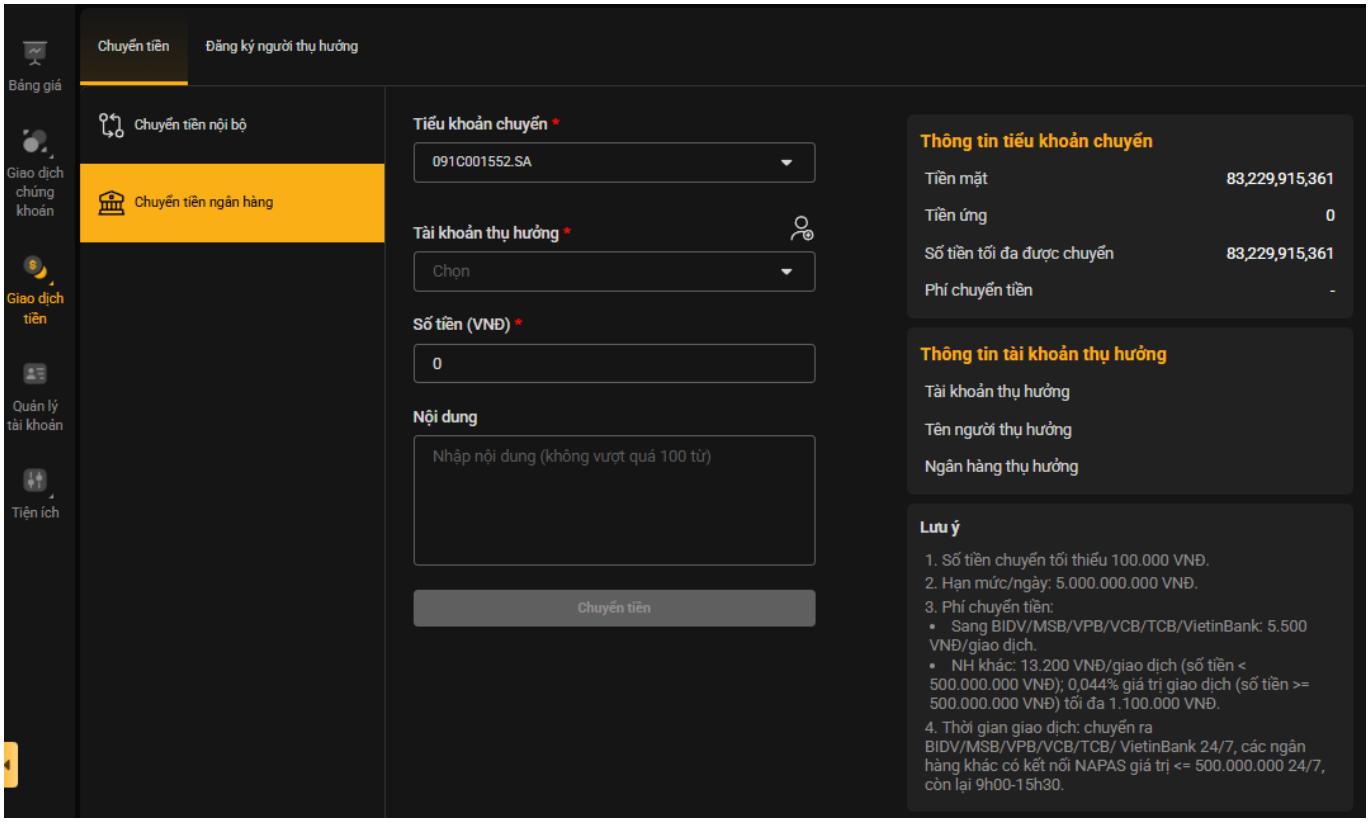

Quay về mục lục

❖ Chuyển tiền Ngân hàng

Khách hàng có thể chuyển tiền tới các tài khoản ngân hàng đã đăng kí người thụ hưởng với KBSV

Để thực hiện giao dịch **Chuyển Tiền Ngân Hàng**, tại màn hình **Giao dịch tiền** chọn **Chuyển Tiền Ngân Hàng**

Để chuyển tiền ra ngân hàng Khách hàng thực hiện theo các bước:

- Bước 1: Chọn tiểu khoản chuyển.
- Bước 2: Chọn tài khoản thụ hưởng đã đăng ký với KBSV.
- Bước 3: Nhập số tiền muốn chuyển dựa theo số dư tại thông tin tiểu khoản chuyển.

Quay về mục lục

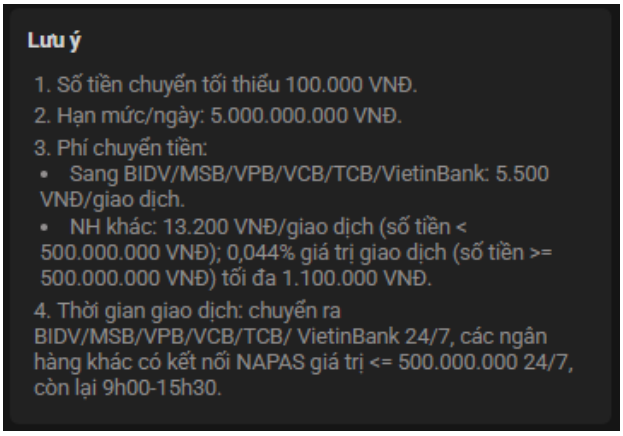

- Bước 4: Nhập ghi chú chuyển tiền (nếu có)
- Bước 5: Nhấn **Chuyển khoản** hiển thị thông báo xác nhận chuyển.
- Bước 6: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 7: Chuyển tiền thanh công trả ra thông báo:

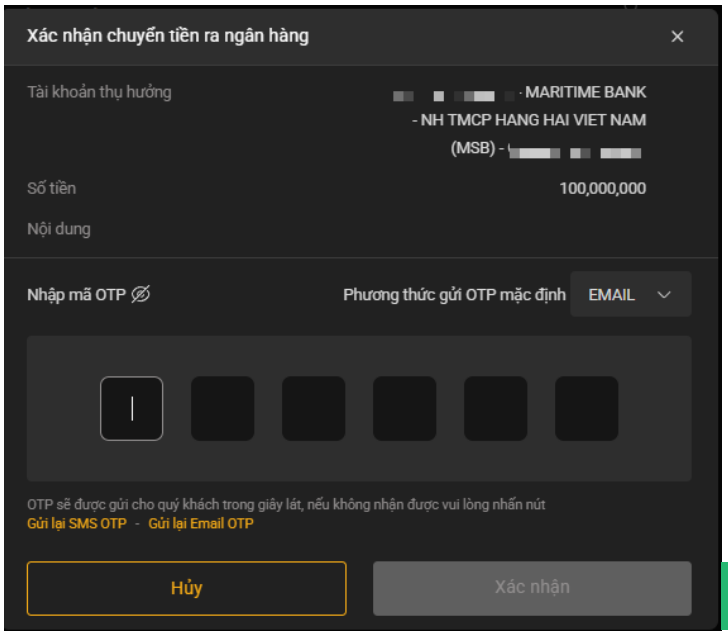

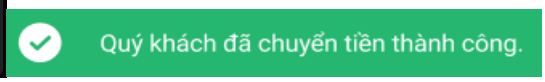

2.3. Đăng ký người thụ hưởng

Khách hàng có thể đăng ký người thụ hưởng (cùng chủ tài khoản) trên hệ thống online của KBSV.

Để đăng ký tài khoản thụ hưởng phục vụ việc chuyển tiền ra Ngân Hàng của Khách hàng thực hiện theo cách thức sau:

- Cách 1: Đăng ký tại màn hình Chuyển tiền ngân hàng nhấn chọn biểu tượng để chuyển sang màn hình đăng ký người thụ hưởng.

Quay về mục lục

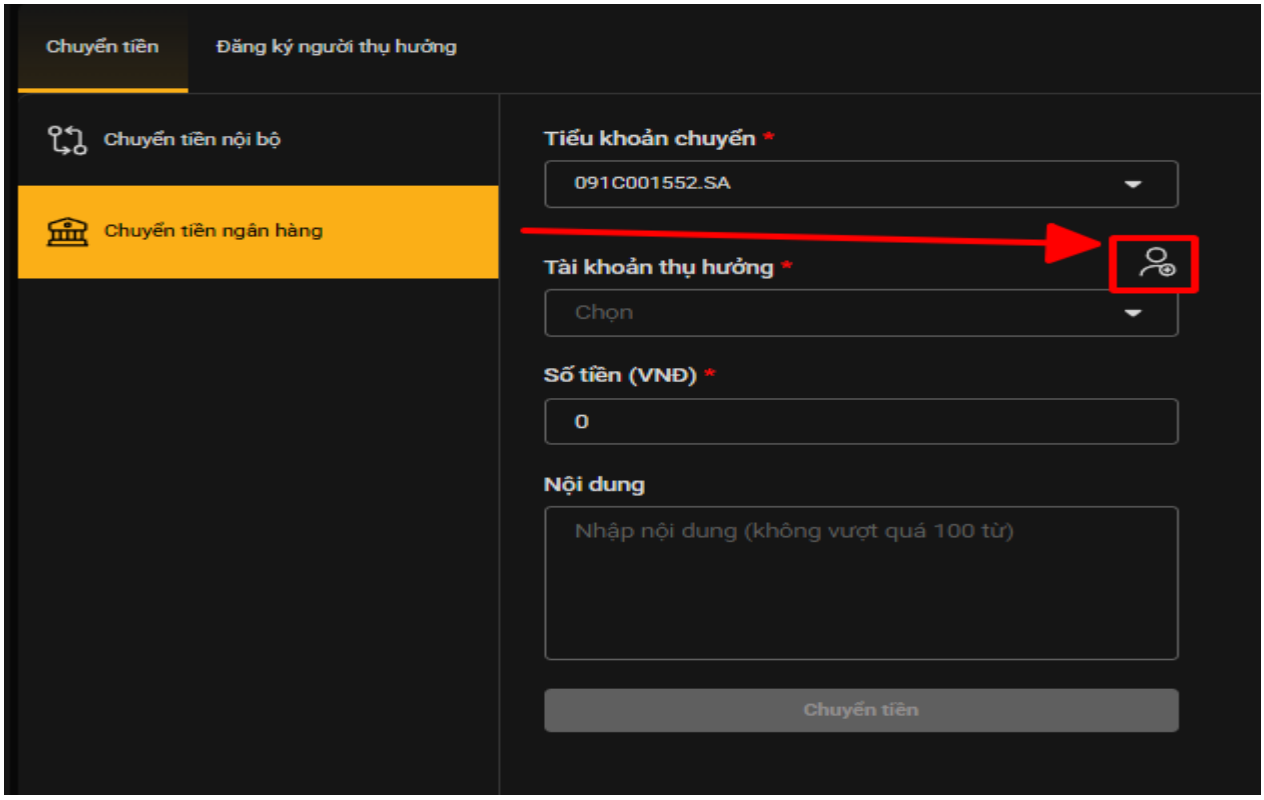

- Cách 2: Nhấn chọn Đăng ký người thụ hưởng tại mục Chuyển tiền

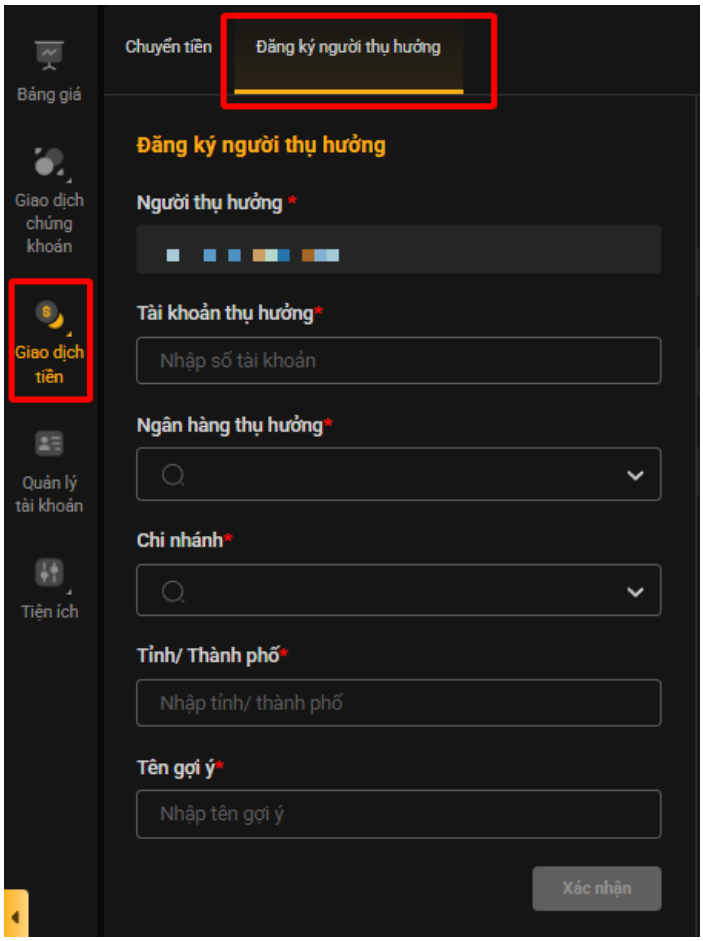

Quay về mục lục

❖ Đăng ký người thụ hưởng

Để **Đăng ký người thụ hưởng** Khách hàng thực hiện theo các bước

- Bước 1: Tên người thụ hưởng được hệ thống điền sẵn là tên của Khách hàng
- Bước 2: Nhập số tài khoản người thụ hưởng,
- Bước 3: Chọn Ngân hàng thụ hưởng; Chọn chi nhánh Ngân Hàng thụ hưởng; Chọn tỉnh/Thành phố; Nhập tên gợi ý
- Bước 4: Nhấn xác nhận để chuyển sang form xác nhận đăng ký người thụ hưởng
- Bước 5: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 6: Đăng ký người thụ hưởng thành công trả ra thông báo

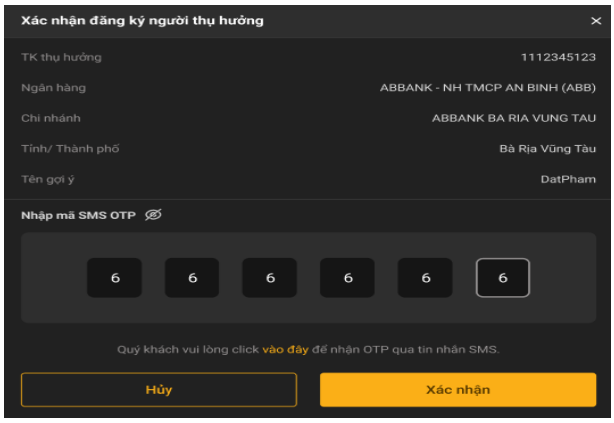

❖ Danh sách người thụ hưởng

Để xem danh sách người thụ hưởng tại màn hình **Đăng ký người thụ hưởng** chọn tab **Danh sách người thụ hưởng**

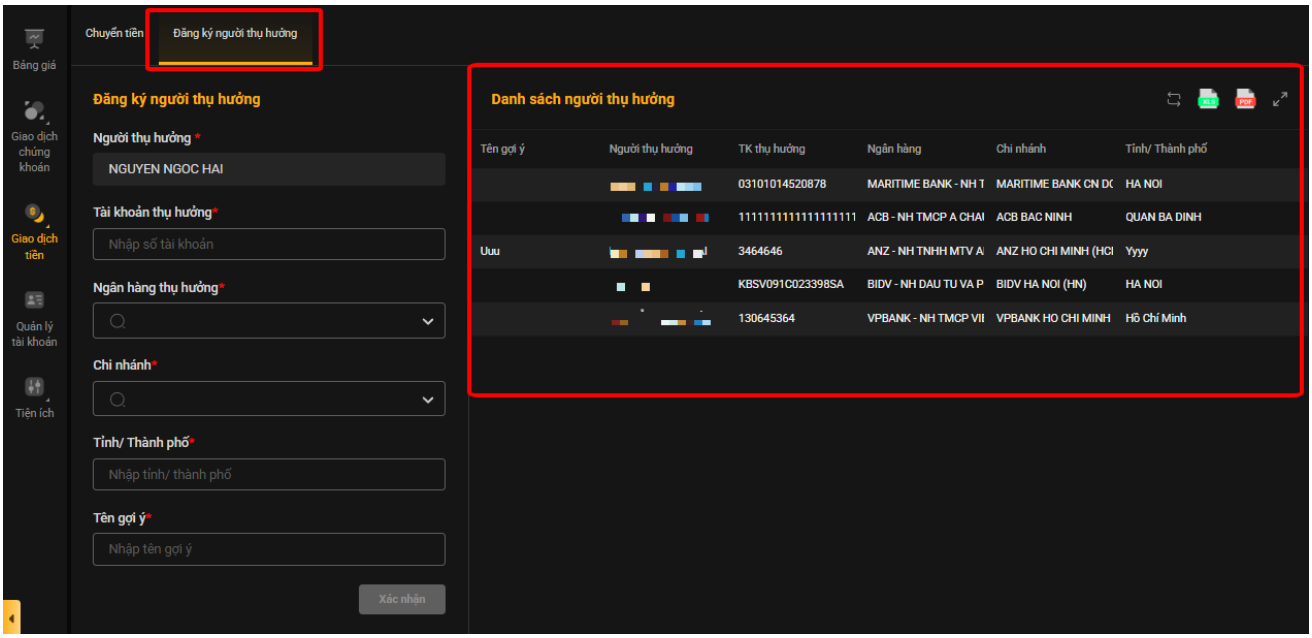

Màn hình **Danh sách người thụ hưởng** hiển thị toàn bộ danh sách tài khoản thụ hưởng mà khách hàng đã đăng ký với KBSV.

Để xóa tài khoản thụ hưởng đã đăng ký với KBSV,

- Bước 1: tại **Danh sách người thụ hưởng** chọn tài khoản mà khách hàng muốn xóa sẽ xuất hiện nút **Xóa người thụ hưởng**

Quay về mục lục

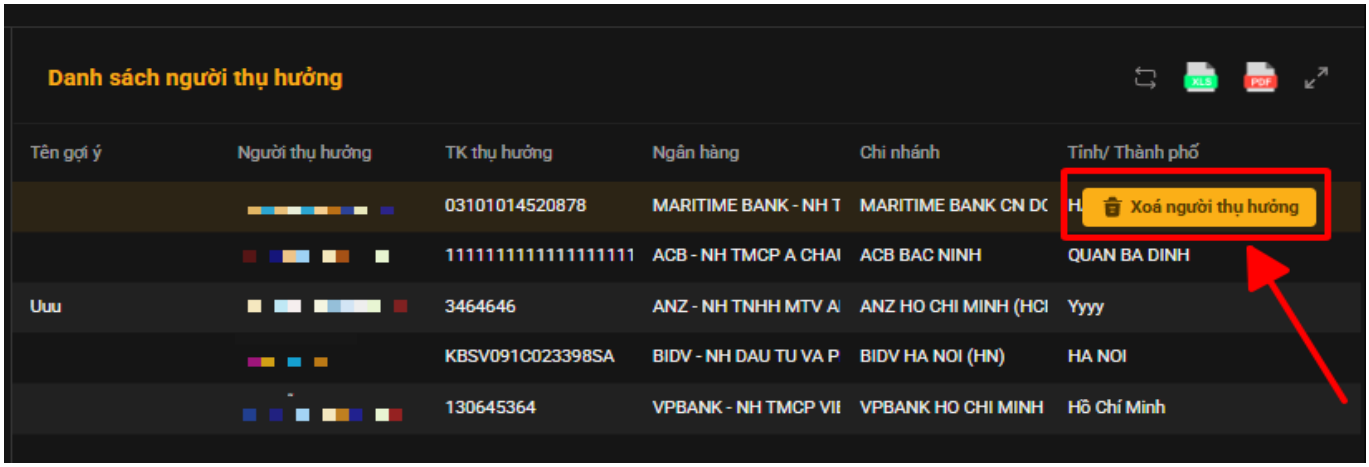

- Bước 2: Nhấn nút **Xóa người thụ hưởng**
- Bước 3: Màn hình xác nhận **Xóa tài khoản thụ hưởng** xuất hiện

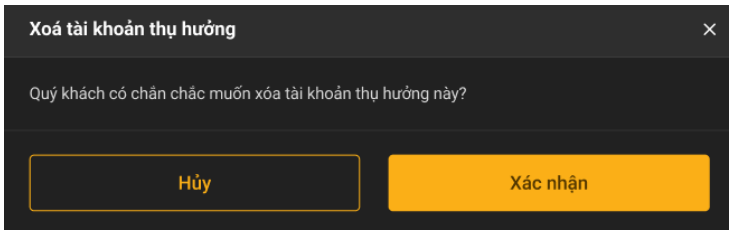

- Bước 4: Nhấn nút **Xác nhận** để xóa thành công tài khoản thụ hưởng.

3. Ứng trước tiền bán

Là một dịch vụ cho phép khách hàng sử dụng trước tiền bán chứng khoán khi chưa đến ngày thanh toán bù trừ. Hiện nay KBSV đang cung cấp dịch vụ ứng trước từng lần và ứng trước tự động.

Để vào mục **Ứng trước tiền bán** mục **Giao dịch tiền** chọn **Ứng trước tiền bàn** chuyển sang màn hình **Ứng trước tiền bán:** gồm 02 tab: **Ứng trước tiền bán** và **Lịch sử ứng trước tiền bán**

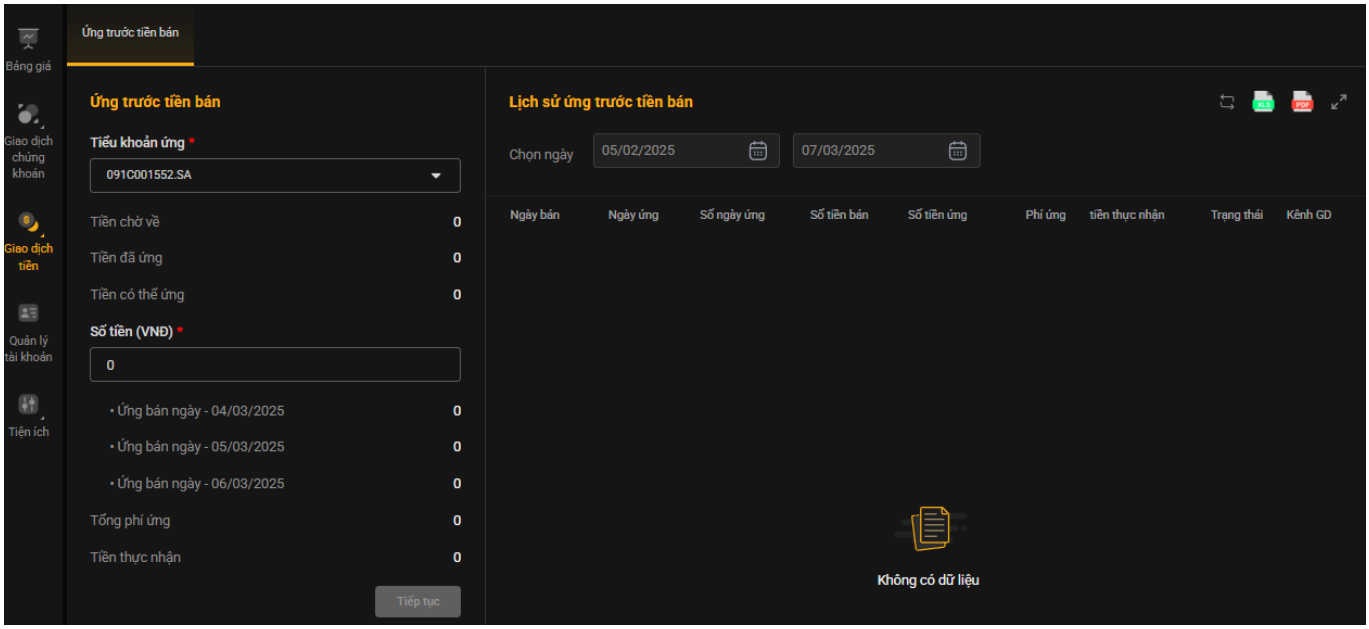

Quay về mục lục

3.1. Ứng trước tiền bán

❖ **Ứng trước từng lần**

Đối với trường hợp tiểu khoản không đăng ký ứng trước tự động, Khách hàng có thể tự ứng trước tiền bán với số tiền và phí ứng trước tiền bán theo quy định cua KBSV.

Để tự ứng trước tiền bán Khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Tại màn hình **Ứng trước tiền bán** chọn tiểu khoản thưc hiện ứng trước tiền bán. Với những tiểu khoản đăng ký ứng trước tự động, chức năng này chỉ dành cho việc tra cứu thông tin đã ứng trước tự động.
- Bước 2: Nhập số tiền muốn ứng (số tiền ứng không được lớn hơn tiền ứng chứng khoán tối đa). Khách hàng có thể nhập số tiền vào 1 trong 02 mục **Số tiền ứng trước** hoặc mục **Số tiền thực nhận**, hệ thống tự động tính **Phí ứng trước** theo quy định và tự động điền số tiền vào mục còn lại (Số tiền thực nhận = Số tiền ứng trước – Phí ứng trước)
- Bước 3: Nhấn nút **Ứng trước tiền bán** xuất hiện form **Xác nhận ứng trước tiền bán**.
- Bước 4: tại màn hình **Xác nhận ứng trước tiền bán** nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận**

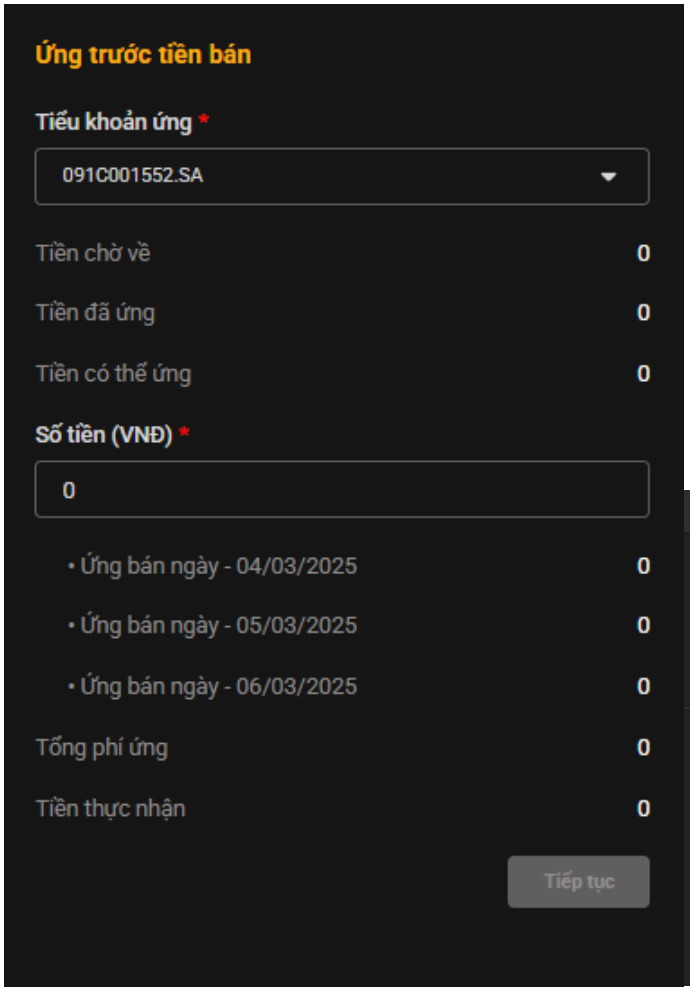

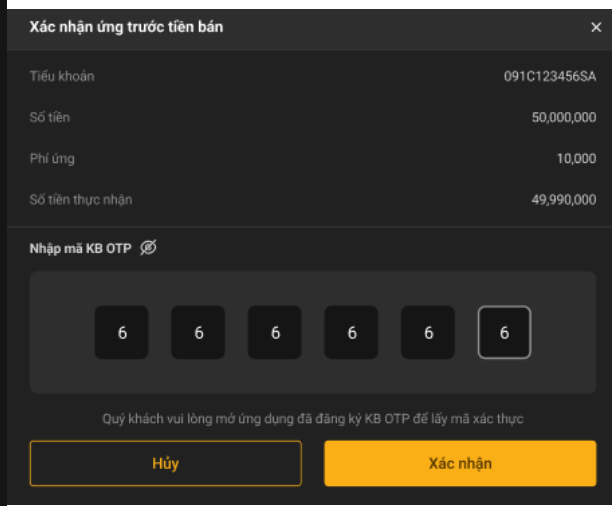

- Bước 5: Ứng trước tiền bán thành công trả ra thông báo

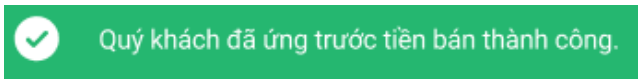

Quay về mục lục

❖ **Ứng trước tự động**

Là một dịch vụ ưu việt của KBSV nhằm cung cấp tiện ích cho Khách hàng trong việc sử dụng tối ưu số tiền bán chứng khoán chờ về. Hệ thống sẽ tự động tính toán số tiền bán chờ về mà khách hàng có thể sử dụng và cộng ngay vào sức mua để Khách hàng đặt lệnh. Khách hàng đã đăng ký dịch vụ ứng trước tự động thì sẽ không phải thực hiện ứng trước từng lần mà hệ thống sẽ tự động ứng trước

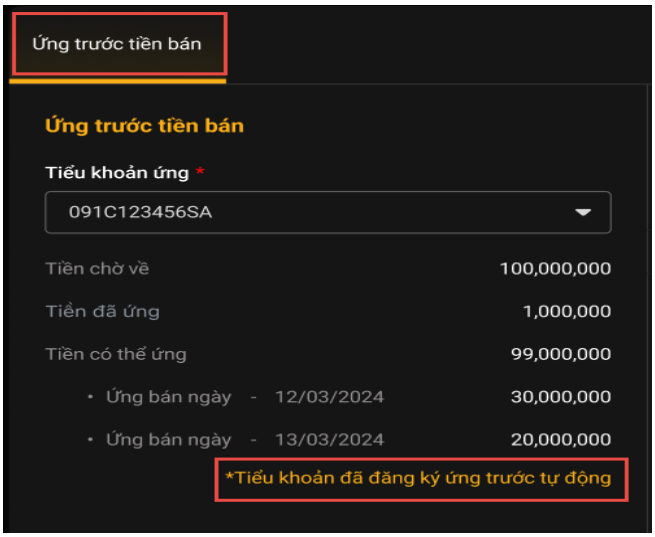

3.2. Lịch sử ứng trước tiền bán

Để tra cứu **Lịch sử ứng trước tiền bán** tại màn hình **Ứng trước tiền bán** chọn tab **Lịch sử:**

- Bước 1: Chọn tiểu khoản muốn tra cứu
- Bước 2: Chọn khoảng thời gian muốn tra cứu màn hình thông tin lịch sử ứng trước tiền bàn với các thông tin đã lọc

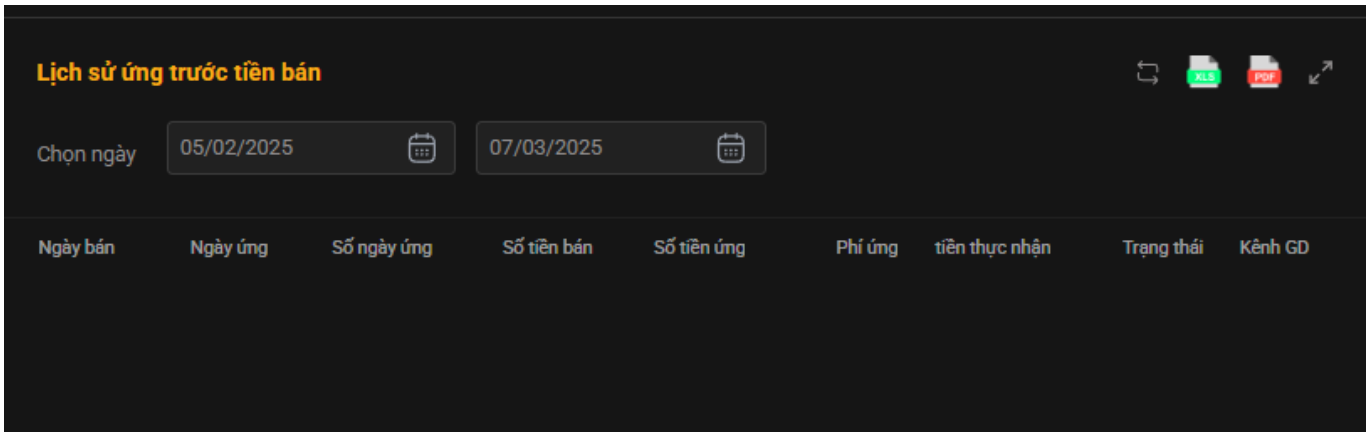

4. Quét mã QR

Quét mã QR là công cụ giúp khách hàng trong việc nộp tiền vào tài khoản chứng khoán nhanh và dễ dàng hơn.

Tại mục **Giao dịch tiền** chọn **Quét mã QR**. Màn hình **Quét mã QR** xuất hiện:

Quay về mục lục

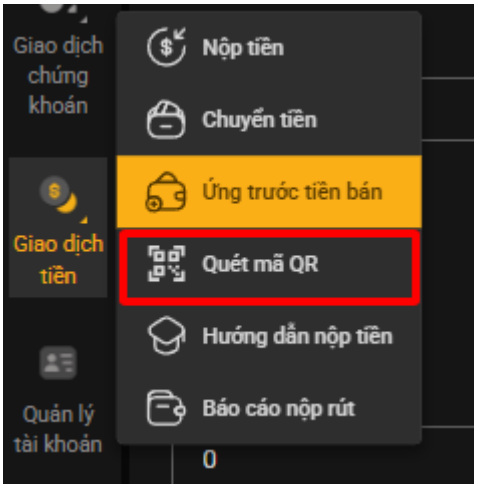

Để sử dụng quét mã QR nộp tiền vào tài khoản chứng khoán khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Tại mục **Giao dịch tiền** chọn **Quét mã QR** xuất hiện màn hình **Quét mã QR**
- Bước 2: Tại màn hình **Quét mã QR** chọn **Bổ sung tiền,** khách hàng nhập thông tin số tiền cần nộp, nội dung
- Bước 3: Nhấn nút **Tạo mã** hệ thống sẽ tạo 1 mã QR

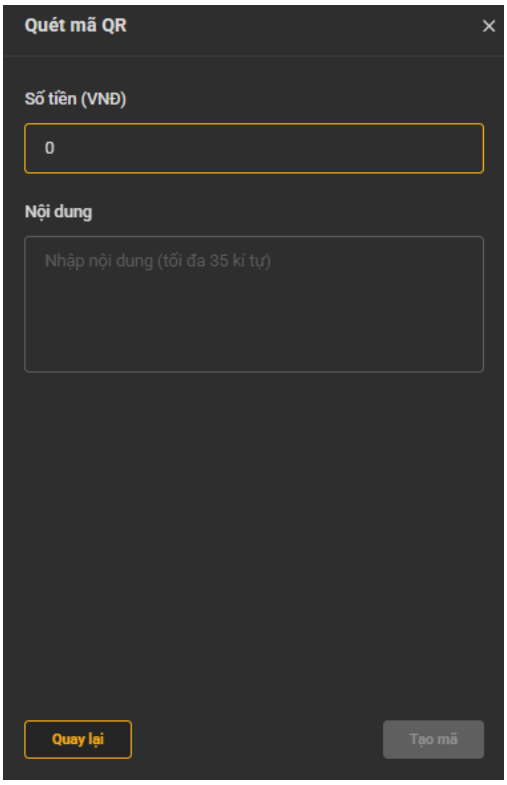

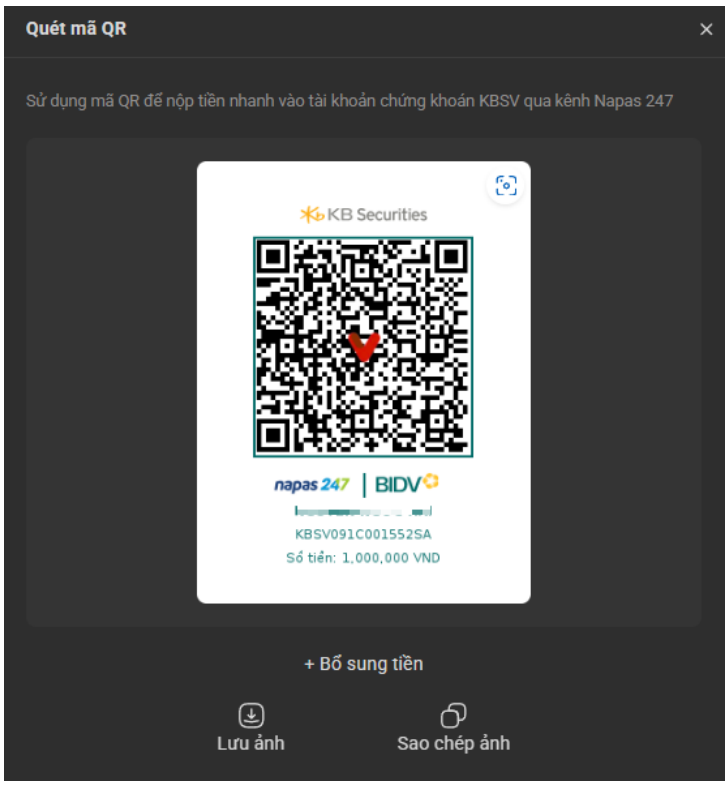

- Bước 4: Tại mã QR vừa tạo khách hàng chọn lưu ảnh hoặc sao chép ảnh để sử dụng cho việc nộp tiền vào tài khoản chứng khoán
- Bước 5: Lưu ảnh/ Sao chép ảnh thành công hệ thống trả ra thông báo:

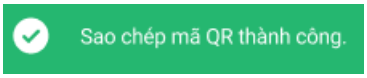

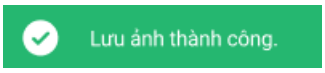

5. Hướng dẫn nộp tiền

Tại màn hình mục **Giao dịch tiền** chọn **Hướng dẫn nộp tiền**

Quay về mục lục

Màn hình **Hướng dẫn nộp tiền** có biểu tượng ngân hàng có hường dẫn chi tiết và hướng dẫn chung với tất cả các ngân hàng

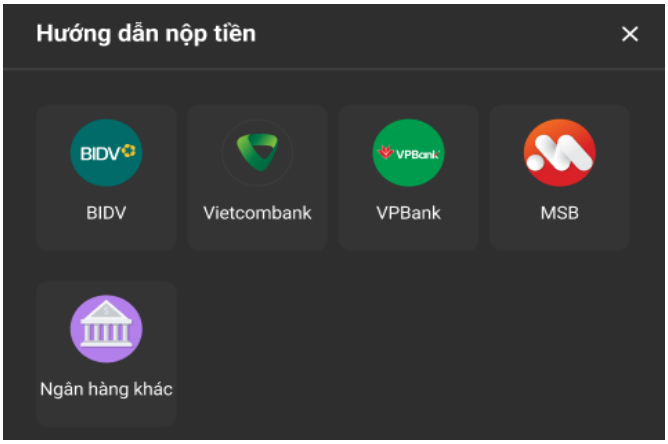

Nộp tiền trực tiếp tại app: đối với các Ngân hàng: BIDV; VCB; VPB; MSB: Khách hàng chọn trực tiếp vào biểu tượng Ngân hàng sẽ có hướng dẫn chi tiết

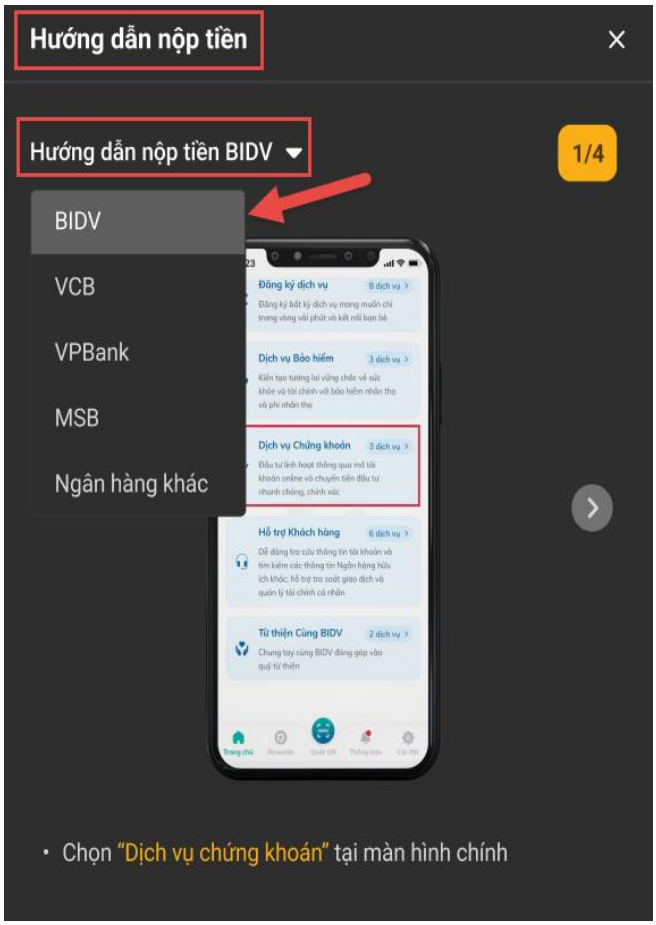

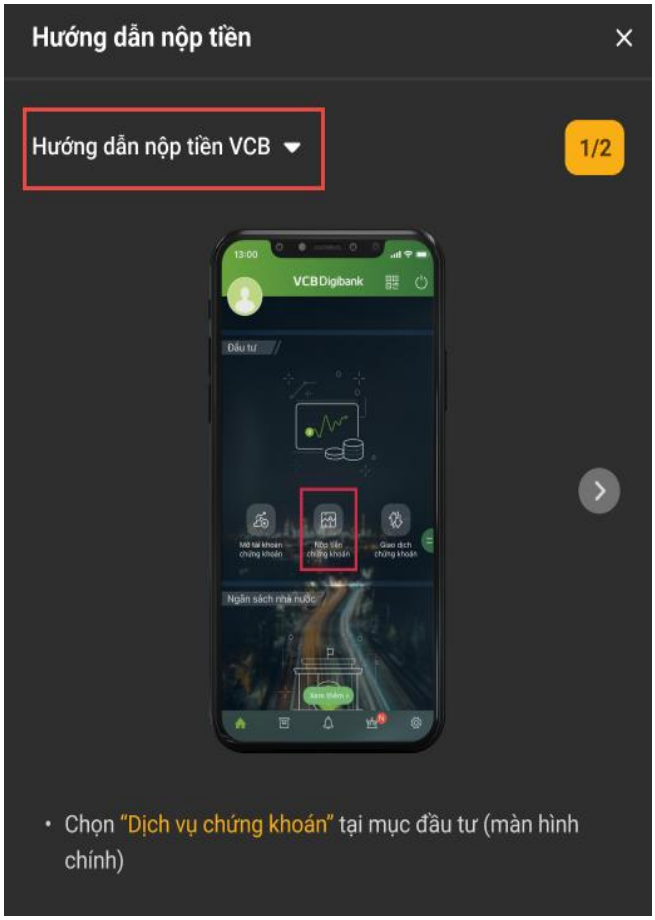

Quay về mục lục

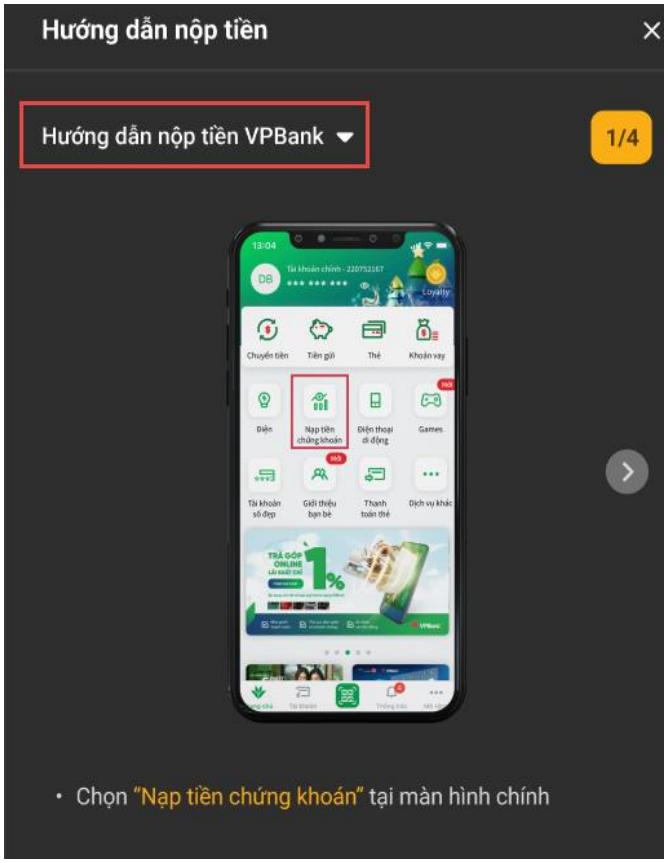

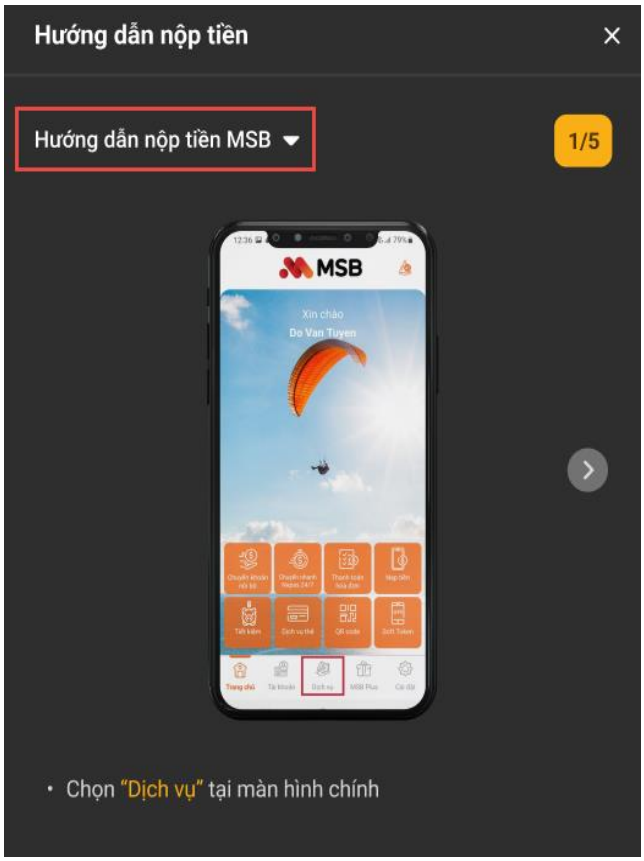

❖ **Hướng dẫn nộp tiền tại Ngân hàng khác**

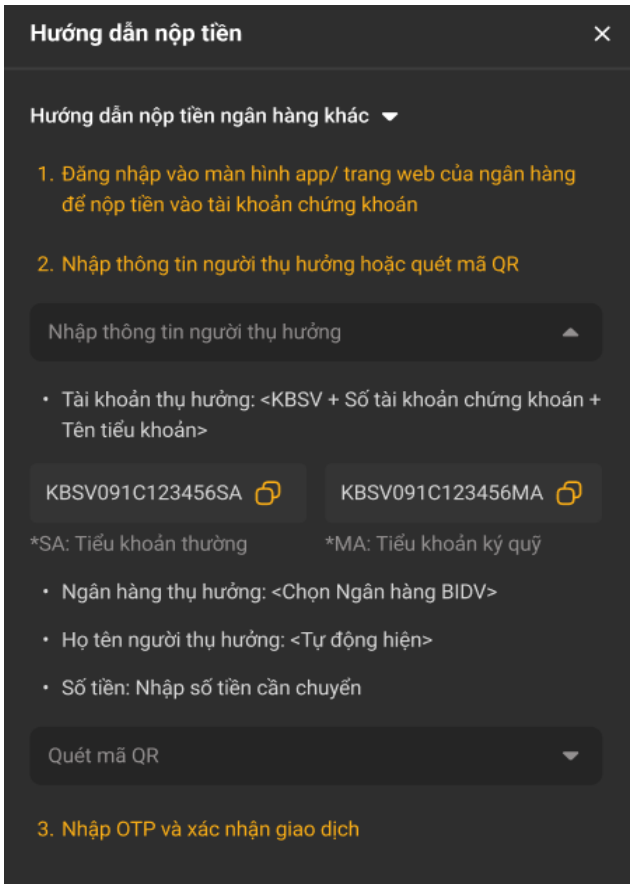

Quay về mục lục

III. Quản lý tài khoản

Quản lý tài khoản bao gồm ba tab: **Danh mục, Báo cáo tài sản, Tổng tài sản**

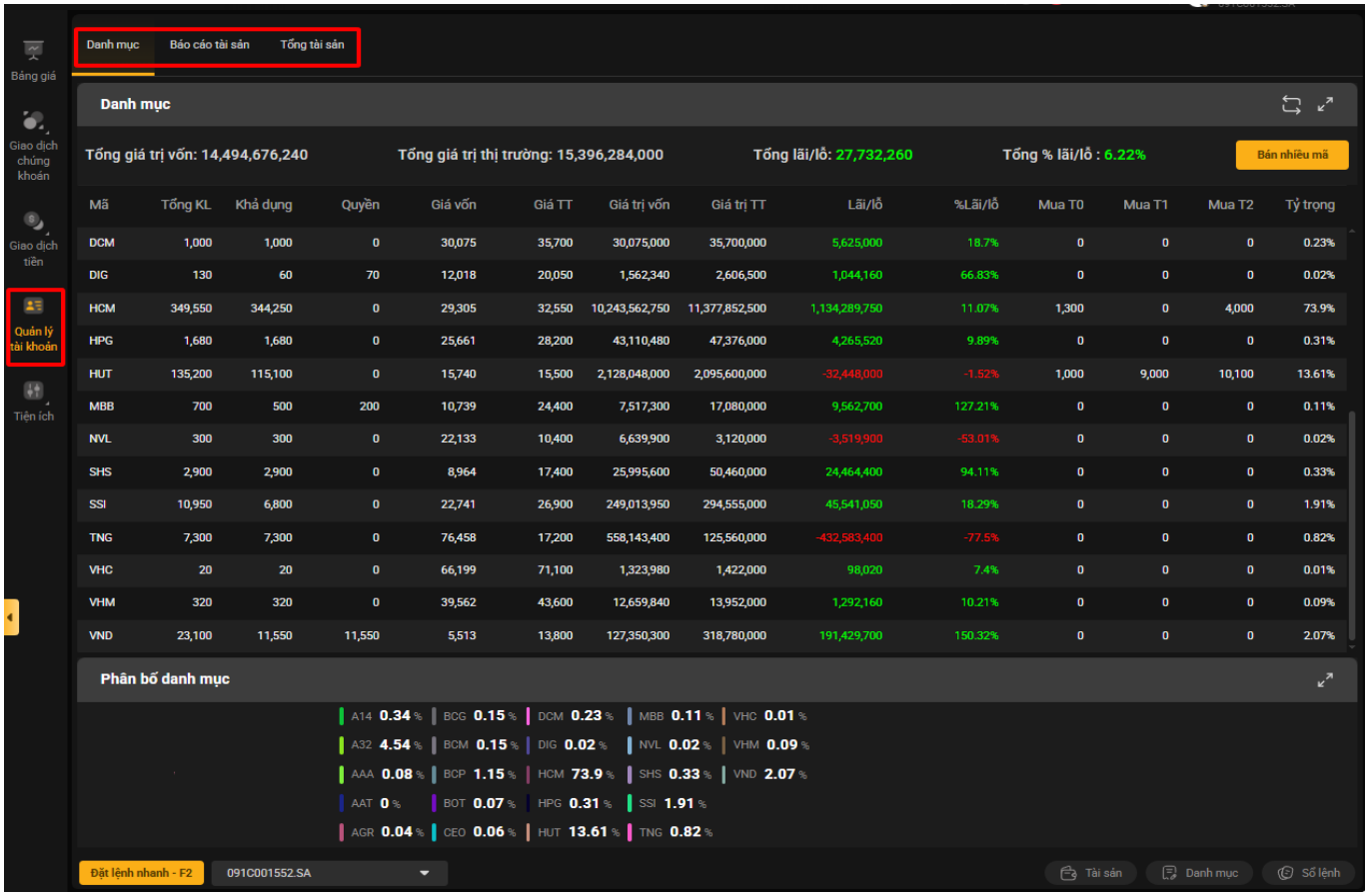

1. Danh mục

Danh mục bao gồm các tab: **Danh mục; Phân bổ danh mục**

Quay về mục lục

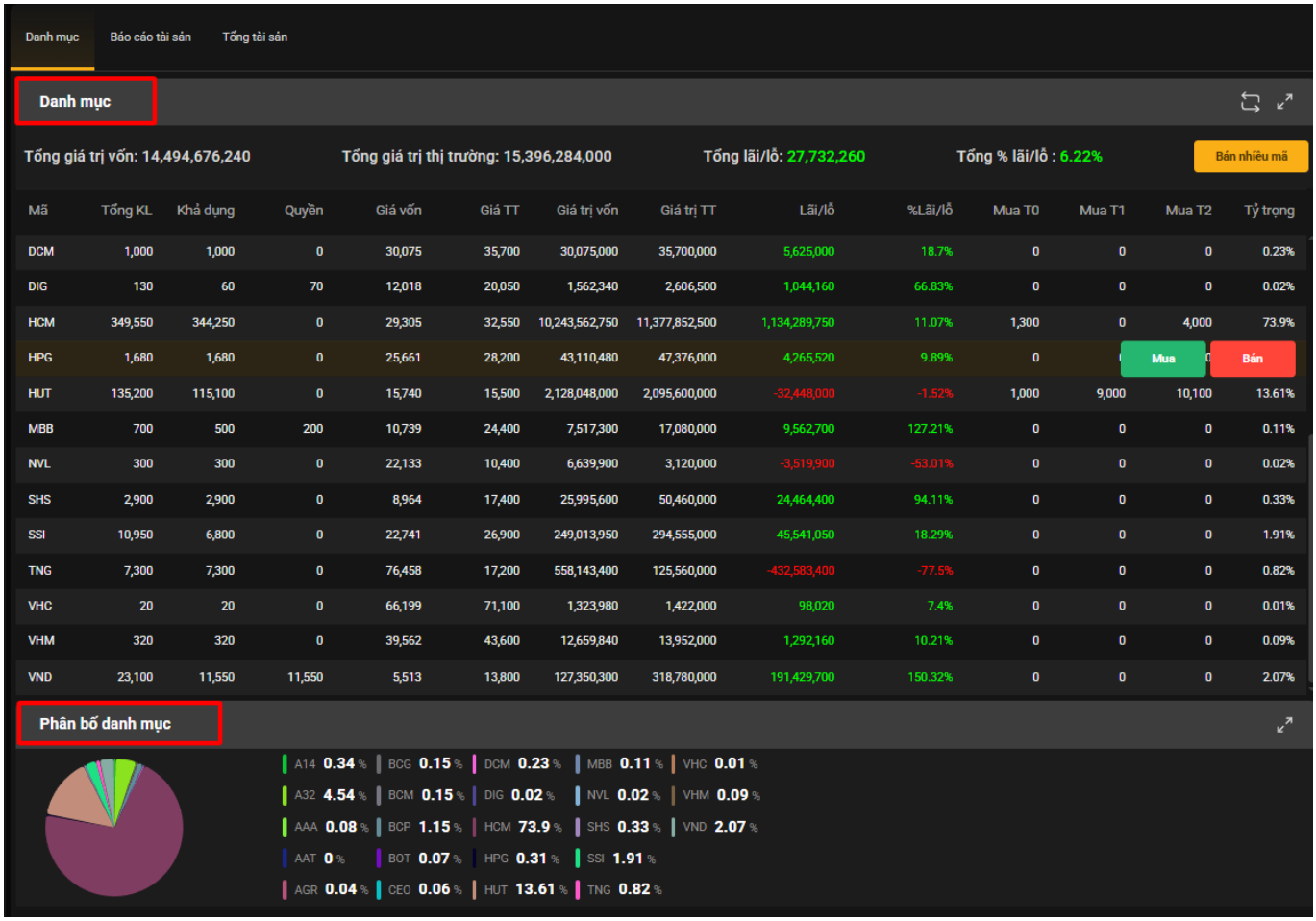

Mã	Tổng KL	Khả dụng	Quyền	Giá vốn	Giá TT	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi/lỗ	%Lãi/lỗ	Mua T0	Mua T1	Mua T2	Tỷ trọng
DCM	1,000	1,000	0	30,075	35,700	30,075,000	35,700,000	5,625,000	18.7%	0	0	0	0.23%
DIG	130	60	70	12,018	20,050	1,562,340	2,606,500	1,044,160	66.83%	0	0	0	0.02%
HCM	349,550	344,250	0	29,305	32,550	10,243,562,750	11,377,852,500	1,134,289,750	11.07%	1,300	0	4,000	73.9%
HPG	1,680	1,680	0	25,661	28,200	43,110,480	47,376,000	4,265,520	9.89%	0			
HUT	135,200	115,100	0	15,740	15,500	2,128,048,000	2,095,600,000	-32,448,000	-1.52%	1,000	9,000	10,100	13.61%
MBB	700	500	200	10,739	24,400	7,517,300	17,080,000	9,562,700	127.21%	0	0	0	0.11%
NVL	300	300	0	22,133	10,400	6,639,900	3,120,000	-3,519,900	-53.01%	0	0	0	0.02%
SHS	2,900	2,900	0	8,964	17,400	25,995,600	50,460,000	24,464,400	94.11%	0	0	0	0.33%
SSI	10,950	6,800	0	22,741	26,900	249,013,950	294,555,000	45,541,050	18.29%	0	0	0	1.91%
TNG	7,300	7,300	0	76,458	17,200	558,143,400	125,560,000	-432,583,400	-77.5%	0	0	0	0.82%
VHC	20	20	0	66,199	71,100	1,323,980	1,422,000	98,020	7.4%	0	0	0	0.01%
VHM	320	320	0	39,562	43,600	12,659,840	13,952,000	1,292,160	10.21%	0	0	0	0.09%
VND	23,100	11,550	11,550	5,513	13,800	127,350,300	318,780,000	191,429,700	150.32%	0	0	0	2.07%

1.1. Danh mục

Tại tab **Danh mục** chọn **Danh mục**: Thông tin danh mục chứng khoán sở hữu của Khách hàng theo tiểu khoản: Bao gồm:

- Tất cả các mã chứng khoán hiện có trên tiểu khoản
- Tổng giá trị của tất cả các mã chứng khoán trên tiểu khoản
- Tài sản ròng của tiểu khoản
- Lãi/ lỗ tạm tính của tổng các mã chứng khoán đang có trên tiểu khoản
- Chi tiết từng mã chứng khoán hiện có trên tiểu khoản.

Quay về mục lục

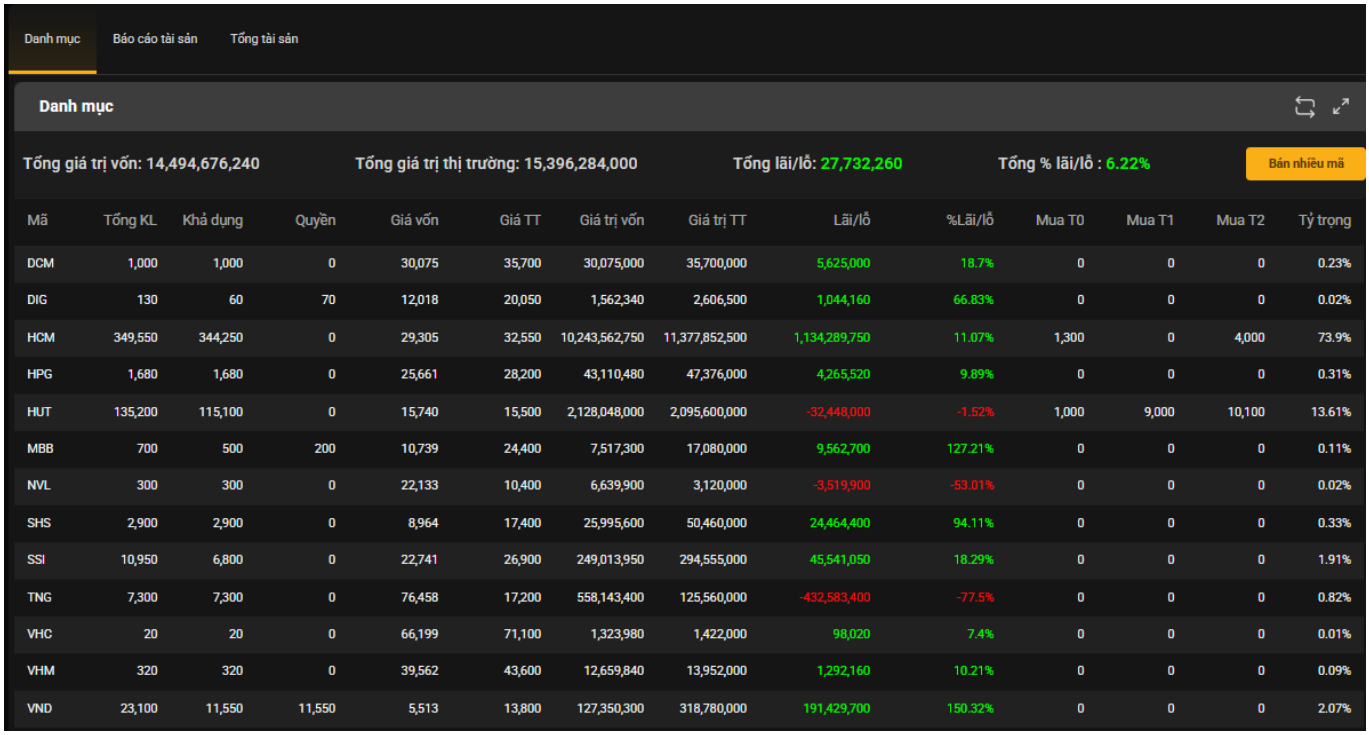

Mã	Tổng KL	Khả dụng	Quyền	Giá vốn	Giá TT	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi/lỗ	%Lãi/lỗ	Mua T0	Mua T1	Mua T2	Tỷ trọng
DCM	1,000	1,000	0	30,075	35,700	30,075,000	35,700,000	5,625,000	18.7%	0	0	0	0.23%
DIG	130	60	70	12,018	20,050	1,562,340	2,606,500	1,044,160	66.83%	0	0	0	0.02%
HCM	349,550	344,250	0	29,305	32,550	10,243,562,750	11,377,852,500	1,134,289,750	11.07%	1,300	0	4,000	73.9%
HPG	1,680	1,680	0	25,661	28,200	43,110,480	47,376,000	4,265,520	9.89%	0	0	0	0.31%
HUT	135,200	115,100	0	15,740	15,500	2,128,048,000	2,095,600,000	-32,448,000	-1.52%	1,000	9,000	10,100	13.61%
MBB	700	500	200	10,739	24,400	7,517,300	17,080,000	9,562,700	127.21%	0	0	0	0.11%
NVL	300	300	0	22,133	10,400	6,639,900	3,120,000	-3,519,900	-53.01%	0	0	0	0.02%
SHS	2,900	2,900	0	8,964	17,400	25,995,600	50,460,000	24,464,400	94.11%	0	0	0	0.33%
SSI	10,950	6,800	0	22,741	26,900	249,013,950	294,555,000	45,541,050	18.29%	0	0	0	1.91%
TNG	7,300	7,300	0	76,458	17,200	558,143,400	125,560,000	-432,583,400	-77.5%	0	0	0	0.82%
VHC	20	20	0	66,199	71,100	1,323,980	1,422,000	98,020	7.4%	0	0	0	0.01%
VHM	320	320	0	39,562	43,600	12,659,840	13,952,000	1,292,160	10.21%	0	0	0	0.09%
VND	23,100	11,550	11,550	5,513	13,800	127,350,300	318,780,000	191,429,700	150.32%	0	0	0	2.07%

❖ Bán nhiều mã

Tại màn hình **Danh mục** này khi nhấn vào nút: **Bán nhiều mã** hệ thống tự động chuyển sang màn hình **Bán nhiều mã**

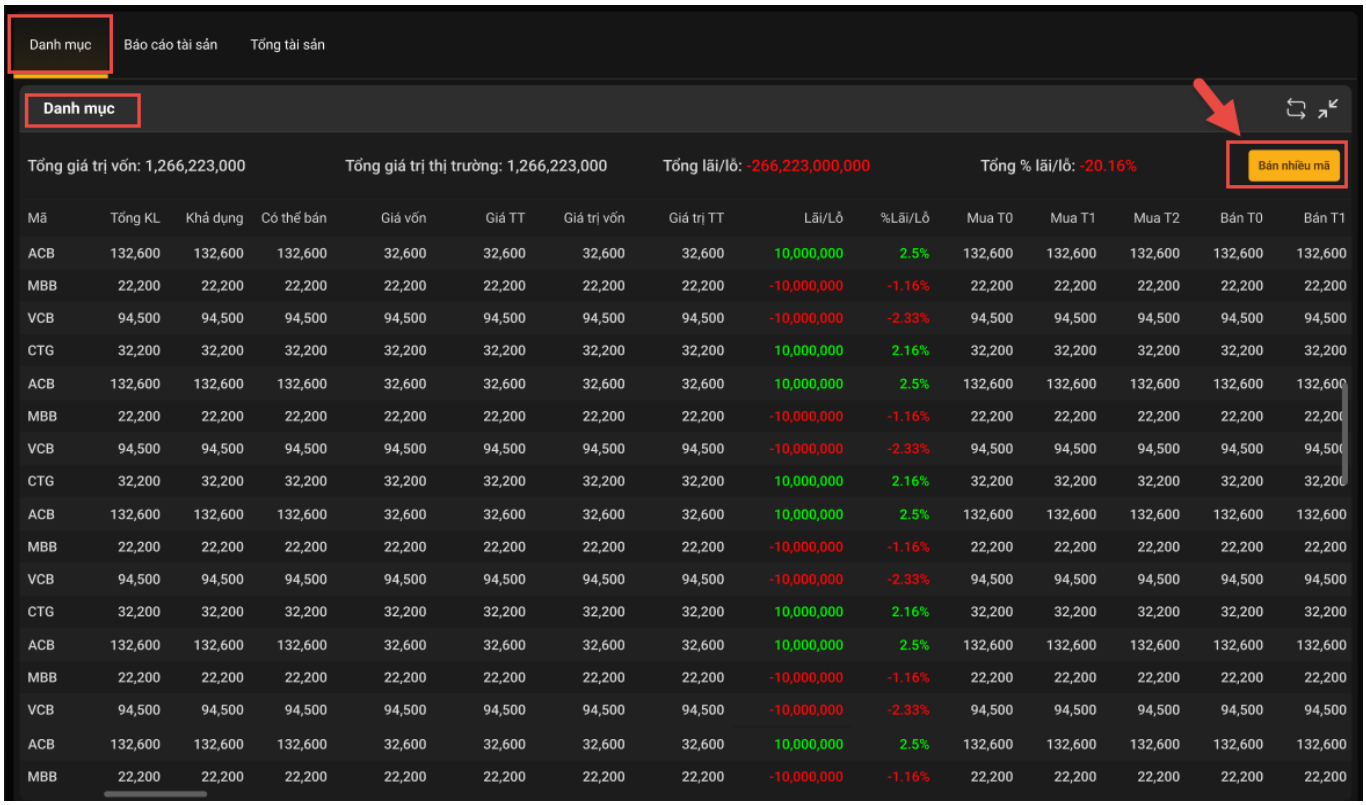

Mã	Tổng KL	Khả dụng	Có thể bán	Giá vốn	Giá TT	Giá trị vốn	Giá trị TT	Lãi/Lỗ	%Lãi/Lỗ	Mua T0	Mua T1	Mua T2	Bán T0	Bán T1
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	10,000,000	2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200
VCB	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	-10,000,000	-2.33%	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
CTG	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000,000	2.16%	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	10,000,000	2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200
VCB	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	-10,000,000	-2.33%	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
CTG	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000,000	2.16%	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	10,000,000	2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200
VCB	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	-10,000,000	-2.33%	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
CTG	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000,000	2.16%	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	10,000,000	2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200
VCB	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	-10,000,000	-2.33%	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
ACB	132,600	132,600	132,600	32,600	32,600	32,600	32,600	10,000,000	2.5%	132,600	132,600	132,600	132,600	132,600
MBB	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200	-10,000,000	-1.16%	22,200	22,200	22,200	22,200	22,200

Cài đặt bán nhiều mã gồm các bước:

- Bước 1: Nhấn nút **Bán nhiều mã** xuất hiện khung tick chọn một hoặc nhiều mã muốn bán
- Bước 2: Tick chọn các mã muốn bán (có thể chọn tất cả hoặc chọn những mã muốn bán); Chọn khối lượng bán

Quay về mục lục

➢ Bước 3: Lựa chọn giá đặt lệnh, giá mặc định là MP, để có thể thay đổi giá nhấn vào biểu tượng chỉnh sửa chuyển sang màn hình **Thay đổi giá**

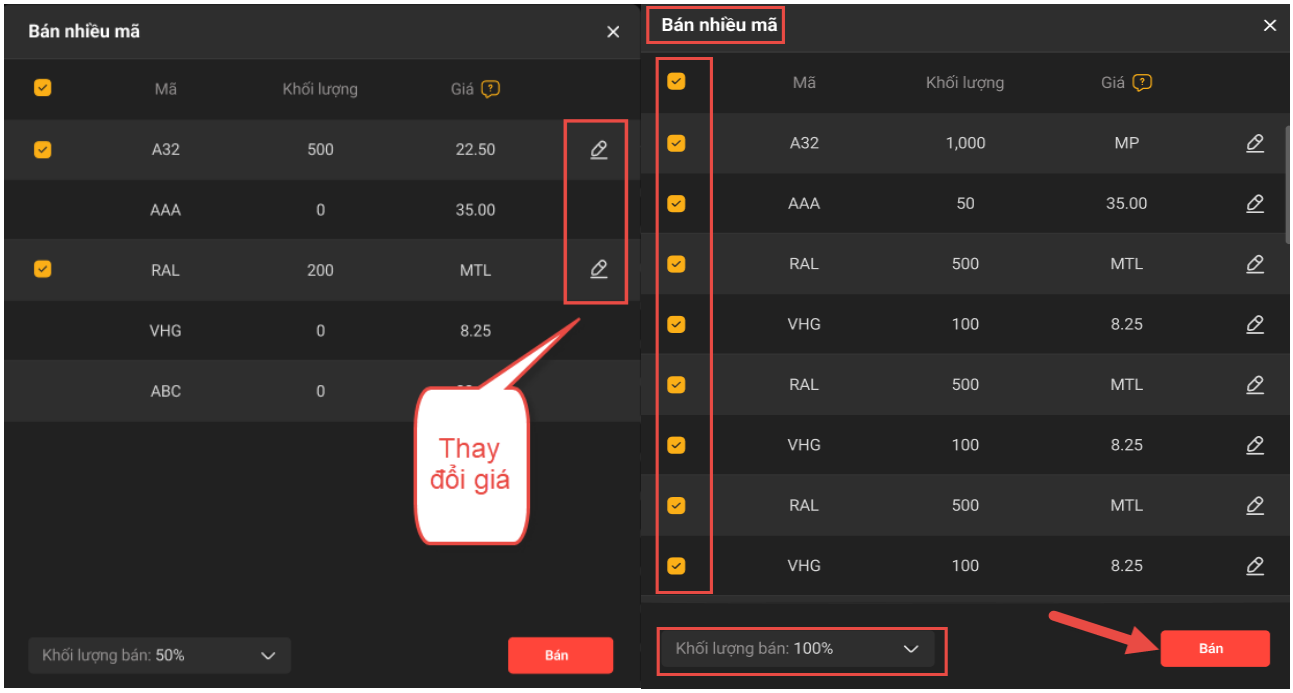

➢ Bước 4: Nhấn nút **Bán** chuyển sang màn hình xác nhận đặt bán nhiều mã

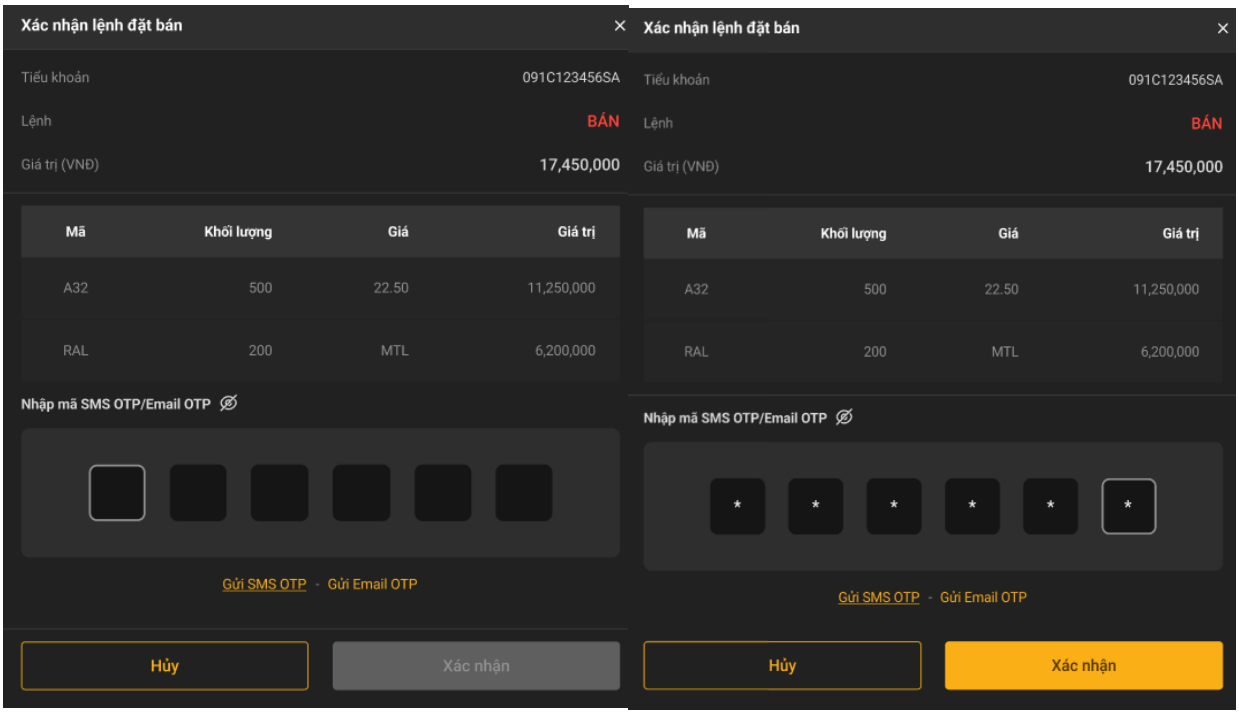

Nguyên tắc xác định giá trong mục **Bán nhiều mã: Đối với các mã chứng khoán niêm yết tại các sàn, KBSV mặc định đẩy loại lệnh/ giá theo nguyên tắc sau:*

- Tại HSX: loại lệnh ATO tại phiên mở cửa, loại lệnh MP phiên liên tục, lệnh ATC tại phiên đóng cửa đối với các giao dịch lô chẵn và loại lệnh LO giá sàn đối với các giao dịch lô lẻ.

- Tại sàn HNX: Loại lệnh MTL tại phiên liên tục, loại lệnh ATC tại phiên đóng cửa, loại lệnh PLO tại phiên ngoài giờ đối với các giao dịch lô chẵn và loại lệnh LO giá sàn đối với các giao dịch lô lẻ.

- Tại sàn UPCOM: Loại lệnh LO giá sàn đối với các giao dịch lô chẵn và lẻ.

Quay về mục lục

- Bước 5: Nhập phương thức xác thực và nhấn **Xác nhận** để hoàn tất bán nhiều mã
- Bước 6: Hoàn tất lệnh bán nhiều mã hệ thống trả ra thông báo:

❖ **Nút Mua/Bán**

Tại mỗi dòng thông tin mã chứng khoán trong danh mục, kéo sang trái sẽ xuất hiện nút **Mua/Bán**. Khi nhấn nút **Mua/Bán** tự động chuyển sang màn hình giao dịch.

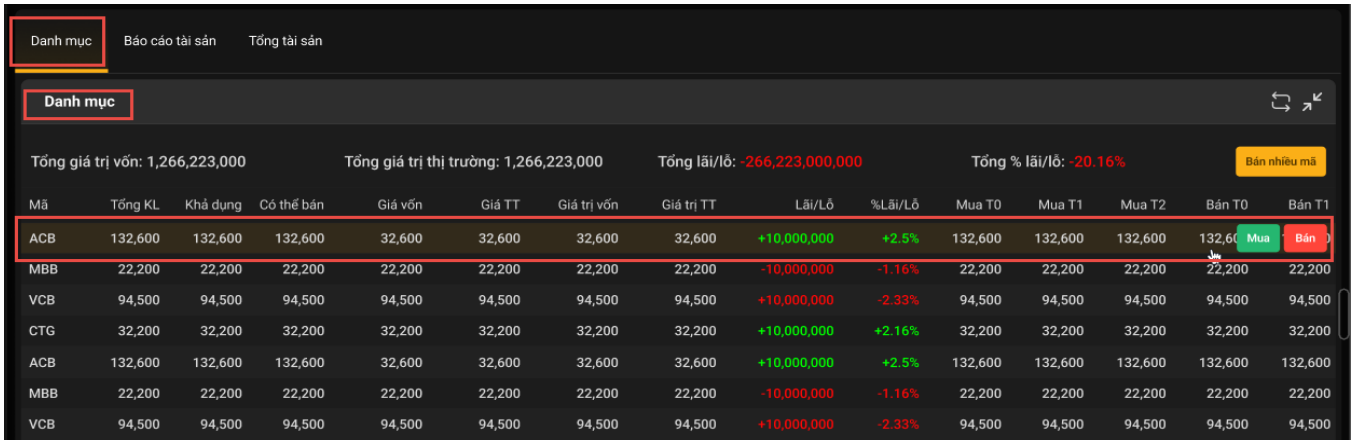

Quay về mục lục

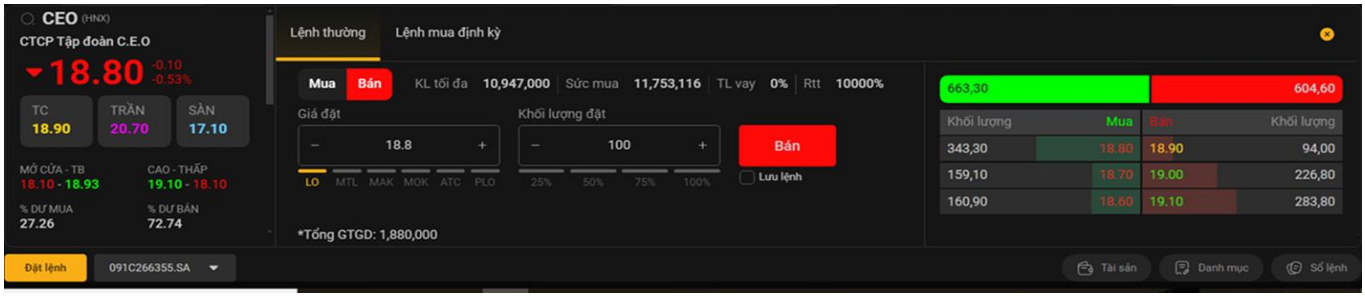

1.2. Phân bổ danh mục

Tại tab **Quản lý tài khoản/ Danh mục** chọn tab **Phân bổ danh mục.** Màn hình tab **Phân bổ danh mục:**

Quay về mục lục

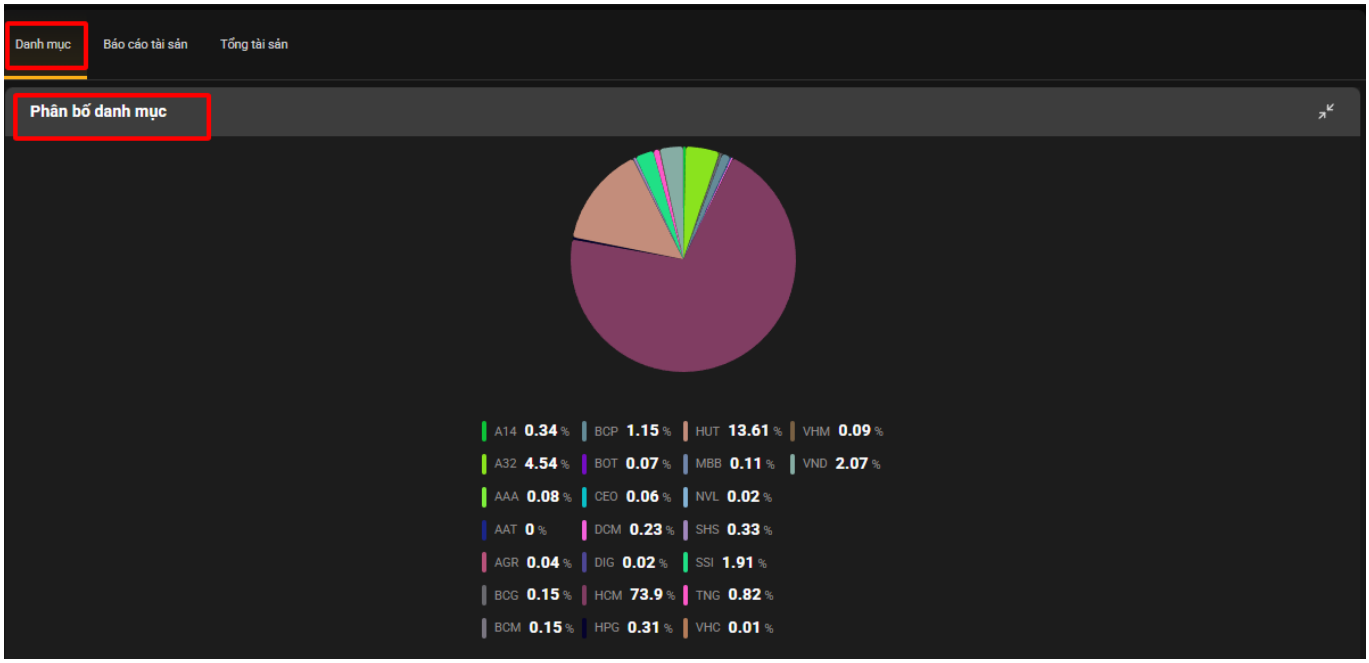

Màn hình **Phân bổ danh mục** thể hiện chi tiết toàn bộ danh mục theo tiểu khoản của khách hàng trên biểu đồ hình tròn, tỷ lệ từng mã chứng khoán trong danh mục.

2. Báo cáo tài sản

Tại mục **Quản lý tài khoản** khách hàng chọn **Báo cáo tài sản**

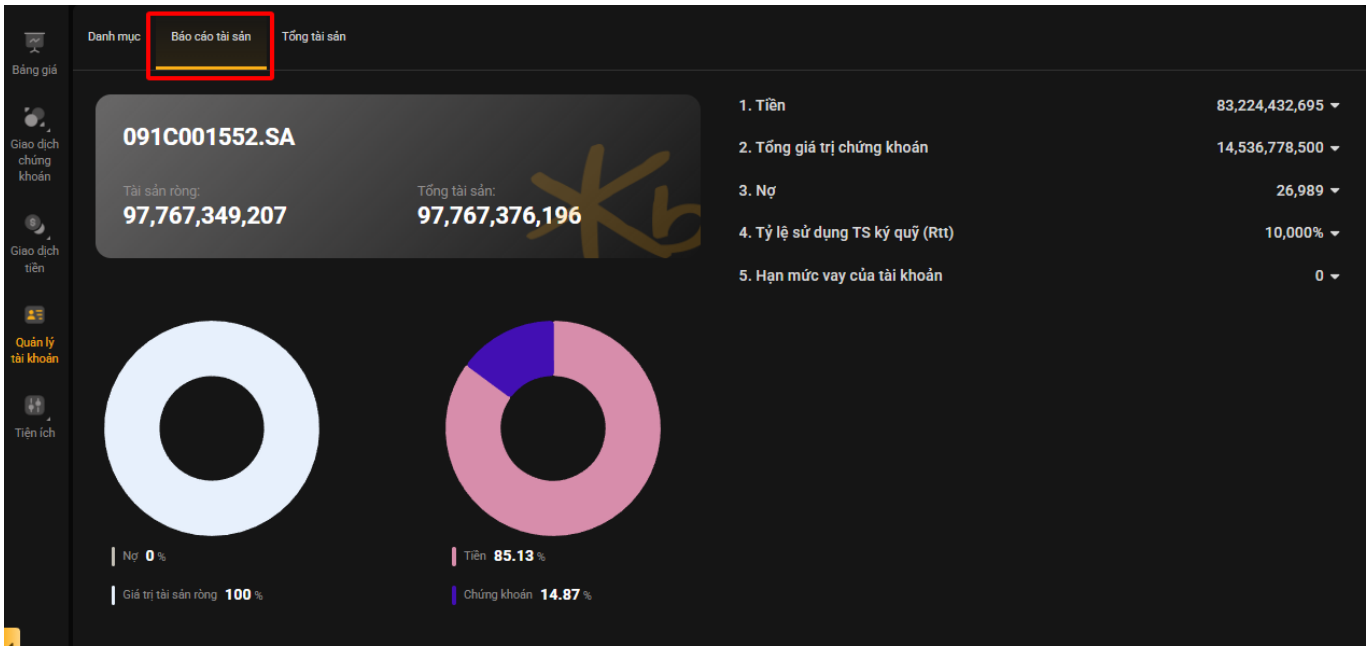

Báo cáo tài sản gồm toàn bộ thông tin toàn bộ tài sản theo tiểu khoản:

- Tài sản ròng: tài sản ròng của tiểu khoản
- Tổng tài sản: Tổng tài sản trên tiểu khoản.
- Tổng GTCK: tổng giá trị chứng khoán trên tiểu khoản.
- Tiền: Tiền mặt, tiền mua chờ khớp, tiền có thể ứng, cổ tức bằng tiền mặt, lãi tiền gửi.
- Nợ: tổng nợ của tiểu khoản
- Tỷ lệ ký quỹ: tỷ lệ ký quỹ của tiểu khoản

Quay về mục lục

- Hạn mức vay của tài khoản: Hạn mức KBSV có thể cho khách hàng vay
- Vòng tròn tỷ lệ giữa Nợ/ Tài sản ròng
- Vòng tròn tỷ lệ giữa Tiền và chứng khoán

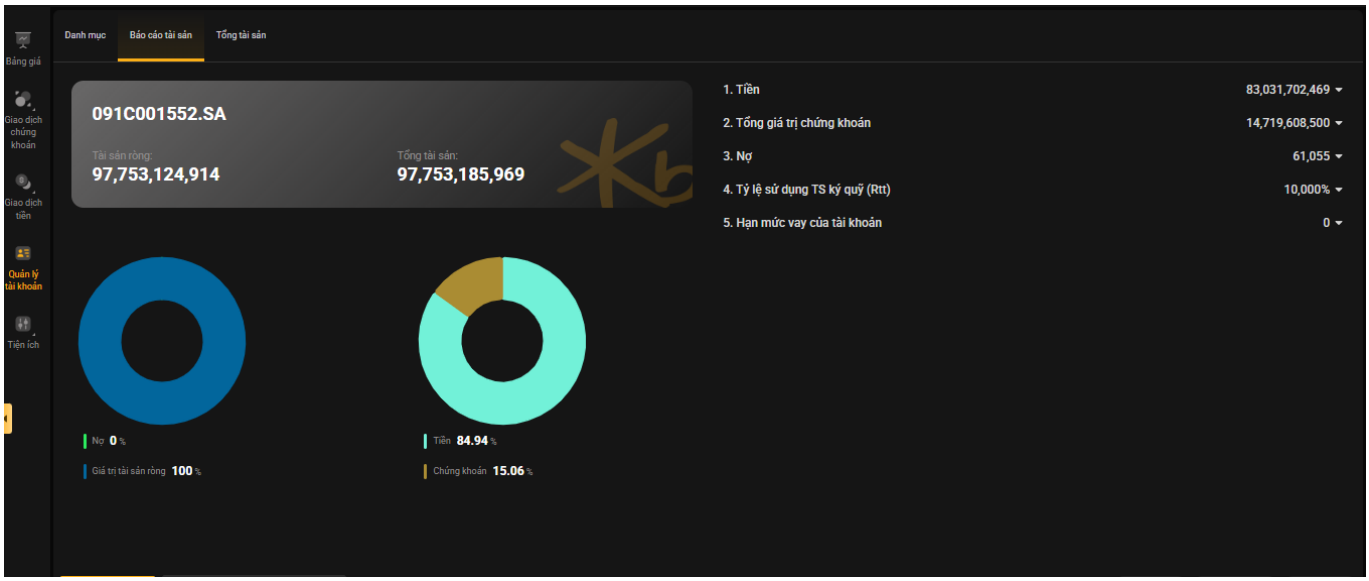

3. Tổng tài sản

Tại mục **Quản lý tài khoản** khách hàng chọn **Tổng tài sản**

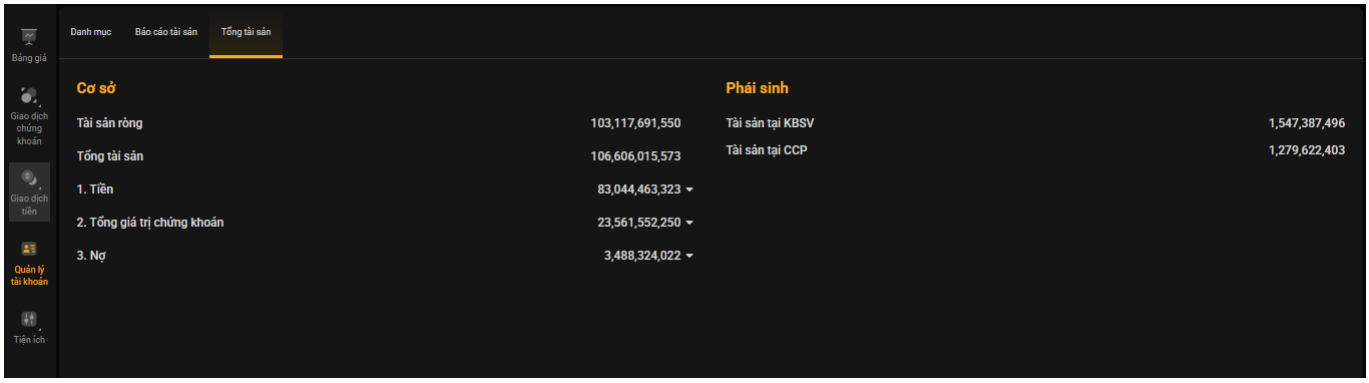

Tổng tài sản là màn hình thể hiện tất cả tài sản trên tài khoản của khách hàng (Tổng tài sản của tất cả các tiểu khoản):

- Tài sản trên các tiểu khoản chứng khoán cơ sở
- Tài sản trên các tiểu khoản chứng khoán phái sinh

Quay về mục lục

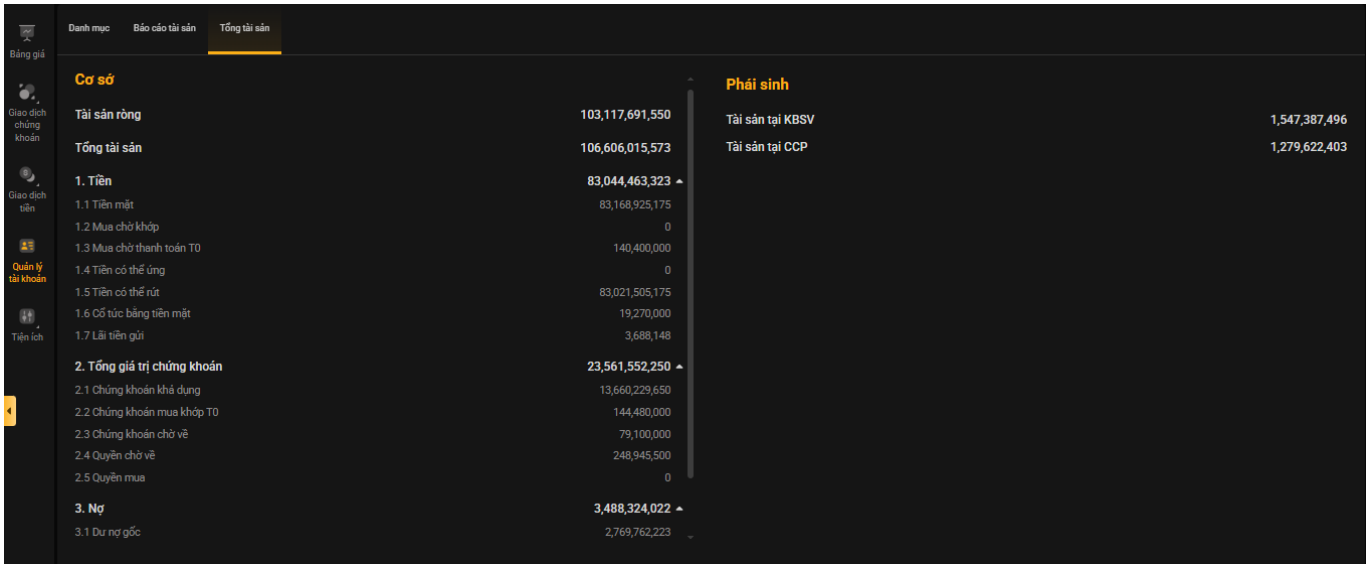

IV. Tiện ích

Tiện ích bao gồm các mục: **Đăng ký sản phẩm; Dịch vụ tài chính; Giao dịch khác; Tra cứu**

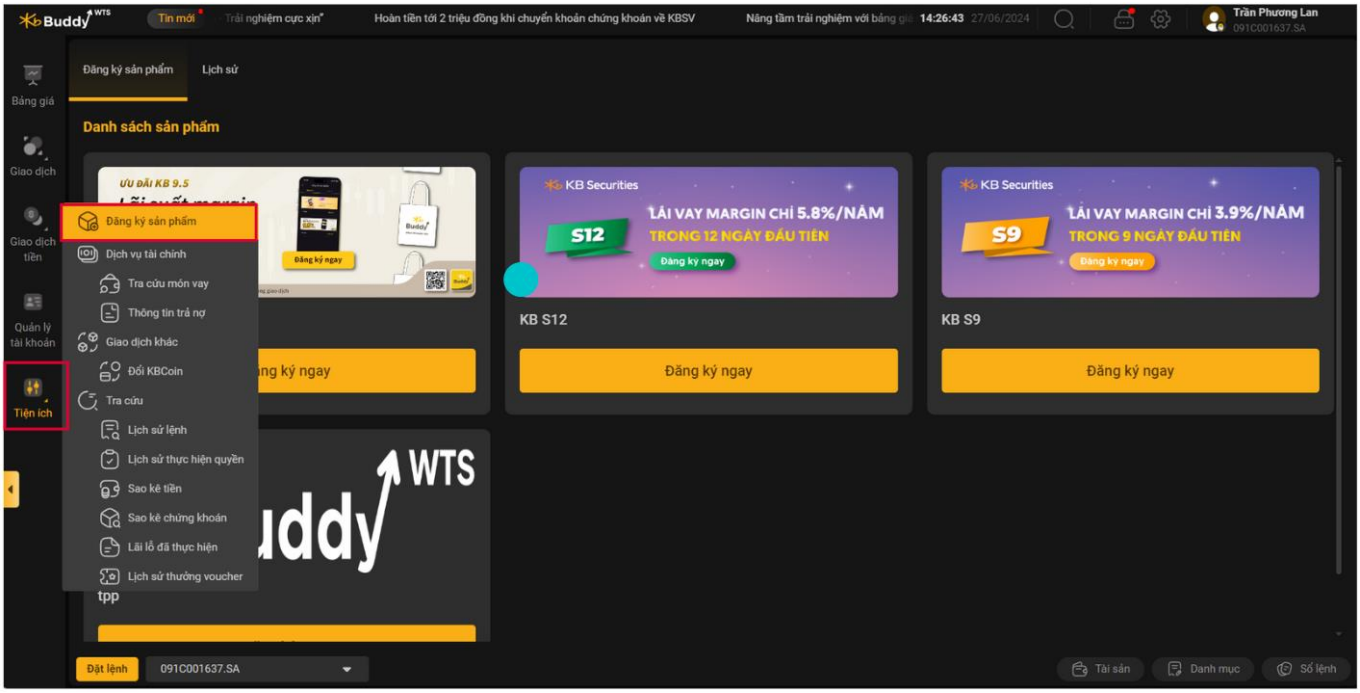

1. Đăng ký sản phẩm

Tại mục **Tiện ích** khách hàng chọn **Đăng ký sản phẩm** màn hình đăng ký sản phẩm gồm **Đăng ký sản phẩm** và **Lịch sử** đăng ký sản phẩm

Quay về mục lục

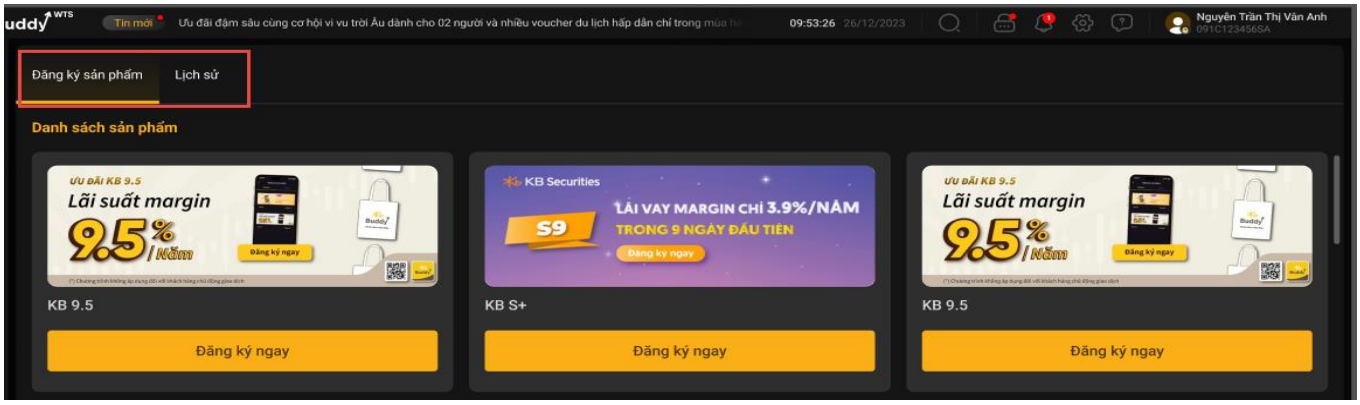

1.1. Đăng ký sản phẩm

Tại màn hình **Danh sách sản phẩm,** Khách hàng có thể đăng ký online các sản phẩm của KBSV, bao gồm: đăng ký mở các tiểu khoản giao dịch và đăng ký các sản phẩm, dịch vụ khác

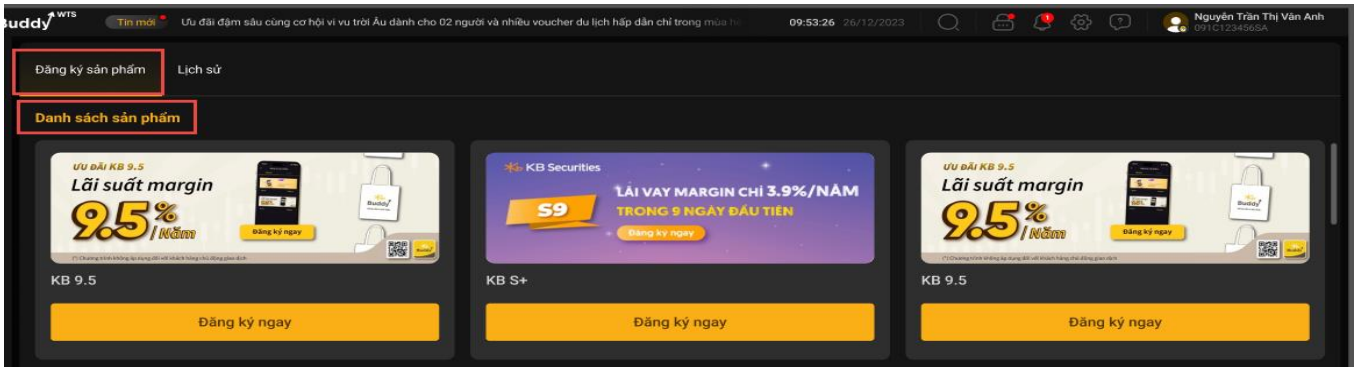

Nhấn vào từng sản phẩm chuyển qua màn hình chi tiết thông tin về sản phẩm.

Để đăng ký các sản phẩm khác Khách hàng thực hiện các thao tác:

- Bước 1: Chọn nút **Đăng ký ngay** tại phía dưới từng sản phẩm chuyển sang ần hình xác thực đăng ký sản phẩm
- Bước 2: Tick chọn "Tôi xác nhận đã đọc và đồng ý với các quy định và điều kiệ của sản phẩm",
- Bước 3: Nhập thông tin xác thực đăng ký sản phẩm

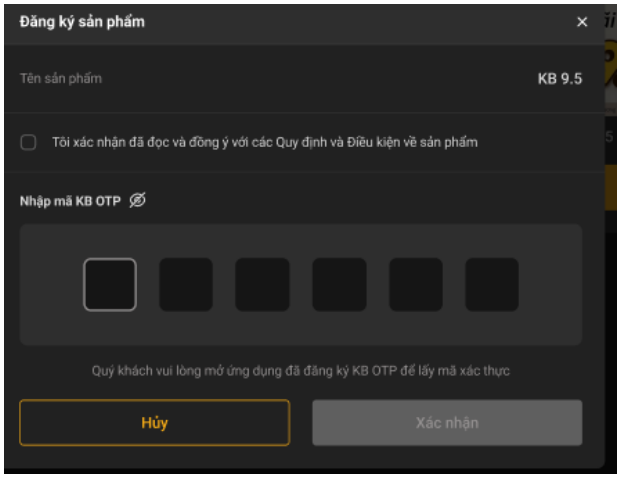

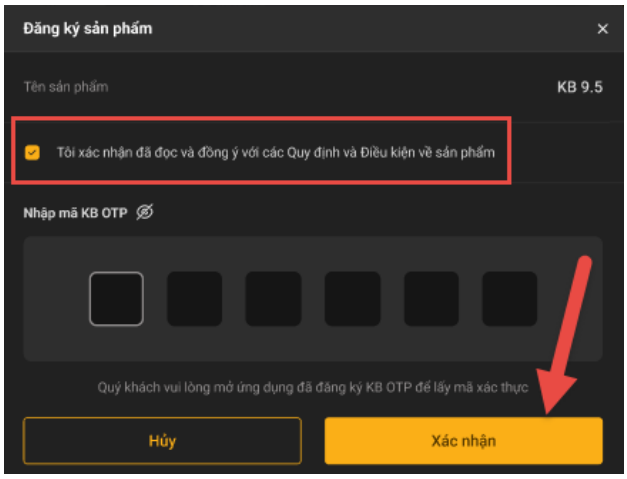

- Bước 4: Nhấn nút **Xác nhận** để hoàn tất đăng ký sản phẩm, đăng ký sản phẩm thành công hệ thống trả ra thông báo:

Quay về mục lục

Đăng ký thành công. KBSV sẽ gửi email xác nhận tới Quý khách trong vòng 01 ngày làm việc.

1.2. Lịch sử đăng ký sản phẩm

Để xem Lịch sử đăng ký sản phẩm, tại mục **Đăng ký sản phẩm** khách hàng chọn tab **Lịch sử.**

Màn hình lịch sử đăng ký sản phẩm gồm: **Đã đăng ký** và **Đã hủy**

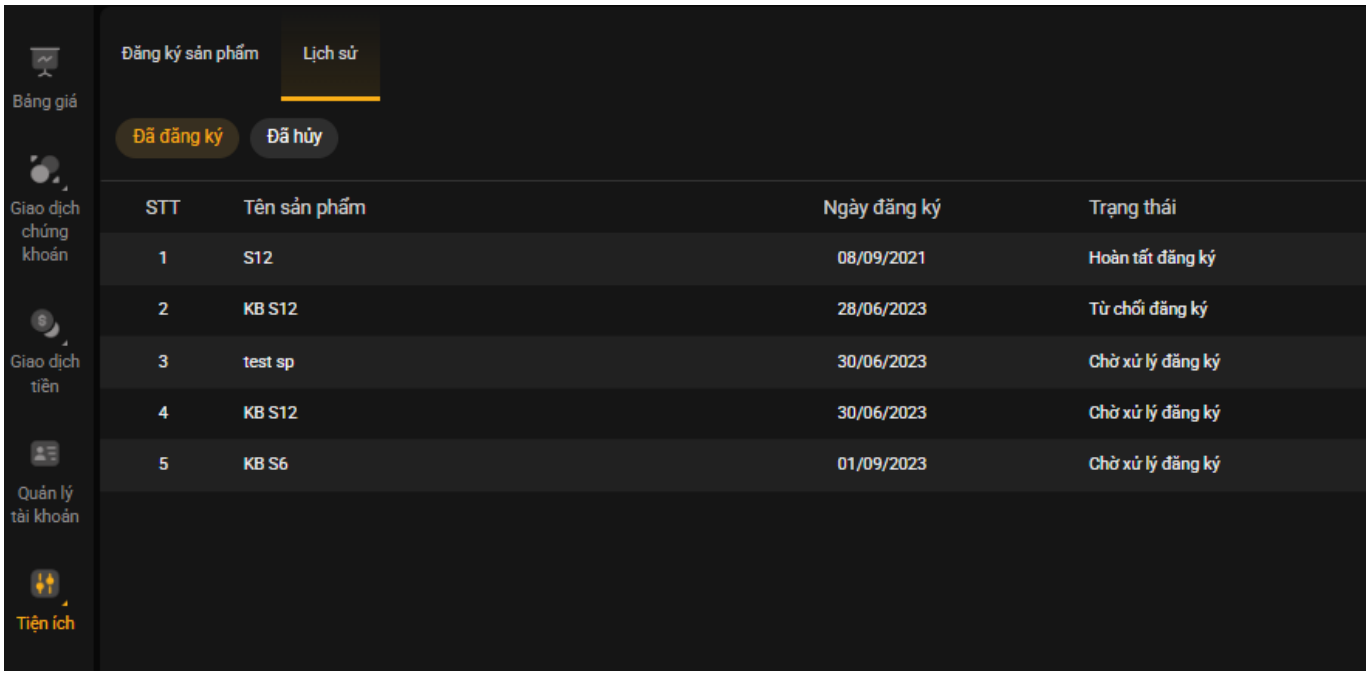

❖ **Đã hủy** là màn hình thông tin, trạng thái sản phẩm khách hàng đã hủy đăng ký

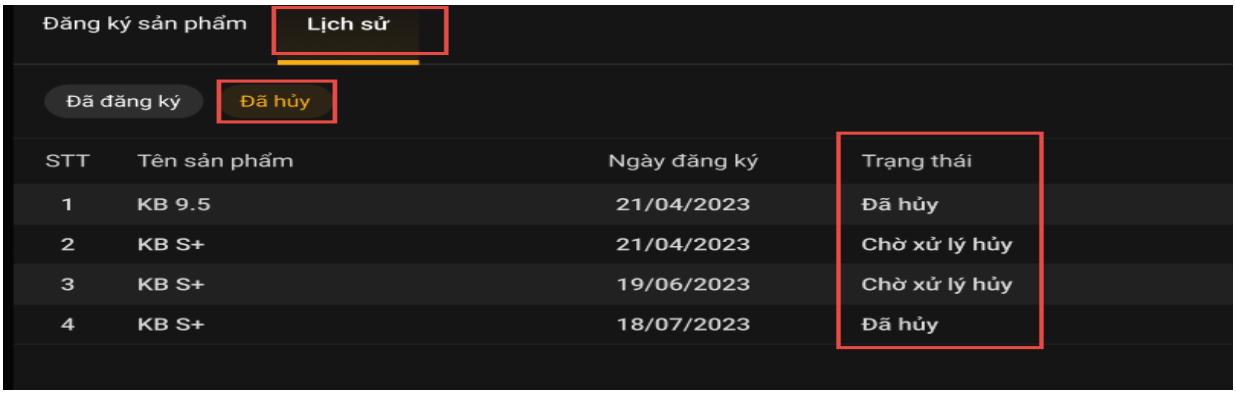

- Trạng thái **Đã hủy:** sản phẩm khách hàng đã hủy thành công
- Trạng thái **Chờ xử lý hủy:** Sản phẩm đang chờ xác nhận hủy từ hệ thống

2. Dịch vụ tài chính

2.1. Tra cứu món vay

Để thực hiện **Tra cứu món vay**, Khách hàng chọn **Tiện ích** tại mục **Dịch vụ tài chính** chọn **Tra cứu món vay**

Quay về mục lục

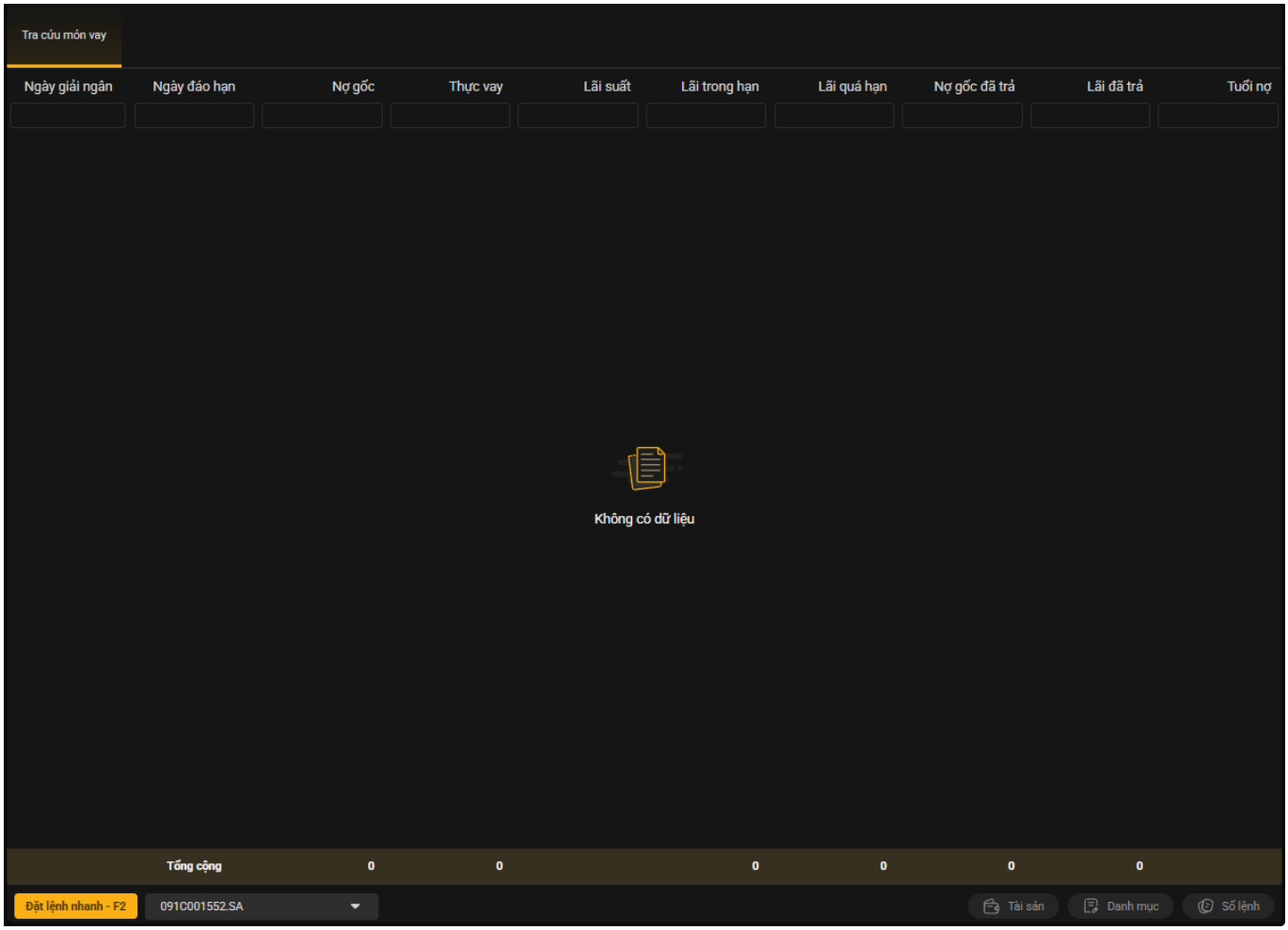

Các bước tra cứu món vay:

- Bước 1: Tại màn hình Tra cứu món vay chọn tiểu khoản muốn tra cứu món vay
- Bước 2: Màn hình tra cứu món vay hiện thông tin các món vay theo điều kiện tra cứu

2.2. Thông tin trả nợ

Để tra cứu **Thông tin trả nợ**, Khách hàng chọn **Tiện ích** tại mục **Dịch vụ tài chính** chọn **Thông tin trả nợ.**

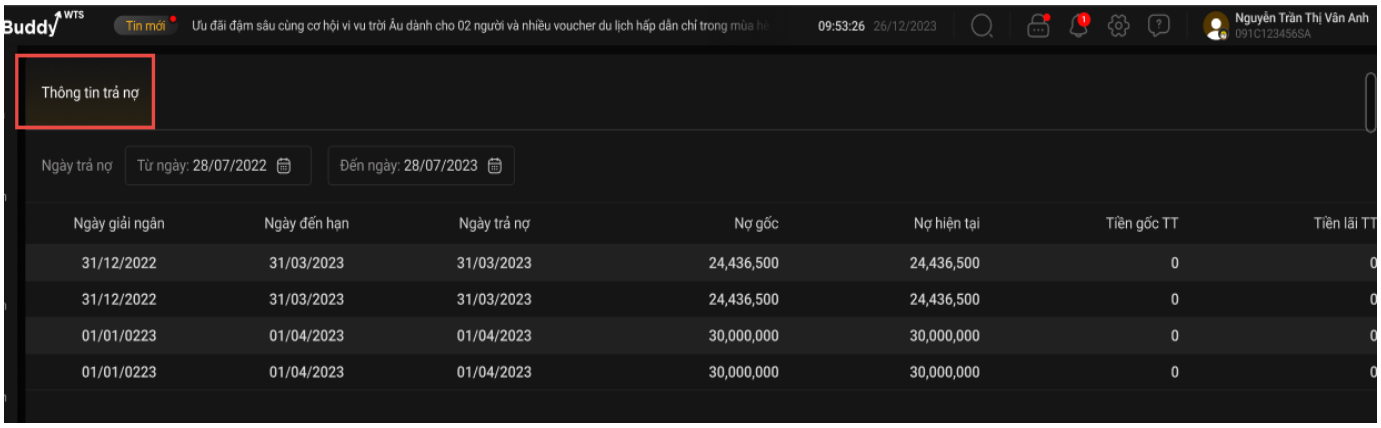

Các bước tra cứu thông tin trả nợ:

- Bước 1: Nhấn chọn **Tiện ích**, tại mục **Dịch vụ tài chính** chọn **Thông tin trả nợ**
- Bước 2: Chọn thời gian từ ngày – đến ngày
- Bước 3: Màn hình thông tin trả nợ hiển thị theo thời gian khách hàng chọn:

Quay về mục lục

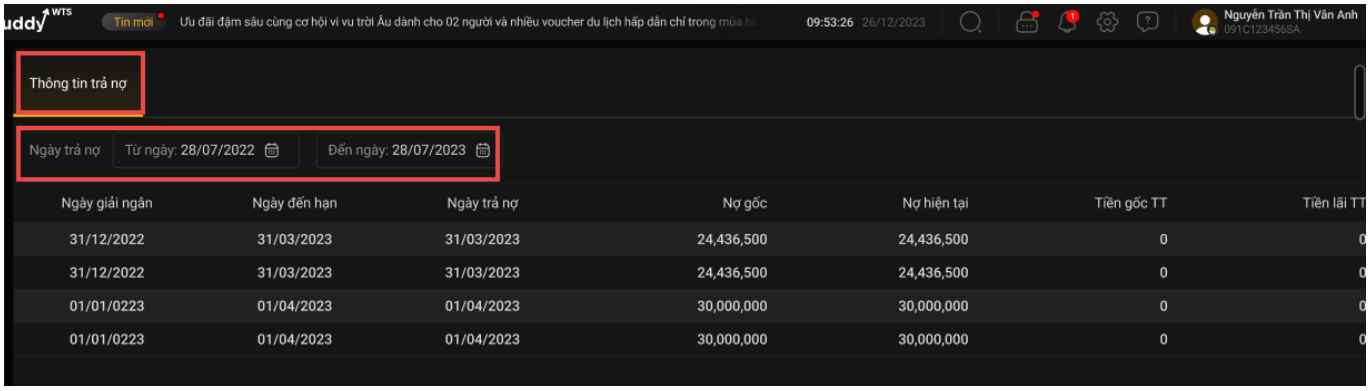

3. Giao dịch khác

Tại mục **Tiện ích/ Giao dịch khác** chọn **Đổi KB Coin**

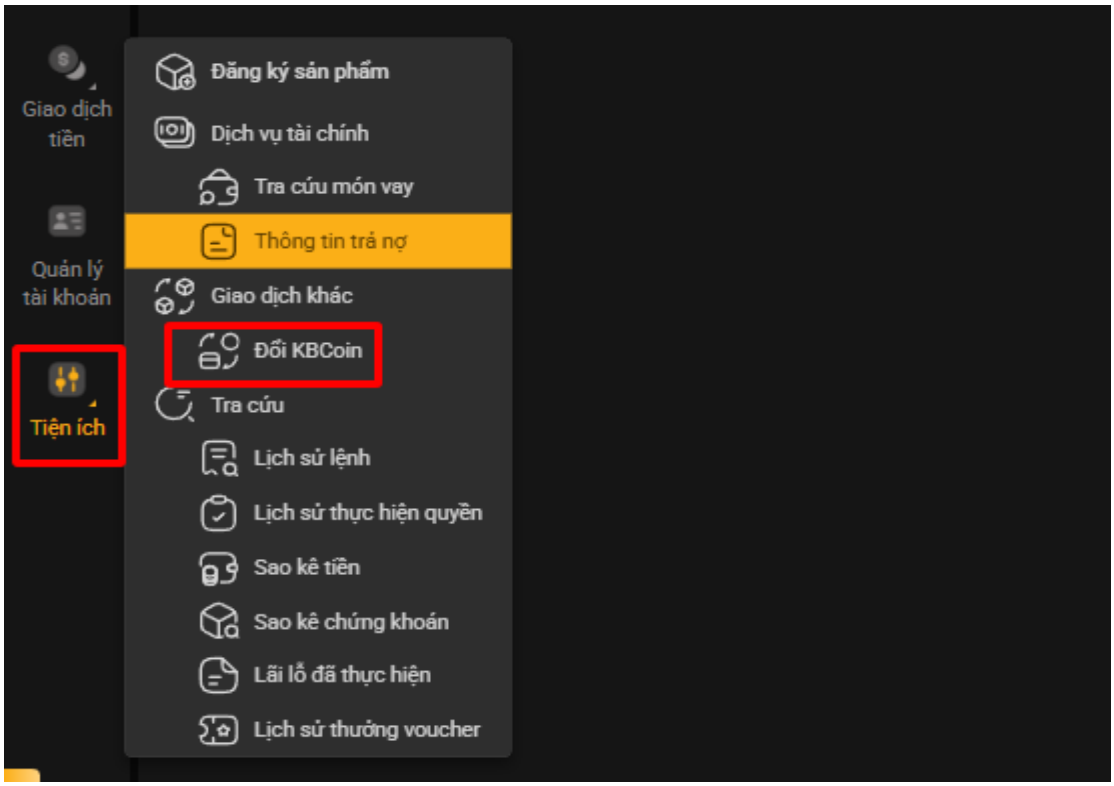

Màn hình mục **Đổi KB Coin** gồm: **Đổi Kb Coin; Sao kê KB Coin**

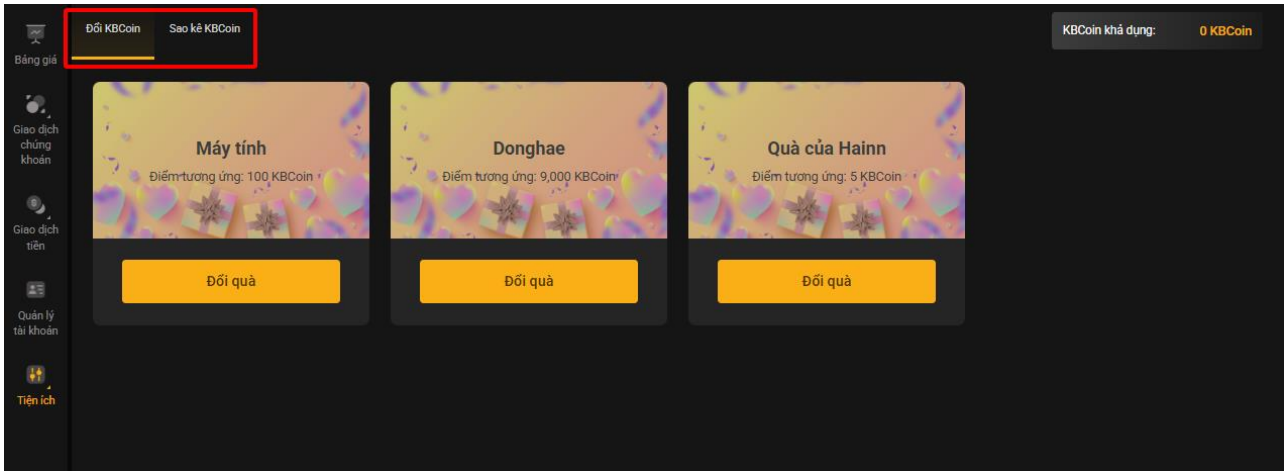

Quay về mục lục

3.1. Đổi KB Coin

Đổi KBCoin là tiện ích tại app KB Buddy và KB Buddy Pro dành cho khách hàng. Khách hàng có thể đổi KBCoin sang những món quà hoặc sản phẩm khác khi có chương trình.

Tại **Tiện ích** mục **Giao dịch khác**, Khách hàng chọn mục **Đổi KBCoin** chuyển sang màn hình **Đổi KBCoin**

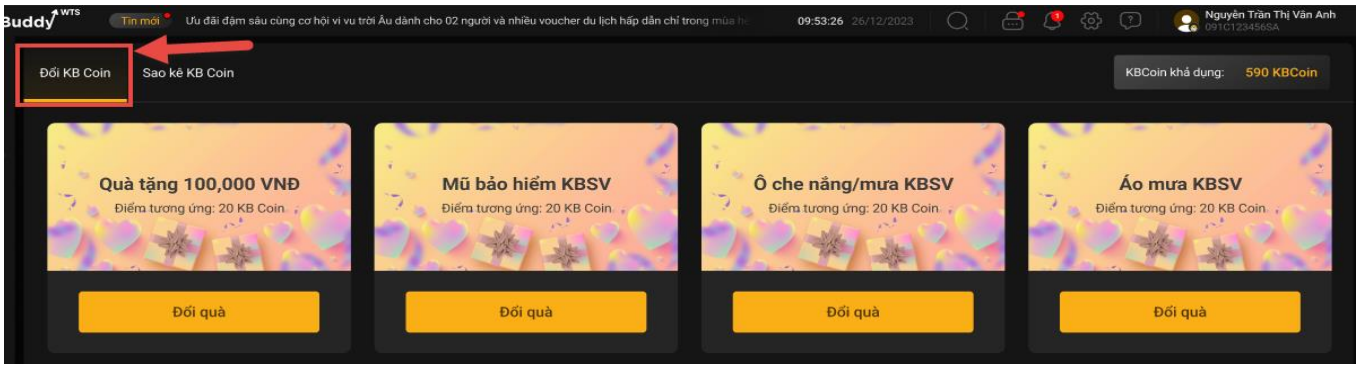

❖ **Đổi KBCoin**

Để Đổi KBCoin Khách hàng thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chọn loại quà muốn đổi.
- Bước 2: Nhấn vào nút **Đổi quà** xuất hiện màn hình **Đổi KBCoin**.

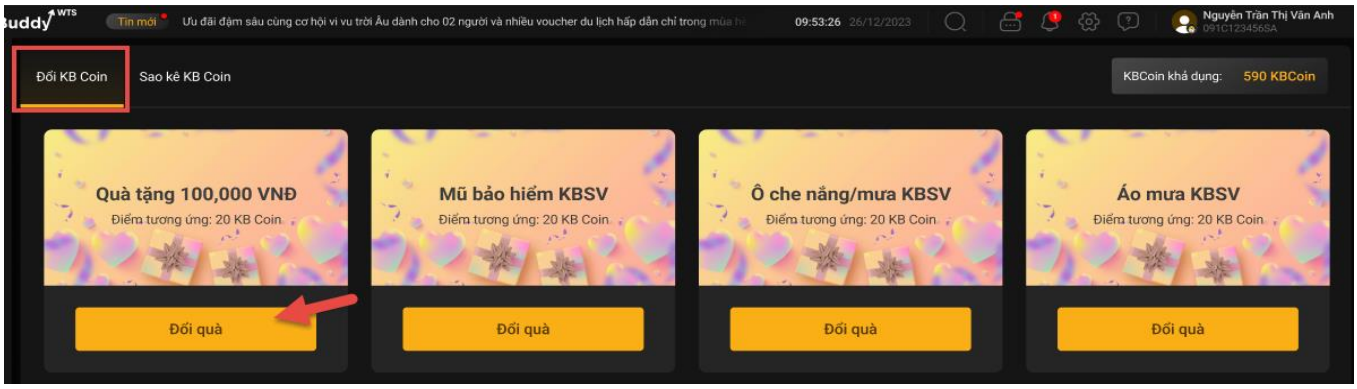

- Bước 3: Nhập Số lượng quà muốn đổi vào ô Số lượng

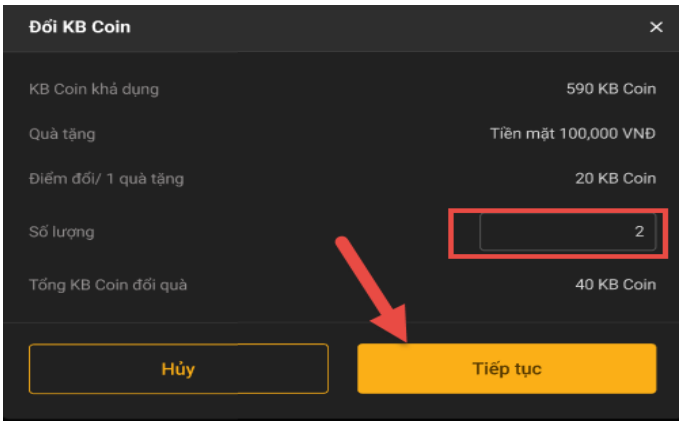

- Bước 4: Nhấn **Tiếp tục** chuyển sang màn hình nhập xác thực
- Bước 5: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận** để hoàn thành giao dịch
- Bước 6: Đổi KB Coin thành công hệ thống trả ra thông báo

Quay về mục lục

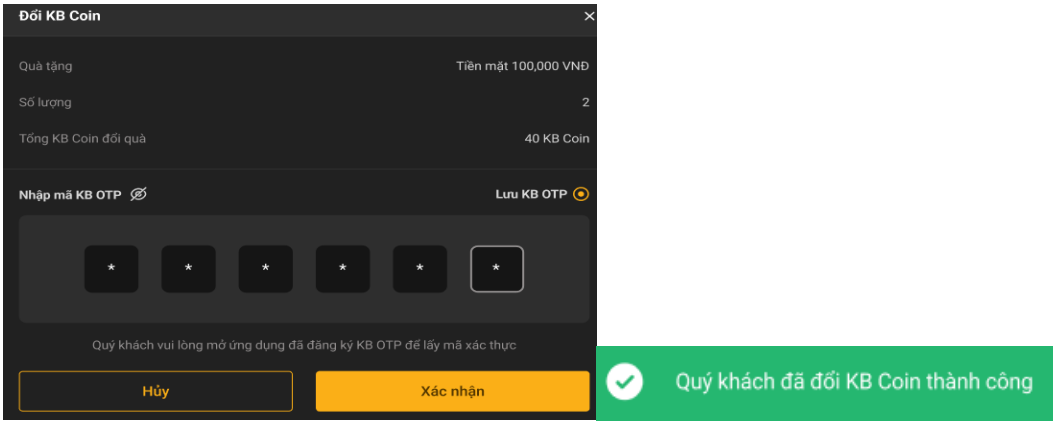

3.2. Sao kê KB Coin

Để xem sao kê KBCoin, tại màn hình **Đổi KBCoin** chọn tab **Sao kê KBCoin**

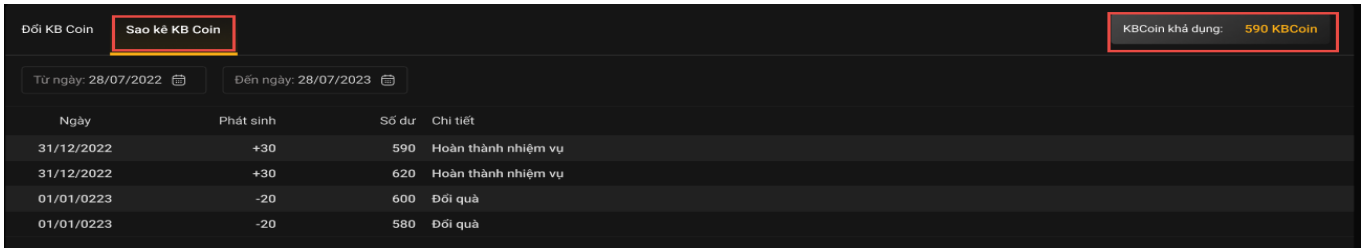

KBCoin khả dụng: là số lượng KBCoin tích luỹ của khách hàng đến thời điểm hiện tại khách hàng có thể sử dụng

Tai màn hình **Sao kê KBCoin** chọn khoảng thời gian tra cứu: Từ ngày – Đến ngày

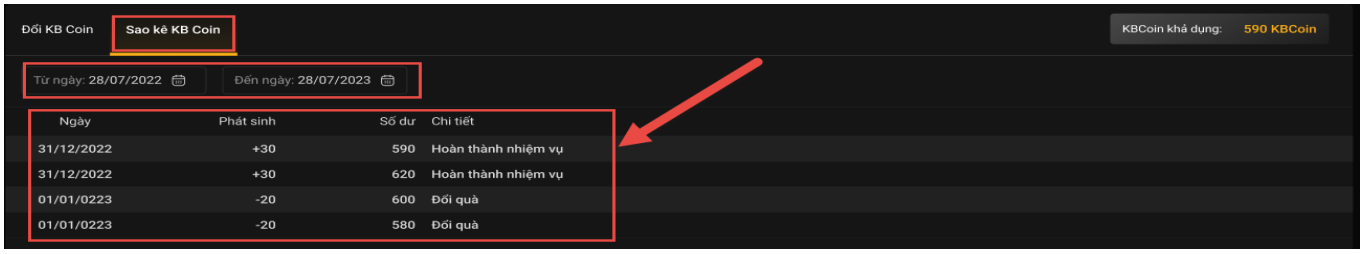

4. Tra cứu

Tại tab **Tiện ích** chọn mục **Tra cứu** bao gồm các mục: **Lịch sử lệnh; Lịch sử thực hiện quyền; Sao kê tiền; Sao kê chứng khoán; Lãi lỗ đã thực hiện; Lịch sử thưởng voucher**.

Quay về mục lục

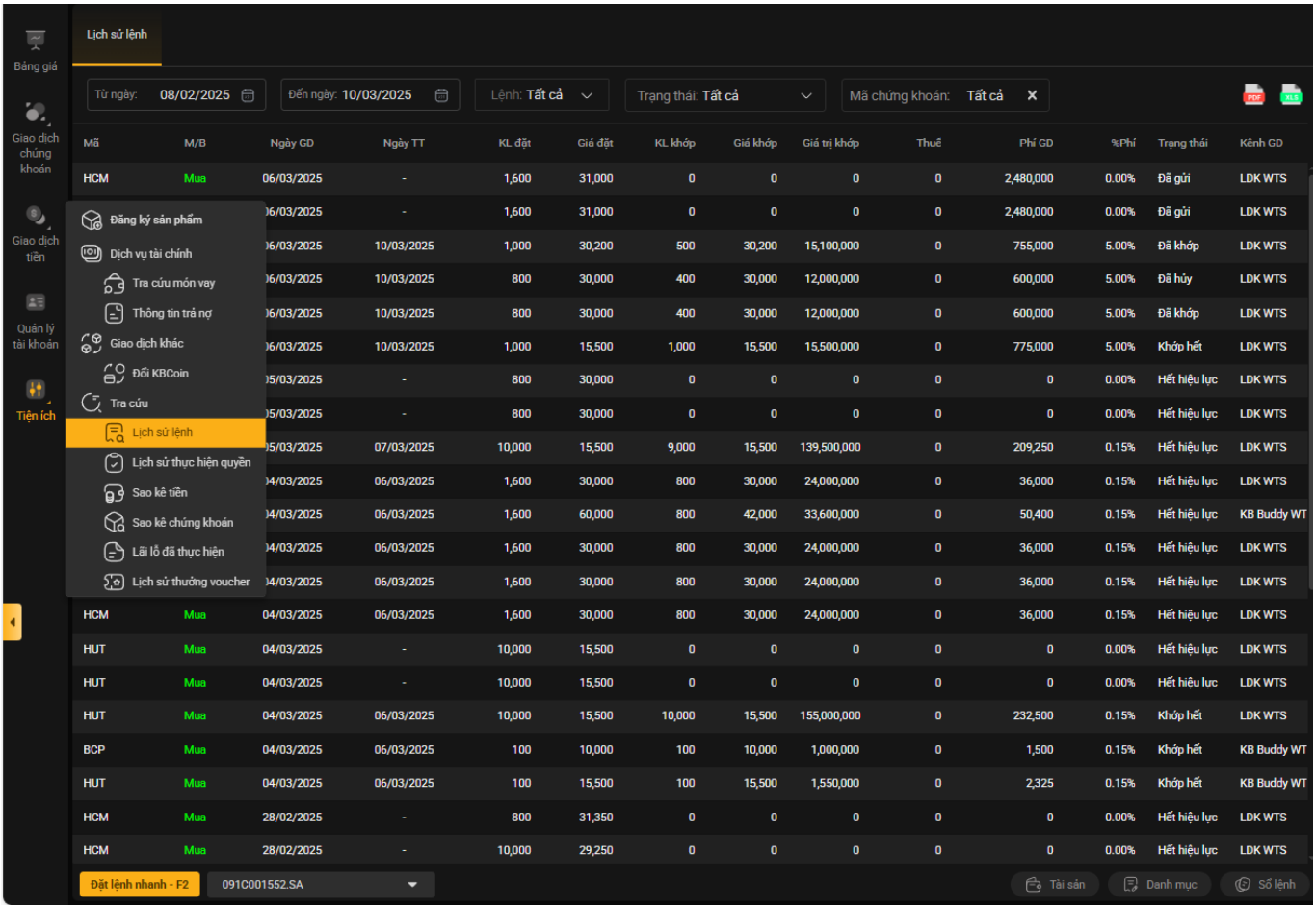

4.1. Lịch sử lệnh

Để xem **Lịch sử lệnh** tại mục **Tra cứu** chọn **Lịch sử lệnh** chuyển sang màn hình **Lịch sử lệnh**

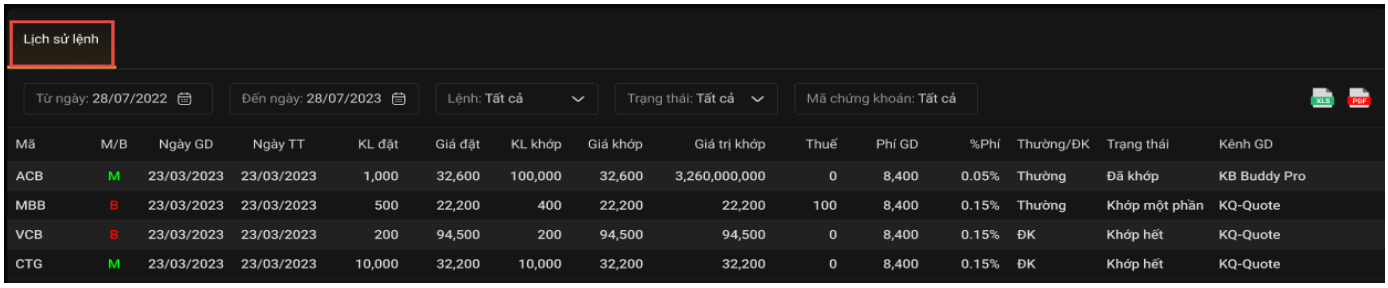

Tại màn hình **Lịch sử lệnh** chọn tiêu chí lọc lịch sử lệnh: Mã CK; Thời gian; Trạng thái, Loại lệnh

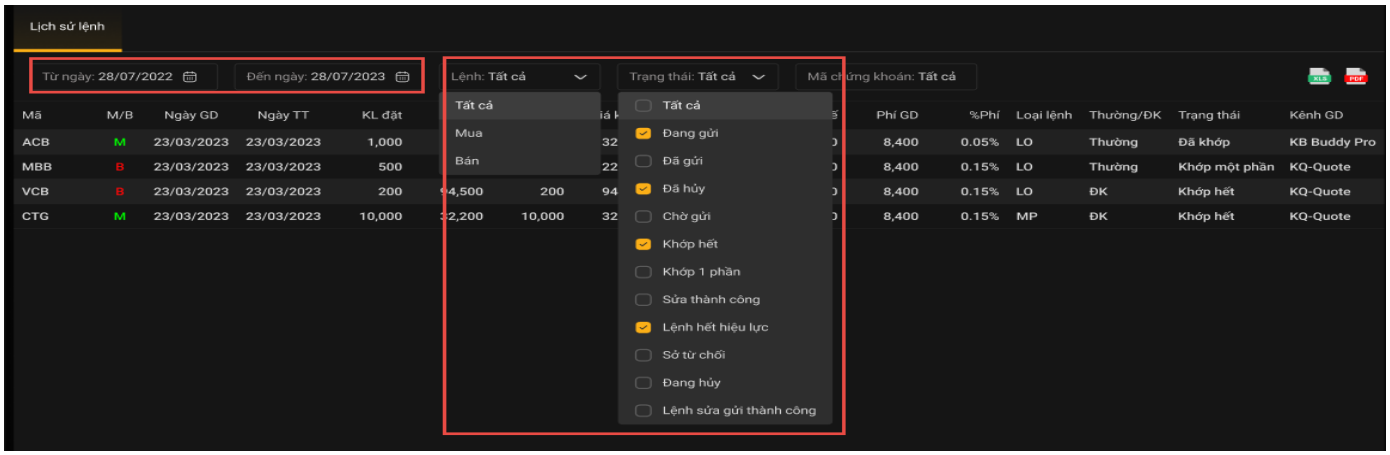

Quay về mục lục

➢ Màn hình hiển thị thông tin lịch sử lệnh đã lọc theo tiêu chí chọn

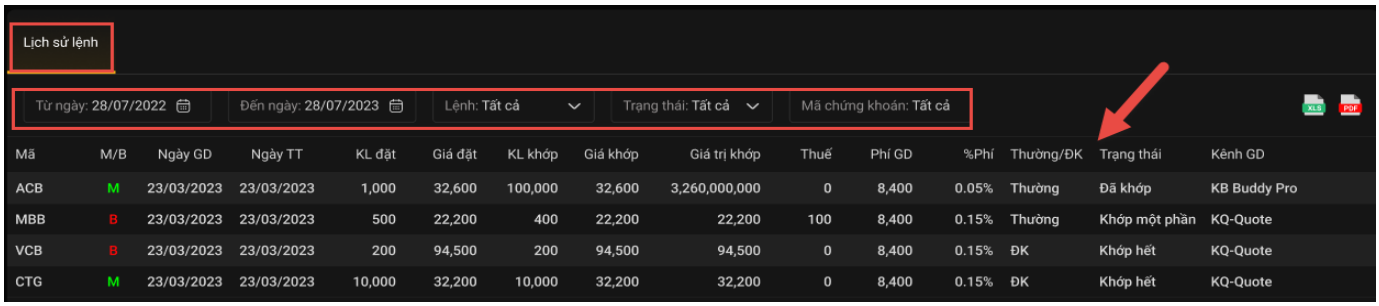

4.2. Lịch sử thực hiện quyền

Để xem **Lịch sử thực hiện quyền** tại mục **Tra cứu** chọn **Lịch sử thực hiện quyền** chuyển sang màn hình **Lịch sử lịch sử thực hiện quyền**

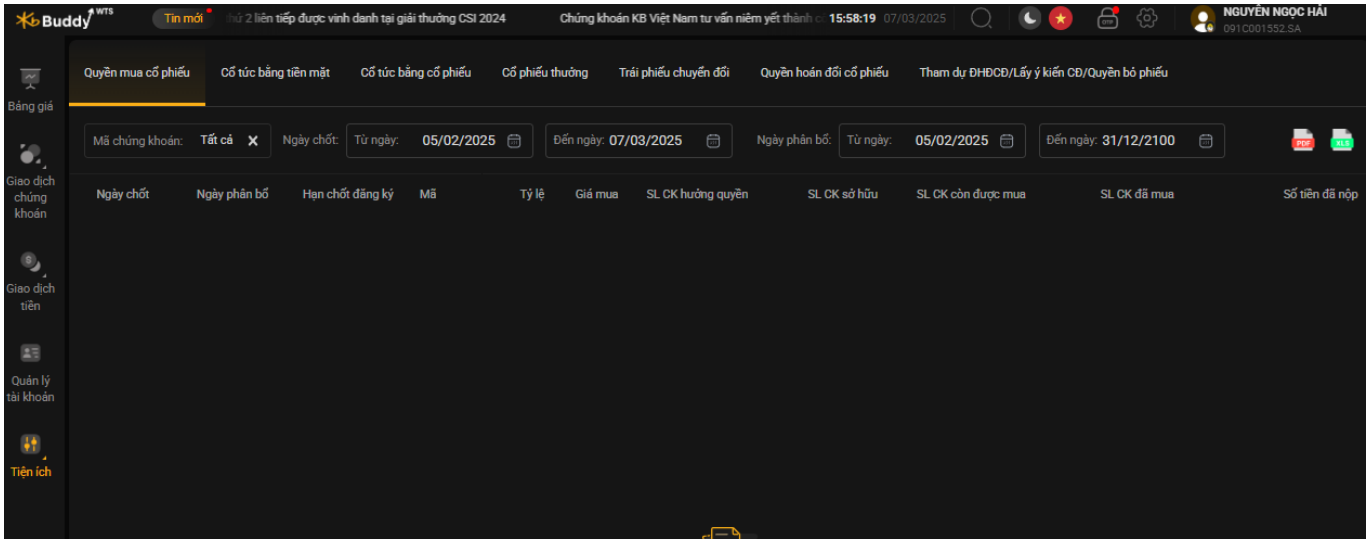

Màn hình **Lịch sử thực hiện quyền** gồm các tab: **Quyền mua cổ phiếu; Cổ tức bằng tiền mặt; Cổ tức bằng cổ phiếu; Cổ phiếu thưởng; Trái phiếu chuyển đổi; Quyền hoán đổi cổ phiếu; Tham dự ĐHCD/Lấy ý kiến/ Quyền bỏ quyết**

❖ **Quyền mua cổ phiếu:**

Để xem **Lịch sử quyền mua cổ phiếu** tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Lịch sử quyền mua cổ phiếu**

Tại màn hình **Quyền mua cổ phiếu** chọn tiêu chí lọc lịch sử quyền mua cổ phiếu: Mã CK; Ngày chốt; Ngày phân bổ. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chỉ đã chọn

Quay về mục lục

❖ **Cổ tức bằng tiền mặt:**

Để xem thông tin nhận cổ tức bằng tiền mặt; tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Cổ tức bằng tiền mặt**

Tại màn hình **Cổ tức bằng tiền mặt** chọn tiêu chí lọc lịch sử cổ tức bằng tiền mặt: Mã CK; Ngày chốt; Ngày phân bổ. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chỉ đã chọn

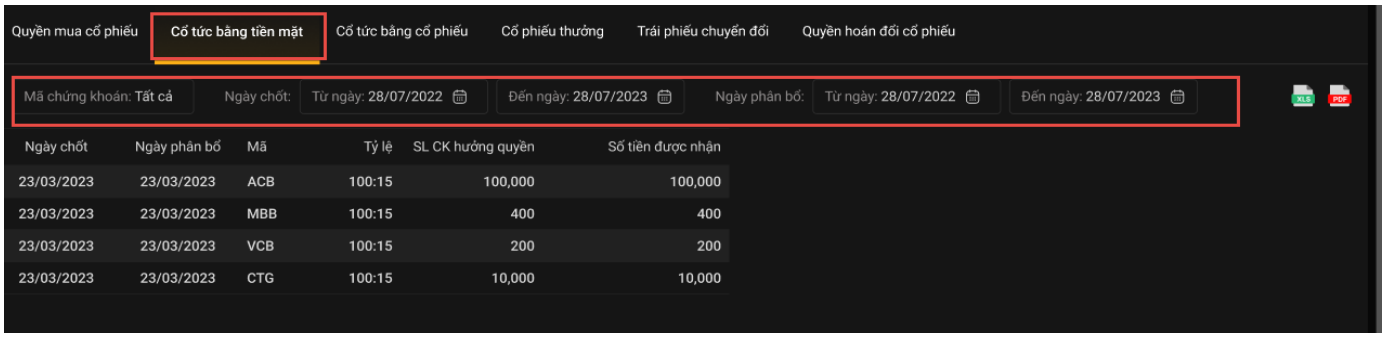

❖ **Cổ tức bằng cổ phiếu:**

Để xem thông tin nhận cổ tức bằng cổ phiếu; tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Cổ tức bằng cổ phiếu**

Tại màn hình **Cổ tức bằng cổ phiếu** chọn tiêu chí lọc lịch sử cổ tức bằng cổ phiếu: Mã CK; Ngày chốt; Ngày phân bổ. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chỉ đã chọn

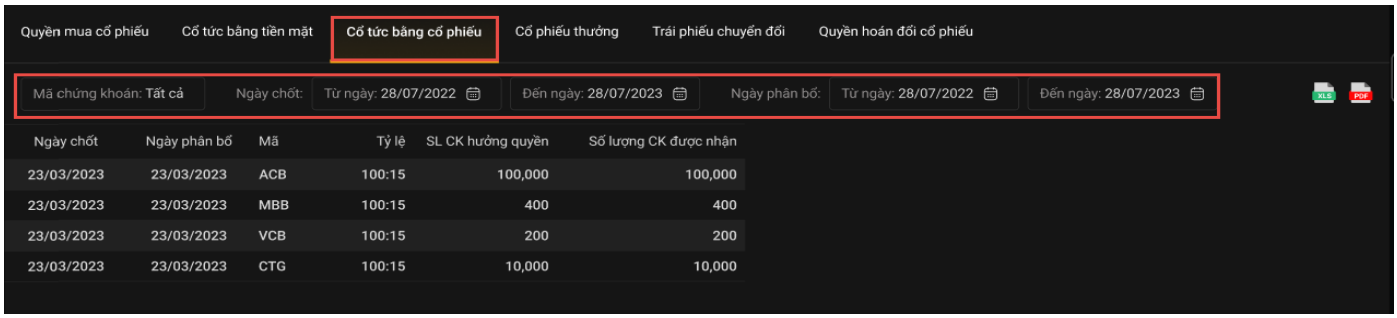

❖ **Cổ phiếu thưởng:**

Để xem thông tin nhận cổ phiếu thưởng; tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Cổ phiếu thưởng**

Tại màn hình **Cổ phiếu thưởng** chọn tiêu chí lọc lịch sử cổ phiếu thưởng: Mã CK; Ngày chốt; Ngày phân bổ. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chỉ đã chọn

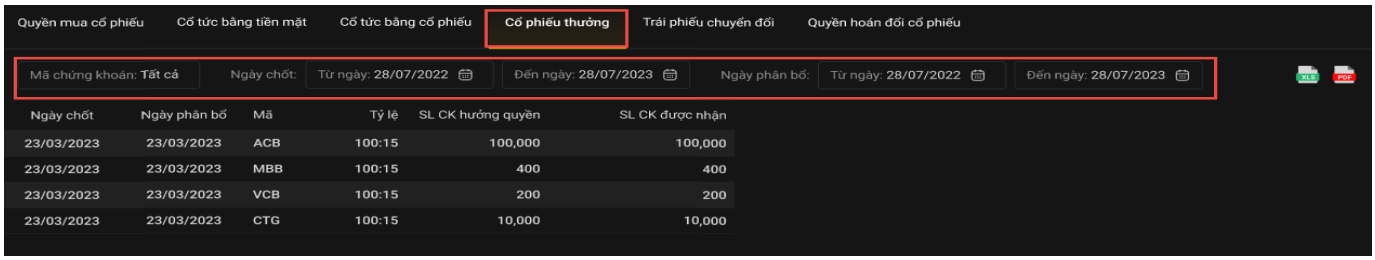

❖ **Trái phiếu chuyển đổi:**

Để xem thông tin lịch sử trái phiếu chuyển đổi: tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Trái phiếu chuyển đổi**

Tại màn hình **Trái phiếu chuyển đổi** chọn tiêu chí lọc lịch sử trái phiếu chuyển đổi: Mã CK; Thời gian tra cứu. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chỉ đã chọn

Quay về mục lục

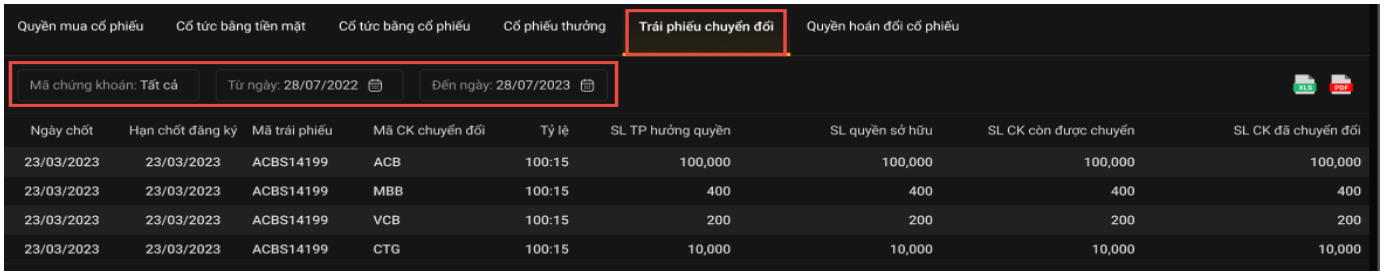

Ngày chốt	Hạn chốt đăng ký	Mã trái phiếu	Mã CK chuyển đổi	Tỷ lệ	SL TP hưởng quyền	SL quyền sở hữu	SL CK còn được chuyển	SL CK đã chuyển đổi
23/03/2023	23/03/2023	ACBS14199	ACB	100:15	100,000	100,000	100,000	100,000
23/03/2023	23/03/2023	ACBS14199	MBB	100:15	400	400	400	400
23/03/2023	23/03/2023	ACBS14199	VCB	100:15	200	200	200	200
23/03/2023	23/03/2023	ACBS14199	CTG	100:15	10,000	10,000	10,000	10,000

❖ **Quyền hoán đổi cổ phiếu:**

Để xem thông tin lịch sử quyền hoán đổi cổ phiếu: tại mục **Lịch sử thực hiện quyền** khách hàng chọn tab **Quyền hoán đổi cổ phiếu**

Tại màn hình **Quyền hoán đổi cổ phiếu** chọn tiêu chí lọc lịch sử quyền hoán đối cổ phiếu: Mã CK; Ngày chốt; ngày phân bổ. Màn hình hiển thị thông tin theo tiêu chỉ đã chọn

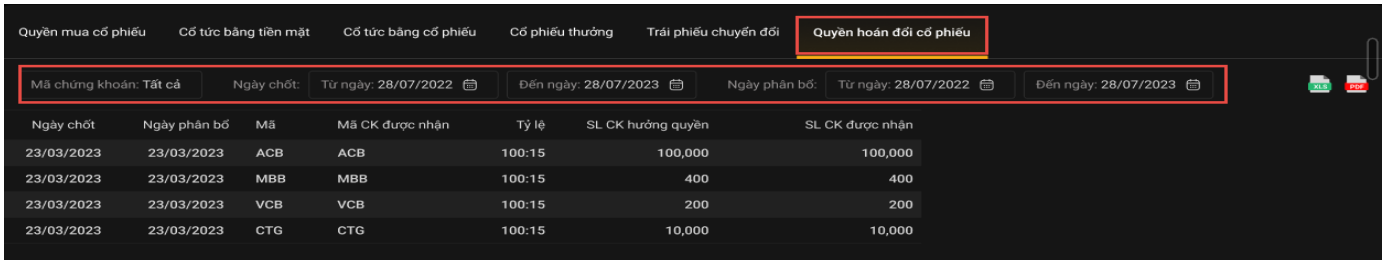

Ngày chốt	Ngày phân bổ	Mã	Mã CK được nhận	Tỷ lệ	SL CK hưởng quyền	SL CK được nhận
23/03/2023	23/03/2023	ACB	ACB	100:15	100,000	100,000
23/03/2023	23/03/2023	MBB	MBB	100:15	400	400
23/03/2023	23/03/2023	VCB	VCB	100:15	200	200
23/03/2023	23/03/2023	CTG	CTG	100:15	10,000	10,000

4.3. Sao kê tiền

Khách hàng có thể tra cứu sao kê tiền bằng cách: tại mục **Tiện ích/Tra cứu**, chọn **Sao kê tiền** chuyển sang màn hình **Sao kê tiền**

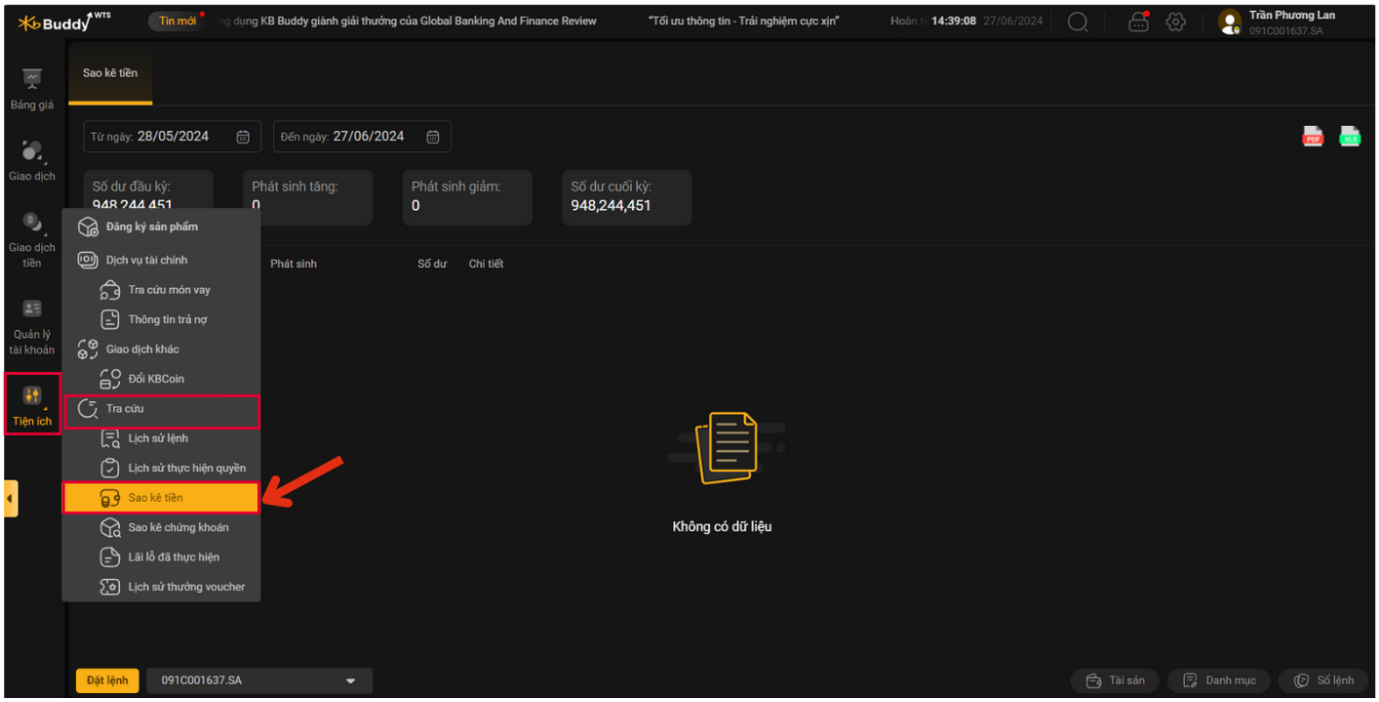

Tại màn hình **Sao kê tiền** chọn thời gian muốn xem sao kê tiền, hiển thị màn hình chi tiết sao kê tiền trong khoảng thời gian đã lọc

Quay về mục lục

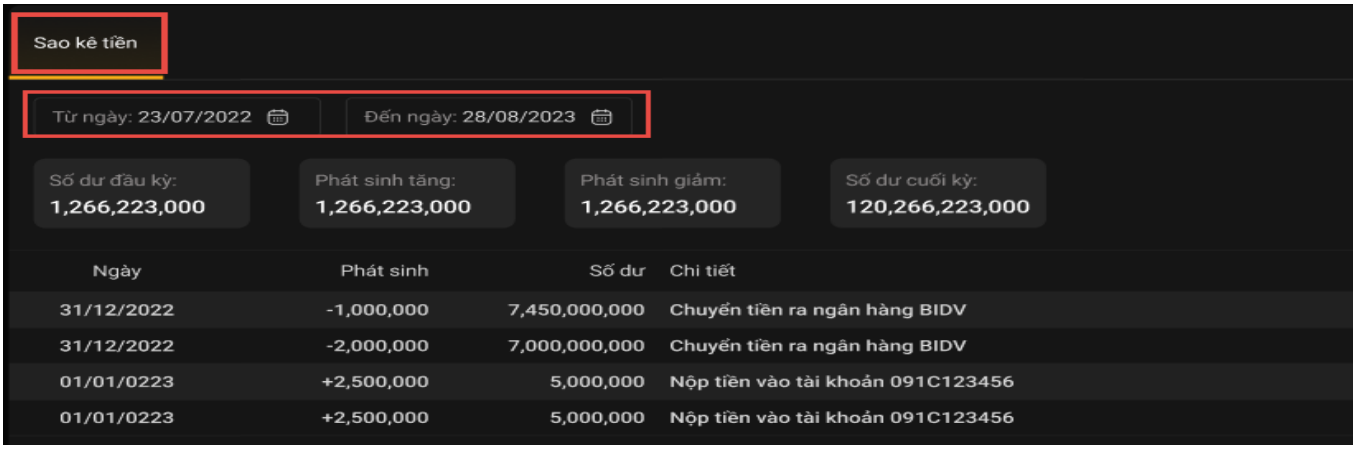

4.4. Sao kê chứng khoán

Khách hàng có thể tra cứu sao kê tiền bằng cách: tại mục **Tiện ích/Tra cứu**, chọn **Sao kê chứng khoán** chuyển sang màn hình **Sao kê chứng khoán:**

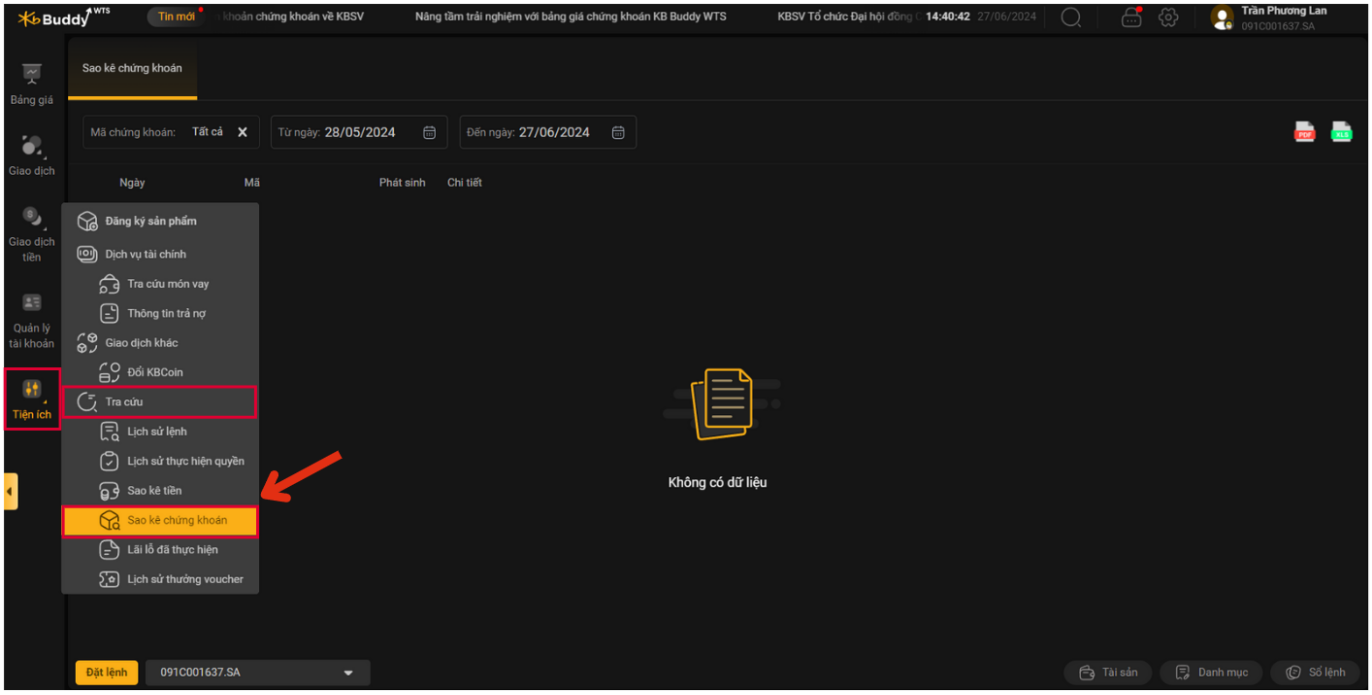

Tại màn hình **Sao kê chứng khoán** chọn thời gian muốn xem sao kê chứng khoán, hiển thị màn hình chi tiết sao kê chứng khoán trong khoảng thời gian đã lọc

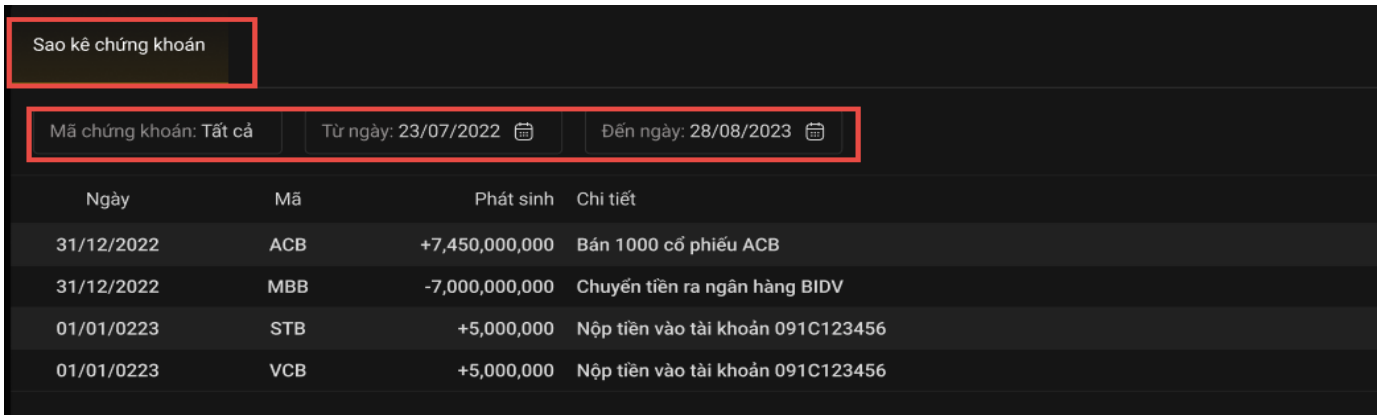

Quay về mục lục

4.5. Lãi lỗ đã thực hiện

Khách hàng có thể tra cứu lãi lỗ đã thực hiện bằng cách: tại mục **Tiện ích/ Tra cứu**, chọn **Lãi lỗ đã thực hiện** chuyển sang màn hình **Lãi lỗ đã thực hiện**

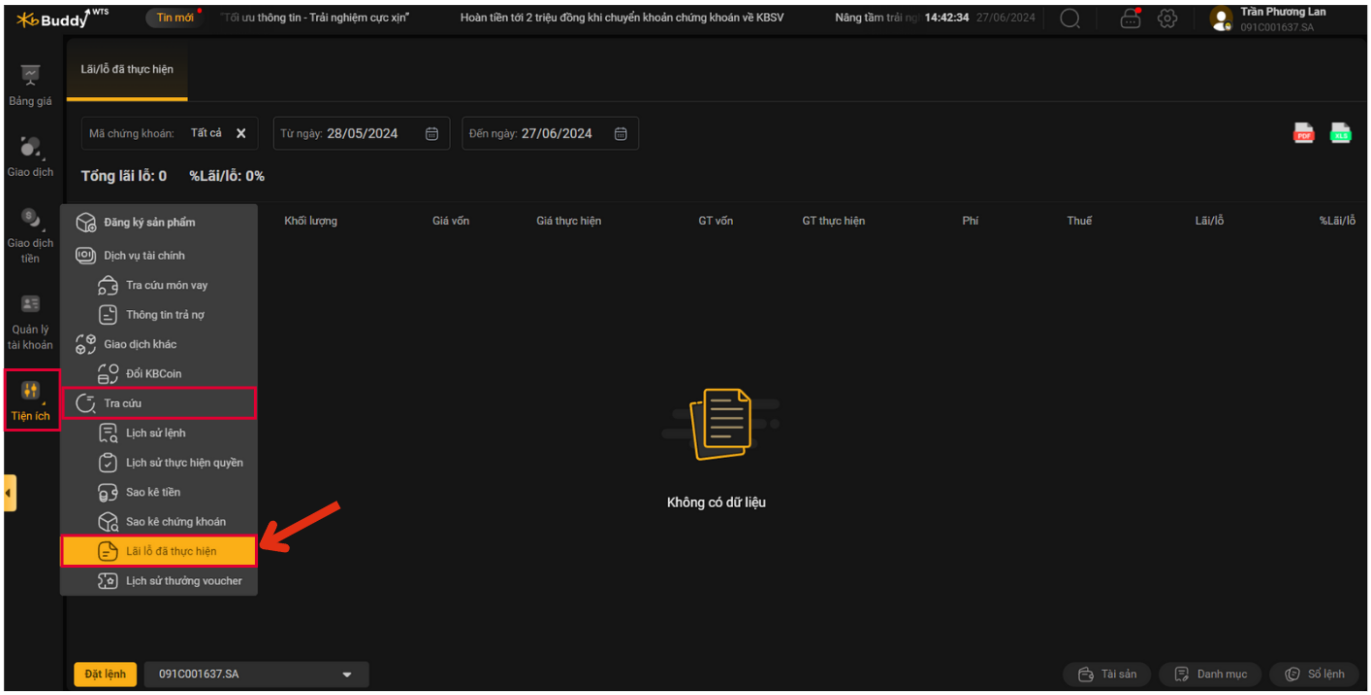

Tại màn hình **Lãi lỗ đã thực hiện** chọn mã chứng khoán; thời gian thực hiện, hiển thị màn hình chi tiết lãi lỗ đã thực hiện theo tiêu chí đã lọc

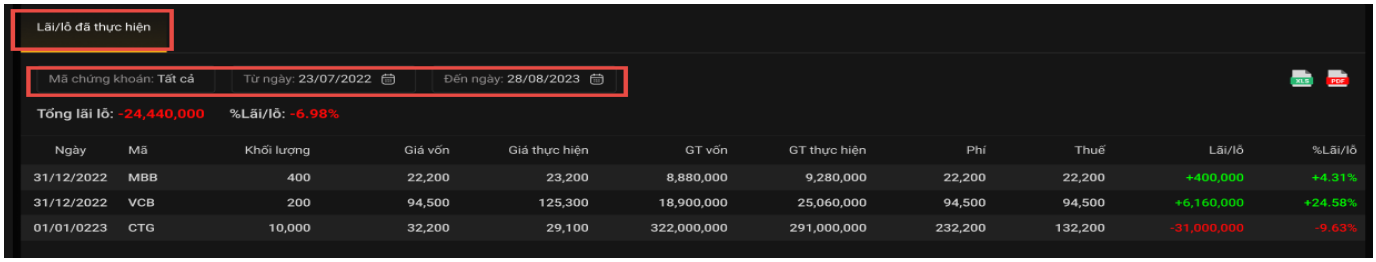

Ngày	Mã	Khối lượng	Giá vốn	Giá thực hiện	GT vốn	GT thực hiện	Phí	Thuế	Lãi/lỗ	%Lãi/lỗ
31/12/2022	MBB	400	22,200	23,200	8,880,000	9,280,000	22,200	22,200	+400,000	+4.31%
31/12/2022	VCB	200	94,500	125,300	18,900,000	25,060,000	94,500	94,500	+6,160,000	+24.58%
01/01/0223	CTG	10,000	32,200	29,100	322,000,000	291,000,000	232,200	132,200	-31,000,000	-9.63%

4.6. Lịch sử thưởng voucher

Khách hàng có thể tra cứu lịch sử thưởng Voucher bằng cách: tại mục **Tiện ích/Tra cứu**, chọn tab **Lịch sử thưởng Voucher** chuyển sang màn hình **Lịch sử thưởng Voucher**

Quay về mục lục

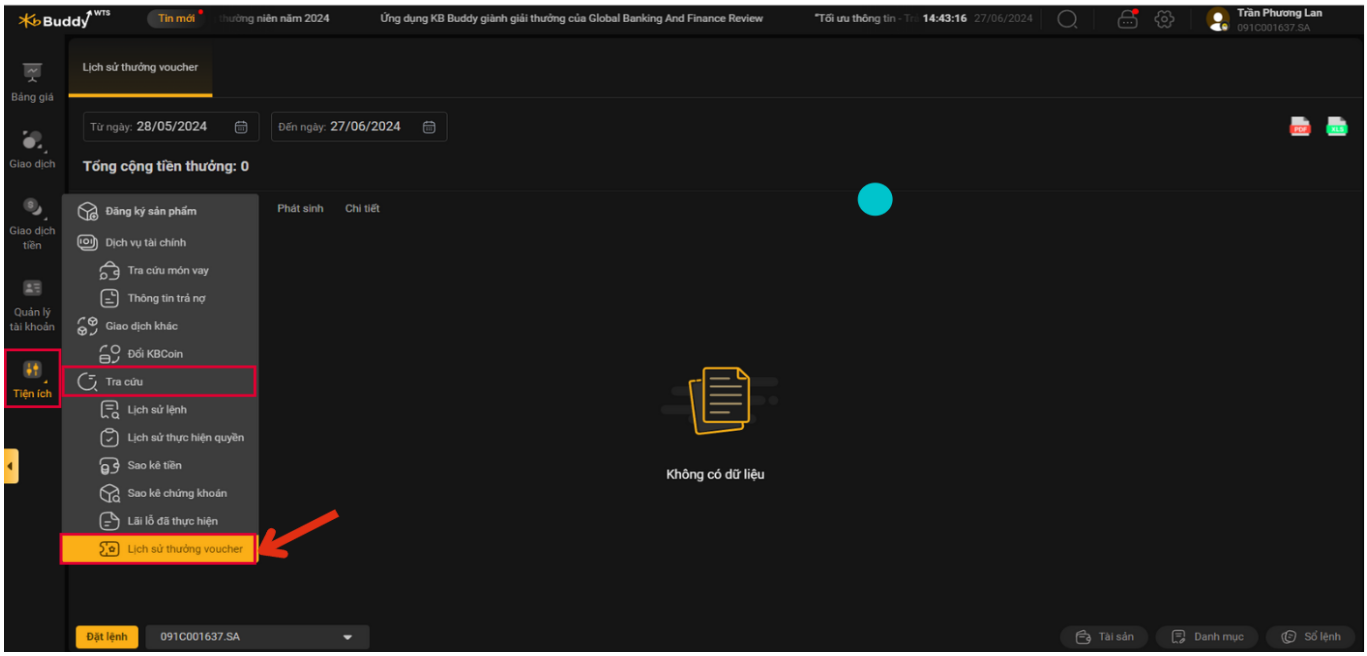

Tại màn hình **Lịch sử thưởng Voucher** chọn thời gian tra cứu thưởng Voucher, hiển thị màn hình chi lịch sử thưởng Voucher theo thời gian đã chọn:

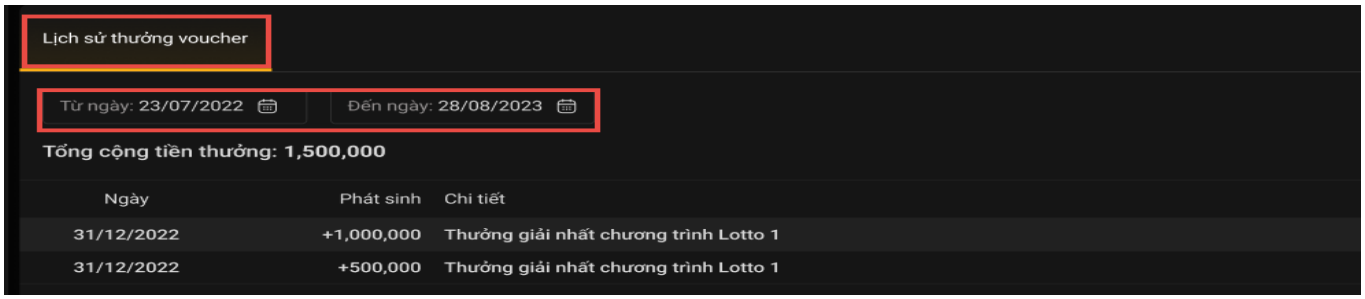

Quay về mục lục

D. Phái sinh

I. Giao dịch

Các cách hiển thị khung đặt lệnh:

- Chọn nút **Đặt lệnh nhanh – F2** dưới thanh menu, tại màn hình giao dịch chọn tiểu khoản phái sinh (tiểu khoản đuôi DS)

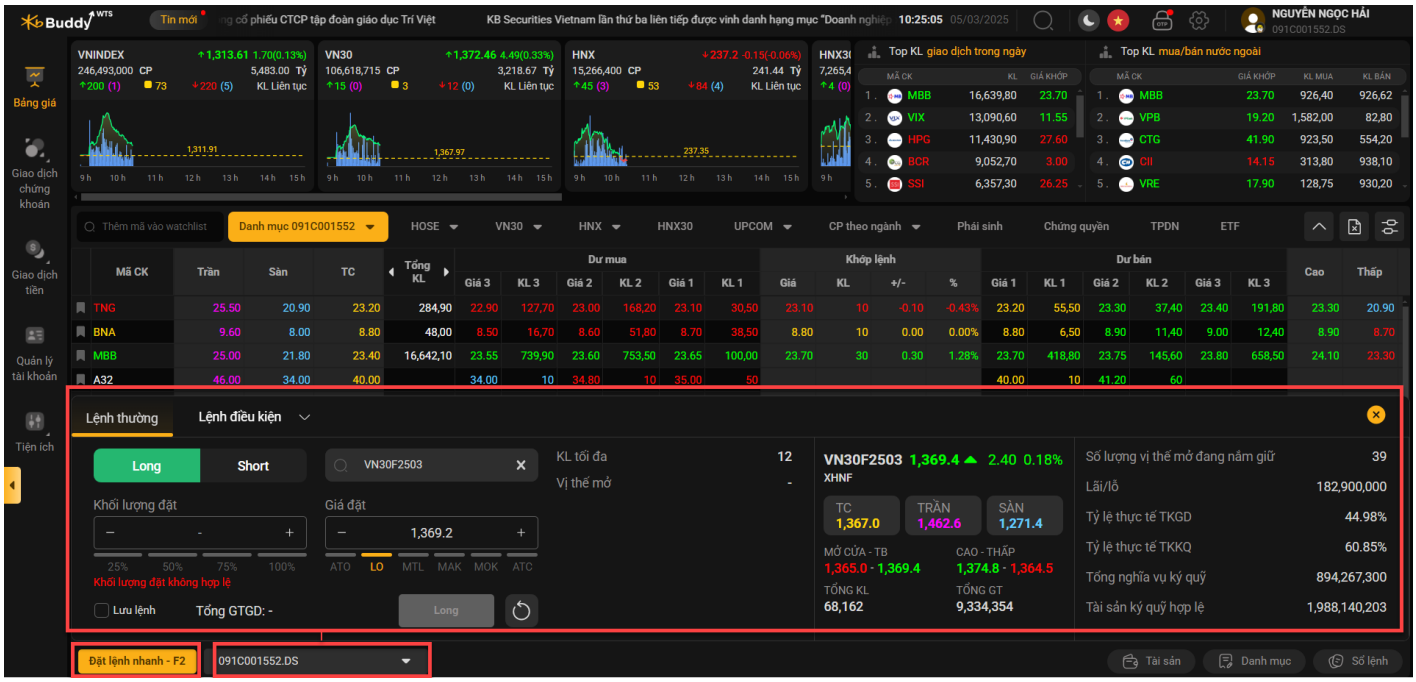

1. Đặt lệnh

Tại màn hình tab **Đặt lệnh** chọn mã chứng khoán phái sinh để hiển thị thông tin và đặt lệnh:

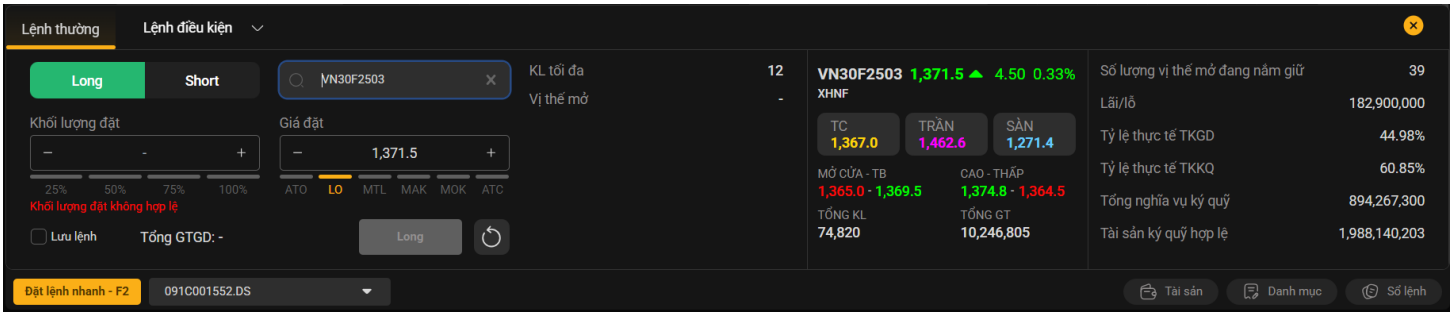

❖ **Khung thông tin giá của mã cổ phiếu**

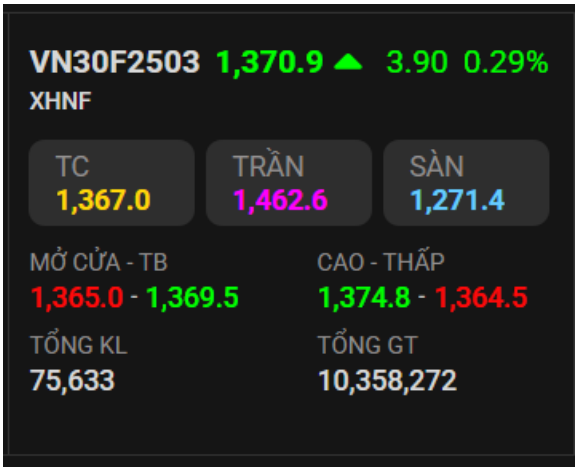

Quay về mục lục

❖ **Khung thông tin đặt lệnh:**

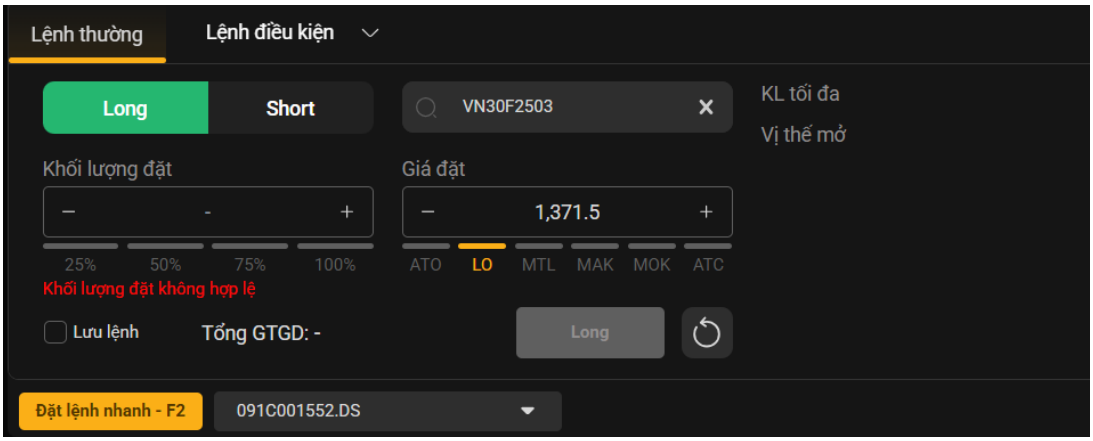

➢ Khung thông tin tài khoản: lãi lỗ; khối lượng;…

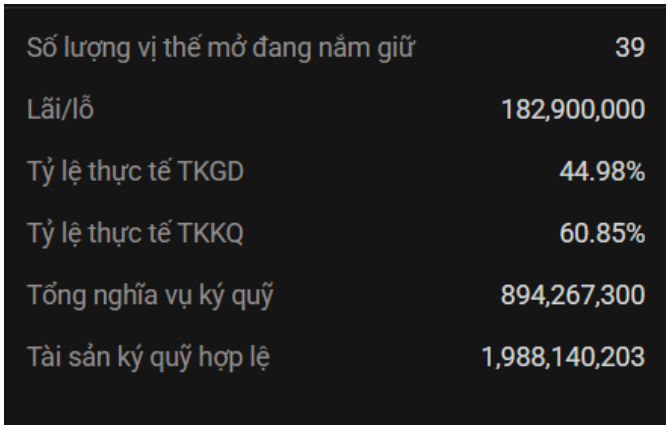

Số lượng vị thế mở đang nắm giữ	39
Lãi/lỗ	182,900,000
Tỷ lệ thực tế TKGD	44.98%
Tỷ lệ thực tế TKKQ	60.85%
Tổng nghĩa vụ ký quỹ	894,267,300
Tài sản ký quỹ hợp lệ	1,988,140,203

2. Lệnh thường

Tại màn hình **Lệnh thường** để đặt lệnh Long/ Short chứng khoán phái sinh Khách Hàng thực hiện theo các bước sau

➢ Bước 1: Chọn mã chứng khoán phái sinh muốn đặt lệnh.

➢ Bước 2: Chọn loại lệnh

➢ Bước 3: Nhập/ chọn giá đặt

➢ Bước 4: Nhập khối lượng

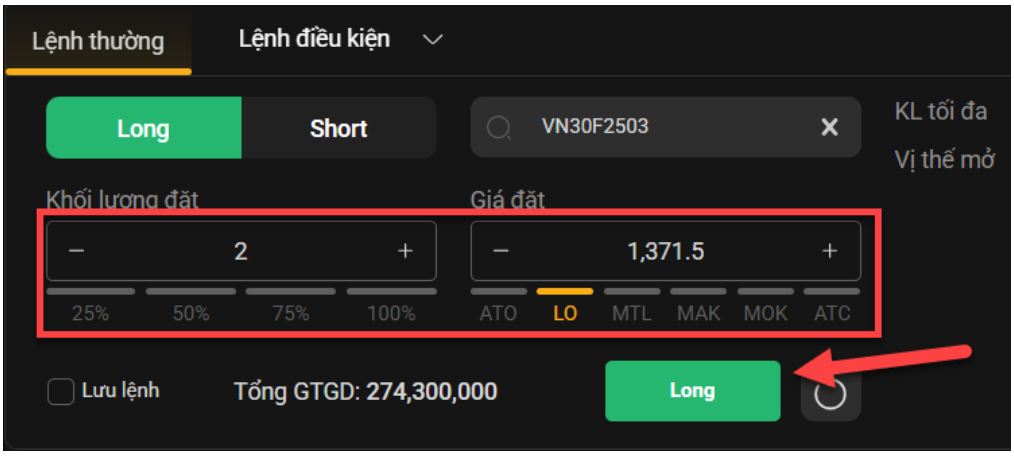

Quay về mục lục

- Bước 5: Nhấn nút Long/ Short chuyển sang màn hình **Xác nhận lệnh**
- Bước 6: Nhập thông tin xác thực đặt lệnh và nhấn **Xác nhận**
- Bước 7: Lệnh đặt thành công màn hình xuất hiện thông báo:

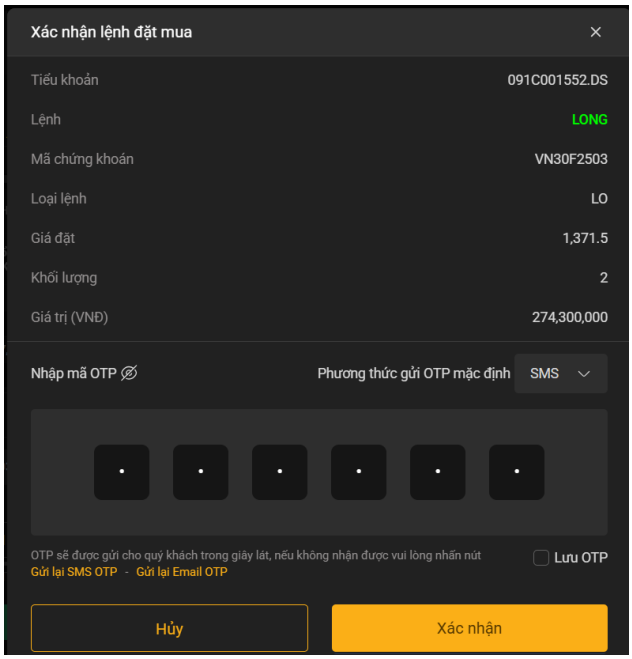

3. Lệnh điều kiện

Tại mục Lệnh điều kiện, chọn một trong các loại lệnh điều kiện: Stop Order, Trailing Buy, Trailing Sell, OCO, Bull & Bear.

Để đặt lệnh Long/ Short chứng khoán phái sinh Khách Hàng thực hiện theo các bước sau

- Bước 1: Chọn mã chứng khoán phái sinh muốn đặt lệnh.
- Bước 2: Chọn loại lệnh
- Bước 3: Nhập/ chọn giá đặt
- Bước 4: Nhập khối lượng

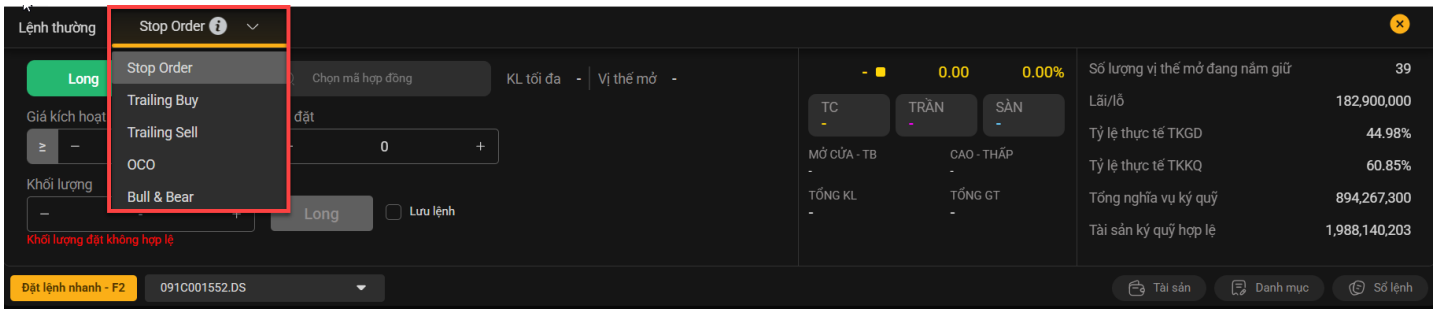

Quay về mục lục

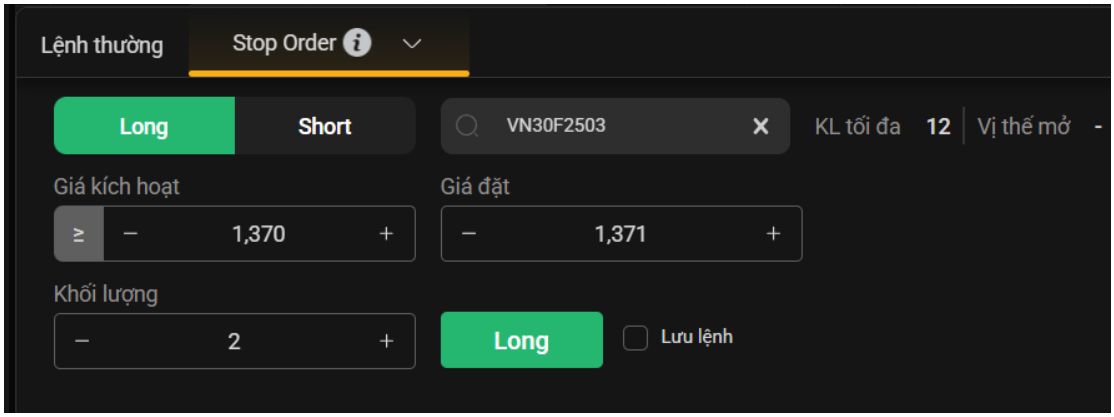

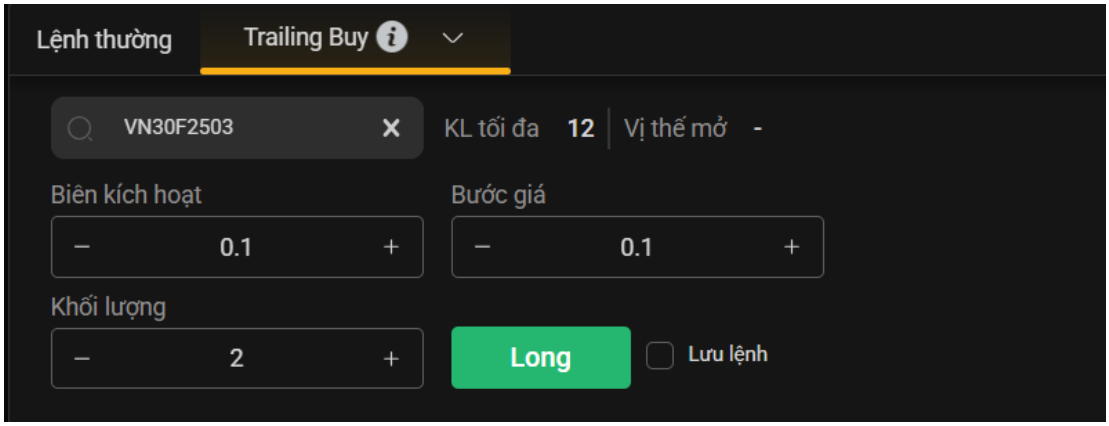

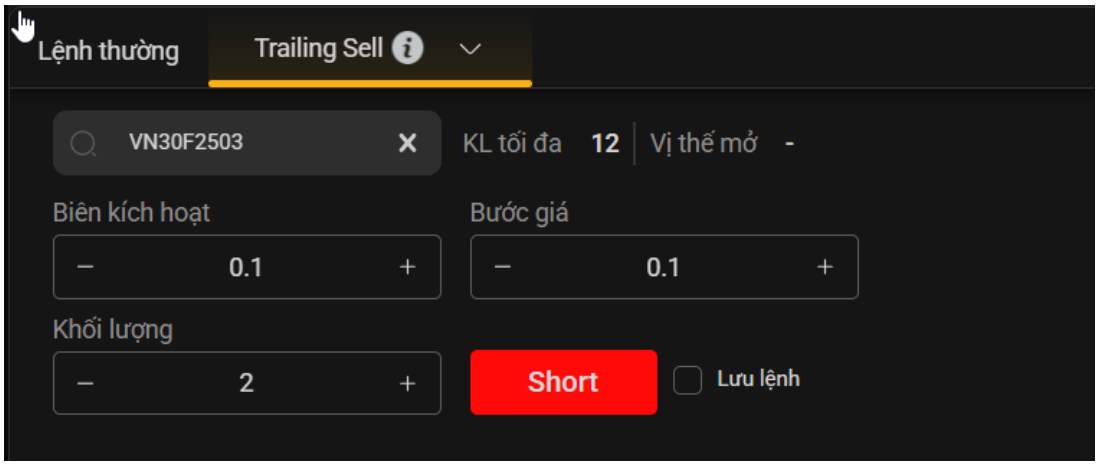

Quay về mục lục

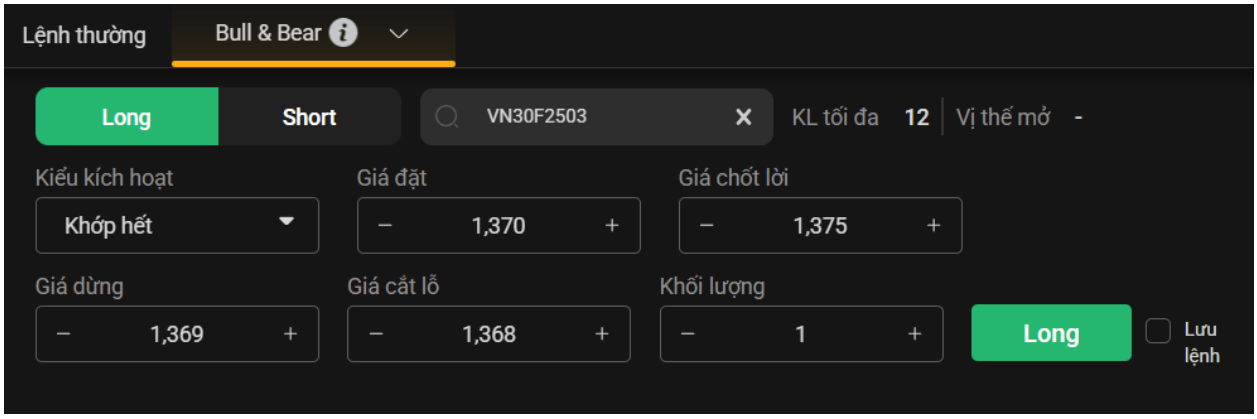

- Bước 5: Nhấn nút Long/ Short chuyển sang màn hình **Xác nhận lệnh**
- Bước 6: Nhập thông tin xác thực đặt lệnh và nhấn **Xác nhận**
- Bước 7: Lệnh đặt thành công màn hình xuất hiện thông báo:

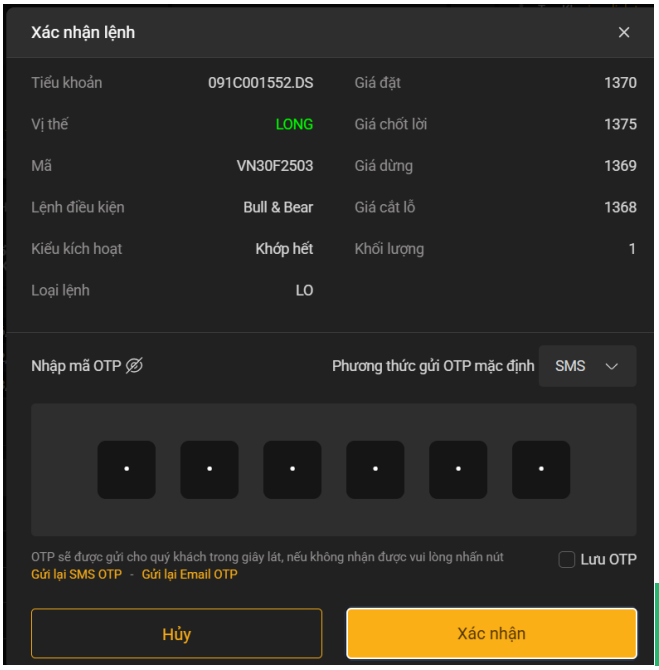

Quay về mục lục

4. Sổ lệnh

Tại mục **Giao dịch chứng khoán** chọn **Sổ lệnh** màn hình sổ lệnh phái sinh:

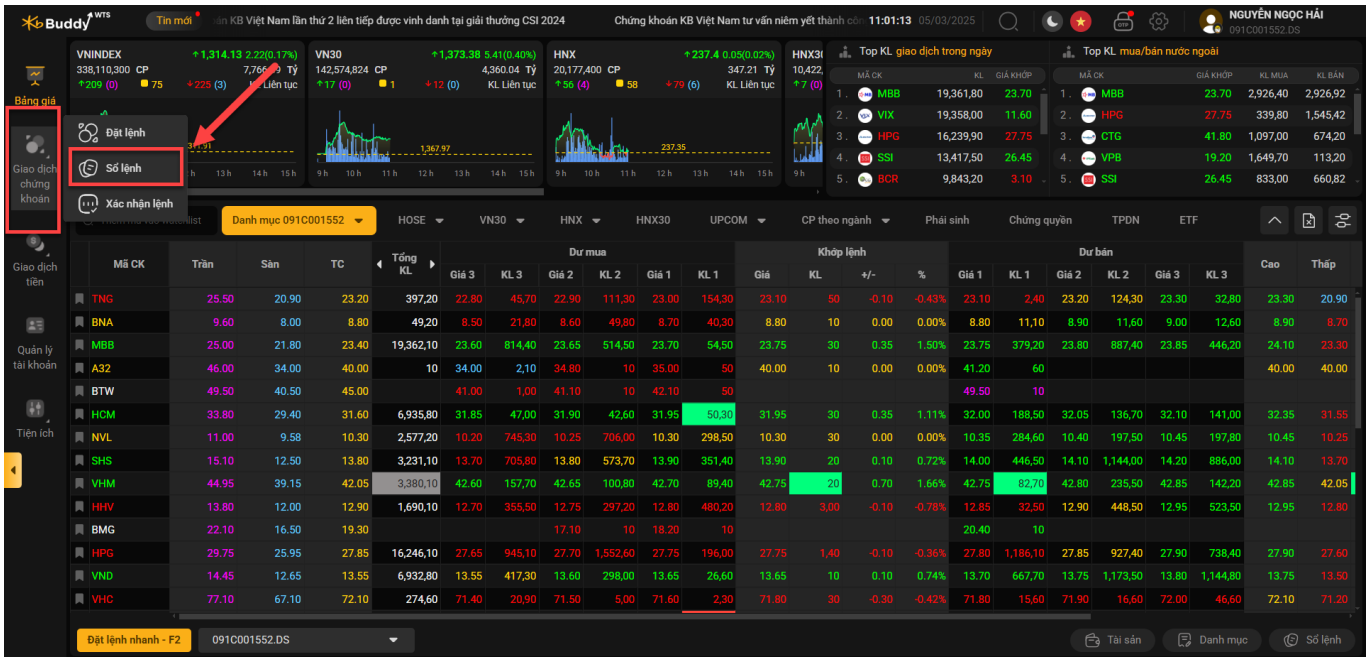

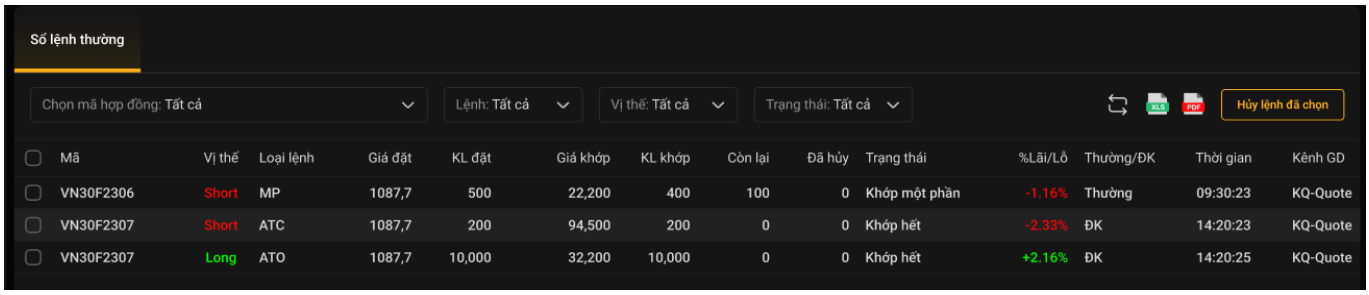

Khách hàng có thể lọc thông tin hiển thị của sổ lệnh theo tiêu chí: Mã; Loại lệnh; Vị thế; và Trạng thái:

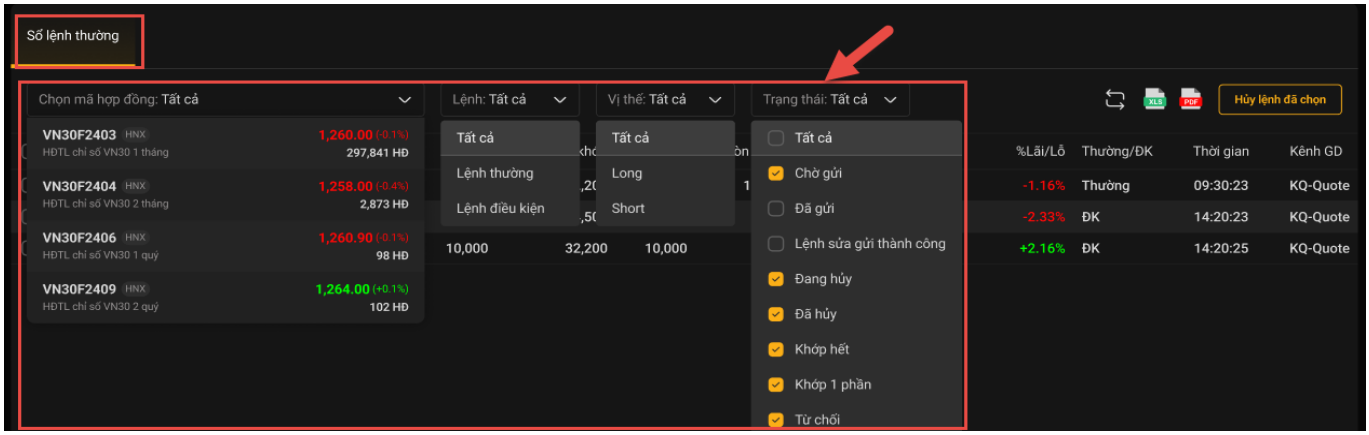

Quay về mục lục

Tại màn hình **Sổ lệnh** Khách hàng có thể theo dõi thông tin trạng thái lệnh đặt trong ngày và **Hủy/ sửa** lệnh đã đặt trên **Sổ lệnh**

❖ **Hủy lệnh**

✓ **Hủy từng lệnh**

➢ Bước 1: Để hủy từng lệnh, tại màn hình **Sổ lệnh** khách hàng tick chọn vào lệnh muốn hủy

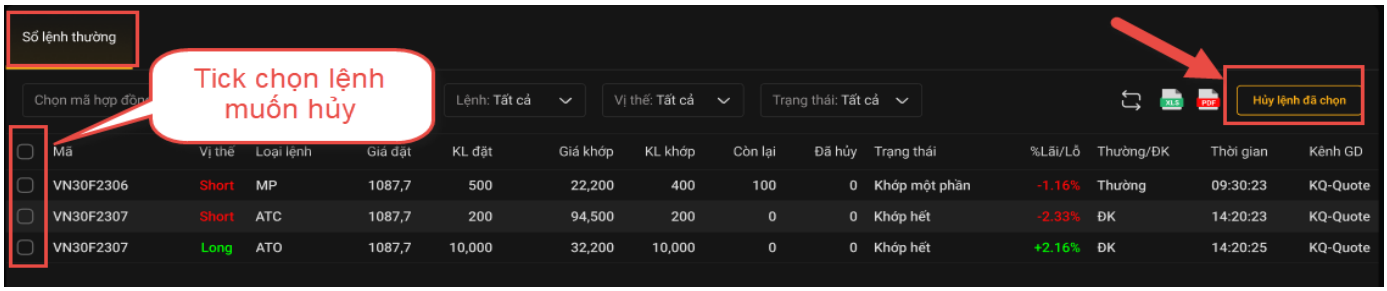

Hoặc tại màn hình **Sổ lệnh** khách hàng chọn lệnh muốn hủy kéo ngược sang trái màn hình xuất hiện nút **Hủy lệnh/Sửa lệnh**

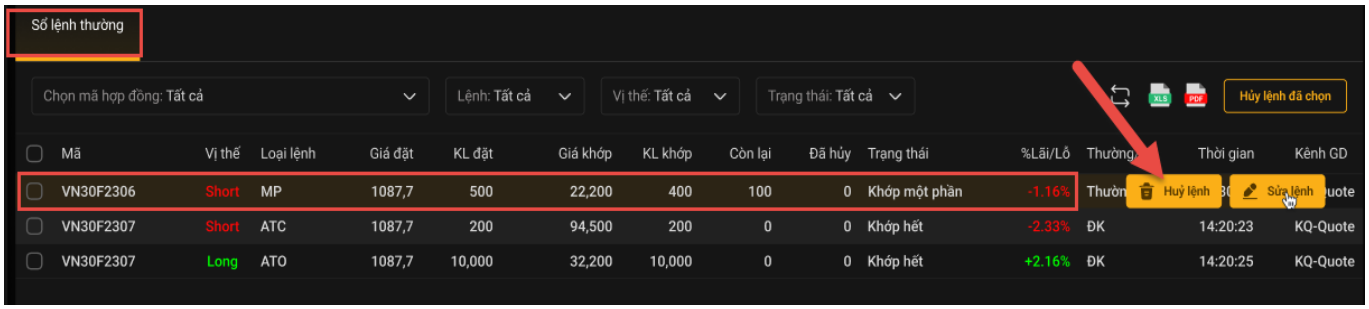

➢ Bước 2: Nhấn nút **Hủy lệnh/ Hủy lệnh đã chọn** chuyển sang màn hình xác nhận hủy lệnh:

➢ Bước 3: Nhập mã xác thực và nhấn nút **Xác nhận**

➢ Bước 4: Hủy thành công trả ra thông báo:

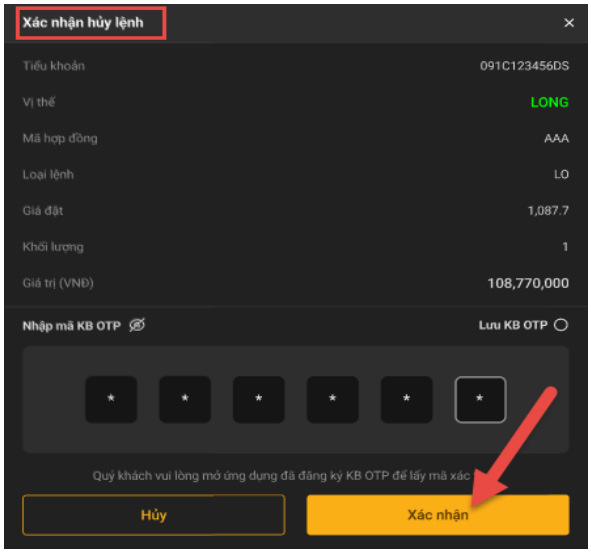

✓ **Hủy nhiều lệnh**

➢ Bước 1: Tại màn hình **Sổ lệnh** chọn các lệnh hủy và nhấn nút **Hủy các lệnh đã chọn**

Quay về mục lục

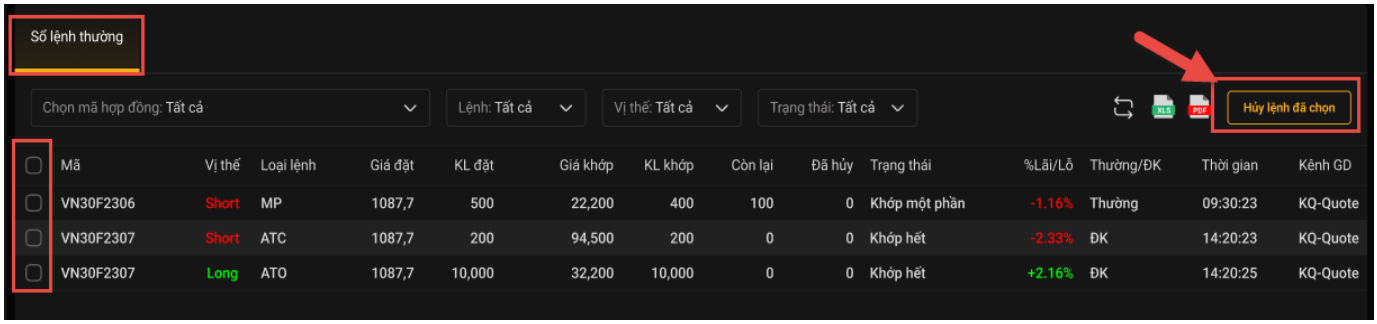

- Bước 2: Chuyển sang màn hình nhập phương thức xác thực
- Bước 3: Nhập mã mã xác thực và nhấn nút **Xác nhận,** chuyển sang màn hình **Xác nhận hủy lệnh**

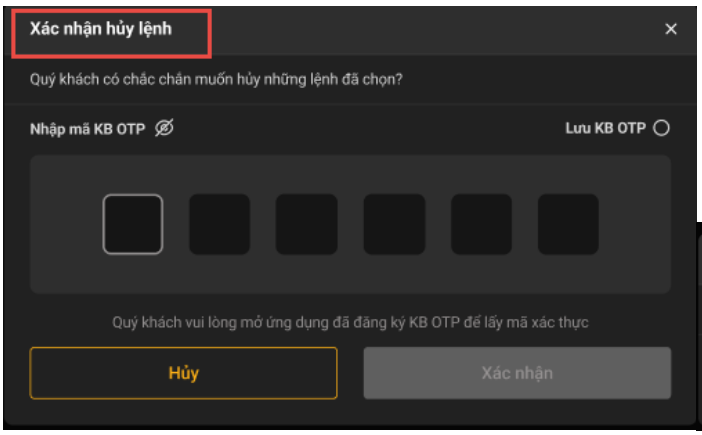

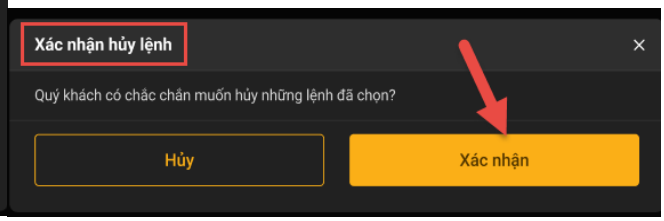

- Bước 4: Hủy toàn bộ lệnh thành công trả ra thông báo:

❖ **Sửa lệnh:**

- Bước 1: vào màn hình **Sổ Lệnh,** chọn lệnh muốn sửa và kéo sang bên trái xuất hiện nút **Hủy lênh/ Sửa lệnh.**

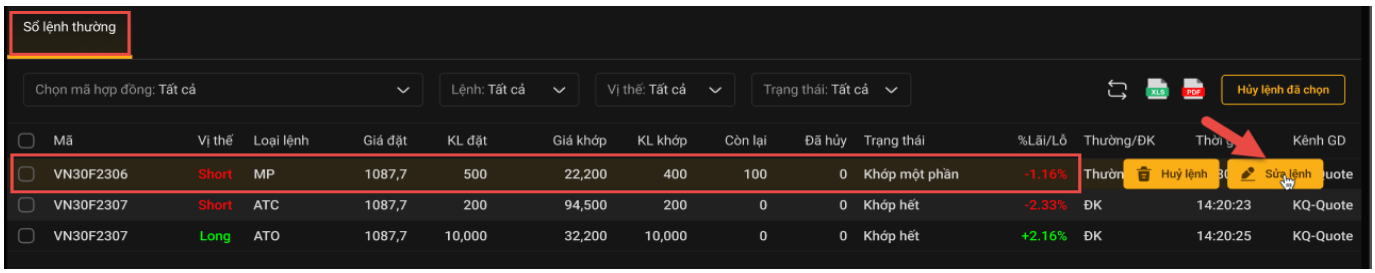

- Bước 2: Nhấn vào nút **Sửa lệnh** chuyển sang màn hình sửa lệnh:

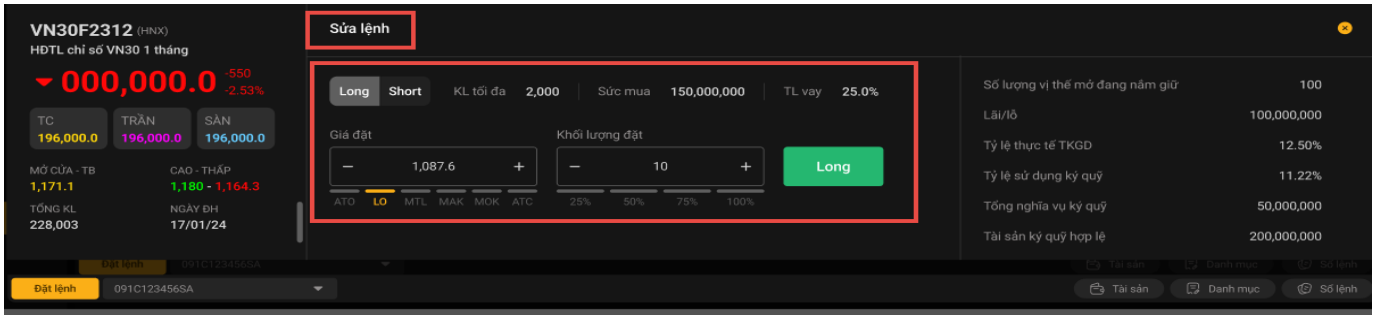

- Nhập thông tin lệnh **Sửa** để Sửa lệnh, sau khi sửa thông tin nhấn nút **Long/Short** chuyển sang màn hình xác nhận lệnh **Sửa.**

Quay về mục lục

- Bước 3: Nhập mã xác thực và nhấn xác nhận
- Bước 4: lệnh sửa thành công màn hình xuất hiện thông báo:

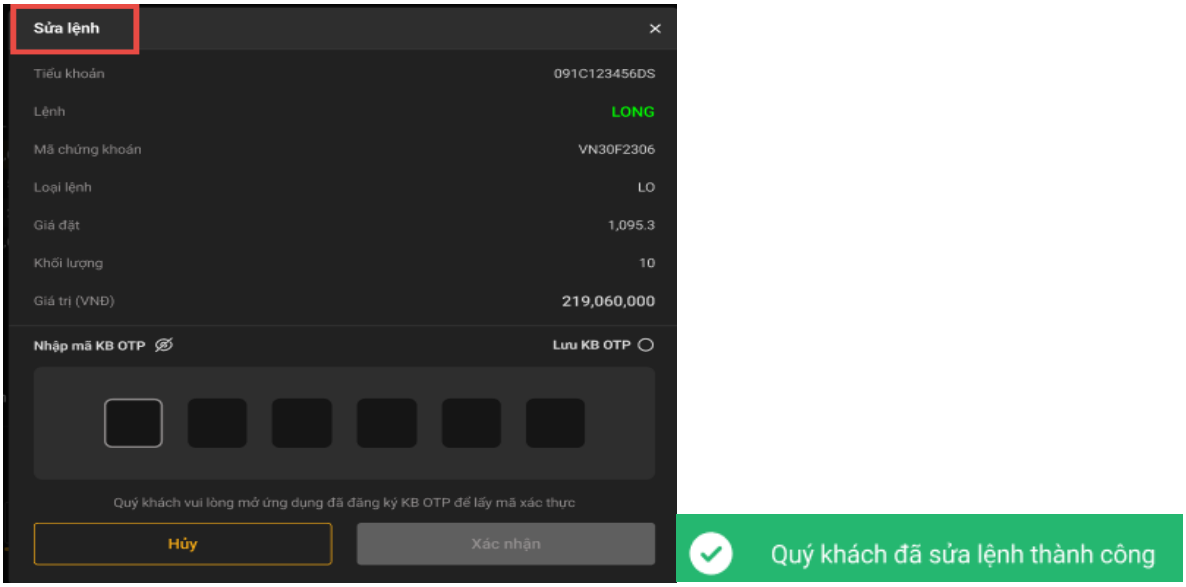

II. Giao dịch tiền

Giao dịch tiền gồm: **Nộp tiền** và **Rút tiền**

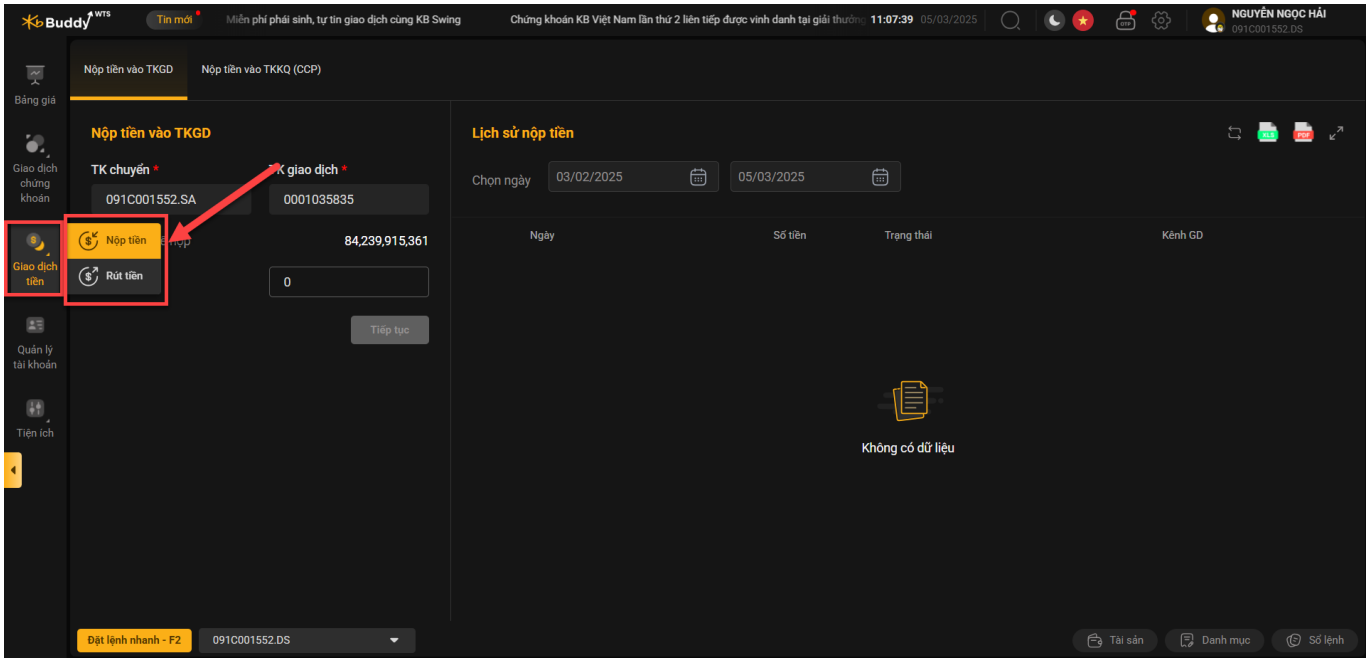

1. Nộp tiền

Nộp tiền gồm 02 tab: **Nộp tiền vào TKGD;** và **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)**

1.1. Nộp tiền vào TKGD

Tại mục **Giao dịch tiền/ Nộp tiền** chọn tab **Nộp tiền vào TKGD**

Quay về mục lục

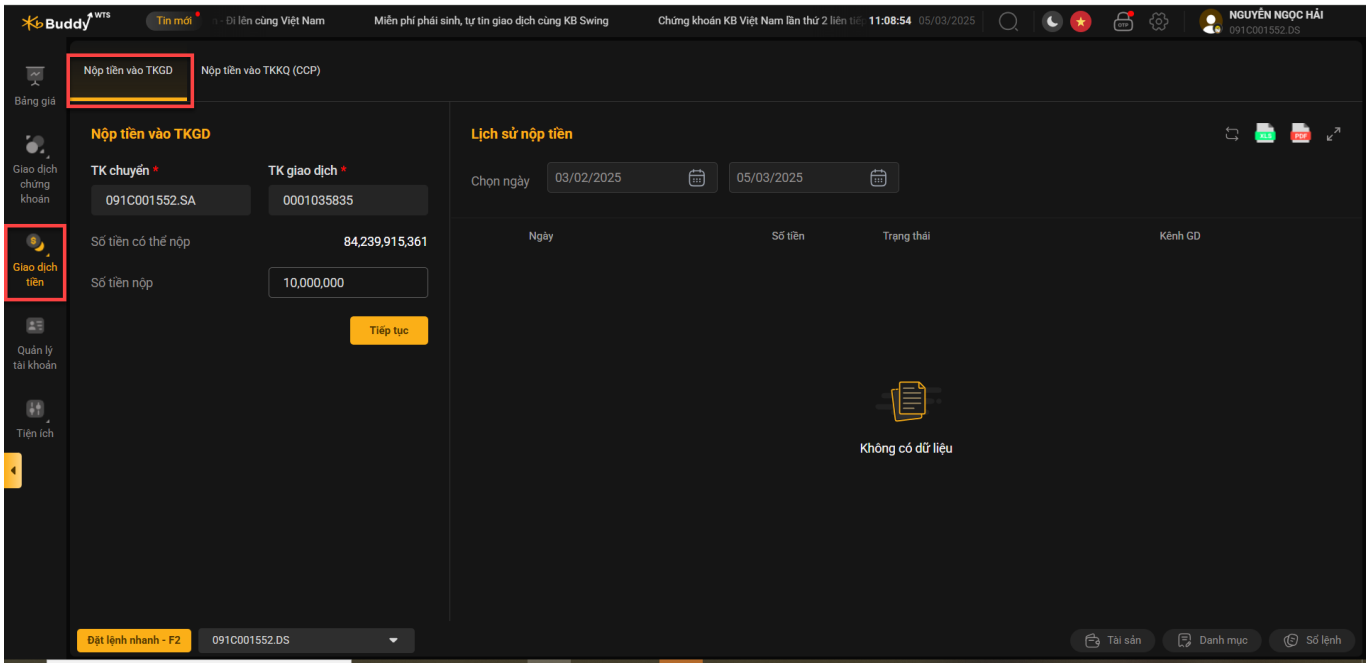

Màn hình **Nộp tiền vào TKGD** gồm 02 khung: **Nộp tiền vào TKGD** và **Lịch sử nộp tiền** vào tài khoản giao dịch

❖ **Nộp tiền vào TKGD**

Khách hàng có thể nộp tiền vào TKGD phái sinh bằng 02 cách:

- Cách 1: Tại mục **Giao dịch tiền** của tiểu khoản SA chọn mục **Chuyển tiền/ Chuyển tiền nội bộ**

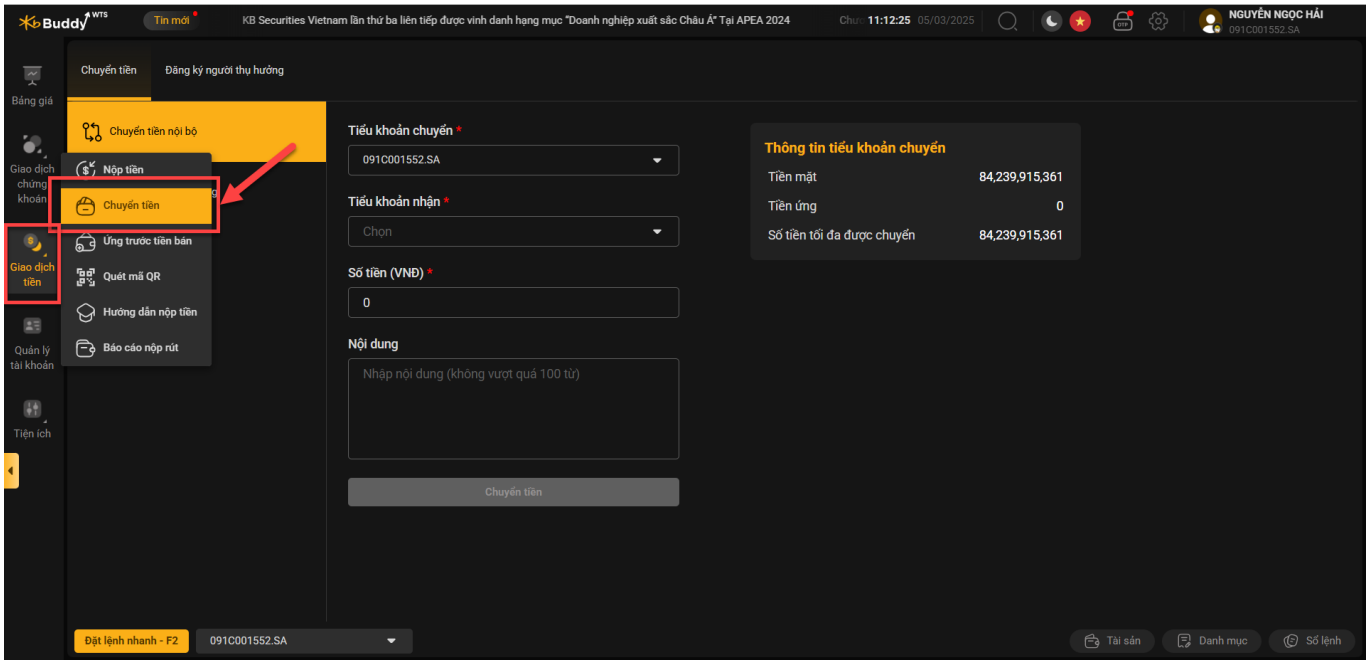

Quay về mục lục

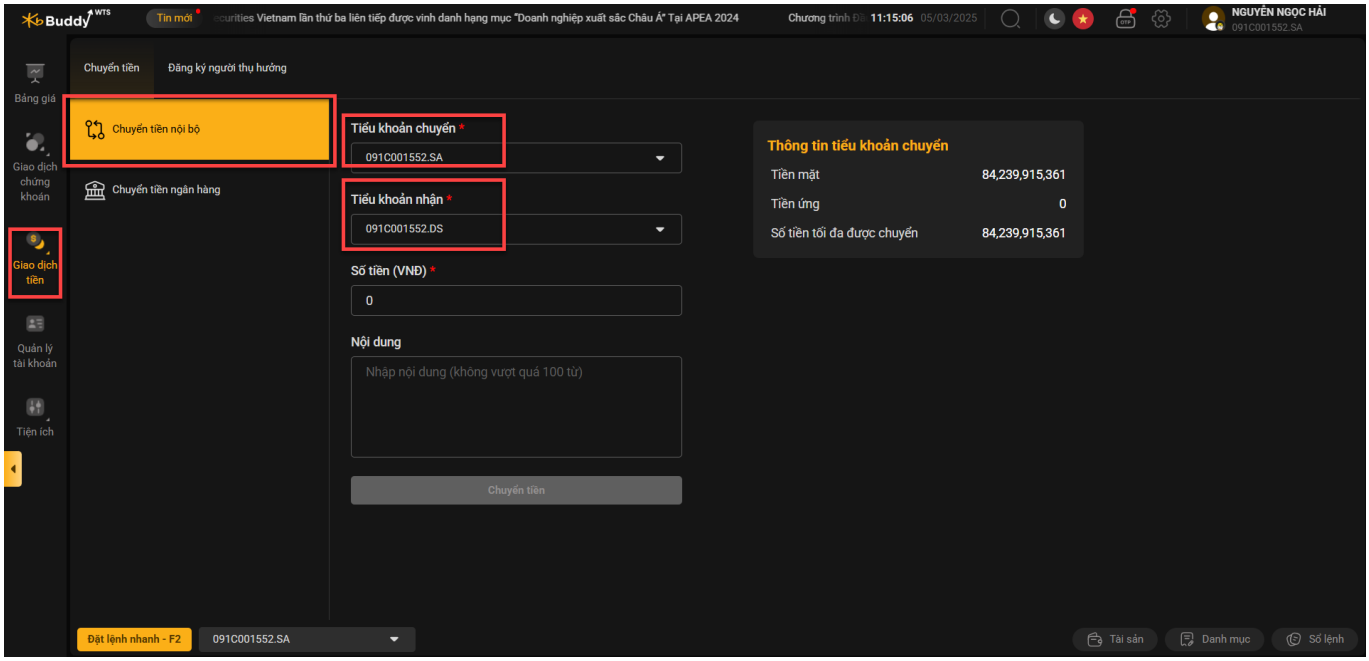

Giao dịch nộp tiền được thực hiện theo các bước:

- Bước 1: Tại màn hình **Chuyển khoản nội bộ** (Cơ sở) chọn tiểu khoản chuyển đi là tiểu khoản SA
- Bước 2: Chọn tiểu khoản nhận là tiểu khoản phái sinh (Đuôi DS)
- Bước 3: Nhập số tiền muốn chuyển khoản
- Bước 4: Nhập nội dung chuyển khoản (có thể bỏ qua)
- Bước 5: Nhấn nút **Chuyển tiền** chuyển qua màn hình xác nhận

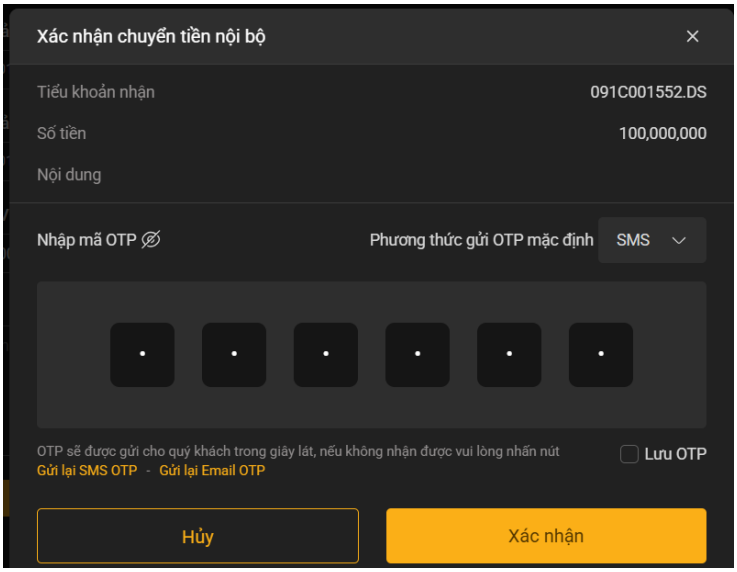

- Bước 6: Nhập OTP và nhấn nút **Xác nhận,**
- Bước 7: Chuyển tiền thành công trả ra thông báo:

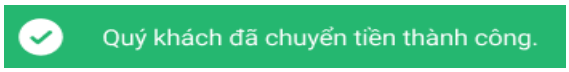

- Cách 2: Trên tiểu khoản phái sinh tại mục **Giao dịch tiền** chọn **Nộp tiền vào TKGD** màn hình nộp tiền vào TKGD phái sinh:

Quay về mục lục

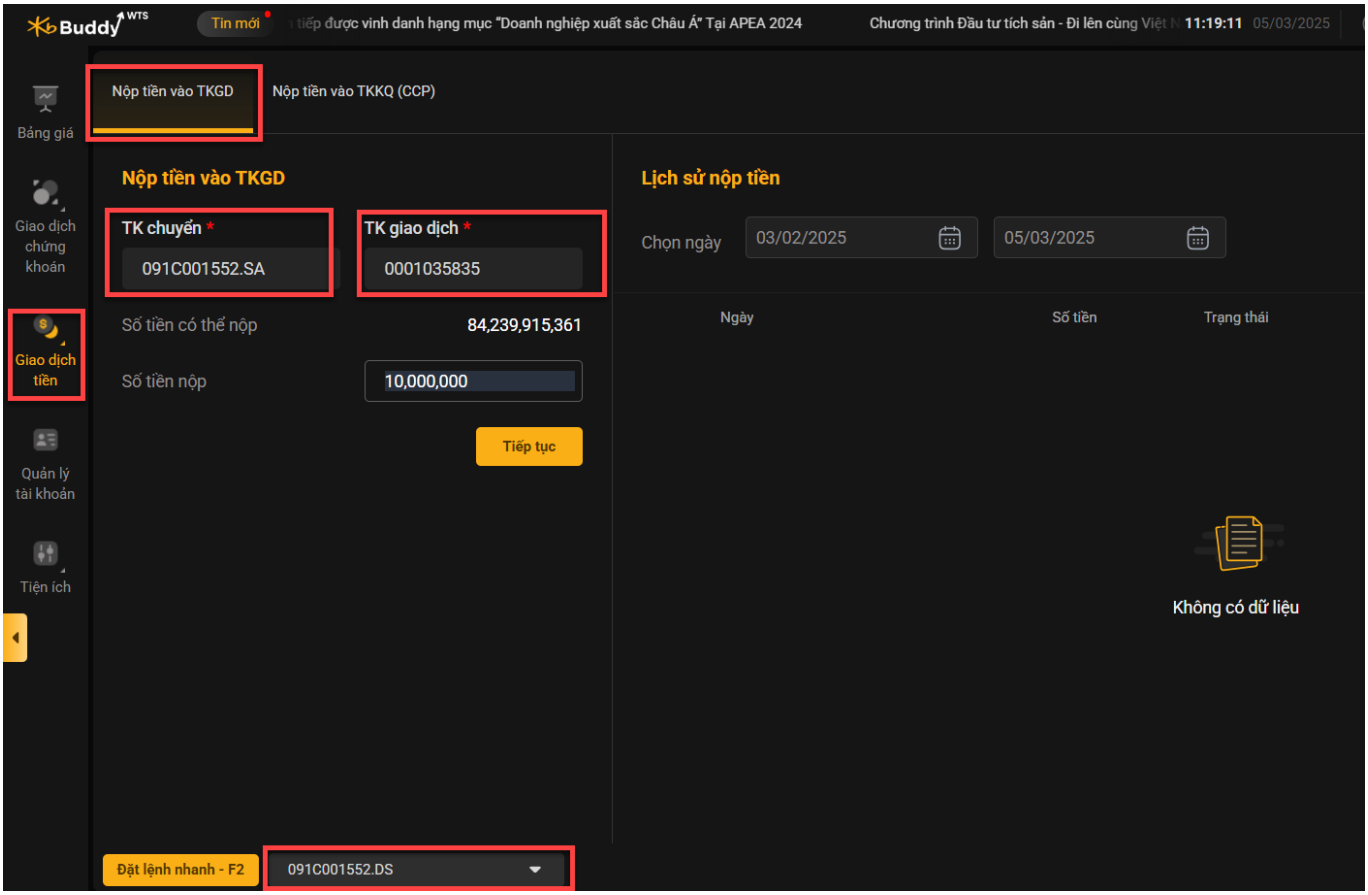

Các bước nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh:

- Bước 1: Tại màn hình **Giao dịch tiền** chọn mục **Nộp tiền vào TKGD** chuyển sang màn hình giao dịch nộp tiền
- Bước 2: Tại màn hình **Nộp tiền vào TKGD** nhập số tiền muốn nộp
- Bước 3: Nhấn nút **Tiếp tục** chuyển sang màn hình xác nhận nộp tiền
- Bước 4: Nhập mã xác thực và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 5: Nộp tiền thành công trả ra thông báo

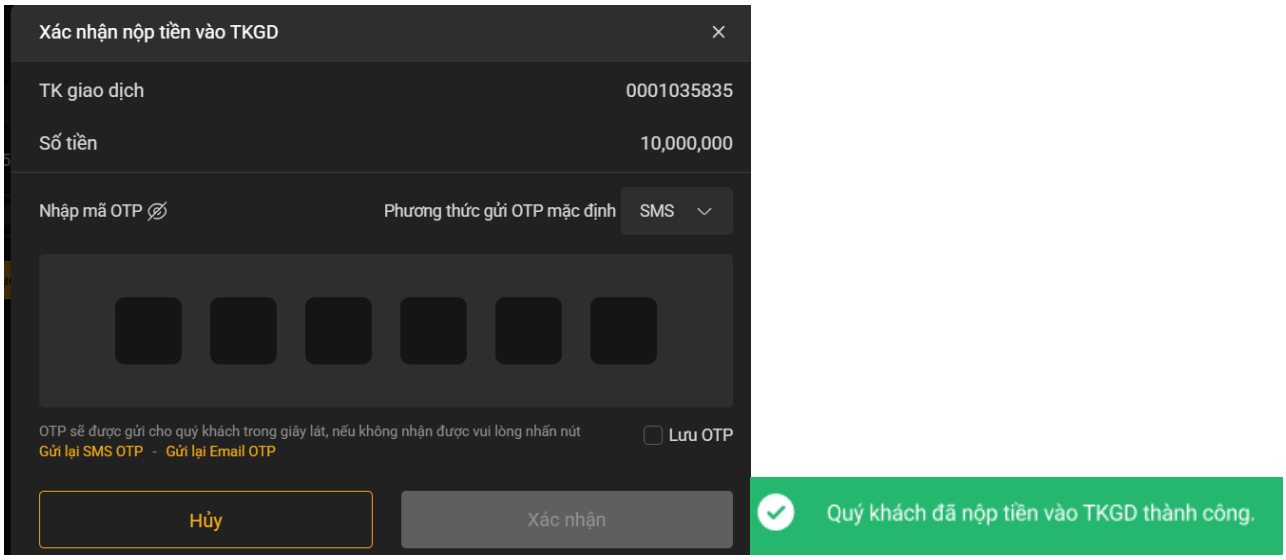

Quay về mục lục

❖ Lịch sử nộp tiền vào TKGD

Lịch sử nộp tiền vào TKGD là màn hình chi tiết thông tin các lệnh nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh: Ngày; Số tiền, Trạng thái lệnh nộp tiền

Tại màn hình **Nộp tiền vào TKGD** chọn tab **Lịch sử nộp tiền**:

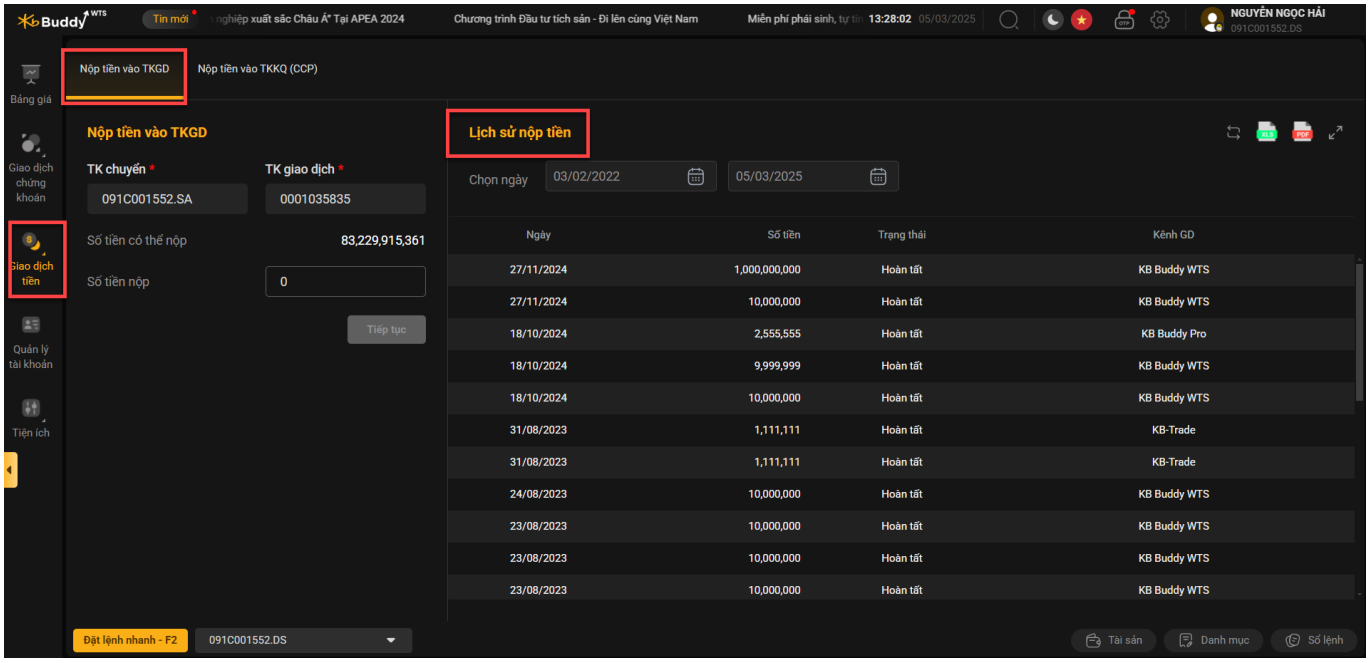

Lịch sử nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh còn có chức năng tra cứu thông tin lệnh nộp tiền vào TKGD theo khoảng thời gian.

Tại màn hình **Lịch sử nộp tiền** chọn thời gian tra cứu lệnh nộp tiền, màn hình hiển thị thông tin lịch sử lệnh nộp tiền theo tiêu chí thời gian đã chọn:

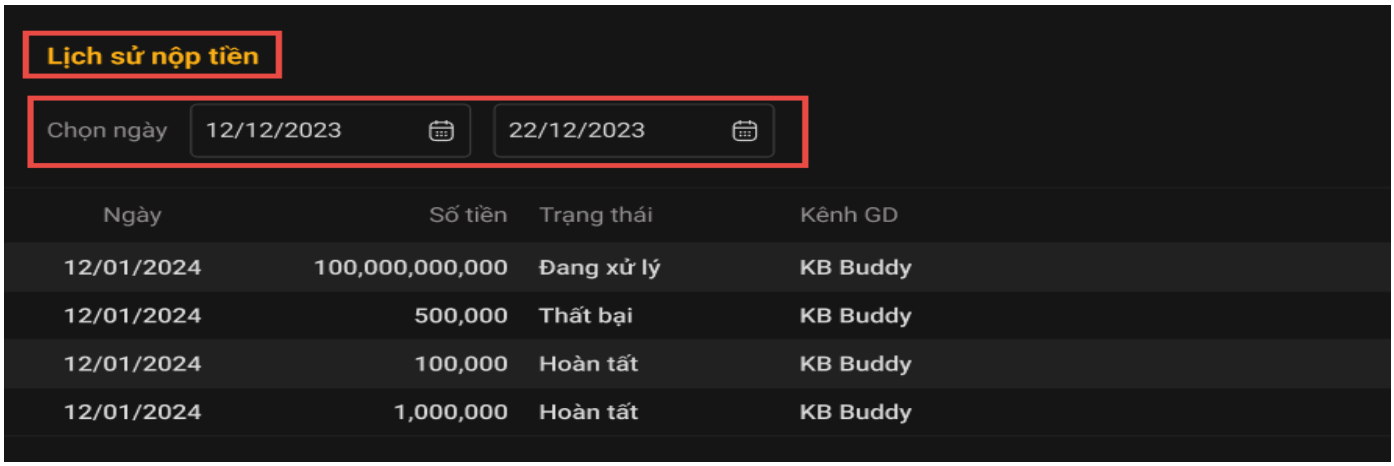

1.2. Nộp tiền vào TKKQ (CCP)

Tại mục **Giao dịch tiền/ Nộp tiền** chọn tab **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)**

Màn hình **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)** bao gồm 02 khung: **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)** và **Lịch sử nộp tiền** vào TKKQ (CCP)

Quay về mục lục

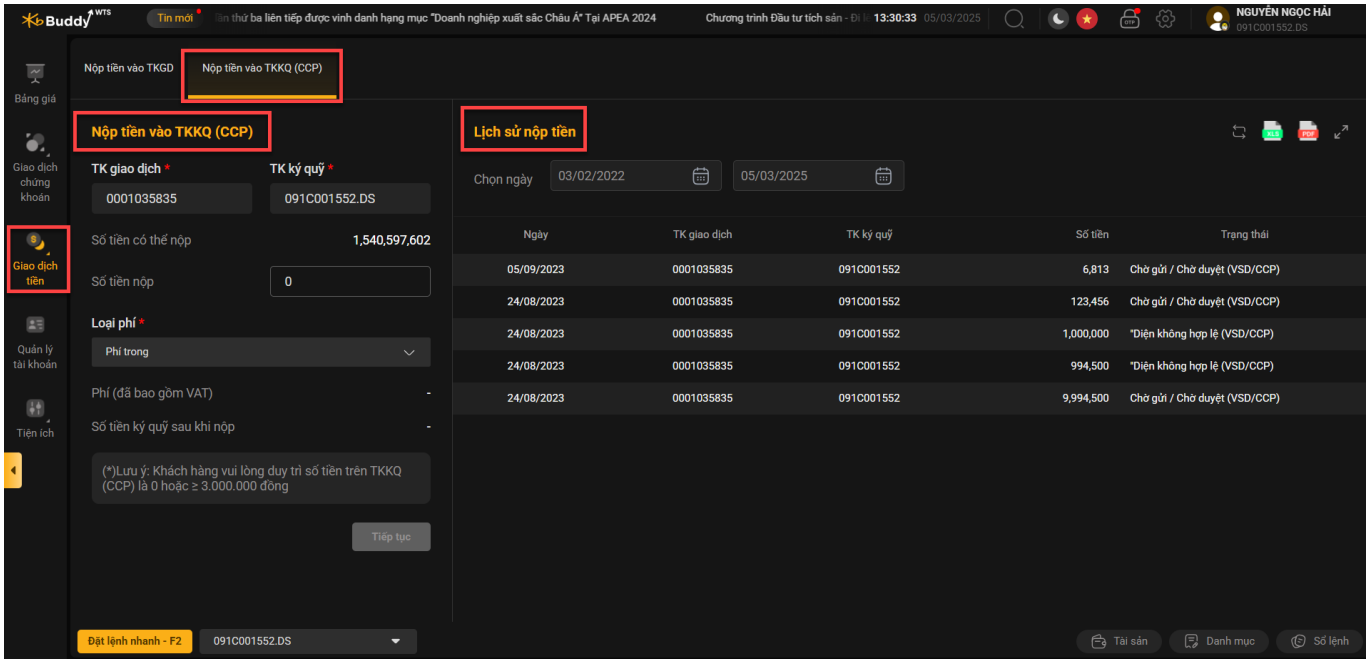

❖ Các bước **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)**:

- Bước 1: Tại màn hình **Nộp tiền** chọn **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)**
- Bước 2: Tại màn hình **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)** nhập thông tin số tiền nộp và loại phí (Có hai loại phí KH có thể chọn: Phí trong và Phí ngoài:

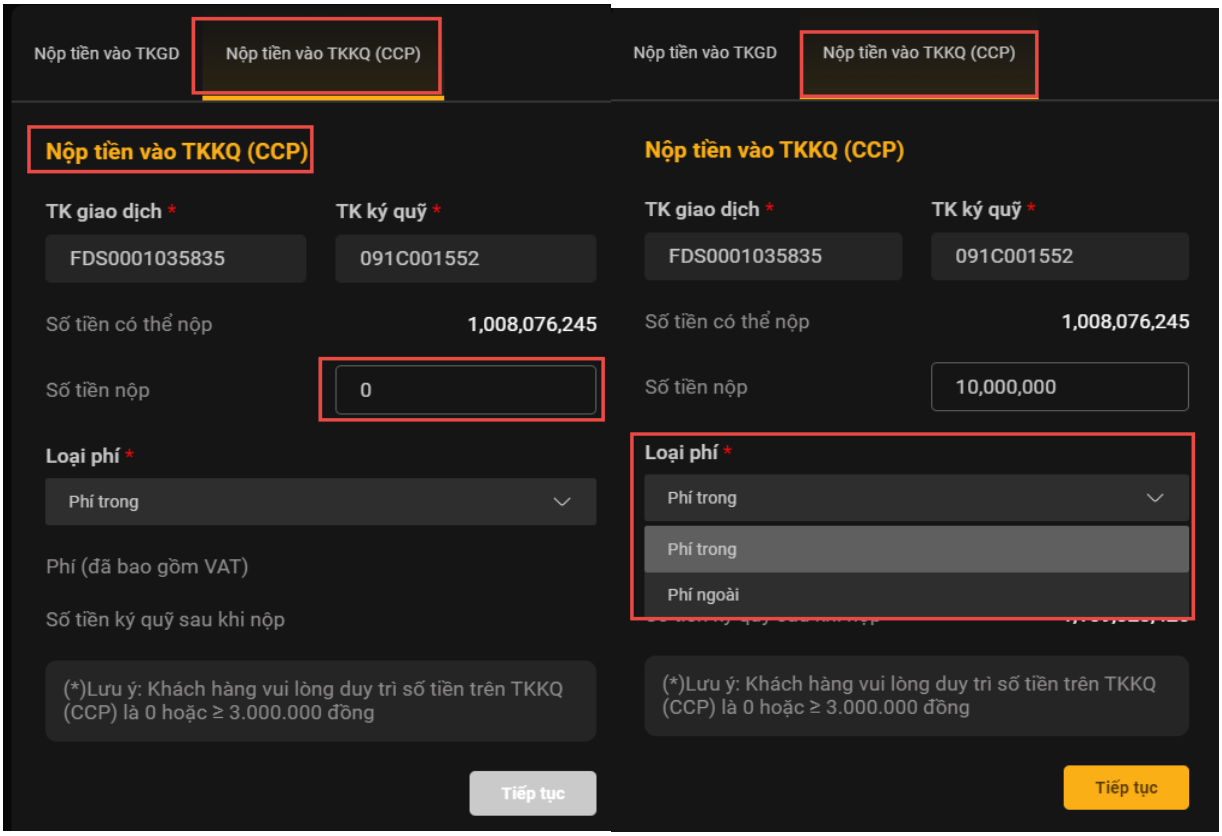

- Bước 3: Nhấn nút **Tiếp tục** chuyển sang màn hình xác nhận **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)**
- Bước 4: Nhập xác thực và nhấn nút **Xác nhận**

Quay về mục lục

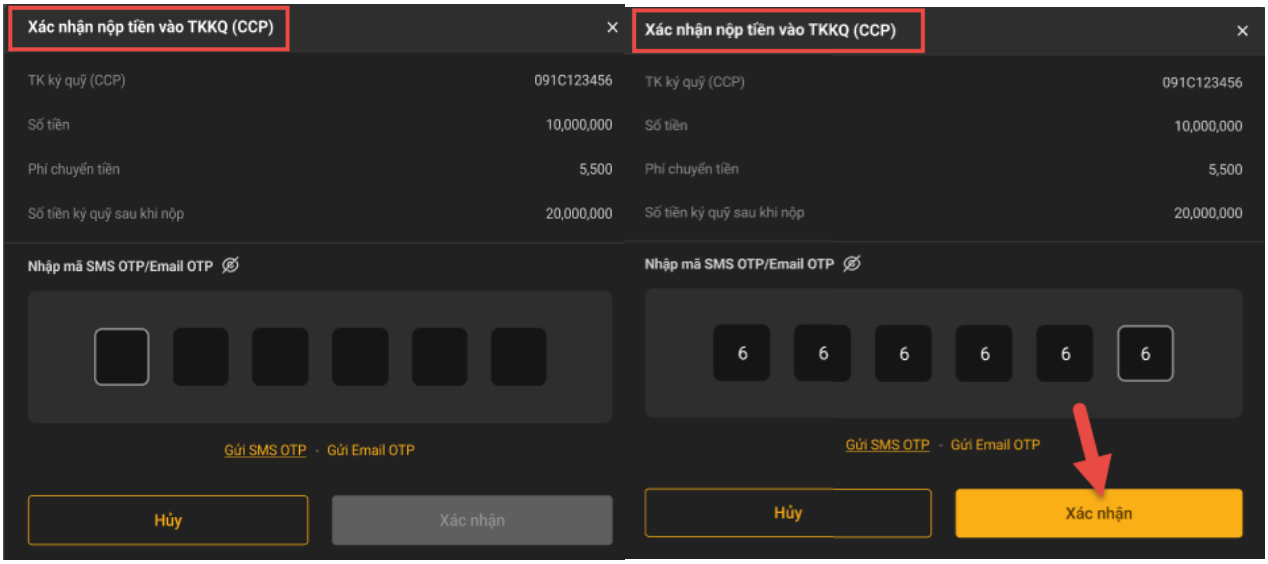

➢ Bước 5: Nộp tiền thành công trả ra thông báo:

❖ Lịch sử nộp tiền vào TKKQ

Lịch sử nộp tiền vào tài khoản ký quỹ là màn hình chi tiết thông tin các lệnh nộp tiền vào tài khoản ký quỹ phái sinh: Ngày giao dịch, Ngày hiệu lực, Số tiền, Trạng thái lệnh nộp tiền

Tại màn hình **Nộp tiền vào TKKQ (CCP)** chọn **Lịch sử nộp tiền**.

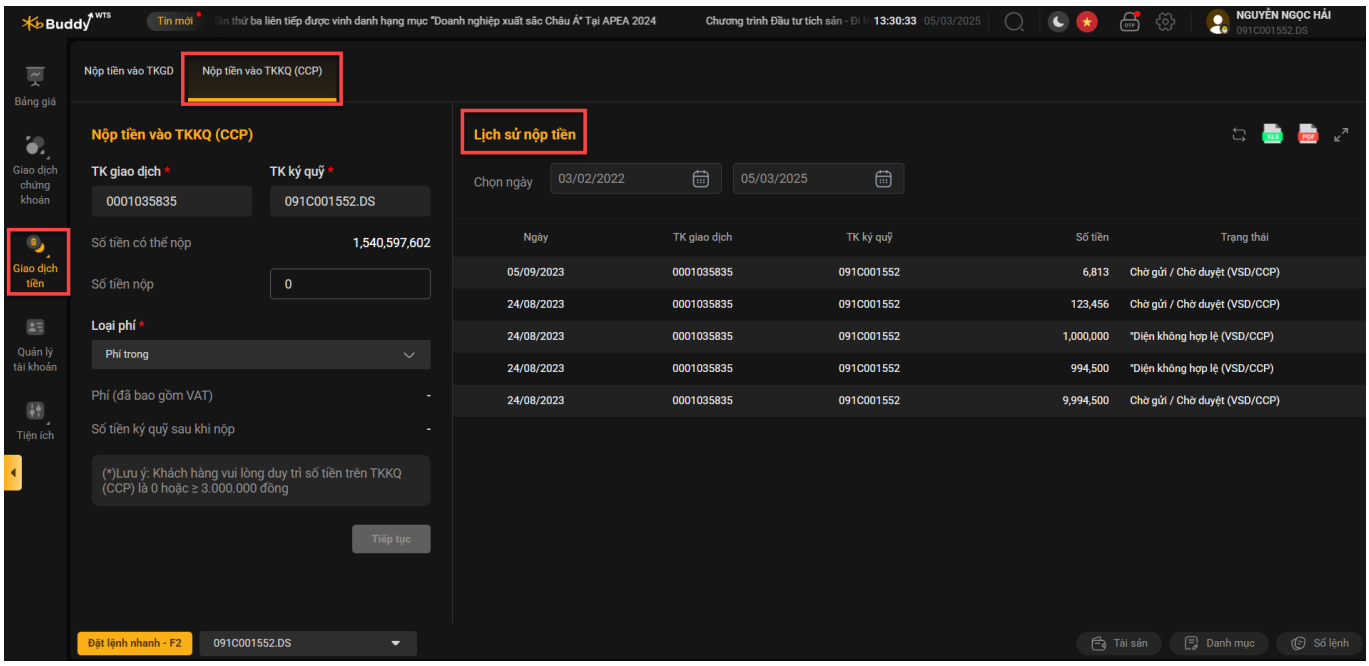

Lịch sử nộp tiền vào tài khoản ký quỹ phái sinh còn có chức năng tra cứu thông tin lệnh nộp tiền vào TKKQ theo khoảng thời gian.

Quay về mục lục

Tại màn hình **Lịch sử nộp tiền** vào TKKQ chọn khoảng thời gian tra cứu, màn hình hiện thông tin lệnh nộp tiền vào TKKQ theo thời gian đã chọn

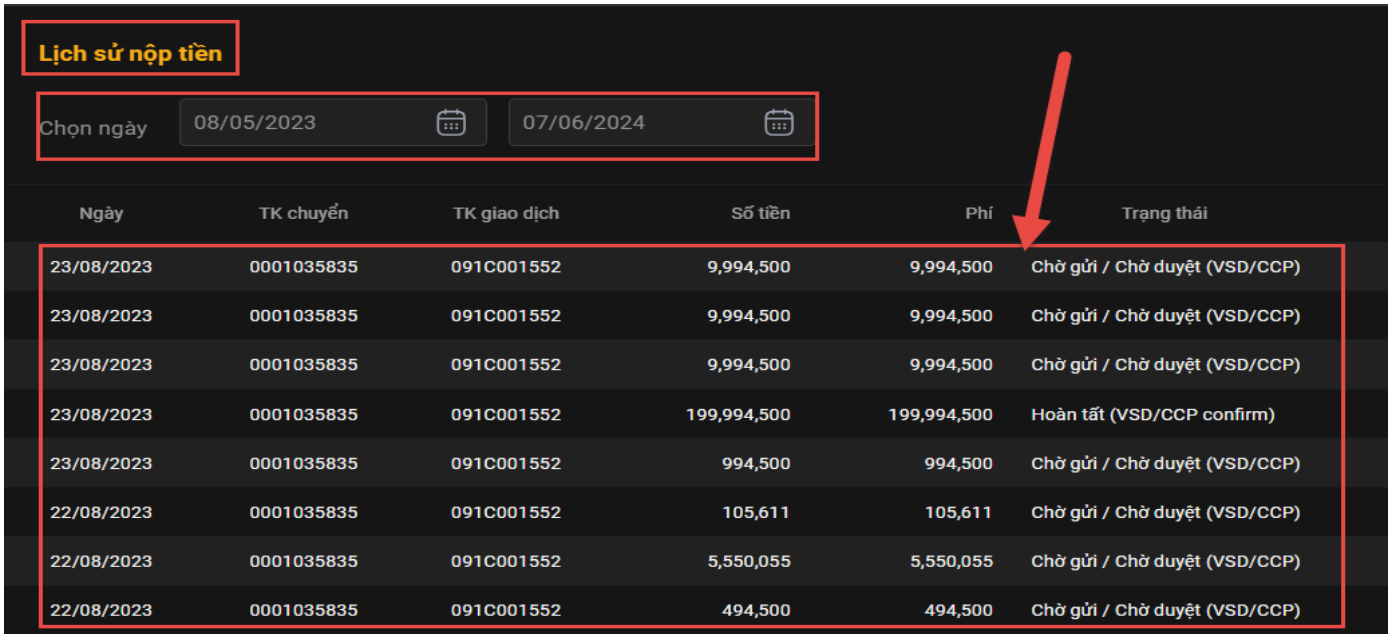

Ngày	TK chuyển	TK giao dịch	Số tiền	Phí	Trạng thái
23/08/2023	0001035835	091C001552	9,994,500	9,994,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
23/08/2023	0001035835	091C001552	9,994,500	9,994,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
23/08/2023	0001035835	091C001552	9,994,500	9,994,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
23/08/2023	0001035835	091C001552	199,994,500	199,994,500	Hoàn tất (VSD/CCP confirm)
23/08/2023	0001035835	091C001552	994,500	994,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
22/08/2023	0001035835	091C001552	105,611	105,611	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
22/08/2023	0001035835	091C001552	5,550,055	5,550,055	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)
22/08/2023	0001035835	091C001552	494,500	494,500	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSD/CCP)

2. Rút tiền

Rút tiền gồm 02 tab: **Rút tiền từ TKKQ (CCP);** và **Rút tiền tờ TKKGD**

2.1. Rút tiền từ TKKQ (CCP)

Tại mục **Giao dịch tiền/ Rút tiền** chọn tab **Rút tiền từ TKKQ (CCP)**

Màn hình **Rút tiền từ TKKQ (CCP)** bao gồm 02 khung: **Rút tiền từ TKKQ (CCP)** và **Lịch sử rút tiền** từ TKKQ (CCP)

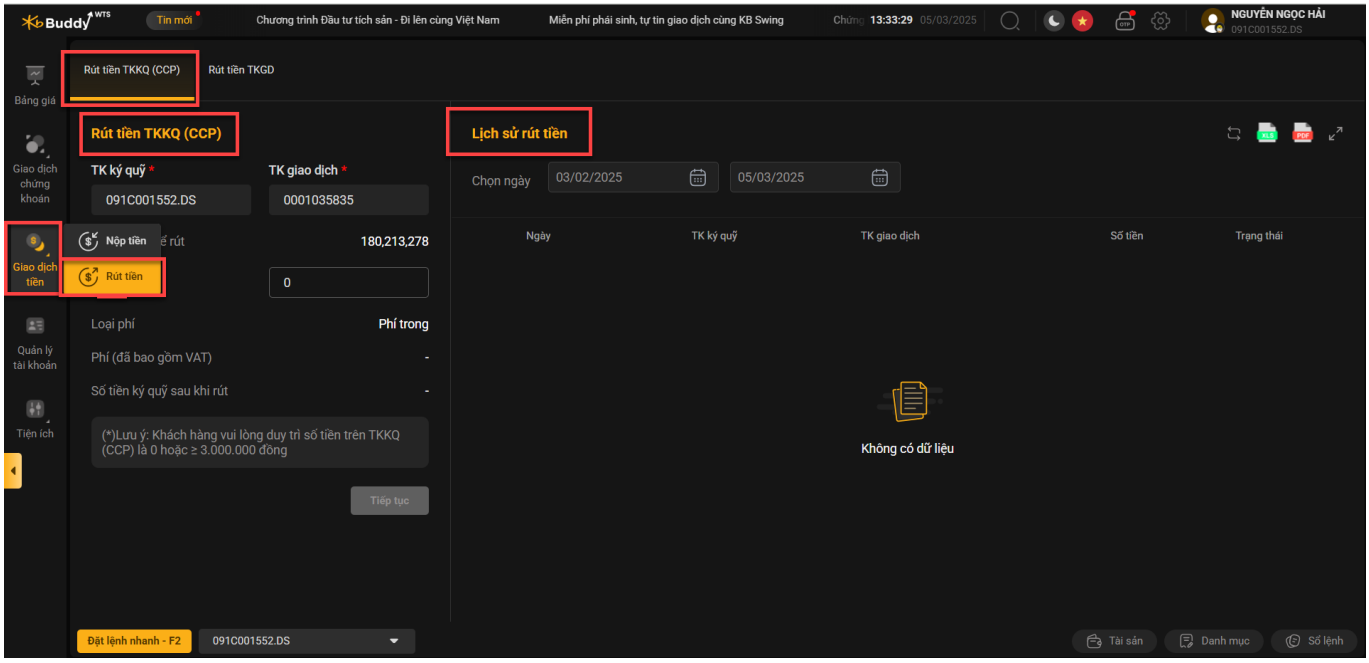

❖ Các bước **Rút tiền từ TKKQ (CCP)**:

- Bước 1: Tại màn hình **Rút tiền** chọn **Rút tiền từ TKKQ (CCP)**
- Bước 2: Tại màn hình **Rút tiền từ TKKQ (CCP)** nhập thông tin số tiền rút và loại phí cố định là **Phí trong**

Quay về mục lục

➢ Bước 3: Nhấn nút **Tiếp tục** chuyển sang màn hình xác nhận **Rút tiền từ TKKQ (CCP)**

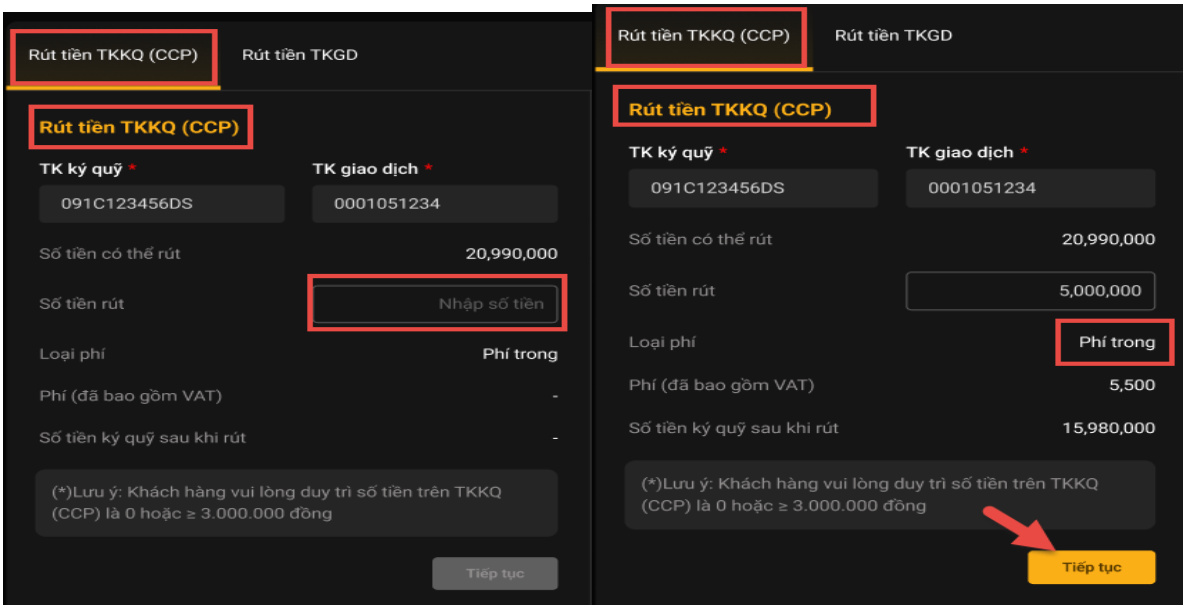

➢ Bước 4: Nhập xác thực và nhấn nút **Xác nhận**

➢ Bước 5: Rút tiền thành công trả ra thông báo:

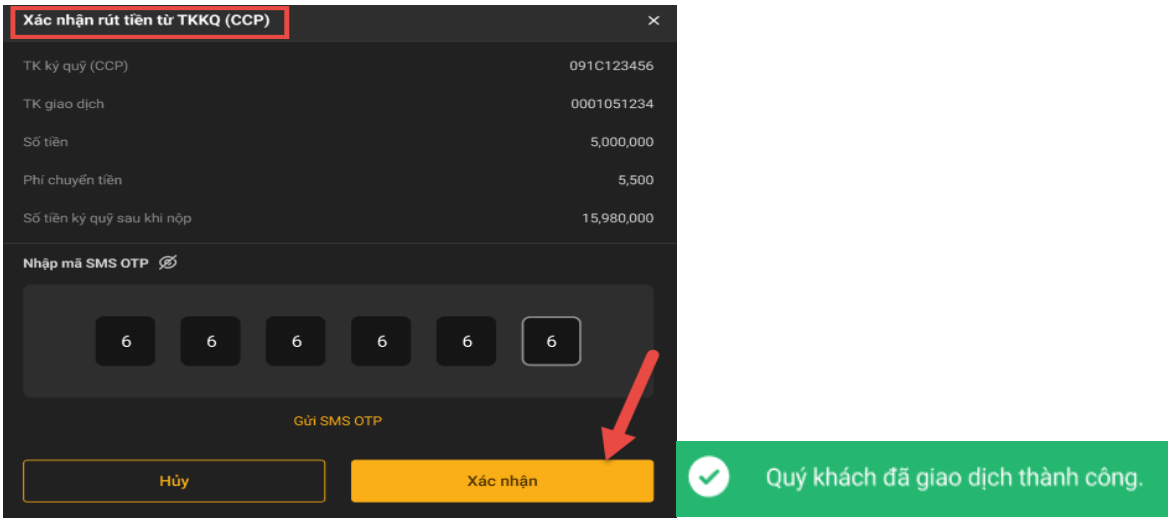

❖ **Lịch sử rút tiền**

Lịch sử rút tiền từ tài khoản ký quỹ là màn hình chi tiết thông tin các lệnh rút tiền từ tài khoản ký quỹ phái sinh: Ngày giao dịch, Ngày hiệu lực, Số tiền, Trạng thái lệnh rút tiền

Tại màn hình **Rút tiền từ TKKQ (CCP)** chọn **Lịch sử rút tiền**.

Quay về mục lục

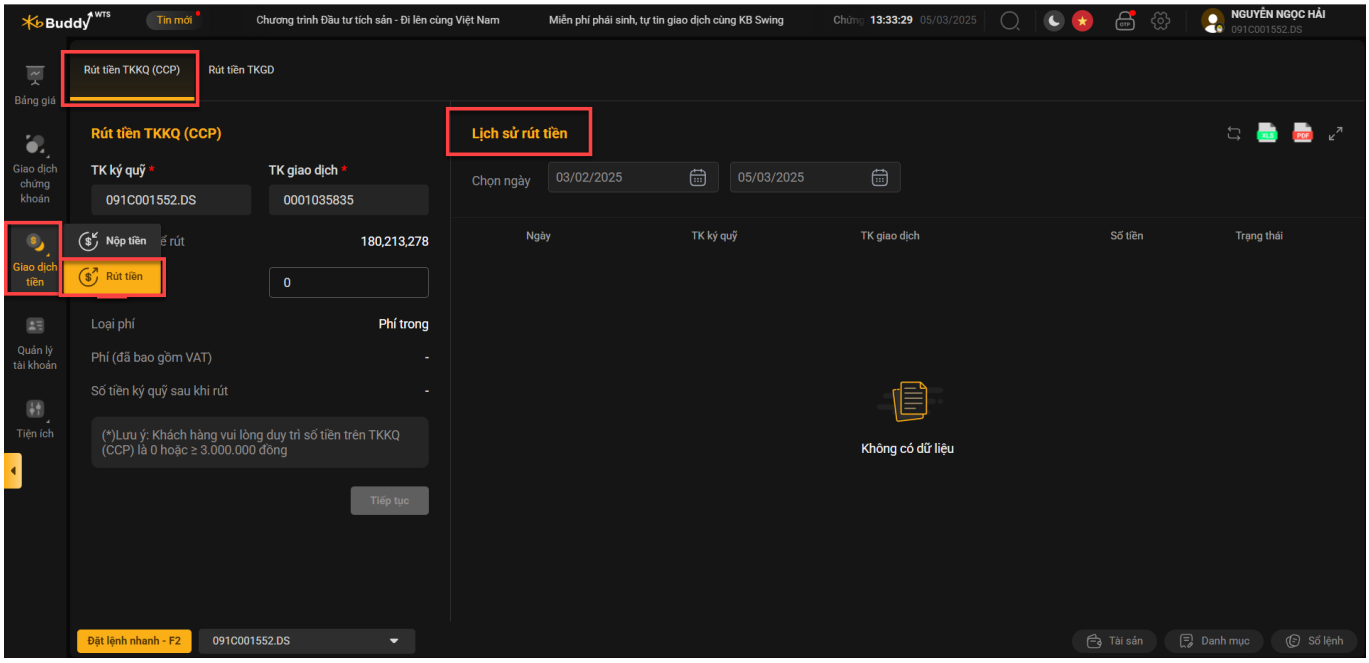

Lịch sử rút tiền từ tài khoản ký quỹ phái sinh còn có chức năng tra cứu thông tin lệnh rút tiền từ TKKQ theo khoảng thời gian.

Tại màn hình **Lịch sử rút tiền** từ TKKQ chọn khoảng thời gian tra cứu, màn hình hiện thông tin lệnh rút tiền từ TKKQ theo thời gian đã chọn

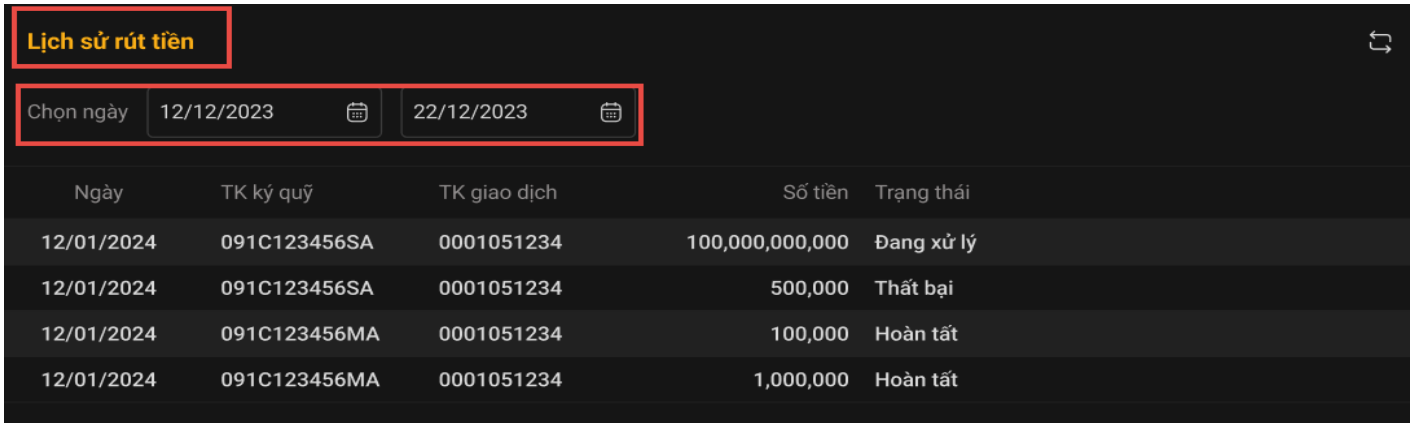

2.2. Rút tiền TKKD

Tại mục **Giao dịch tiền/ Rút tiền** chọn tab **Rút tiền từ TKGD**

Màn hình **Rút tiền từ TKGQ** bao gồm 02 khung: **Rút tiền từ TKGD** và **Lịch sử rút tiền** từ TKGD

Quay về mục lục

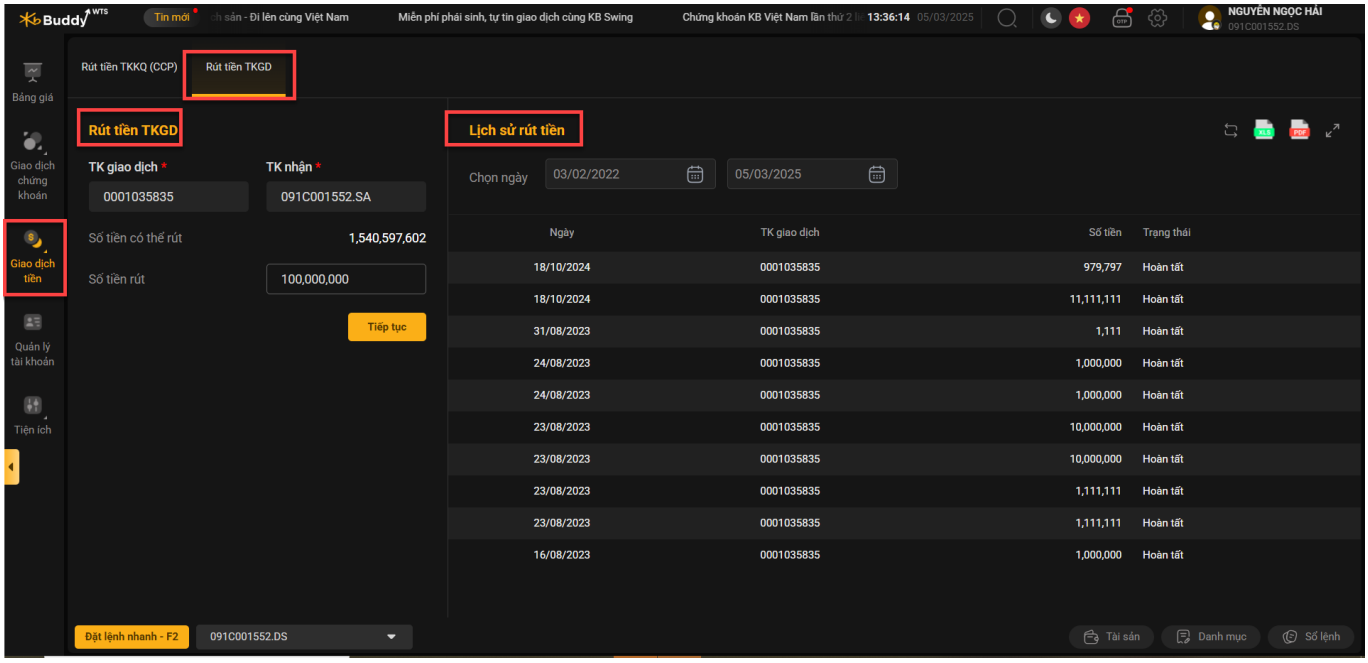

❖ Các bước **Rút tiền từ TKGD**:

- Bước 1: Tại màn hình **Rút tiền** chọn **Rút tiền từ TKGD**
- Bước 2: Tại màn hình **Rút tiền từ TKGD** nhập thông tin số tiền rút ; tiểu khoản nhận mặc định là tiểu khoản đuôi SA
- Bước 3: Nhấn nút **Tiếp tục** chuyển sang màn hình xác nhận **Rút tiền từ TKGD**

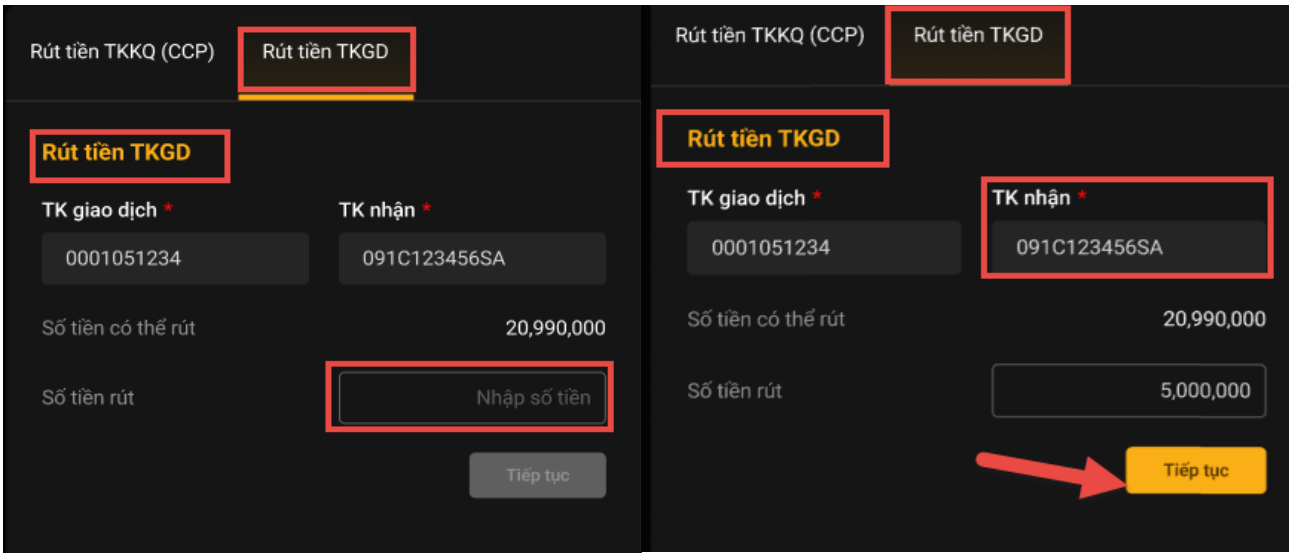

- Bước 4: Nhập xác thực và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 5: Rút tiền thành công trả ra thông báo:

Quay về mục lục

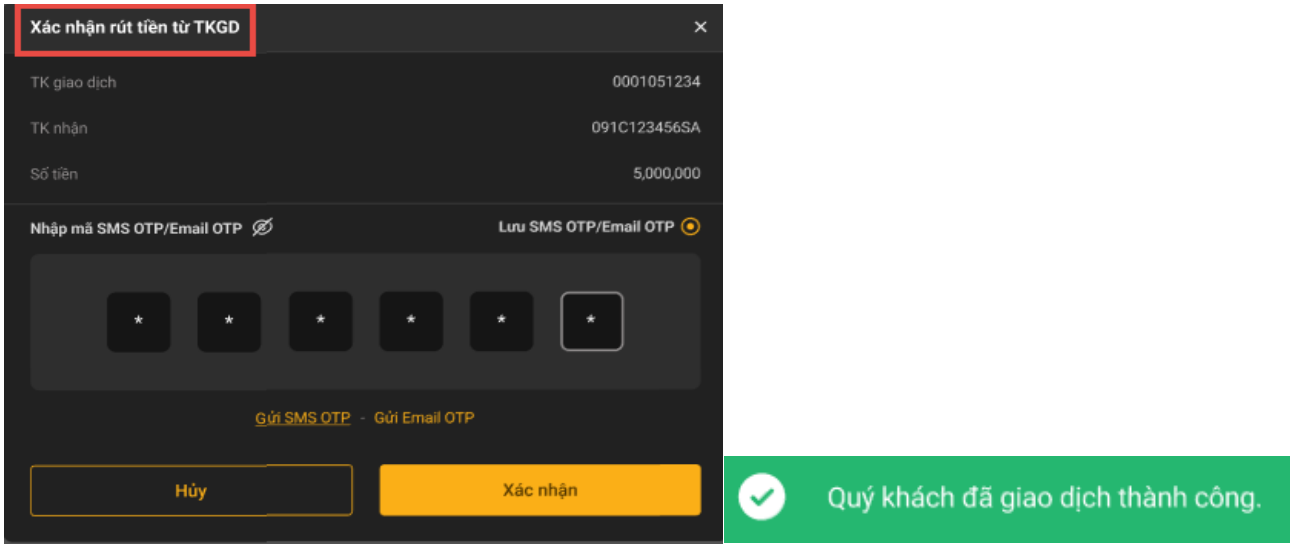

❖ Lịch sử rút tiền

Lịch sử rút tiền từ tài khoản giao dịch là màn hình chi tiết thông tin các lệnh rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh: Ngày hiệu lực, Số tiền, Trạng thái lệnh rút tiền, TK giao dịch

Tại màn hình **Rút tiền TKGD** chọn **Lịch sử rút tiền**.

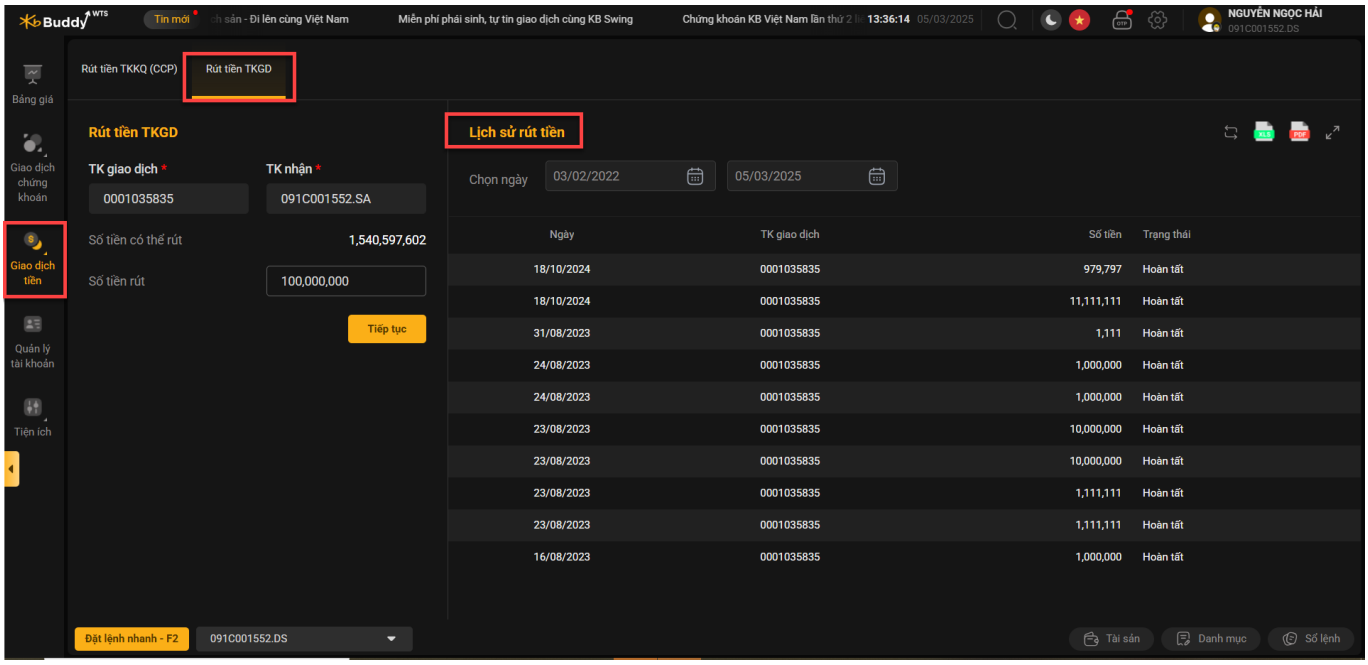

Lịch sử rút tiền từ tài khoản giao dịch phái sinh còn có chức năng tra cứu thông tin lệnh rút tiền từ TKGD theo khoảng thời gian.

Tại màn hình **Lịch sử rút tiền** từ TKGD chọn khoảng thời gian tra cứu, màn hình hiện thông tin lệnh rút tiền từ TKGD theo thời gian đã chọn

Quay về mục lục

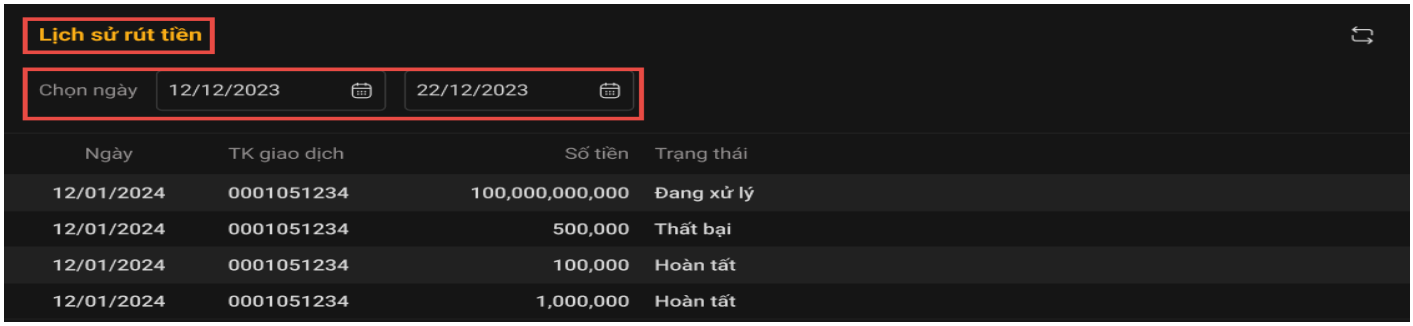

III. Quản lý tài khoản

Mục **Quản lý tài khoản** phái sinh gồm: **Tài sản phái sinh** và **Tổng tài sản**

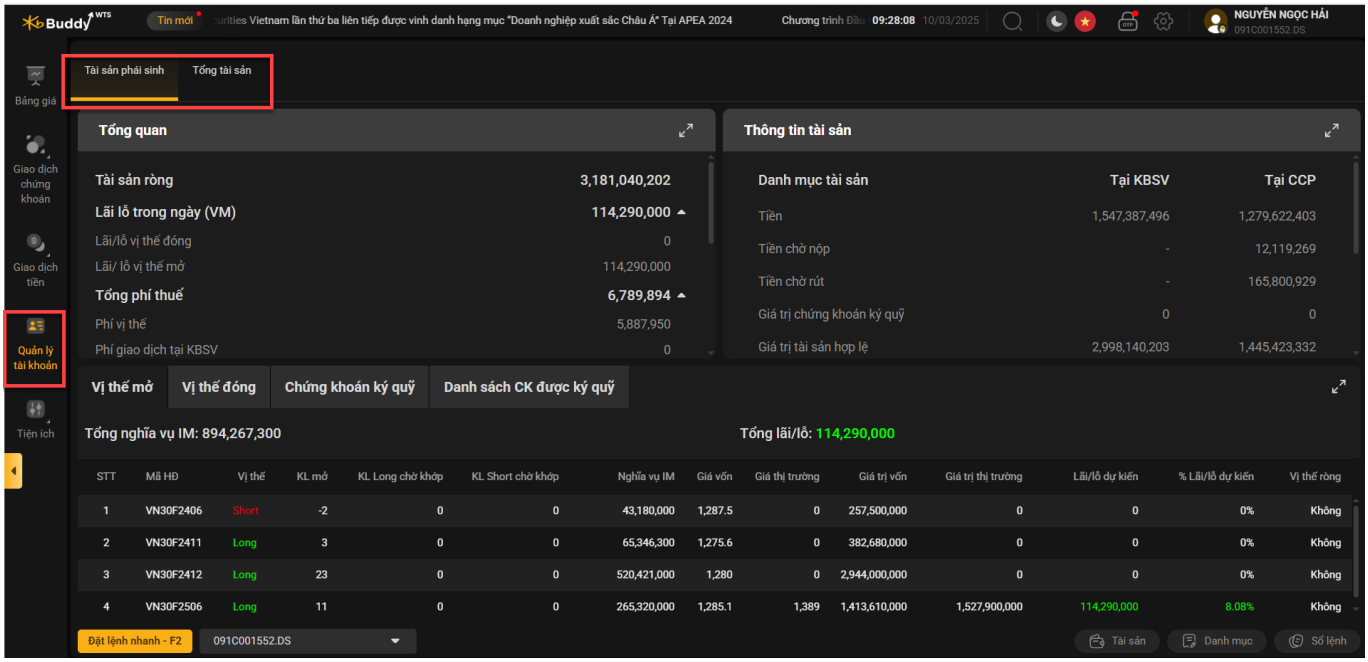

1. Tài sản phái sinh

Tại thanh mục **Quản lý tài khoản** phái sinh chọn tab **Tài sản phái sinh**, màn hình **Chi tiết tài sản phái sinh** gồm các tab nhỏ: **Tổng quan; Thông tin tài sản; Vị thế mở; Vị thế đóng; Chứng khoán ký quỹ; Danh sách CK được ký quỹ**

Quay về mục lục

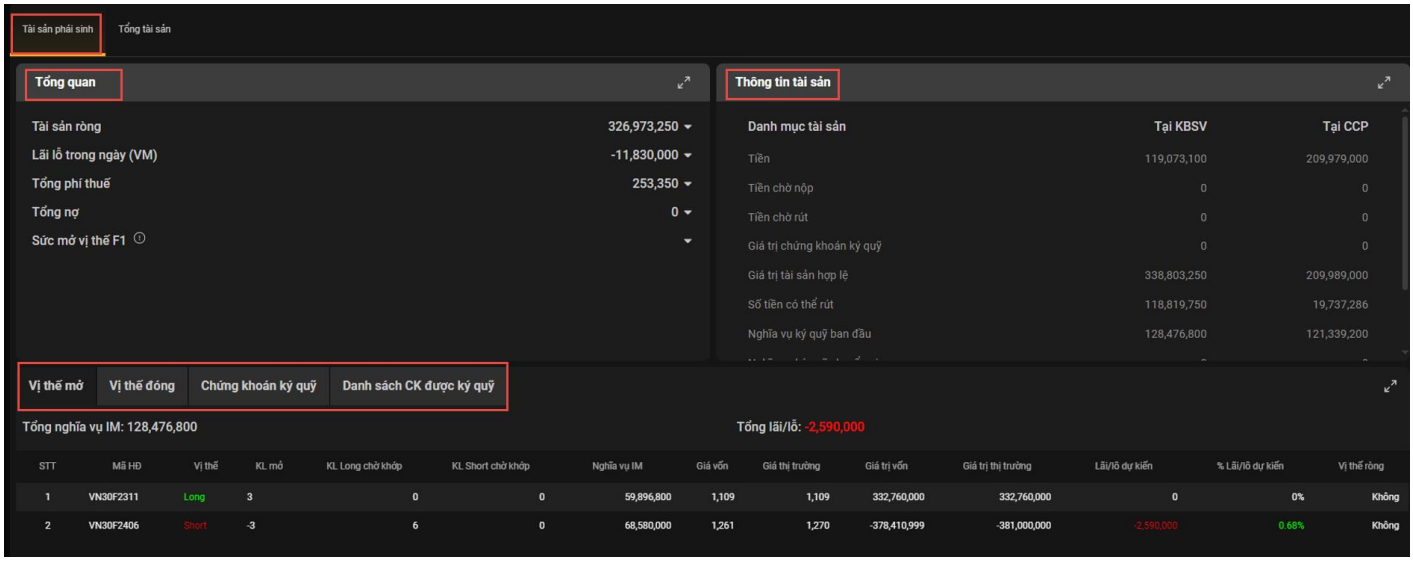

1.1. Tổng quan

- Tại tab **Tài sản phái sinh/ Tổng quan** nhấn vào biểu tượng mở to cửa sổ màn hình:

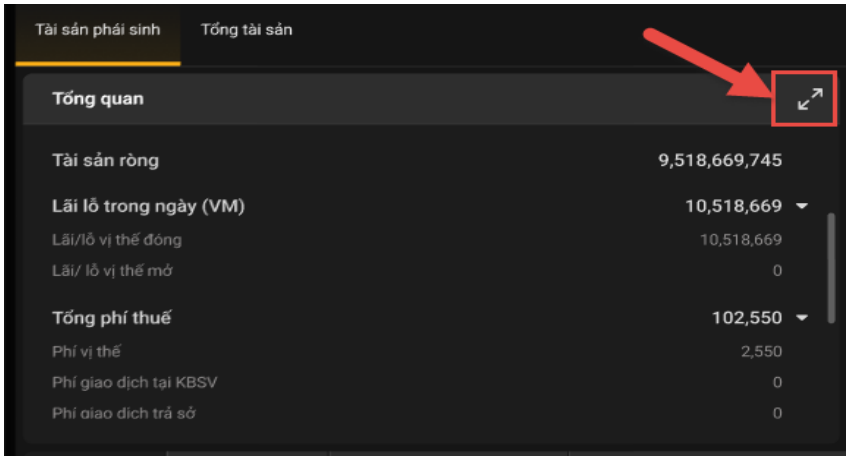

- Màn hình **Tổng quan** về tài khoản phái sinh hiển thị toàn bộ thông tin tổng quan của tài khoản phái sinh gồm các mục chi tiết:
  - ✓ Tài sản ròng
  - ✓ Lãi lỗ trong ngày (VM_
  - ✓ Tổng phí thuế
  - ✓ Tổng nợ
  - ✓ Sức mở vị thế

Quay về mục lục

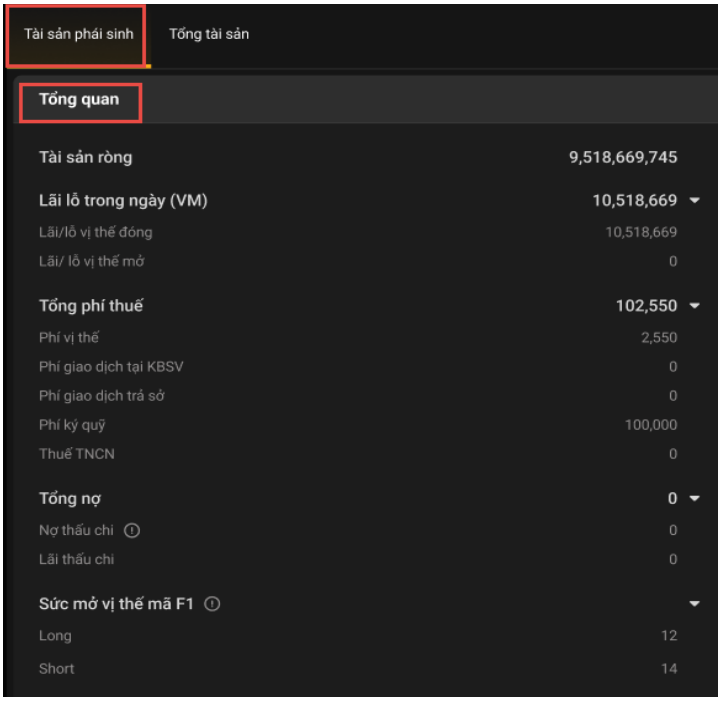

1.2. Thông tin tài sản

- Tại tab **Tài sản phái sinh/ Thông tin tài sản** nhấn vào biểu tượng mở to cửa sổ màn hình:

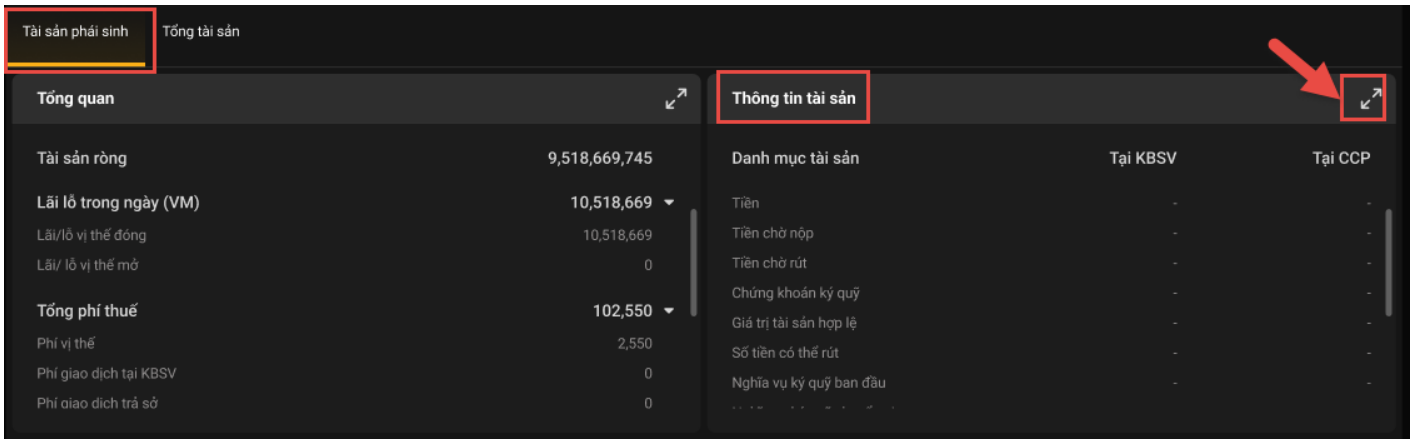

- Màn hình **Thông tin tài sản** của tài khoản phái sinh hiển thị toàn bộ thông tin về tài sản phái sinh của khách hàng tại KBSV và tại CCP gồm các danh mục tài sản:
  - ✓ Tiền
  - ✓ Tiền chờ nộp/rút ký quỹ
  - ✓ Giá trị chứng khoán ký quỹ
  - ✓ Giá trị tài sản hợp lệ
  - ✓ Nghĩa vụ ký quỹ
  - ✓ Số tiền có thể rút
  - ✓ Tỷ lệ thực tế tài khoản
  - ✓ Trạng thái tài khoản
  - ✓ Giá trị tiền cần bổ sung

Quay về mục lục

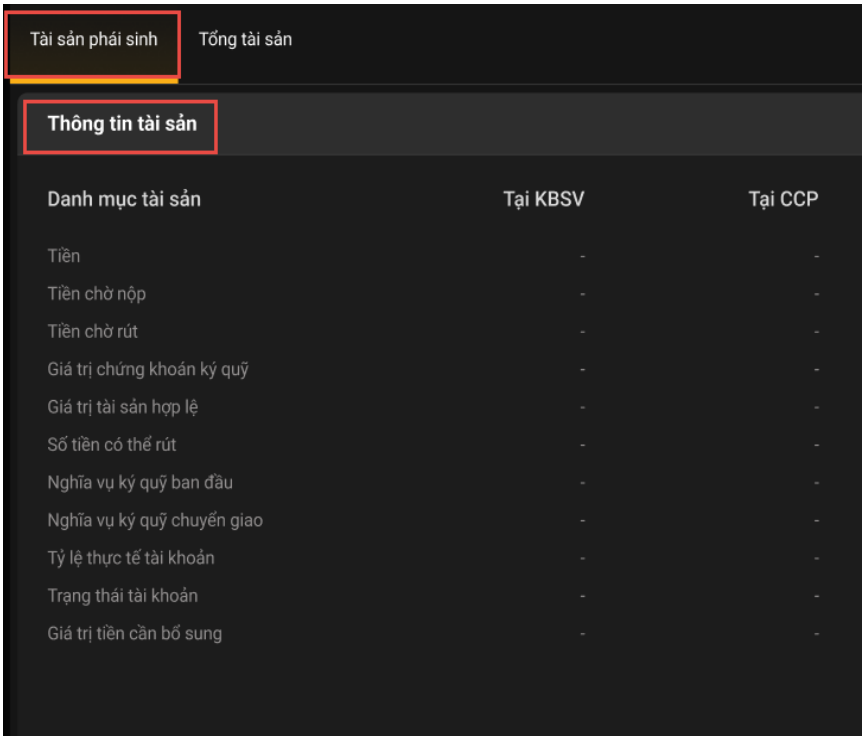

1.3. Vị thế mở

Tại tab **Tài sản phái sinh/ Vị thế mở** nhấn vào biểu tượng mở to cửa sổ màn hình

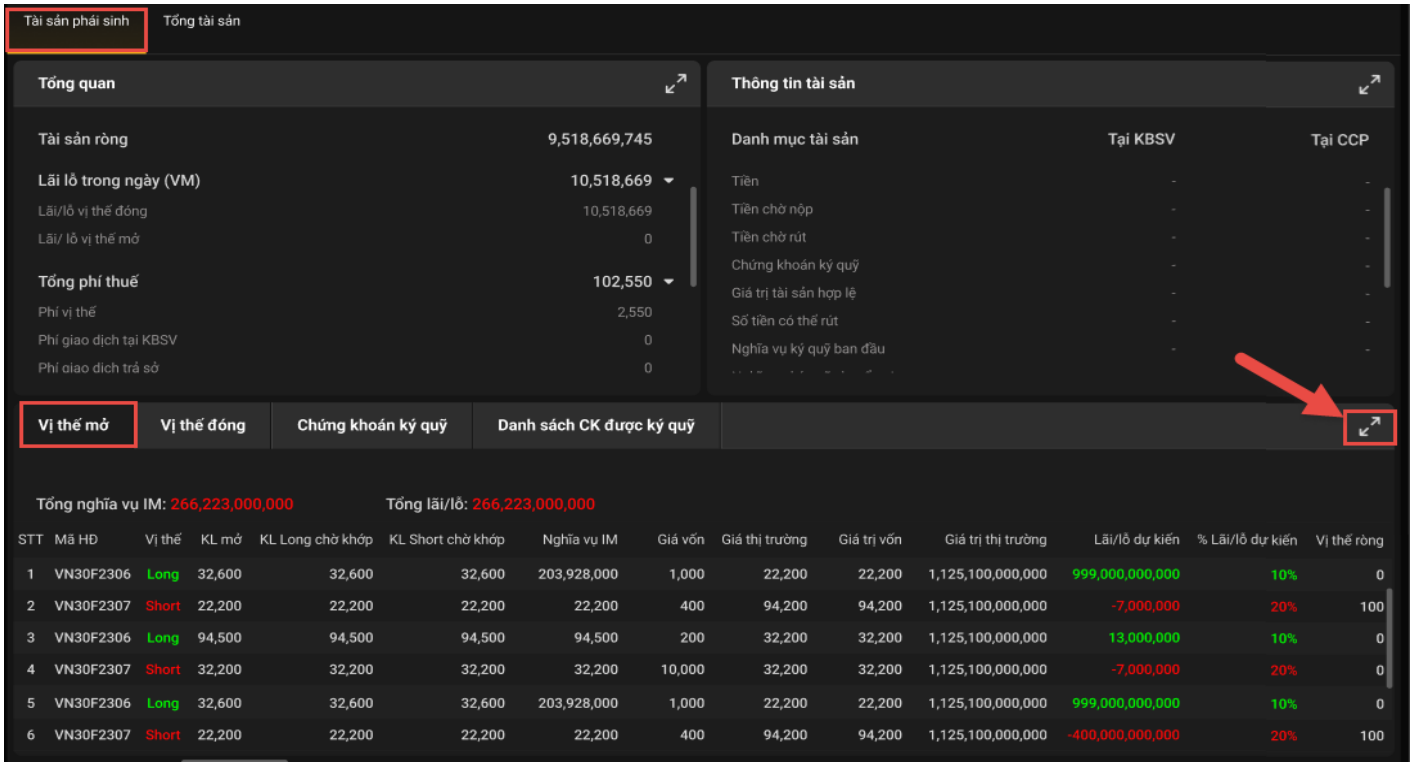

Màn hình **Vị thế mở** là màn hình tập hợp những vị thế hiện tại đang mở của tiểu khoản phái sinh theo từng mã:

Quay về mục lục

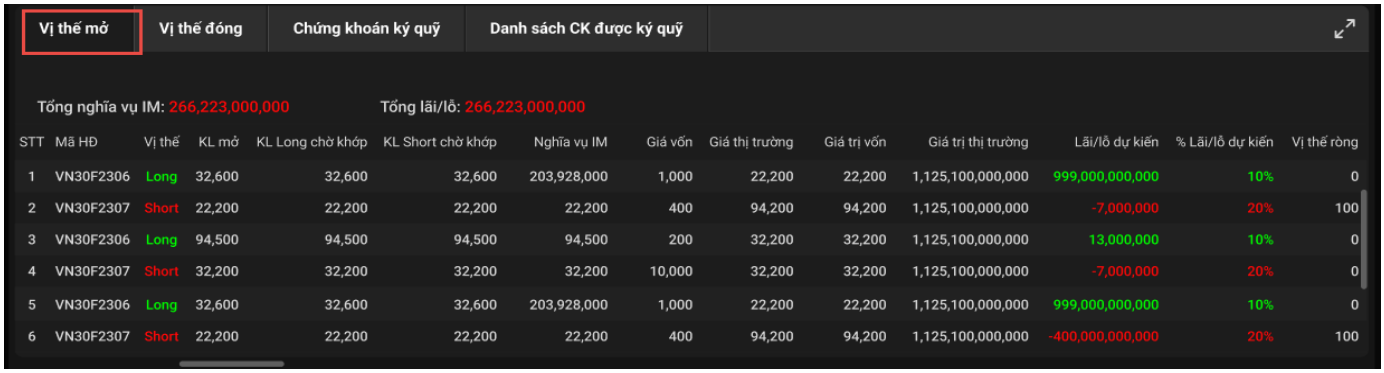

STT	Mã HĐ	Vị thế	KL mở	KL Long chờ khớp	KL Short chờ khớp	Nghĩa vụ IM	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị thị trường	Lãi/lỗ dự kiến	% Lãi/lỗ dự kiến	Vị thế ròng
1	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
2	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-7,000,000	20%	100
3	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	13,000,000	10%	0
4	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-7,000,000	20%	0
5	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
6	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100

Thông tin vị thế hiển thị trên màn hình **Danh mục vị thế mở** gồm:

- ✓ Mã: mã phái sinh
- ✓ Vị thế: Long/ Short
- ✓ Khối lượng mở: khối lượng vị thế đang mở
- ✓ Nghĩa vụ IM
- ✓ Giá vốn: giá mở vị thế
- ✓ Giá trị vốn
- ✓ Giá thị trường
- ✓ Lãi/lỗ sự kiến: Lãi/ lỗ của các vị thế đang mở theo giá realtime
- ✓ % Lãi lỗ dự kiễn: % Lãi/ lỗ của các vị thế đang mở theo giá realtime
- ✓ Vị thế ròng

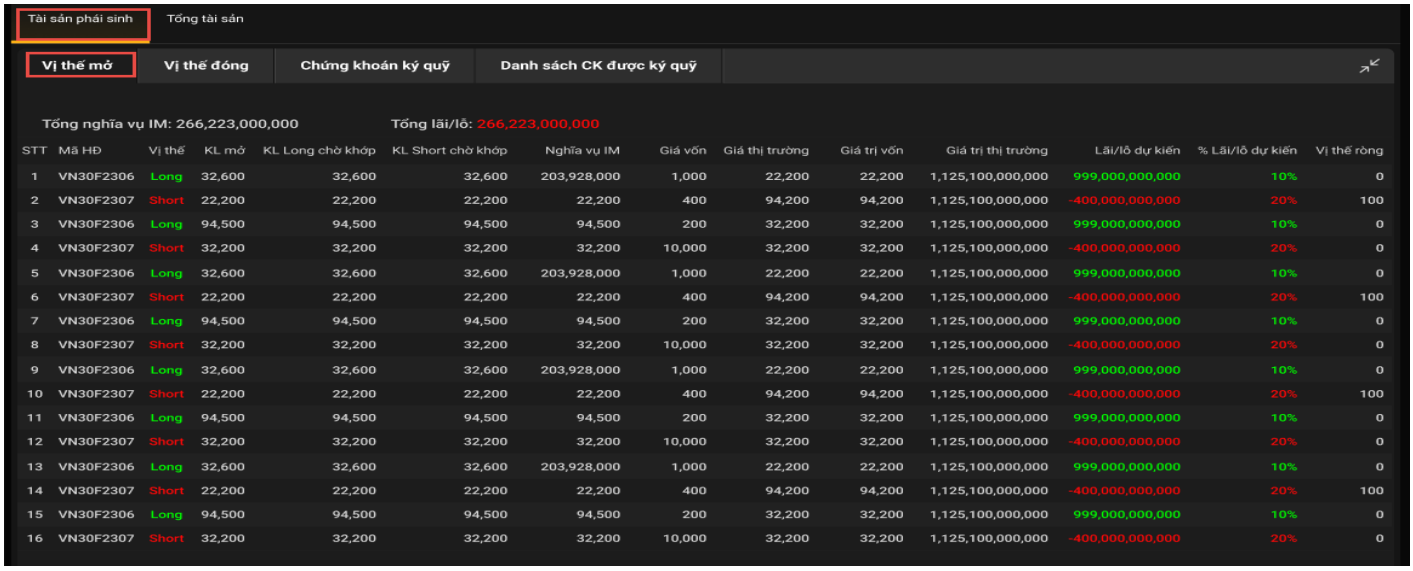

STT	Mã HĐ	Vị thế	KL mở	KL Long chờ khớp	KL Short chờ khớp	Nghĩa vụ IM	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị thị trường	Lãi/lỗ dự kiến	% Lãi/lỗ dự kiến	Vị thế ròng
1	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
2	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100
3	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
4	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	0
5	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
6	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100
7	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
8	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	0
9	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
10	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100
11	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
12	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	0
13	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
14	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100
15	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
16	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	0

❖ Đóng vị thế

Tại màn hình **Vị thế mở,** tại mỗi dòng vị thể mở vuốt sang trái sẽ xuất hiện nút **Đóng** vị thế

STT	Mã HĐ	Vị thế	KL mở	KL Long chờ khớp	KL Short chờ khớp	Nghĩa vụ IM	Giá vốn	Giá thị trường	Giá trị vốn	Giá trị thị trường	Lãi/lỗ dự kiến	% Lãi/lỗ dự kiến	Vị thế ròng
1	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
2	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-7,000,000	20%	100
3	VN30F2306	Long	94,500	94,500	94,500	94,500	200	32,200	32,200	1,125,100,000,000	13,000,000	10%	0
4	VN30F2307	Short	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	32,200	32,200	1,125,100,000,000	-7,000,000	20%	0
5	VN30F2306	Long	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	22,200	22,200	1,125,100,000,000	999,000,000,000	10%	0
6	VN30F2307	Short	22,200	22,200	22,200	22,200	400	94,200	94,200	1,125,100,000,000	-400,000,000,000	20%	100

Quay về mục lục

Các bước **Đóng vị thế**:

- Bước 1: Chọn vị thế muốn đóng vuốt sang trái xuất hiện nút **Đóng**
- Bước 2: Nhấn nút **Đóng** chuyển sang màn hình **Xác nhận lệnh đóng vị thế**
- Bước 3: Nhập xác thực và nhấn nút **Xác nhận**
- Bước 4: Lệnh đóng thành công trả ra thông báo:

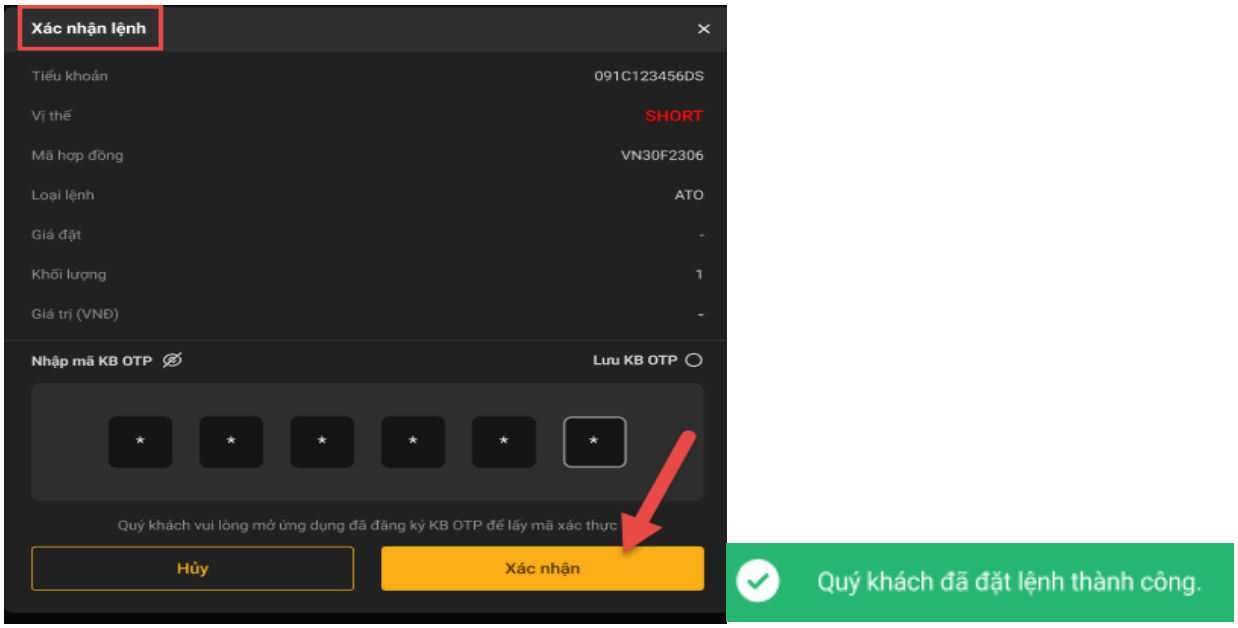

1.4. Vị thế đóng

Tại tab **Tài sản phái sinh/ Vị thế đóng** Màn hình V**ị thế đóng** là màn hình thông tin chi tiết các vị thế đã đóng trong ngày của tiểu khoản phái sinh.

STT	Mã HĐ	KL đóng	Giá Long	Giá Short	Lãi/lỗ đóng
1	VN30F2306	32,600	32,600	203,928,000	13,000,000
2	VN30F2307	22,200	22,200	22,200	-4,000,000
3	VN30F2306	94,500	94,500	94,500	13,000,000
4	VN30F2307	32,200	32,200	32,200	-4,000,000
5	VN30F2306	32,600	32,600	203,928,000	13,000,000
6	VN30F2307	22,200	22,200	22,200	-4,000,000

1.5. Chứng khoán ký quỹ

Tại tab **Tài sản phái sinh/ Chứng khoán ký quỹ.** Màn hình **Chứng khoán ký quỹ** là màn hình thông tin chi tiết các chứng khoán ký quỹ của tiểu khoản phái sinh.

Quay về mục lục

STT	Mã	KL giao dịch	KL chờ nộp	KL chờ rút	Giá thị trường	Giá tính ký quỹ	Giá trị thị trường	Tỷ lệ ký quỹ giảm trừ
1	VN30F2306	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	0	13,000,000
2	VN30F2307	22,200	22,200	22,200	22,200	400	100	100
3	VN30F2306	94,500	94,500	94,500	94,500	200	0	0
4	VN30F2307	32,200	32,200	32,200	32,200	10,000	0	0
5	VN30F2306	32,600	32,600	32,600	203,928,000	1,000	0	13,000,000
6	VN30F2307	22,200	22,200	22,200	22,200	400	100	100

1.6. Danh sách CK được ký quỹ

Tại tab **Tài sản phái sinh/ Danh sách CK được ký quỹ.** Màn hình **Danh sách CK được ký quỹ** là màn hình thông tin chi tiết các mã chứng khoán được phép ký quỹ, tỷ lệ ký quỹ của từng mã chứng khoán.

Mã CK	Tỷ lệ giảm trừ (%)	Giá thị trường	Giá tối đa	Giá tính tài sản
ACB	6.2%	203,928,000	1,000	0
BID	1.2%	22,200	400	100
MSN	1.4%	94,500	200	0
VCB	2.6%	32,200	10,000	0
ACB	6.2%	203,928,000	1,000	0
BID	1.2%	22,200	400	100
MSN	1.4%	94,500	200	0
VCB	2.6%	32,200	10,000	0

2. Tổng tài sản

Tại mục **Quản lý tài khoản** phái sinh khách hàng chọn **Tổng tài sản**

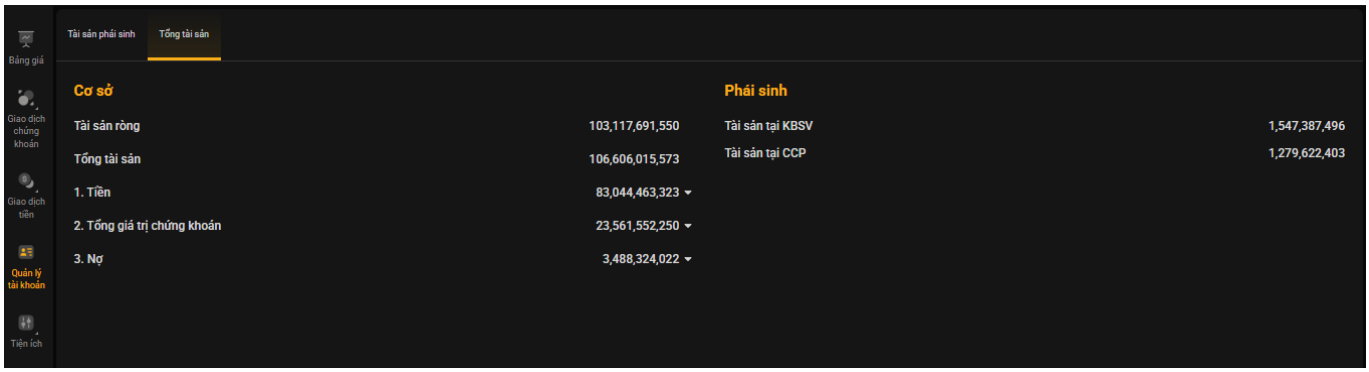

Tổng tài sản là màn hình thể hiện tất cả tài sản trên tài khoản của khách hàng (Tổng tài sản của tất cả các tiểu khoản):

- Tài sản trên các tiểu khoản chứng khoán cơ sở
- Tài sản trên các tiểu khoản chứng khoán phái sinh

Quay về mục lục

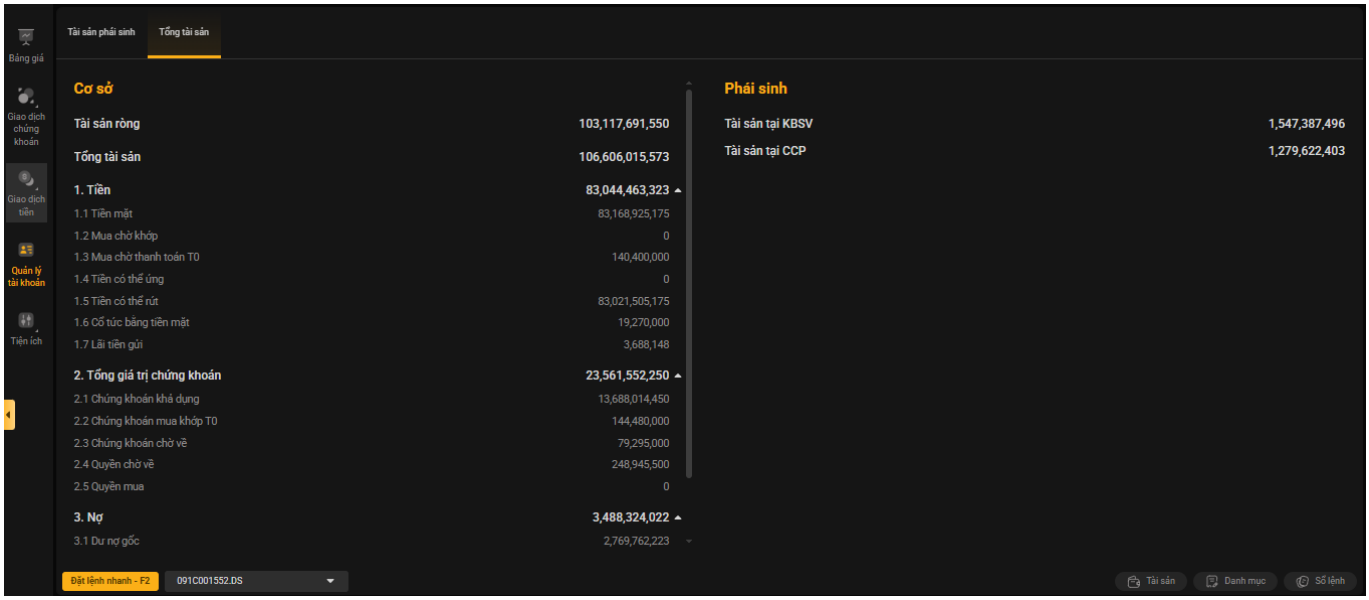

IV. Tiện ích

1. Đăng ký sản phẩm

Tại mục **Tiện ích** khách hàng chọn **Đăng ký sản phẩm** màn hình đăng ký sản phẩm gồm **Đăng ký sản phẩm** và **Lịch sử** đăng ký sản phẩm

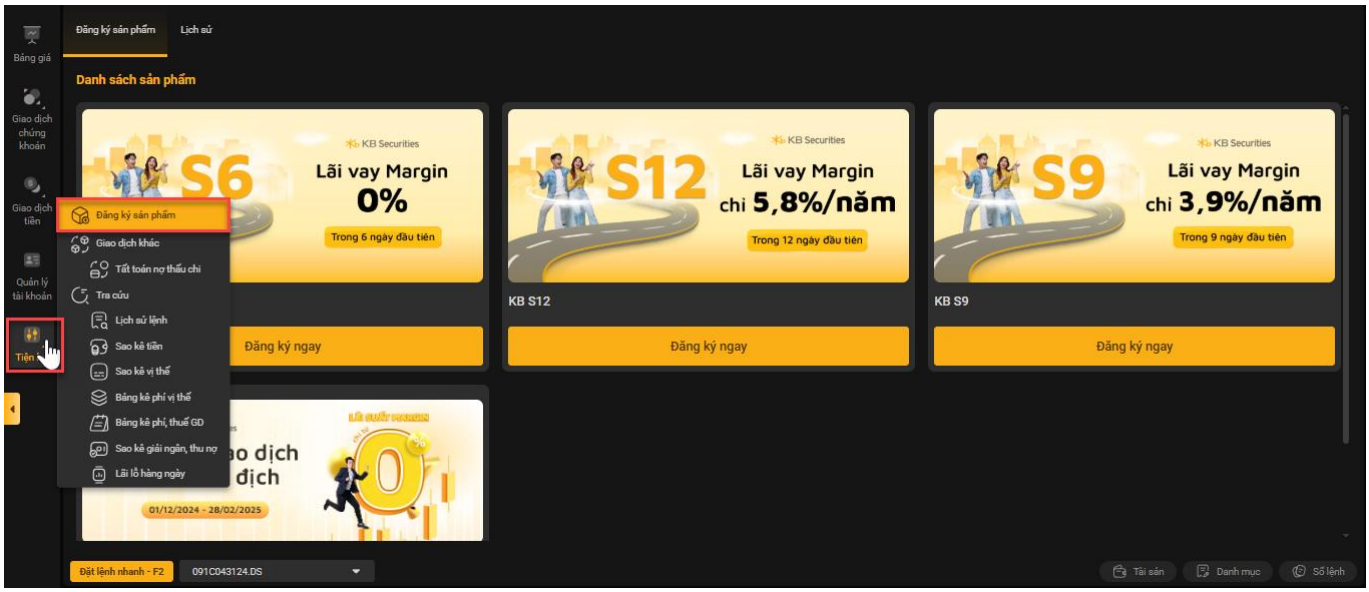

1.1. Đăng ký sản phẩm

Tại màn hình **Danh sách sản phẩm,** Khách Hàng có thể đăng ký online các sản phẩm của KBSV:

Quay về mục lục

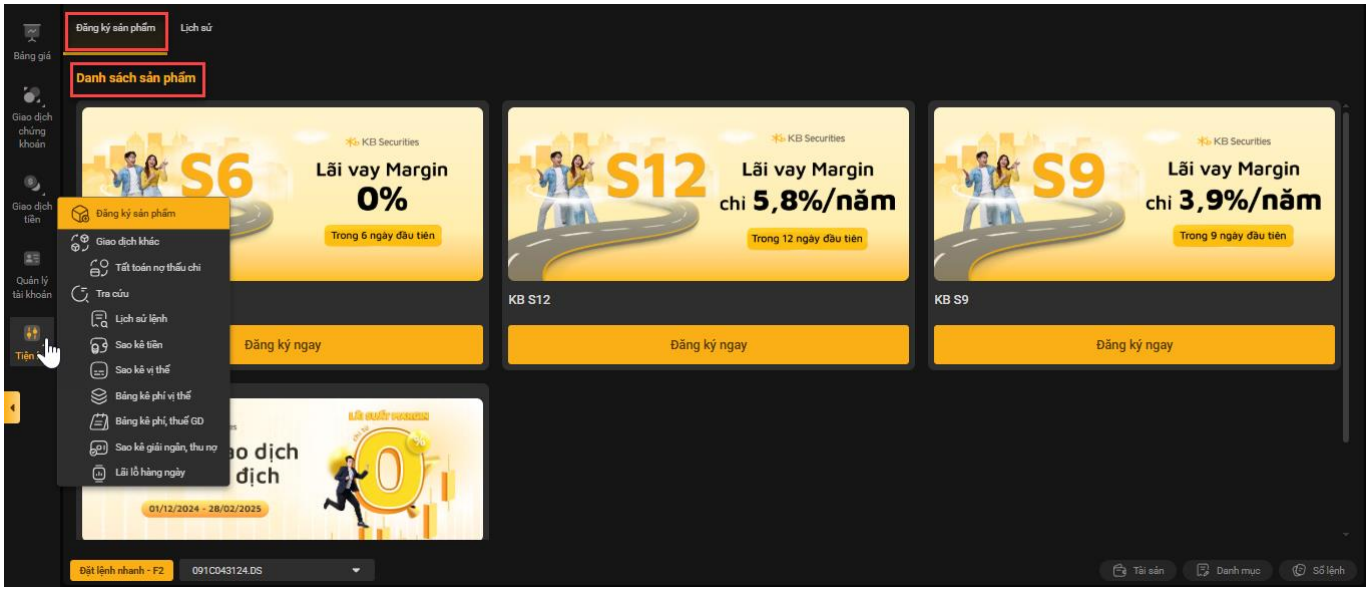

Nhấn vào từng sản phẩm chuyển qua màn hình chi tiết thông tin về sản phẩm.

Để đăng ký các sản phẩm khác Khách hàng thực hiện các thao tác:

- Bước 1: Chọn nút **Đăng ký ngay** tại phía dưới từng sản phẩm chuyển sang ần hình xác thực đăng ký sản phẩm
- Bước 2: Tick chọn "Tôi xác nhận đã đọc và đồng ý với các quy định và điều kiệ của sản phẩm",
- Bước 3: Nhập thông tin xác thực đăng ký sản phẩm

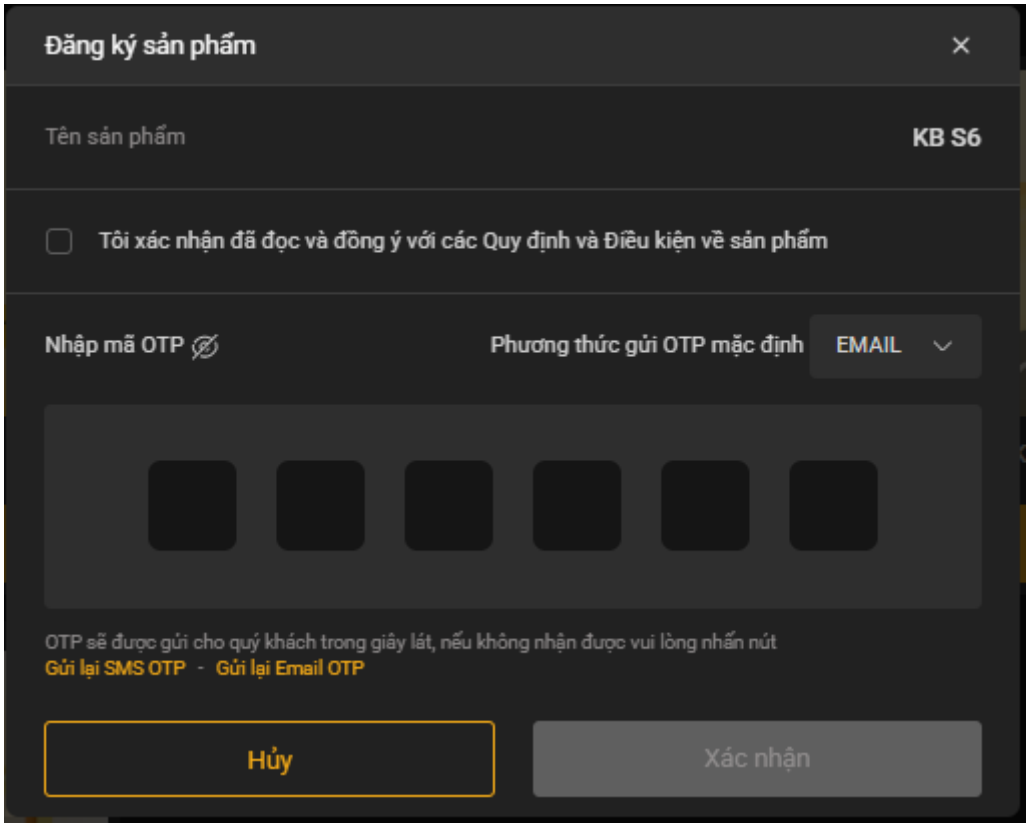

Quay về mục lục

- Bước 4: Nhấn nút **Xác nhận** để hoàn tất đăng ký sản phẩm, đăng ký sản phẩm thành công hệ thống trả ra thông báo:

1.2. Lịch sử đăng ký sản phẩm

Để xem Lịch sử đăng ký sản phẩm, khách hàng chọn tab **Lịch sử.**

Màn hình lịch sử đăng ký sản phẩm gồm: **Đã đăng ký** và **Đã hủy**

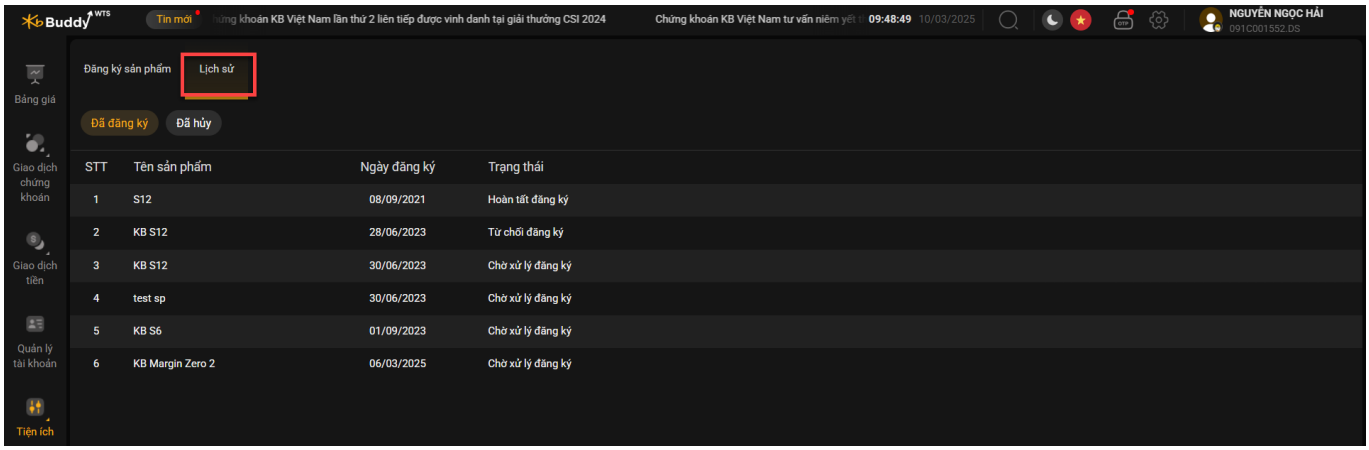

- **Đã đăng ký** là danh sách sản phẩm khách hàng đãđđăng ký và còn hiệu lực. Tại màn hình này khách hàng có thể **Hủy đăng ký** sản phẩm đã đăng ký và còn hiệu lực

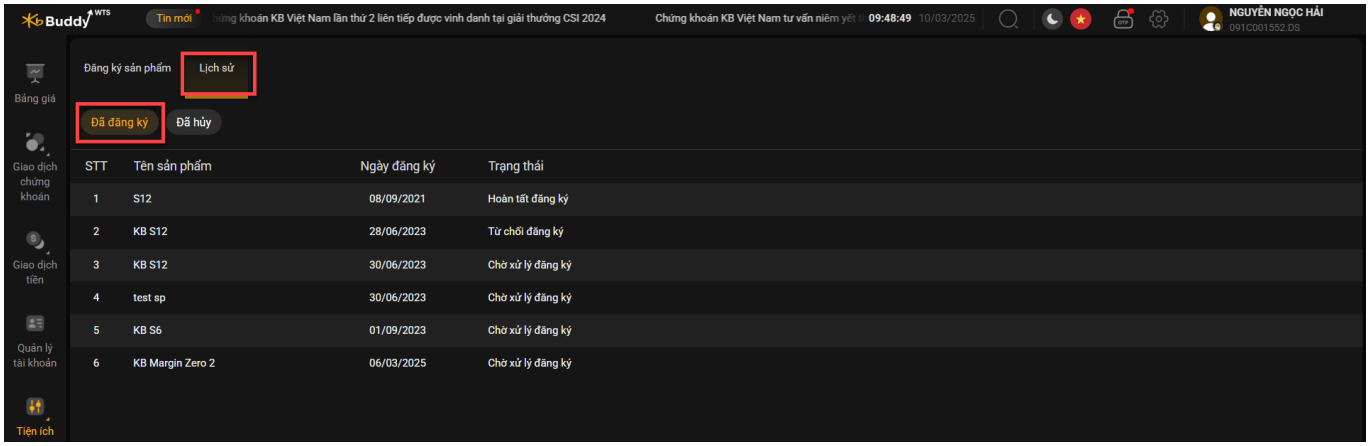

- **Hủy đăng ký sản phẩm**

Hủy đăng ký sản phẩm khách hàng thực hiện theo các bước:

- Bước 1: Tại màn hình **Lịch sử/ Đã đăng ký,** khách hàng chọn sản phẩm muốn Hủy đăng ký sản phẩm
- Bước 2: Nhấn vào nút **Hủy đăng ký** của sản phẩm:

Quay về mục lục

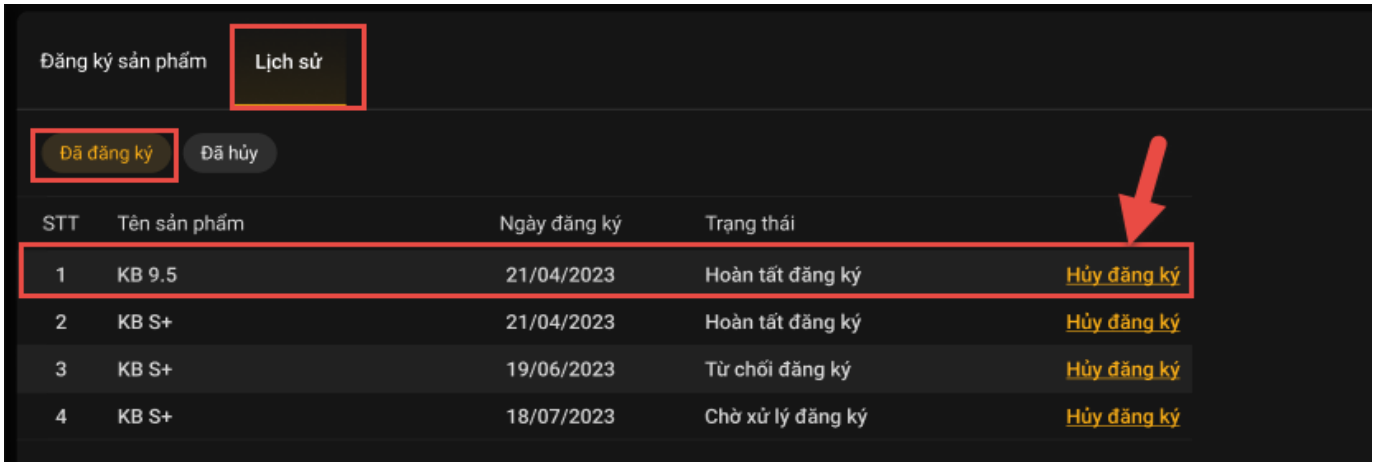

- Bước 3: Thực hiện xác thực hủy sản phẩm:
- Bước 4: Hủy đăng ký sản phẩm thành công màn hình hiện thông báo:

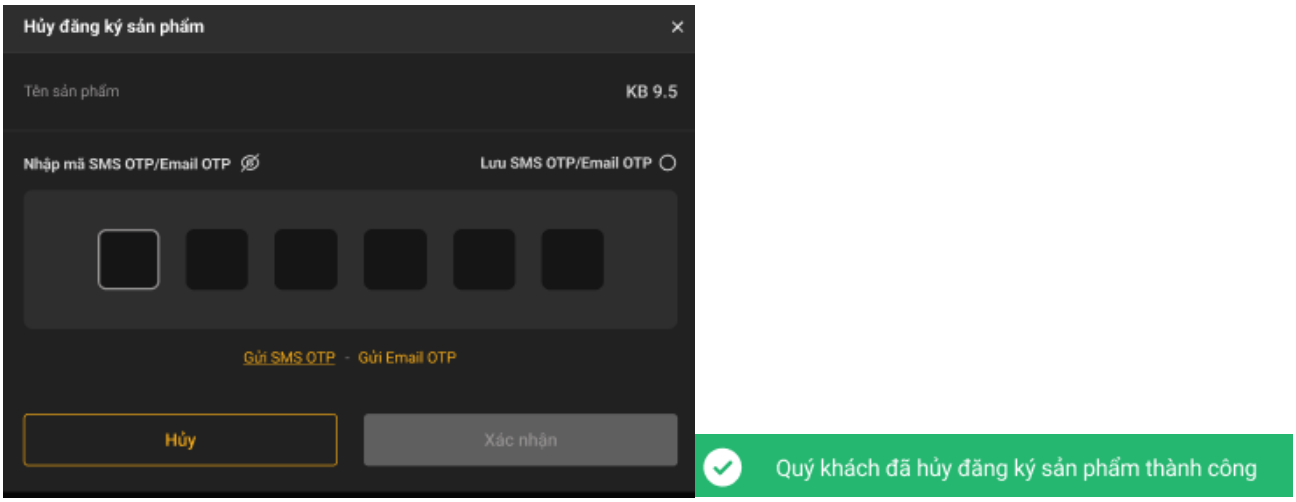

- **Đã hủy** là màn hình thông tin, trạng thái sản phẩm khách hàng đã hủy đăng ký

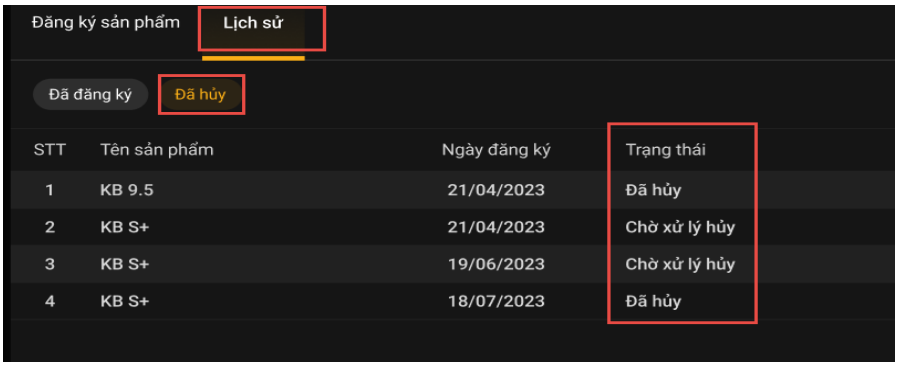

- Trạng thái **Đã hủy:** sản phẩm khách hàng đã hủy thành công
- Trạng thái **Chờ xử lý hủy:** Sản phẩm đang chờ xác nhận hủy từ hệ thống

2. Tất toán nợ thấu chi

Tại màn hình **Tiện ích** chọn mục **Giao dịch khác/ Tất toán nợ thấu chi**

Quay về mục lục

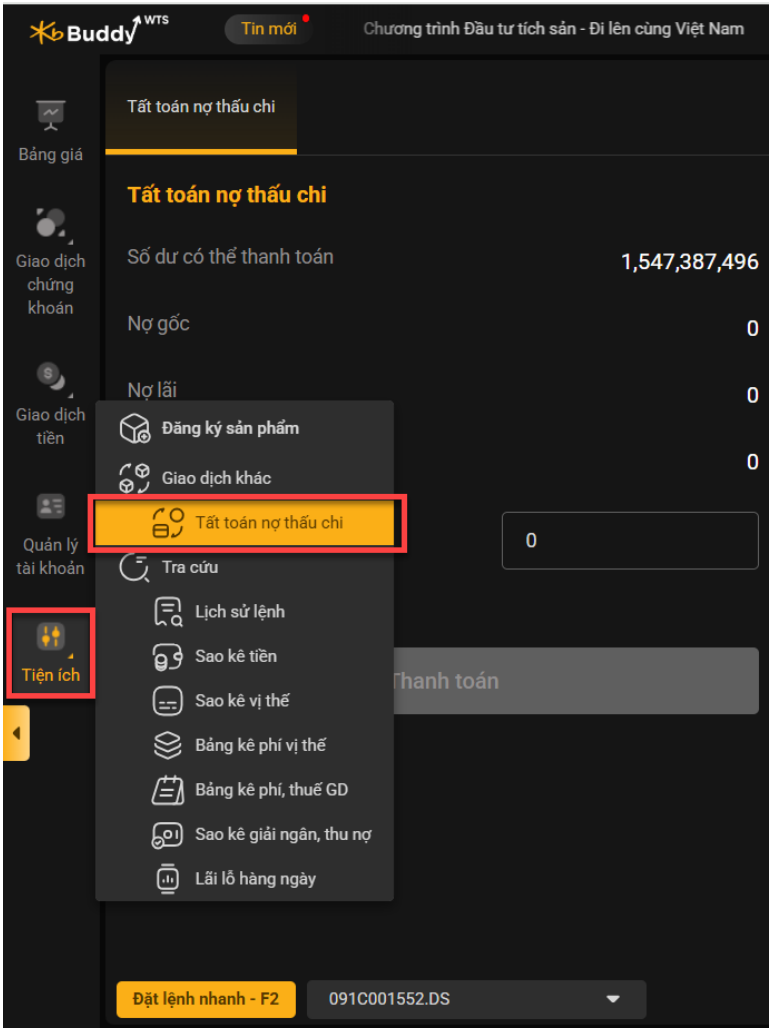

Màn hình **Tất toán nợ thấu chi** gồm: **Tất toán nợ thấu chi** và **Lịch sử tất toán nợ thấu chi**

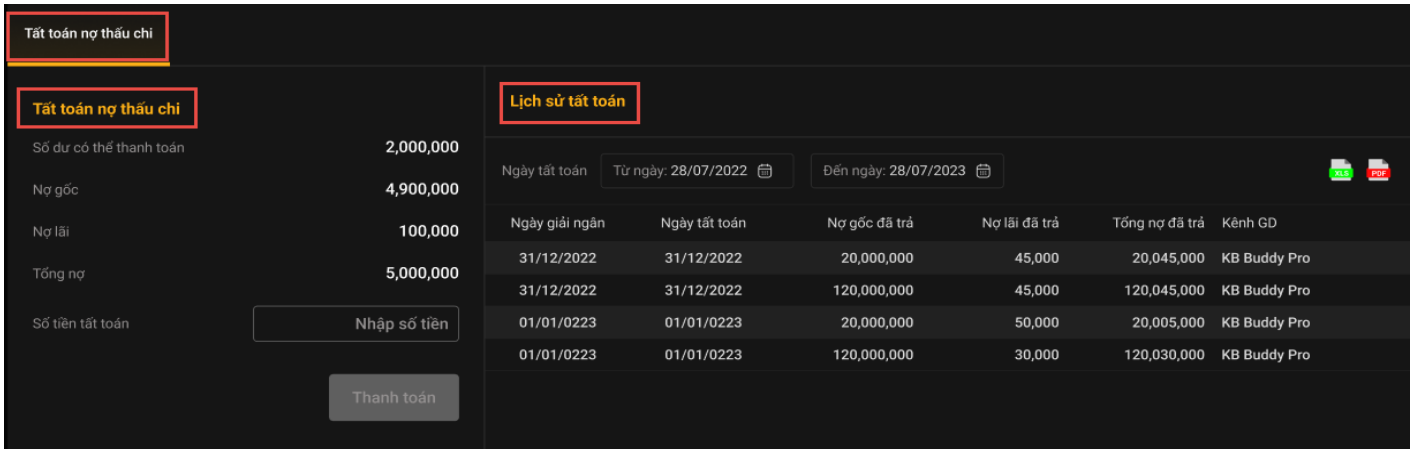

2.1. Tất toán nợ thấu chi

Các bước **Tất toán nợ thấu chi:**

- Bước 1: Tại màn hình **Tất toán nợ thấu chi** nhập số tiền muốn trả nợ thấu chi
- Bước 2: Nhấn nút **Thanh Toán** chuyển sang màn hình **Xác nhận tất toán nợ thấu chi**

Quay về mục lục

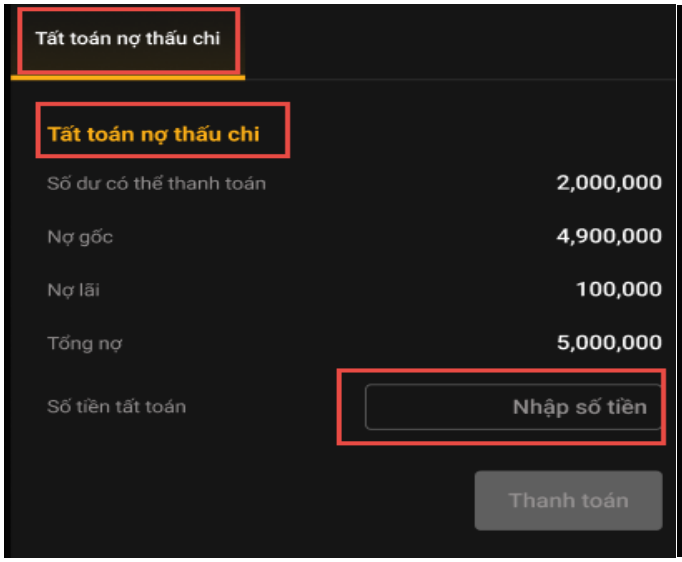

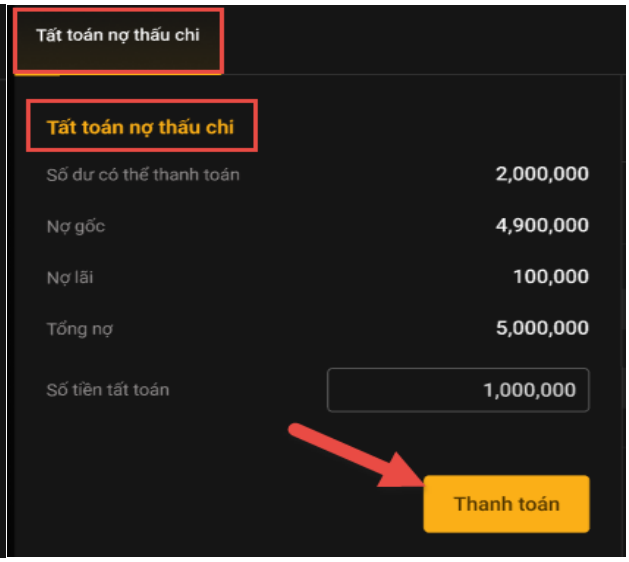

- Bước 3: Nhập xác thực và nhấn nút **Tiếp tục**
- Bước 4: Tất toán nợ thấu chi thành công trả ra thông báo:

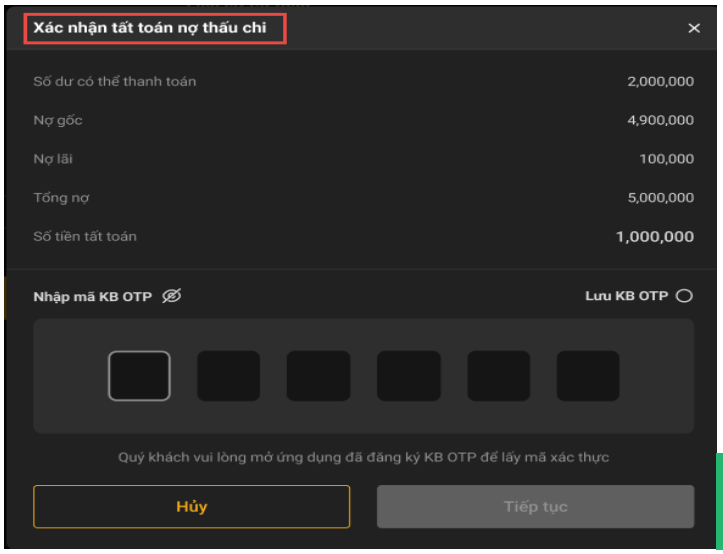

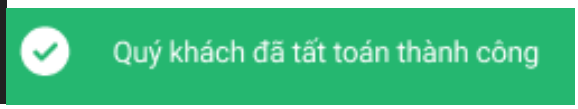

3. Tra cứu

Tại màn hình **Tiện ích** của tiểu khoản phái sinh chọn mục **Tra cứu**

Quay về mục lục

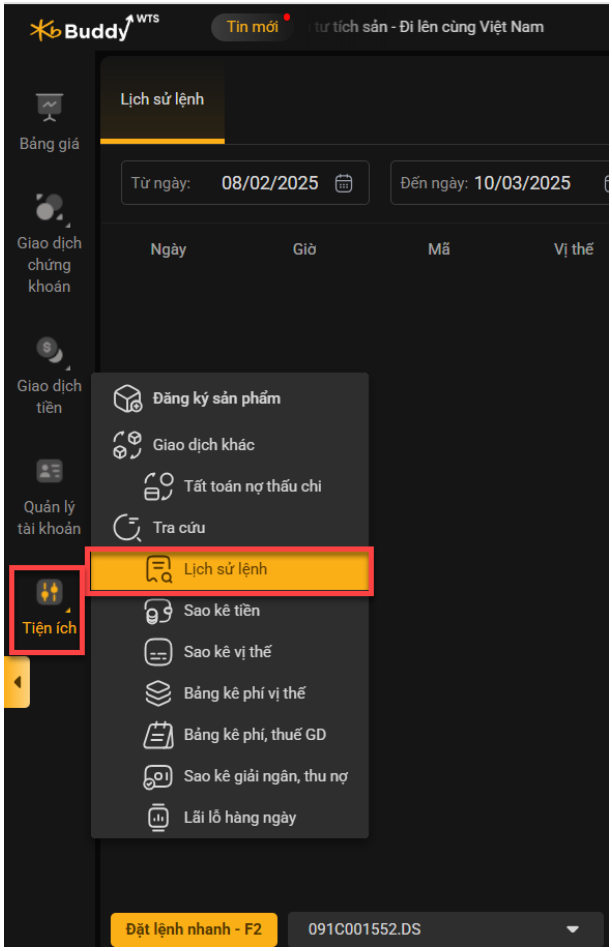

Mục **Tra cứu** gồm các mục nhỏ: **Lịch sử lệnh; Sao kê tiền; Sao kê vị thế; Bảng kê phí, thuế GD; Bảng kê phí vị thế; Sao kê giải ngân thu nợ; Lãi lỗ hàng ngày**

3.1. Lịch sử lệnh

Tại màn hình **Tiện ích,** mục **Tra cứu** chọn **Lịch sử lệnh**, màn hình **Lịch sử lệnh:**

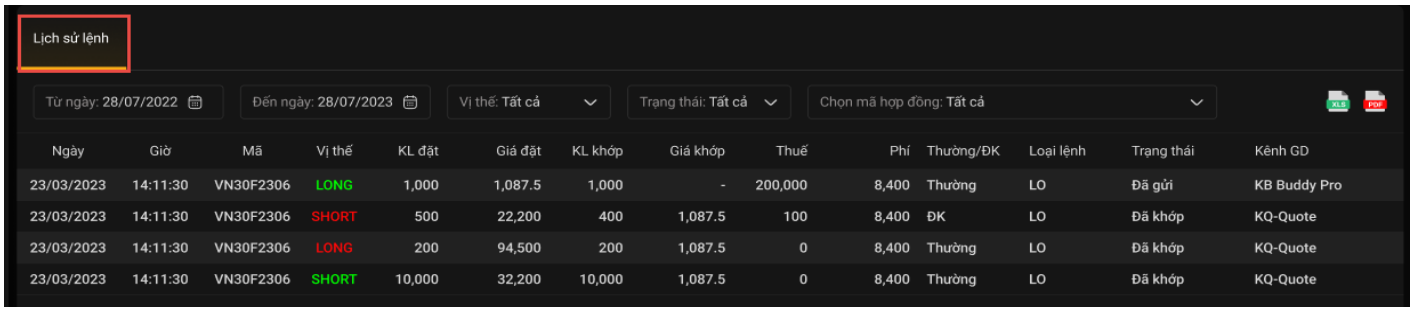

Ngày	Giờ	Mã	Vị thế	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp	Thuế	Phí	Thường/ĐK	Loại lệnh	Trạng thái	Kênh GD
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	LONG	1,000	1,087.5	1,000	-	200,000	8,400	Thường	LO	Đã gửi	KB Buddy Pro
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	SHORT	500	22,200	400	1,087.5	100	8,400	ĐK	LO	Đã khớp	KQ-Quote
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	LONG	200	94,500	200	1,087.5	0	8,400	Thường	LO	Đã khớp	KQ-Quote
23/03/2023	14:11:30	VN30F2306	SHORT	10,000	32,200	10,000	1,087.5	0	8,400	Thường	LO	Đã khớp	KQ-Quote

Màn hình **Lịch sử lệnh** hiển thị dữ liệu lịch sử thông tin lệnh đặt. Khách hàng có thể tra cứu thông tinh lệnh đặt theo nhiều tiêu chí lọc: Thời gian; Vị thế; Trạng thái; mã hợp đồng.

Quay về mục lục

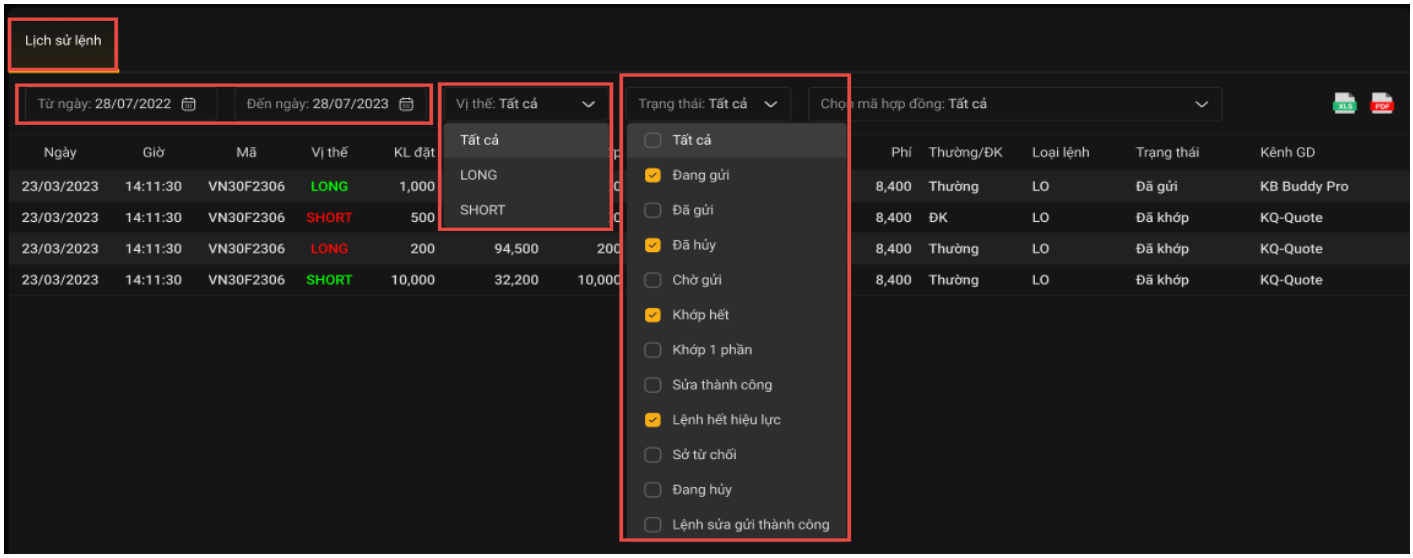

Sau khi chọn tiêu chí lọc màn hình thông tin **Lịch sử lệnh** hiển thị thông tin lệnh đã lọc theo tiêu chí:

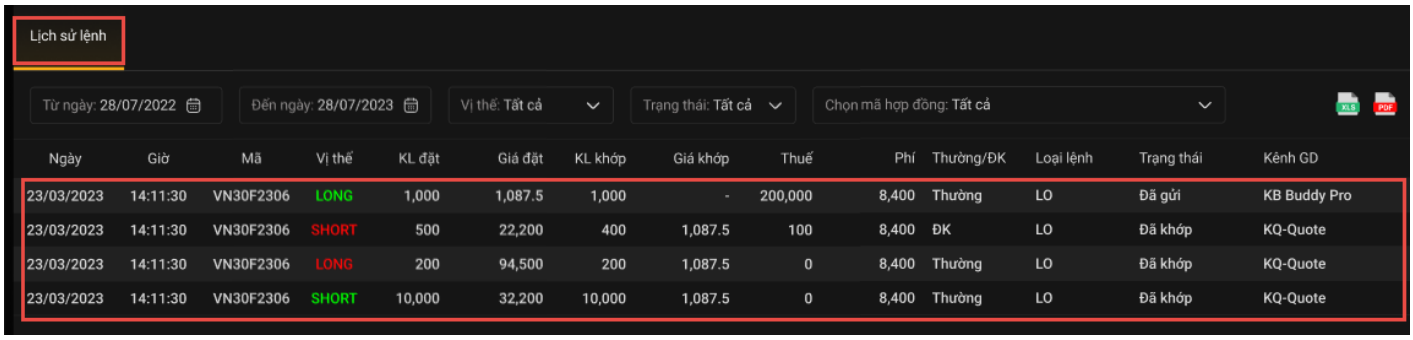

3.2. Sao kê tiền

Tại **Tiện ích,** mục **Tra cứu** chọn **Sao kê tiền,** màn hình **Sao kê tiền** gồm 02 tab: **Sao kê tiền TKGD** và **Sao kê tiền TKKQ(CCP)**

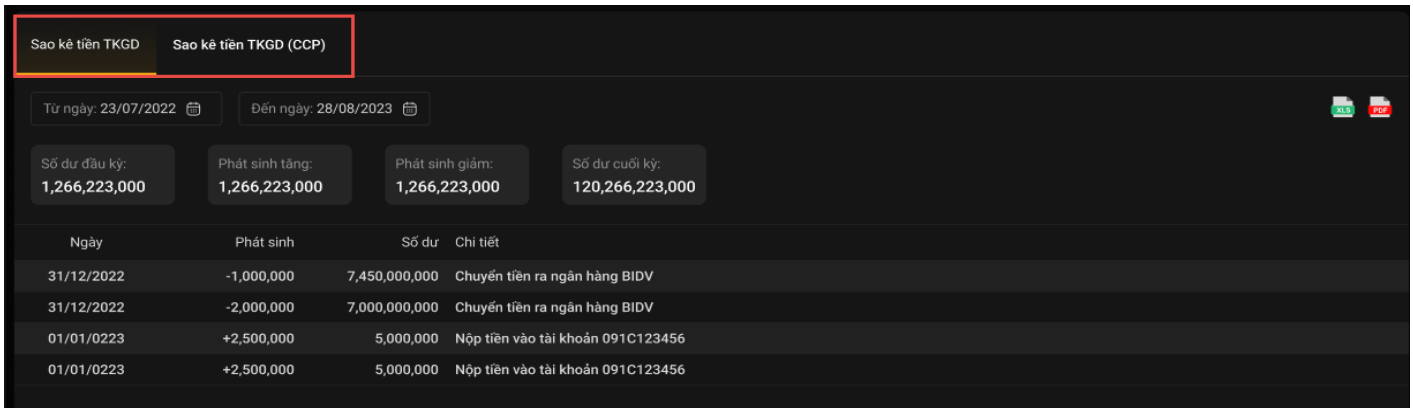

❖ **Sao kê tiền TKGD**

- Tại màn hình **Tiện ích,** mục **Tra cứu/Sao kê tiền** chọn tab **Sao kê tiền TKGD** màn hình **Sao kê tiền TKGD**

Quay về mục lục

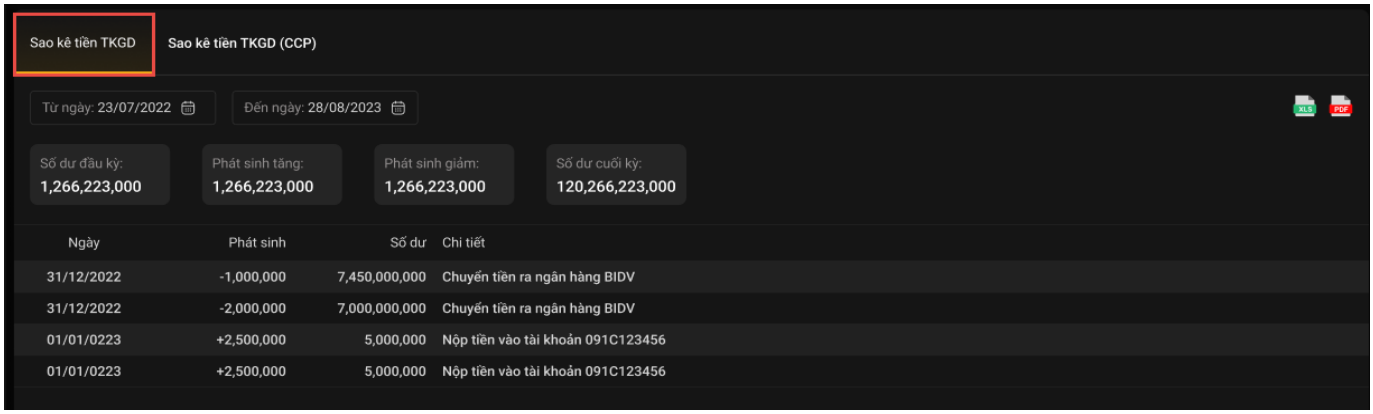

- Tại màn hình **Sao kê tiền TKGD** chọn thời gian sao kê.
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Sao kê tiền TKGD** hiển thị thông tin sao kê tiền trên tài khoản giao dịch phái sinh trong khoảng thời gian tìm kiếm

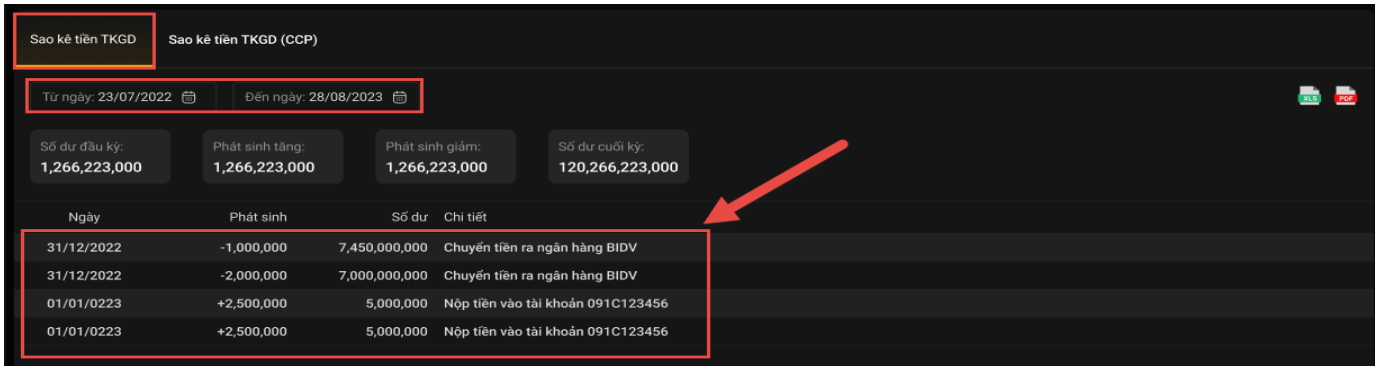

❖ **Sao kê tiền TKKQ (CCP)**

- Tại màn hình **Tiện ích,** mục **Tra cứu/Sao kê tiền** chọn tab **Sao kê tiền TKKQ(CCP)** màn hình **Sao kê tiền TKKQ(CCP)**

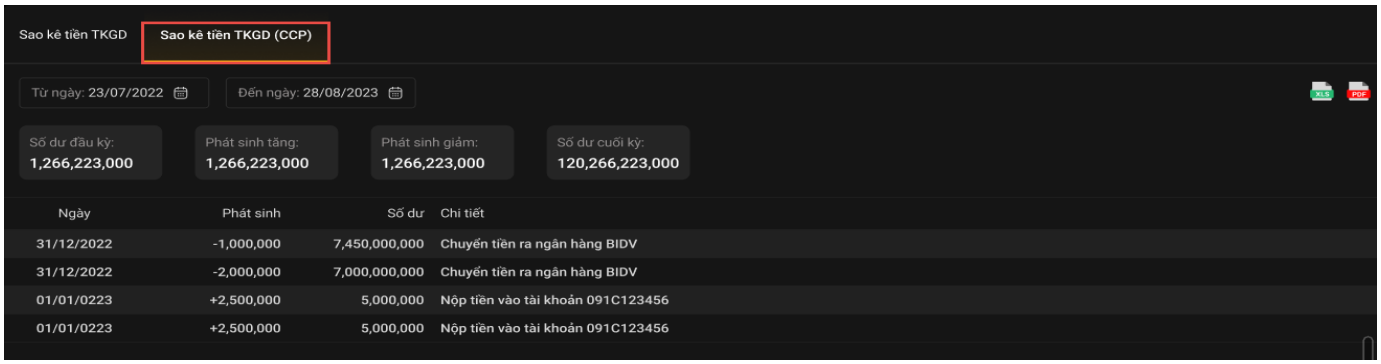

- Tại màn hình **Sao kê tiền TKKQ** chọn thời gian sao kê.
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Sao kê tiền TKKQ** hiển thị thông tin sao kê tiền trên tài khoản ký quỹ phái sinh trong khoảng thời gian tìm kiếm

Quay về mục lục

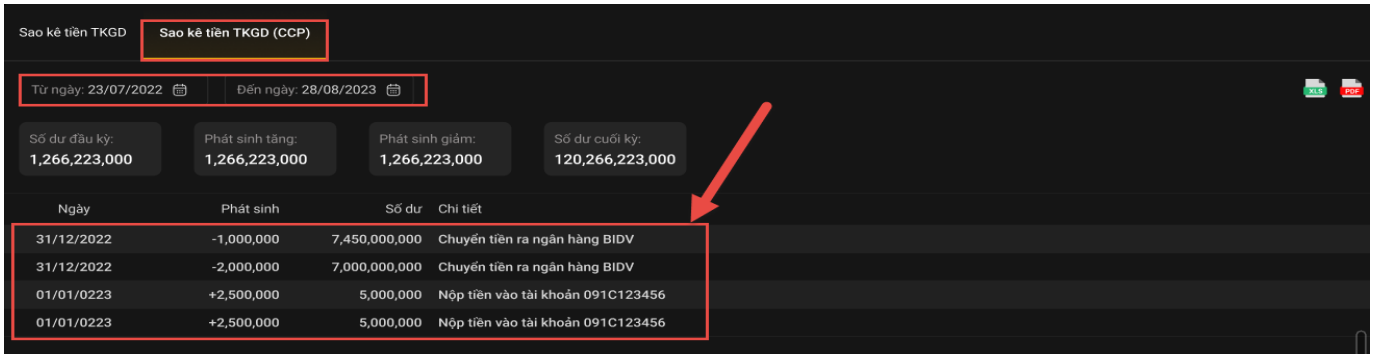

3.3. Sao kê vị thế

- Tại màn hình **Tiện ích,** mục **Tra cứu** chọn **Sao kê vị thế**, màn hình **Sao kê vị thế**

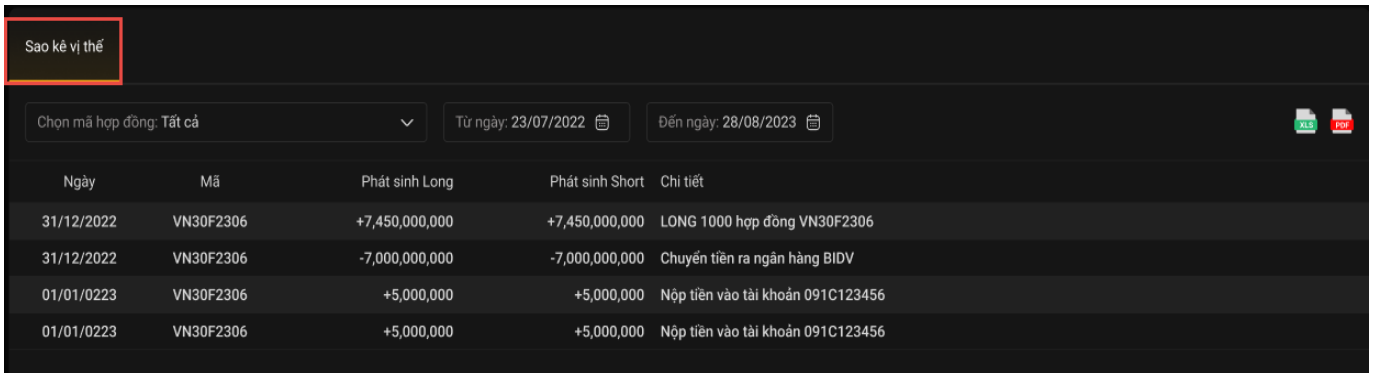

- Tại màn hình **Sao kê vị thế** chọn thời gian, mã hợp đồng
- Sau khi chọn thời gian, mã hợp đồng màn hình **Sao kê vị thế** hiển thị thông tin sao kê vị thế trên tài khoản giao dịch phái sinh theo tiêu chí tìm kiếm

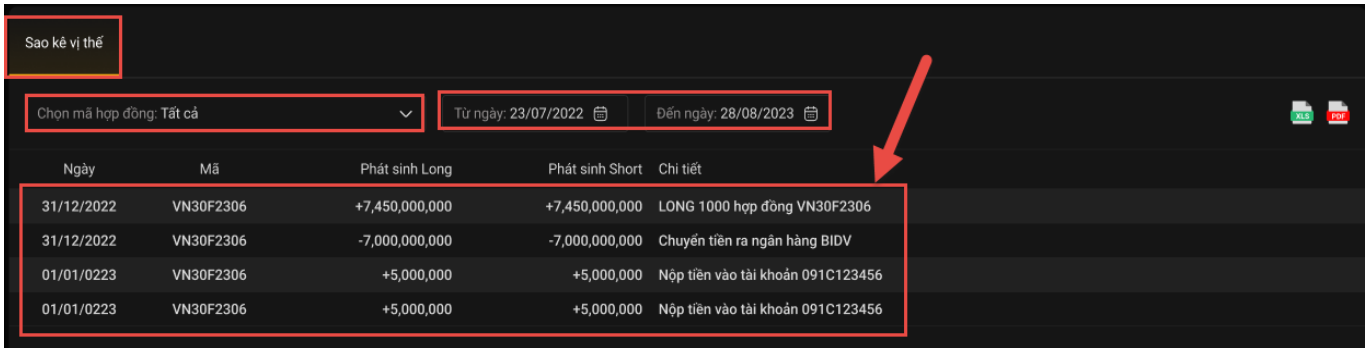

3.4. Bảng kê phí vị thế

- Tại màn hình **Tiện ích,** mục **Tra cứu** chọn **Bảng kê phí vị thế**, màn hình **Bảng kê phí vị thế**

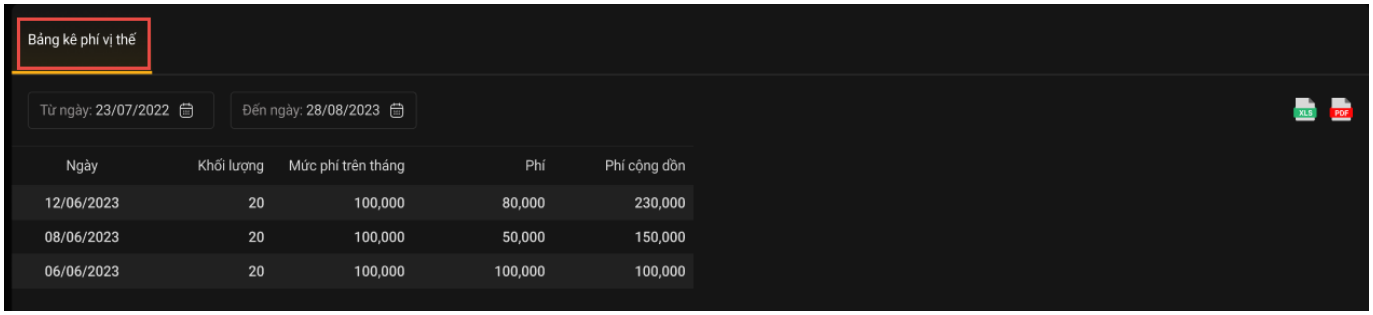

- Tại màn hình **Bảng kê phí vị thế** chọn thời gian
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Bảng kê phí vị thế** hiển thị thông tin bảng kê phí vị thế trên tài khoản giao dịch phái sinh theo tiêu chí tìm kiếm

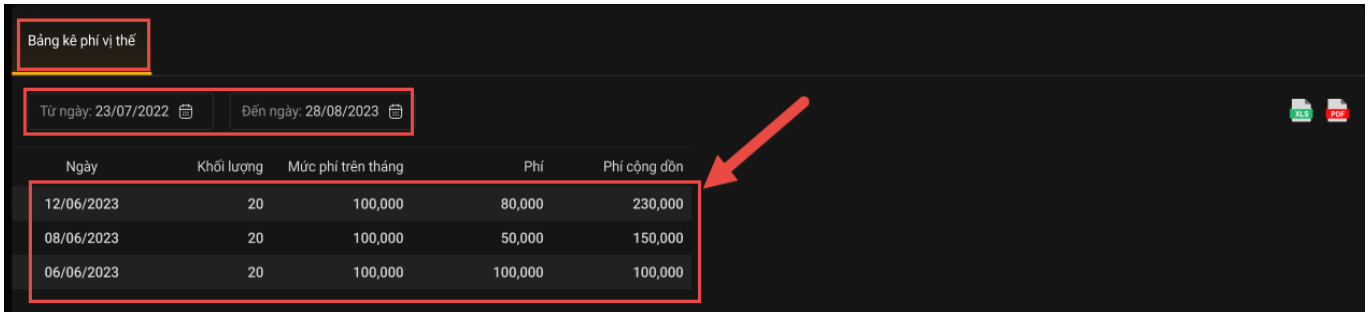

3.5. Bảng kê phí, Thuế GD

- Tại màn hình **Tiện ích,** mục **Tra cứu** chọn **Bảng kê phí, thuế GD**, màn hình **Bảng kê phí, thuế GD**

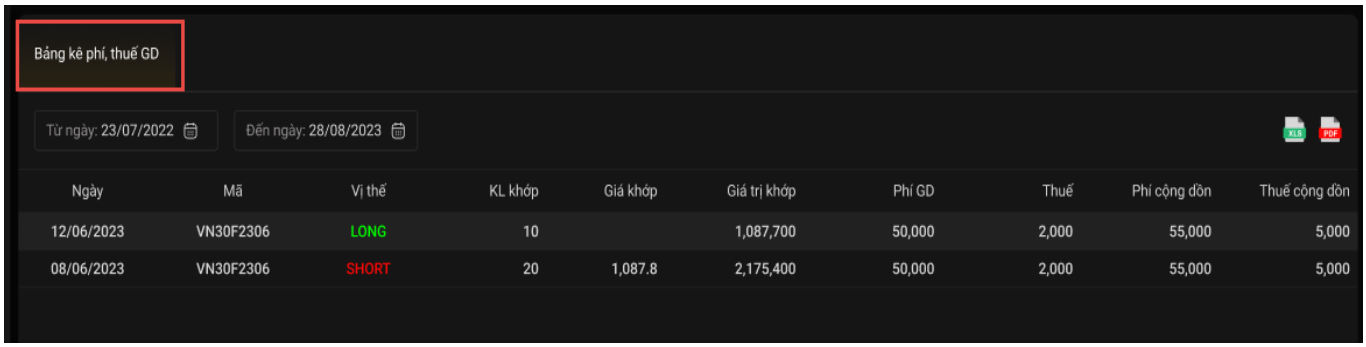

- Tại màn hình **Bảng kê phí, thuế GD** chọn thời gian
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Bảng kê phí, thuế GD** hiển thị thông tin bảng kê phí, thuế GD trên tài khoản giao dịch phái sinh theo tiêu chí tìm kiếm

Quay về mục lục

3.6. Sao kê giải ngân, thu nợ

- Tại màn hình **Tiện ích,** mục **Tra cứu** chọn **Sao kê giải ngân, thu nợ**, màn hình **Sao kê giải ngân, thu nợ**

- Tại màn hình **Sao kê giải ngân, thu nợ** chọn thời gian
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Sao kê giải ngân, thu nợ** hiển thị thông tin sao kê giải ngân, thu nợ trên tài khoản giao dịch phái sinh theo tiêu chí tìm kiếm

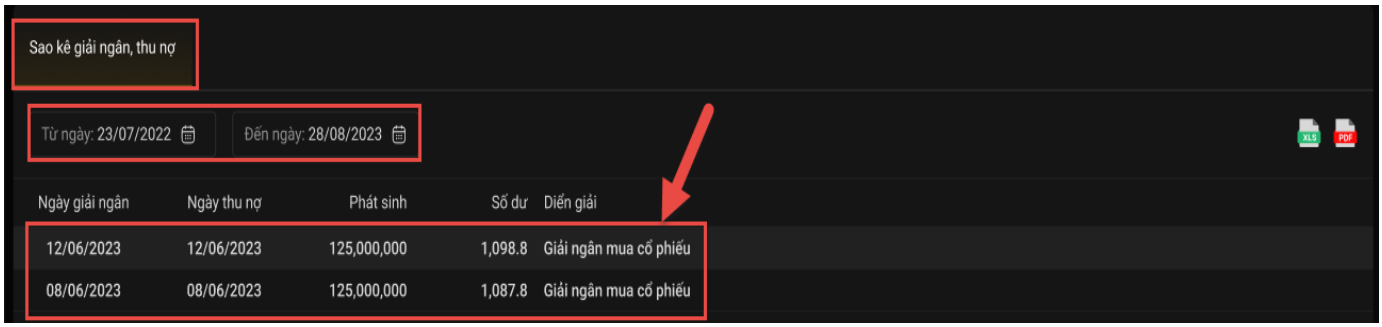

3.7. Lãi lỗ hàng ngày

- Khách hàng có thể tra cứu lãi lỗ hàng ngày bằng cách: tại màn hình **Tra cứu**, chọn tab **Lãi lỗ hàng ngày** chuyển sang màn hình **Lãi lỗ hàng ngày**

Quay về mục lục

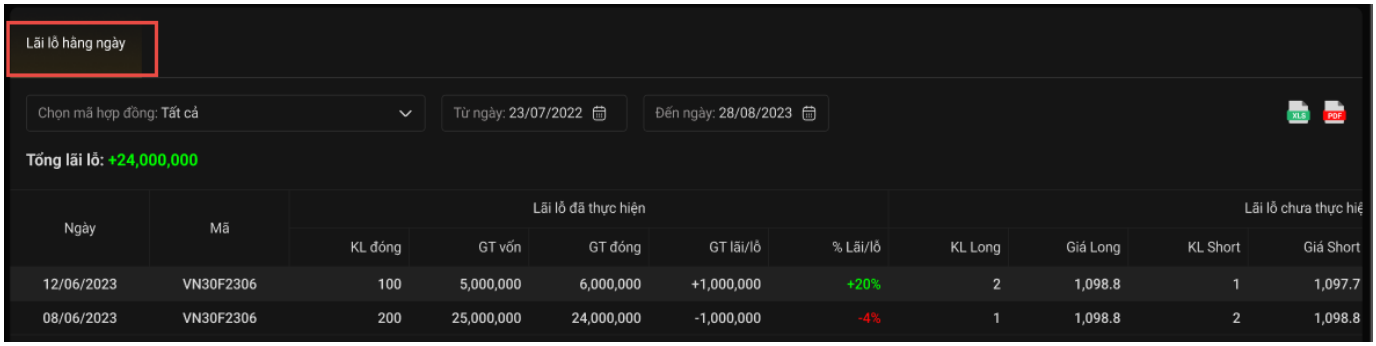

- Tại màn hình **Lãi lỗ hàng ngày** chọn thời gian
- Sau khi chọn thời gian màn hình **Lãi lỗ hàng ngày** hiển thị thông tin lãi lỗ hàng ngày trên tài khoản giao dịch phái sinh theo tiêu chí tìm kiếm

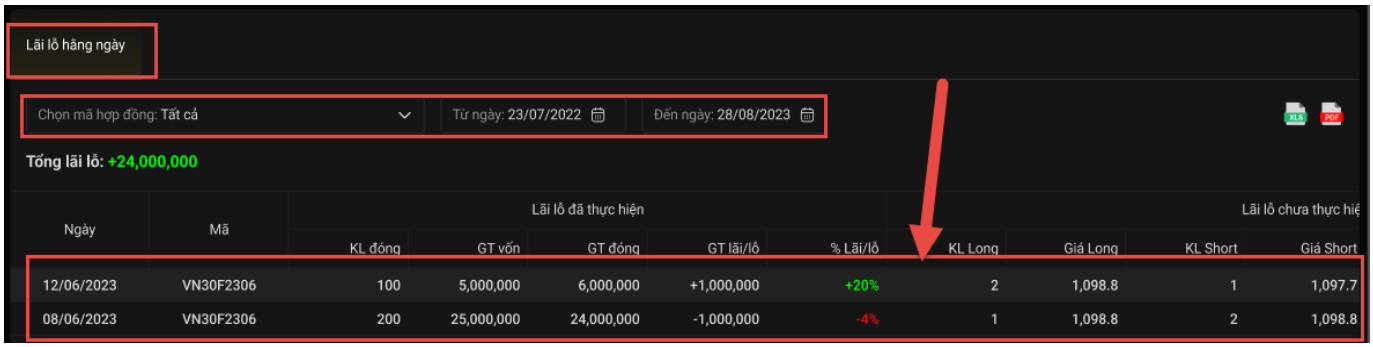

Quay về mục lục